

UBND TỈNH NINH BÌNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ

BIỆN PHÁP RÈN LUYỆN KỸ NĂNG
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ KHOA HỌC
CHO SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON

Chủ nhiệm nhiệm vụ: TS. VŨ THỊ DIỆU THUY
Đơn vị: KHOA SP TIỂU HỌC - MẦM NON

NINH BÌNH, 2025

UBND TỈNH NINH BÌNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ

BIỆN PHÁP RÈN LUYỆN KỸ NĂNG
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ KHOA HỌC
CHO SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON

Chủ nhiệm nhiệm vụ: TS. VŨ THỊ DIỆU THUY

Các thành viên: ThS. LƯU THỊ CHUNG

ThS. PHẠM THỊ THANH VÂN

ThS. LƯƠNG THỊ HÀ

Đơn vị: KHOA SP TIỂU HỌC - MẦM NON

PHÒNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

Xác nhận của Chủ tịch HĐ nghiệm thu

Chủ nhiệm nhiệm vụ

NINH BÌNH, 2025

MỤC LỤC

BẢNG KÝ HIỆU VÀ CHỮ VIẾT TẮT

THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ TÀI

MỞ ĐẦU 1

1. Tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của nhiệm vụ khoa học và công nghệ 1

2. Tính cấp thiết của nhiệm vụ khoa học và công nghệ..... 5

3. Mục tiêu nghiên cứu..... 7

4. Đối tượng nghiên cứu..... 7

5. Phạm vi nghiên cứu..... 7

6. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu 7

NỘI DUNG..... 9

Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ RÈN LUYỆN KỸ NĂNG TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ KHOA HỌC CHO SINH VIÊN NGÀNH

GIÁO DỤC MẦM NON 9

1.1. Tổ chức hoạt động khám phá khoa học 9

1.1.1. Khái niệm tổ chức hoạt động khám phá khoa học..... 9

1.1.2. Mục tiêu của giáo dục kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non 12

1.2. Kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học của sinh viên ngành Giáo dục mầm non 13

1.2.1. Khái niệm kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học của sinh viên ngành Giáo dục Mầm non 13

1.2.2. Cấu trúc kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học của sinh viên ngành Giáo dục mầm non 15

1.2.2.1. Nhóm kỹ năng lập kế hoạch hoạt động cho trẻ mầm non khám phá khoa học phù hợp độ tuổi của trẻ. 15

1.2.2.2. Nhóm kỹ năng tạo môi trường giáo dục cho trẻ khám phá khoa học an toàn, hiệu quả 16

1.2.2.3. Nhóm kỹ năng triển khai hoạt động cho trẻ khám phá khoa học 17

1.2.2.4. Nhóm các kỹ năng phối hợp với trẻ và gia đình..... 22

1.2.2.5. Nhóm kỹ năng đánh giá việc tổ chức hoạt động cho trẻ mầm non khám phá khoa học của sinh viên 23

1.3. Quá trình rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non.....	25
1.3.1. Mục tiêu rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non.....	26
1.3.2. Nội dung rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non.....	26
1.3.2.1. Xác định mục tiêu, nội dung khám phá khoa học phù hợp với độ tuổi trẻ.	26
1.3.2.2. Thiết kế kế hoạch tổ chức hoạt động khám phá khoa học	26
1.3.2.3. Tổ chức, hướng dẫn trẻ thực hiện hoạt động khám phá.....	26
1.3.2.4. Xử lý tình huống sư phạm và điều chỉnh hoạt động	26
1.3.2.5. Quan sát, đánh giá kết quả hoạt động của trẻ	27
1.3.3. Phương pháp rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non.....	27
1.3.3.1. Phương pháp giảng dạy tích cực kết hợp lý thuyết với thực hành	27
1.3.3.2. Phương pháp mô phỏng – đóng vai	27
1.3.3.3. Phương pháp học qua tình huống (dạy học tình huống).....	27
1.3.3.4. Phương pháp dự giờ – rút kinh nghiệm	27
1.3.3.5. Phương pháp thực hành sư phạm tại cơ sở mầm non	28
1.3.4. Hình thức rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non.....	28
1.3.4.1. Rèn luyện trong các học phần lý thuyết và thực hành	28
1.3.4.2. Rèn luyện thông qua thực hành, thực tập sư phạm tại cơ sở giáo dục mầm non.....	28
1.3.4.3. Rèn luyện qua dự giờ – phân tích – rút kinh nghiệm.....	29
1.3.4.4. Rèn luyện thông qua hội thi, cuộc thi chuyên môn	30
1.3.4.5. Rèn luyện trong nghiên cứu khoa học và khóa luận tốt nghiệp.....	30
1.3.5. Phương tiện giáo dục kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non.....	31
1.3.6. Đánh giá kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học của sinh viên ngành Giáo dục mầm non	32
1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non	33
1.4.1. Chương trình đào tạo ngành GDMN	33
1.4.2. Năng lực đội ngũ giảng viên	34
1.4.3. Cơ sở thực hành sư phạm thường xuyên và thực tập sư phạm.....	36

1.4.4. Ý thức và khả năng tự rèn luyện của sinh viên.....	37
Kết luận chương 1	39
Chương 2: THỰC TRẠNG RÈN LUYỆN KỸ NĂNG TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ KHOA HỌC CHO SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON.....	40
2.1. Vài nét về đào tạo sinh viên ngành Giáo dục Mầm non ở Trường Đại học Hoa Lư.....	40
2.1.1. Chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non	40
2.1.2. Học phần Môi trường và tổ chức hoạt động khám phá môi trường xung quanh cho trẻ mầm non	40
2.1.3. Sinh viên ngành Giáo dục mầm non ở Trường Đại học Hoa Lư tham gia khảo sát thực trạng	43
2.2. Tổ chức khảo sát	43
2.2.1. Mục đích khảo sát	43
2.2.2. Nội dung khảo sát.....	43
2.2.3. Phạm vi khảo sát	44
2.2.4. Cách thức khảo sát	44
2.2.5. Tiêu chí đánh giá kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học của sinh viên ngành Giáo dục mầm non.....	45
2.2.5.1. Tiêu chí và thang đánh giá (Phụ lục 1)	45
2.2.5.2. Phiếu đánh giá (Phụ lục 2)	45
2.2.5.3. Bài tập đánh giá kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học của sinh viên ngành Giáo dục Mầm non	45
2.3. Kết quả khảo sát thực trạng.....	45
2.3.1. Sinh viên tự đánh giá về kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học ..	45
2.3.1.1. Nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học.....	45
2.3.1.2. Sinh viên tự đánh giá về kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học cho trẻ mầm non của bản thân.....	46
2.3.1.3. Sinh viên tự đánh giá mức độ thực hiện và mức độ hiệu quả rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH tại Trường Đại học Hoa Lư	49
2.3.1.4. Đánh giá của sinh viên về mức độ thuận lợi trong quá trình rèn luyện kỹ năng tổ chức các hoạt động KPKH tại Trường Đại học Hoa Lư.....	51
2.3.1.5. Đánh giá của sinh viên về phương pháp/biện pháp rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học hiệu quả nhất	54

2.3.1.6. Một số kinh nghiệm của sinh viên trong việc rèn luyện kỹ năng tổ chức các hoạt động KPKH tại Trường Đại học Hoa Lư.....	55
2.3.1.7. Kiến nghị/đề xuất của sinh viên với giảng viên bộ môn và Nhà trường	57
2.3.2. Thực trạng kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học của sinh viên ngành Giáo dục mầm non	58
2.3.2.1. Thực trạng kỹ năng lập kế hoạch hoạt động cho trẻ mầm non khám phá khoa học.....	58
2.3.2.2. Thực trạng kỹ năng tạo môi trường giáo dục cho trẻ khám phá khoa học an toàn, hiệu quả.....	59
2.3.2.3. Thực trạng kỹ năng triển khai hoạt động cho trẻ khám phá khoa học.....	60
2.3.2.4. Thực trạng kỹ năng phối hợp với trẻ và gia đình.....	62
2.3.2.5. Thực trạng kỹ năng đánh giá việc tổ chức hoạt động KPKH	63
2.3.2.6. Thực trạng kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH.....	65
2.3.3. Việc rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học cho sinh viên của giảng viên dạy chuyên ngành Giáo dục Mầm non	67
2.3.3.1. Khái quát về đội ngũ giảng viên thực hiện rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non	67
2.3.3.2. Tiến trình rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non.....	68
2.4. Nguyên nhân của thực trạng	71
Kết luận chương 2	73
Chương 3: THỰC NGHIỆM BIỆN PHÁP RÈN LUYỆN KỸ NĂNG TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ KHOA HỌC CHO SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON	74
3.1. Các nguyên tắc đề xuất biện pháp rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non.....	74
3.1.1. Nguyên tắc đảm bảo tính khoa học và thực tiễn.....	74
3.1.2. Nguyên tắc lấy người học làm trung tâm.....	74
3.1.3. Nguyên tắc đảm bảo tính hệ thống và kế thừa.....	74
3.1.4. Nguyên tắc đảm bảo tính sư phạm và đặc thù ngành	74
3.1.5. Nguyên tắc đảm bảo tính khả thi và phù hợp với điều kiện đào tạo.....	75
3.1.6. Nguyên tắc phát triển bền vững và lâu dài.....	75
3.2. Một số biện pháp rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non	75
3.2.1. Sử dụng video tổ chức hoạt động khám phá khoa học	75

3.2.2. Phối hợp hỗ trợ từ giảng viên và chuyên gia để hình thành ý tưởng tổ chức hoạt động khám phá khoa học cho sinh viên	77
3.2.3. Xác định mạng nội dung khám phá khoa học.....	80
3.2.4. Dự kiến tình huống sự phạm trong kế hoạch khám phá khoa học.....	82
3.2.5. Ứng dụng STEAM khi tổ chức khám phá khoa học	84
3.2.6. Tổ chức hoạt động khám phá khoa học theo dự án	87
3.2.7. Thực hành khám phá khoa học cho trẻ tại trường mầm non	90
3.2.8. Tự đánh giá và đánh giá việc tổ chức hoạt động khám phá khoa học...	94
3.3. Thực nghiệm sự phạm.....	97
3.3.1. Mục đích thực nghiệm	97
3.3.2. Nội dung thực nghiệm.....	97
3.3.3. Phạm vi thực nghiệm	97
3.3.4. Tiêu chí đánh giá kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học của sinh viên ngành Giáo dục mầm non.....	98
3.3.4.1. Tiêu chí và thang đánh giá: Phụ lục 1	98
3.3.4.2. Phiếu đánh giá: Phụ lục 2.....	98
3.3.4.3. Bài tập đánh giá kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học của sinh viên ngành Giáo dục mầm non.....	98
3.3.5. Kết quả thực nghiệm	98
3.3.5.1. Kỹ năng lập kế hoạch hoạt động KPKH sau thực nghiệm	98
3.3.5.2. Kỹ năng tạo môi trường giáo dục sau thực nghiệm.....	99
3.3.5.4. Kỹ năng phối hợp với trẻ và gia đình sau thực nghiệm.....	102
3.3.5.5. Kỹ năng đánh giá việc tổ chức hoạt động KPKH sau thực nghiệm	103
3.3.5.6. So sánh kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học trước và sau thực nghiệm.....	105
Kết luận chương 3	109
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	110
1. Kết luận	110
2. Kiến nghị.....	110
2.1. Kiến nghị với giảng viên.....	110
2.2. Kiến nghị với sinh viên.....	111
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN	112
TÀI LIỆU THAM KHẢO	113
PHỤ LỤC	

DANH MỤC BẢNG

Bảng 2.1. Vai trò của kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học	45
Bảng 2.2. Mức phát triển kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH của sinh viên...	46
Bảng 2.3. Mức thực hiện và hiệu quả rèn kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH	49
Bảng 2.4. Mức thuận lợi, khó khăn rèn kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH...	52
Bảng 2.5. Biện pháp rèn kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH hiệu quả	54
Bảng 2.6: Kiến nghị, đề xuất của sinh viên	57
Bảng 2.7: Thực trạng kỹ năng lập kế hoạch hoạt động KPKH.....	58
Bảng 2.8: Thực trạng kỹ năng tạo môi trường giáo dục	59
Bảng 2.9: Thực trạng kỹ năng triển khai hoạt động KPKH.....	60
Bảng 2.10: Thực trạng kỹ năng phối hợp với trẻ và gia đình	62
Bảng 2.11: Thực trạng kỹ năng đánh giá việc tổ chức hoạt động KPKH.....	63
Bảng 2.12: Thực trạng kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH	65
Bảng 3.1: Kỹ năng lập kế hoạch hoạt động KPKH sau thực nghiệm.....	98
Bảng 3.2: Kỹ năng tạo môi trường giáo dục sau thực nghiệm	99
Bảng 3.3: Kỹ năng triển khai hoạt động KPKH sau thực nghiệm.....	101
Bảng 3.4: Kỹ năng phối hợp với trẻ và gia đình sau thực nghiệm	102
Bảng 3.5: Kỹ năng đánh giá việc tổ chức hoạt động KPKH sau thực nghiệm	104
Bảng 3.6: Kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH trước và sau thực nghiệm.....	105

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1. Cấu trúc kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH.....	24
Sơ đồ 2. Biện pháp rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH.....	97

DANH MỤC BIỂU

Biểu 2.1: Thực trạng kỹ năng lập kế hoạch hoạt động KPKH	58
Biểu 2.2: Thực trạng kỹ năng tạo môi trường giáo dục	59
Biểu 2.3: Thực trạng kỹ năng triển khai hoạt động KPKH	61
Biểu 2.4: Thực trạng kỹ năng phối hợp với trẻ và gia đình	62
Biểu 2.5: Thực trạng kỹ năng đánh giá việc tổ chức hoạt động KPKH	64
Biểu 2.6: Thực trạng kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH.....	65
Biểu 3.1: Kỹ năng lập kế hoạch hoạt động KPKH sau thực nghiệm.....	98
Biểu 3.2: Kỹ năng tạo môi trường giáo dục sau thực nghiệm	100
Biểu 3.3: Kỹ năng triển khai hoạt động KPKH sau thực nghiệm.....	101
Biểu 3.4: Kỹ năng phối hợp với trẻ và gia đình sau thực nghiệm	102
Biểu 3.5: Kỹ năng đánh giá việc tổ chức hoạt động KPKH sau thực nghiệm.....	104
Biểu 3.6: Kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH trước và sau thực nghiệm.....	105

DANH MỤC BIỂU

Biểu 2.1: Thực trạng kỹ năng lập kế hoạch hoạt động KPKH	58
Biểu 2.2: Thực trạng kỹ năng tạo môi trường giáo dục	59
Biểu 2.3: Thực trạng kỹ năng triển khai hoạt động KPKH	61
Biểu 2.4: Thực trạng kỹ năng phối hợp với trẻ và gia đình	62
Biểu 2.5: Thực trạng kỹ năng đánh giá việc tổ chức hoạt động KPKH	64
Biểu 2.6: Thực trạng kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH.....	65
Biểu 3.1: Kỹ năng lập kế hoạch hoạt động KPKH sau thực nghiệm.....	98
Biểu 3.2: Kỹ năng tạo môi trường giáo dục sau thực nghiệm	100
Biểu 3.3: Kỹ năng triển khai hoạt động KPKH sau thực nghiệm.....	101
Biểu 3.4: Kỹ năng phối hợp với trẻ và gia đình sau thực nghiệm	102
Biểu 3.5: Kỹ năng đánh giá việc tổ chức hoạt động KPKH sau thực nghiệm	104
Biểu 3.6: Kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH trước và sau thực nghiệm.....	105

BẢNG KÝ HIỆU VÀ CHỮ VIẾT TẮT

CTĐT	:	Chương trình đào tạo
GV	:	Giáo viên
GVMN	:	Giáo viên mầm non
GDMN	:	Giáo dục mầm non
MTXQ	:	Môi trường xung quanh
KPKH	:	Khám phá khoa học
TN	:	Thực nghiệm
ĐC	:	Đối chứng
TTN	:	Trước thực nghiệm
STN	:	Sau thực nghiệm

THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ TÀI

1. Tên đề tài

Biện pháp rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Nghiên cứu lí luận và thực tiễn việc rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non từ đó đề xuất biện pháp rèn luyện giúp sinh viên được rèn luyện các kỹ năng lựa chọn đề tài, xây dựng môi trường giáo dục, tổ chức và đánh giá hoạt động khám phá khoa học cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non Trường Đại học Hoa Lư.

3. Tính mới và tính sáng tạo của nghiên cứu

Hệ thống hóa lý luận, khảo sát thực trạng và đề xuất biện pháp rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học cho sinh viên ngành GDMN ở Trường ĐH Hoa Lư mà trước đây chưa có công bố nào về vấn đề này.

4. Tóm lược kết quả nghiên cứu

- Hệ thống hóa lý luận về biện pháp rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non.
- Khái quát thực trạng về kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học của sinh viên ngành Giáo dục mầm non.
- Thực nghiệm các biện pháp rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non đã đề xuất và chứng minh tính khả thi, tính hiệu quả của các biện pháp đó.

5. Đóng góp về mặt kinh tế - xã hội, giáo dục và đào tạo, an ninh, quốc phòng và khả năng áp dụng của nghiên cứu

- Hệ thống hóa, chính xác hóa lý luận về biện pháp rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non.
- Góp phần phát triển và thực hiện chương trình giáo dục mầm non.
- Đề tài được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho học phần: Môi trường và tổ chức hoạt động khám phá môi trường xung quanh cho trẻ mầm non; Giáo dục tích hợp trong giáo dục mầm non; Thực hành sư phạm thường xuyên; Thực tập sư phạm; tài liệu dạy học của GVMN.

MỞ ĐẦU

1. Tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của nhiệm vụ khoa học và công nghệ

- Nghiên cứu về rèn luyện kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục

Đối với sinh viên sư phạm mầm non, kỹ năng tổ chức hoạt động giáo dục (planning, thiết kế, quản lý môi trường, thực hiện, điều chỉnh theo trẻ) là năng lực cơ bản và không thể thiếu. Đây là một phần trong chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non. Việc rèn luyện kỹ năng này giúp sinh viên không chỉ nắm vững lý thuyết mà còn hình thành khả năng vận dụng trong thực tiễn, chuẩn bị cho giai đoạn thực tập hoặc công tác sau tốt nghiệp. Ngoài ra, các hoạt động giáo dục nếu được tổ chức tốt sẽ gắn liền với học đi đôi với hành, thúc đẩy sự phát triển toàn diện của trẻ – điều mà nhiều chương trình đào tạo mầm non hướng tới.

Một nghiên cứu gần đây tại Trường Đại học Tây Nguyên khảo sát việc rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động giáo dục cho sinh viên GDMN cho thấy: sinh viên nhận thức tốt về tầm quan trọng của kỹ năng này, và phần nào đã có kỹ năng cơ bản trong tổ chức hoạt động giáo dục [17].

Tác giả Chu Thanh Sơn trong luận án của mình đã xác định việc hướng dẫn sinh viên các kỹ năng tổ chức hoạt động tạo hình bao gồm: kỹ năng lập kế hoạch; kỹ năng tổ chức hoạt động tạo hình ở trường CĐSP; kỹ năng tổ chức hoạt động tạo hình trong thực hành, thực tập; đánh giá, điều chỉnh, phát triển kết quả rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động tạo hình cho sinh viên; và khuyến khích nhu cầu, động cơ, hứng thú cho sinh viên trong rèn kỹ năng tổ chức hoạt động tạo hình [24]. Nghiên cứu này làm rõ hai kỹ năng cứng mà sinh viên cần rèn luyện là lập kế hoạch và tổ chức hoạt động tạo hình mà chưa đề cập đến kỹ năng đánh giá kế hoạch tổ chức hoạt động tạo hình cho sinh viên; cũng chưa đề cập đến rèn luyện các kỹ năng mềm khi lập kế hoạch và tổ chức hoạt động tạo hình. Nghiên cứu này cũng chỉ ra rằng kỹ năng tổ chức hoạt động tạo hình (vẽ, mỹ thuật) của sinh viên chưa cao: khi thực tập, nhiều SV tổ chức máy móc, thiếu sáng tạo, chưa linh hoạt trong thiết kế và triển khai hoạt động.

Ngoài ra, đào tạo sư phạm mầm non gắn liền việc rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp thông qua thực hành thực tế: Trường Đại học Hải Dương đã triển

khai chương trình đào tạo kết hợp kiến thức – kỹ năng để sinh viên “vừa vững chuyên môn vừa giỏi kỹ năng” [14].

Một nghiên cứu định tính ở Thổ Nhĩ Kỳ chỉ ra rằng các sinh viên sư phạm mầm non trước khi ra nghề có nhiều lo ngại liên quan việc dạy, mối quan hệ với phụ huynh, môi trường lớp, cũng như tự định hướng nghề nghiệp [56]. Những lo ngại này có thể ảnh hưởng tới việc họ tự tin tổ chức các hoạt động giáo dục chất lượng.

Sofia Papavlasopoulou cho rằng việc đào tạo công nghệ cho giáo viên mầm non tương lai giúp tăng kỹ năng ứng dụng công nghệ trong dạy – điều cũng gián tiếp hỗ trợ khả năng tổ chức hoạt động (ví dụ: các hoạt động tích hợp công nghệ) [59].

Mô hình phát triển chuyên môn giáo viên cũng được đề xuất: nghiên cứu tại Việt Nam (Phạm Thị Thanh Hai, v.v.) nhấn mạnh cần kết hợp đào tạo sinh viên với phát triển chuyên môn liên tục cho giáo viên mầm non để cải thiện kỹ năng tổ chức, đổi mới sư phạm [49].

Một nghiên cứu tại Hà Lan theo dõi quá trình thực tập của sinh viên MN, họ đánh giá kỹ năng tương tác, từ đó thấy rằng thực tập đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao khả năng tương tác và tổ chức lớp [58].

Một số nghiên cứu của các nhà giáo dục ở Nga như Колобова Е.А [50], Клушина Надежда Павловна [51] tập trung vào việc rèn kỹ năng tổ chức hoạt động giáo dục theo dự án cho sinh viên sư phạm ở trường đại học trong đó tập trung vào việc ứng dụng phương pháp hiện đại nhằm nâng cao năng lực nghề nghiệp cho sinh viên.

Mặc dù đã có nghiên cứu của quốc tế và Việt Nam về thực trạng rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động giáo dục cho sinh viên nhưng số lượng nghiên cứu vẫn còn hạn chế, đặc biệt là nghiên cứu định lượng quy mô lớn để xác định mức độ kỹ năng tổ chức của SV mầm non sau đào tạo. Thiếu các mô hình chuẩn hóa để đánh giá kỹ năng tổ chức hoạt động giáo dục: cần phát triển thang đo, khung năng lực chuyên biệt cho SV GDMN. Việc kết hợp công nghệ trong tổ chức hoạt động giáo dục mầm non cho SV cũng mới được nghiên cứu ít; cần nhiều nghiên cứu hơn về thiết kế huấn luyện, hiệu quả ứng dụng. Khoảng cách giữa lý thuyết (trường sư phạm) và thực tế (mầm non) vẫn còn: cần tối ưu hóa thực tập, tư vấn, hỗ trợ giữa giảng viên - sinh viên - giáo viên mầm non để đảm bảo SV có khả năng tổ chức hoạt động khi ra trường.

- Nghiên cứu về rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học cho sinh ngành Giáo dục Mầm non

Liên quan đến rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH cho sinh ngành Giáo dục Mầm non, một số nhà giáo dục quan tâm các kỹ năng tổ chức thí nghiệm khoa học cho sinh viên như sau:

Từ góc độ giáo dục học, Lev Vygotsky với lý thuyết kiến tạo cho rằng trẻ em xây dựng tri thức thông qua sự tương tác với môi trường và người khác, hoạt động khám phá khoa học là cơ hội để trẻ trải nghiệm, phản hồi và xây dựng hiểu biết cá nhân [64].

Cơ sở phương pháp luận GDMN có một số quan điểm về tổ chức hoạt động KPKH: Tác giả Lê Thị Hoà đề xuất một số biện pháp rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động thí nghiệm trong dạy học học phần “Phương pháp dạy trẻ khám phá môi trường xung quanh” cho sinh viên cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non gồm như: lựa chọn nội dung giáo dục phù hợp; lựa chọn, chuẩn bị dụng cụ thí nghiệm, xây dựng hệ thống câu hỏi gợi ý, rèn luyện kỹ thuật làm thí nghiệm... [7]. Nghiên cứu trên làm rõ biện pháp rèn kỹ năng lập kế hoạch cho trẻ làm thí nghiệm của sinh viên nhưng chưa thể hiện các kỹ năng tổ chức, đánh giá việc thực hiện kế hoạch đó. Tác giả Lê Thị Thương Thương tập trung vào rèn luyện kỹ năng tổ chức thí nghiệm khoa học cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non giúp trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi khám phá và hiểu biết về thế giới xung quanh vì cho rằng sinh viên cần được trang bị kỹ năng tổ chức thí nghiệm khoa học đơn giản, qua đó hình thành tư duy khoa học cho trẻ mầm non. Tác giả cũng chỉ ra khó khăn trong quá trình đào tạo GVMN ở Trường ĐHSP Hà Nội như thiếu cơ sở vật chất làm hạn chế khả năng trải nghiệm thực tế của sinh viên, chương trình đào tạo còn thiếu phần thực hành cụ thể ... dẫn đến việc sinh viên chưa tự tin khi thực hiện tổ chức cho trẻ làm thí nghiệm; sinh viên thiếu sự hướng dẫn sát sao và phương pháp sư phạm phù hợp để triển khai thí nghiệm khoa học cho trẻ em [27], [28]. Tuy vậy, nghiên cứu trên mới chỉ tập trung vào rèn luyện kỹ năng tổ chức cho trẻ làm thí nghiệm để KPKH mà chưa đề cập đến các dạng hoạt động KPKH khác.

Nhóm giảng viên Trường ĐH Hoa Lư định hướng cho sinh viên kỹ năng thiết kế, tổ chức thí nghiệm khoa học đơn giản cho trẻ KPKH về các yếu tố thiên nhiên vô sinh, thực vật... [26]. Tuy vậy, nghiên cứu này chưa thể hiện

thông tin rèn luyện các kỹ năng khác như kỹ năng đánh giá và tự đánh giá, các kỹ năng mềm khi sinh viên tổ chức hoạt động KPKH cho trẻ.

Các nghiên cứu trên đã đề cập đến biện pháp rèn kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức cho trẻ làm thí nghiệm của sinh viên nhưng chưa thể hiện các kỹ năng tổ chức, đánh giá cũng như các kỹ năng mềm khi sinh viên thực hiện kế hoạch giáo dục đó.

Tác giả Đỗ Chiêu Hạnh phân loại các kỹ năng sư phạm cho SV trong đó có các kỹ năng nền tảng như kỹ năng định hướng, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng nhận thức; kỹ năng chuyên biệt như kỹ năng lập kế hoạch hoạt động cho trẻ làm quen với MTXQ, kỹ năng tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với MTXQ, kỹ năng đánh giá hoạt động cho trẻ làm quen với MTXQ [5]. Công bố này hệ thống hoá các kỹ năng cơ bản mà sinh viên cần rèn luyện để tổ chức hoạt động KPKH song tác giả tập trung hướng tới vai trò, ý nghĩa của kỹ năng đó mà chưa thể hiện cách thực hiện mỗi kỹ năng này để định hướng cho sinh viên thực hiện rèn luyện.

Tác giả Lý Thị Hương nghiên cứu về kỹ năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho trẻ khám phá môi trường xung quanh cho sinh viên cao đẳng sư phạm chuyên ngành Giáo dục Mầm non [12].

Nhóm tác giả Nguyễn Thị Kim Tuyền, Lê Thị Kim Anh công bố nghiên cứu về việc trang bị kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH cho sinh viên, từ việc khơi gợi hứng thú, xử lý tình huống sư phạm đến sử dụng phương pháp sáng tạo [35]. Lutts và cộng sự quan tâm đến chiến lược đào tạo giáo viên qua việc rèn luyện cho sinh viên cách tổ chức khám phá, tiếp xúc sớm với thiên nhiên để thúc đẩy sự nhạy cảm về sinh thái cho trẻ [53].

Ahmet Simsar quan tâm rèn luyện kiến thức và kỹ năng vận dụng khoa học khi tổ chức hoạt động KPKH cho trẻ của sinh viên [39]. İnanc Eti dùng mô hình nghiên cứu hành động để sinh viên thiết kế — thử nghiệm - phản hồi - hoàn thiện hoạt động KPKH [47]. Anders H. [42] và Teresa Z. [60] quan tâm việc trang bị kiến thức nền tảng về khoa học và các kỹ năng sư phạm (đặt câu hỏi, tổ chức vật liệu, đánh giá quá trình khám phá) cho sinh viên. Kế thừa các nghiên cứu trong và ngoài nước, các giả Hoàng Thị Oanh, Nguyễn Thị Xuân [20], Hoàng Thị Phương hệ thống hoá việc tổ chức cho trẻ KPKH với các kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức, đánh giá hoạt động KPKH. Tác giả

Nguyễn Thị Diễm My và cộng sự lại quan tâm các yếu tố ảnh hưởng đến thiết kế và tổ chức hoạt động KPKH cho trẻ mầm non [18]...

Tóm lại, các nghiên cứu trên đã đề cập đến việc rèn luyện cho sinh viên hoặc giáo viên mầm non một số kỹ năng sư phạm như lập kế hoạch, tổ chức hoạt động KPKH cho trẻ mầm non, trong đó có những nghiên cứu quan tâm đến việc sử dụng các phương pháp giáo dục hiện đại như phương pháp giàn giáo, dạy học theo dự án... Tuy nhiên, chưa có nghiên cứu nào đề cập đến rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng tư liệu hoá hoạt động giáo dục, các kỹ năng mềm trong giao tiếp với trẻ, với phụ huynh, phối hợp hoạt động nhóm... khi tổ chức hoạt động KPKH. Có thể nói đây là khoảng trống trong nghiên cứu về rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH cho sinh viên ngành GDMN. Do vậy, đề tài kế thừa các tài liệu trên để hệ thống hoá nhằm rèn luyện đồng bộ cả kỹ năng cứng (lập kế hoạch, tổ chức, đánh giá hoạt động KPKH) và các kỹ năng mềm khi đào tạo sinh viên ngành GDMN.

2. Tính cấp thiết của nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Đào tạo nguồn nhân lực theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học, giúp người học vận dụng kiến thức vào giải quyết các vấn đề thực tiễn là một trong những xu hướng chủ đạo của giáo dục đại học, trong đó có việc rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH cho sinh viên ngành GDMN. Các biện pháp rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động giáo dục có ý nghĩa quan trọng với sinh viên sư phạm nói chung và sinh viên ngành GDMN nói riêng, giúp nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên mầm non, là nền tảng để sinh viên ngành GDMN thực hiện tốt vai trò giáo dục trẻ, giúp sinh viên tăng tính chủ động, sáng tạo và hiệu quả trong dạy học. Đồng thời, nó có vai trò gắn lý thuyết với thực tiễn để sinh viên áp dụng kiến thức lý thuyết vào thực hành nghề nghiệp, phát triển các năng lực như lập kế hoạch, quản lý lớp học và tổ chức hoạt động. Ngoài ra, nó giúp sinh viên có kỹ năng tác động tích cực đến sự phát triển toàn diện của trẻ, không chỉ giúp trẻ phát triển tư duy mà còn khơi dậy sự tò mò và hứng thú học tập. Do đó, sinh viên có kỹ năng tổ chức tốt hoạt động KPKH sẽ góp phần nâng cao chất lượng GDMN.

Kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học của sinh viên ngành GDMN gồm những kỹ năng lập kế hoạch, điều phối và thực hiện các hoạt động nhằm giúp trẻ tiếp cận kiến thức khoa học qua trải nghiệm thực tế. Đây là một phần trong hệ thống kỹ năng sư phạm, đòi hỏi sự kết hợp giữa hiểu biết

khoa học, giao tiếp và năng lực sáng tạo. Trang bị kỹ năng này giúp sinh viên tự tin khi tiếp cận thực tiễn giáo dục trẻ ở trường mầm non, đồng thời nâng cao khả năng sáng tạo và linh hoạt để tạo cơ hội cho trẻ phát triển tư duy logic, kỹ năng giải quyết vấn đề và thái độ tích cực đối với học tập. Để thực hiện các kỹ năng này, sinh viên cần hiểu rõ đặc điểm tâm sinh lý của trẻ mỗi lứa tuổi, sử dụng linh hoạt các phương pháp giáo dục phù hợp; biết quản lý hiệu quả thời gian và các nguồn lực.

Khi rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học cho sinh viên, giảng viên có một số thuận lợi như có sự hỗ trợ từ chương trình đào tạo, sinh viên yêu trẻ và có khả năng sáng tạo trong các hoạt động; nguồn tài liệu về tổ chức cho trẻ KPKH phong phú, được chia sẻ rộng rãi, giúp sinh viên học tập và thực hành dễ dàng hơn. Tuy vậy, việc rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH cho sinh viên cũng có những khó khăn do sinh viên còn lúng túng khi áp dụng lý thuyết vào thực tế, đặc biệt khi tổ chức các hoạt động khám phá phức tạp; cơ sở vật chất phục vụ hoạt động giáo dục trẻ ở Trường ĐH Hoa Lư có hạn chế nhất định ảnh hưởng đến việc hỗ trợ, cho sinh viên rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động này; bên cạnh đó một số sinh viên còn rụt rè, thiếu tự tin hoặc gặp khó khăn trong việc tạo ra các ý tưởng sáng tạo phù hợp với trẻ.

Mặc dù nguồn tài liệu về giáo dục mầm non, tài liệu và giáo trình về đào tạo giáo viên mầm non khá phong phú, nhưng các nghiên cứu về biện pháp rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học cho sinh viên ngành GDMN còn hạn chế, đặc biệt ở Trường ĐH Hoa Lư chưa có công bố nào nghiên cứu về vấn đề này. Nghiên cứu này không chỉ mang lại giá trị cho ngành đào tạo giáo viên mà còn có thể áp dụng vào thực tiễn giáo dục, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục mầm non ở Ninh Bình và các địa phương khác có sinh viên học tập ngành GDMN tại Trường Đại học Hoa Lư.

Nghiên cứu về "Biện pháp rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học cho sinh viên ngành GDMN" mang tính cấp thiết, vừa đáp ứng nhu cầu thực tiễn đào tạo giáo viên, vừa góp phần cải thiện chất lượng giáo dục mầm non. Đây là một chủ đề mới mẻ, cần sự đầu tư nghiên cứu sâu hơn để hỗ trợ hiệu quả hơn cho cả sinh viên và trẻ em trong môi trường giáo dục hiện đại.

Vì những lí do trên, chúng tôi lựa chọn nghiên cứu đề tài ***“Biện pháp rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non”***.

3. Mục tiêu nghiên cứu

Nghiên cứu lí luận và thực tiễn việc rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH cho sinh viên ngành GDMN từ đó đề xuất biện pháp rèn luyện các kỹ năng lựa chọn đề tài, xây dựng môi trường giáo dục, tổ chức và đánh giá hoạt động KPKH cho sinh viên ngành GDMN Trường Đại học Hoa Lư.

4. Đối tượng nghiên cứu

Biện pháp rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non.

5. Phạm vi nghiên cứu

Đề tài chỉ nghiên cứu trong phạm vi sau

- Học phần Môi trường và tổ chức hoạt động khám phá môi trường xung quanh cho trẻ mầm non

- Sinh viên các lớp D14MN1,2 (năm 4), D15MN1,2 (năm 3), LT16MN VLVH (năm 3), trong đó:

Số sinh viên khảo sát qua phiếu trưng cầu ý kiến: 131

Số sinh viên khảo sát kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH: 18 sinh viên D14MN1, 22 sinh viên LT6MN.

- Thời gian nghiên cứu: Từ tháng 11/2024 đến tháng 10/2025

6. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

6.1. Cách tiếp cận

Tiếp cận từ lý thuyết → thực trạng → biện pháp.

6.2. Phương pháp nghiên cứu

6.2.1. Nhóm các phương pháp nghiên cứu lý luận

- Phương pháp phân tích – tổng hợp lý thuyết

Sưu tầm, phân tích, tổng hợp các tài liệu liên quan đến biện pháp rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH cho sinh viên ngành GDMN trên thế giới và ở Việt Nam, từ đó xác định tổng quan nghiên cứu, cơ sở lí luận và định hướng việc đề xuất biện pháp rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH cho sinh viên ngành GDMN.

- Phương pháp so sánh

Thu thập các nghiên cứu về tổ chức hoạt động KPKH cho trẻ mầm non,

biện pháp rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH cho sinh viên ngành GDMN để đối chiếu, so sánh các quan điểm rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH cho sinh viên ngành GDMN; so sánh biểu hiện kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH của sinh viên ngành GDMN để có biện pháp rèn luyện phù hợp.

- Phương pháp hệ thống hóa, khái quát hoá lí thuyết

Các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài được hệ thống hóa, khái quát hóa thành những quan điểm chung, những vấn đề được xem là bản chất, cốt lõi nhằm xác định cơ sở để xây dựng khung lý thuyết, khảo sát thực trạng, đề xuất và thực nghiệm biện pháp rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH cho sinh viên ngành GDMN.

6.2.2. Nhóm các phương pháp nghiên cứu thực tiễn

- Phương pháp nghiên cứu sản phẩm:

Nghiên cứu các kế hoạch tổ chức hoạt động khám phá khoa học của sinh viên ngành Giáo dục mầm non; nghiên cứu Đề cương chi tiết và Kế hoạch bài giảng học phần Môi trường và tổ chức hoạt động khám phá môi trường xung quanh cho trẻ mầm non.

- Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi

Xây dựng phiếu khảo sát (qua Google forms) nhằm tìm hiểu kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH cho sinh viên ngành GDMN.

- Phương pháp quan sát

Tiến hành quan sát việc tổ chức hoạt động KPKH của sinh viên ngành GDMN, ghi chép để đánh giá về kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng xây dựng môi trường giáo dục, kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH, kỹ năng đánh giá, kỹ năng giao tiếp sư phạm, kỹ năng hoạt động nhóm,... của sinh viên.

- Phương pháp phỏng vấn sâu: Phỏng vấn giảng viên dạy ngành GDMN để làm rõ biện pháp rèn kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH cho sinh viên.

- Phương pháp thực nghiệm sư phạm

Thực nghiệm tác động các biện pháp rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH cho 22 sinh viên lớp LT6MN, thực nghiệm thăm dò trên 18 sinh viên D14MN1 để đánh giá tính hiệu quả, tính khả thi của các biện pháp đã xây dựng.

6.2.3. Nhóm phương pháp bổ trợ

Xử lí số liệu theo phương pháp thống kê.

NỘI DUNG
Chương 1
CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ RÈN LUYỆN
KỸ NĂNG TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ KHOA HỌC
CHO SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON

1.1. Tổ chức hoạt động khám phá khoa học

1.1.1. Khái niệm tổ chức hoạt động khám phá khoa học

** Khái niệm “tổ chức”:*

Theo từ điển Tiếng Việt [16], thuật ngữ “tổ chức” có hai nghĩa chính:

- Tổ chức được dùng như một danh từ, nó chỉ tập hợp một nhóm người theo chức năng nhất định để hoạt động vì lợi ích chung nào đó.
- Tổ chức được dùng như một động từ, nó có nghĩa là tiến hành một công việc theo cách thức, trình tự nào đó.

Theo Hoàng Phê [22, tr.1288], tổ chức là “sự sắp xếp, bố trí cho thành một chỉnh thể, có một cấu tạo, một cấu trúc và những chức năng chung nhất định hoặc làm những gì cần thiết để tiến hành một hoạt động nào đó nhằm đạt hiệu quả tốt nhất”.

Theo Nguyễn Cảnh Toàn, khái niệm “tổ chức” trong giáo dục được hiểu là “việc quy hoạch, bố trí và điều phối các hoạt động dạy và học theo những cách thức nhất định để đạt được mục tiêu giáo dục đã đề ra” [29]. Tương tự, tác giả Nguyễn Ánh Tuyết cho rằng trong giáo dục mầm non, tổ chức hoạt động là “quá trình giáo viên xây dựng kế hoạch, chuẩn bị điều kiện, lựa chọn nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức phù hợp để hướng dẫn trẻ tham gia vào các hoạt động giáo dục nhằm phát triển toàn diện cho trẻ” [33]. Như vậy, trong lĩnh vực giáo dục, *tổ chức là quá trình sắp xếp, phối hợp các yếu tố như mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức và phương tiện dạy học một cách khoa học, hợp lý để thực hiện các hoạt động giáo dục.*

** Khái niệm “hoạt động”:*

Khái niệm "hoạt động" được nghiên cứu dưới nhiều góc độ:

Theo *Từ điển Tiếng Việt*, hoạt động là “Sự vận động có mục đích của con người nhằm biến đổi hiện thực khách quan, đồng thời biến đổi chính bản thân mình” [21].

Trong tâm lý học, đặc biệt là tâm lý học hoạt động do L.S. Vygotsky và A.N. Leontiev khởi xướng, hoạt động được xem là hình thức tồn tại và phát triển cơ bản của con người trong mối quan hệ với thế giới. A.N. Leontiev cho rằng “Hoạt động là một hệ thống hành động có mục đích, được thúc đẩy bởi một động cơ, nhằm tác động vào đối tượng để đạt được kết quả nhất định” [52]. Theo cách tiếp cận này, hoạt động có cấu trúc ba thành tố cơ bản: (1) Động cơ (motivation) – cái thúc đẩy hoạt động, (2) Mục đích – kết quả cần đạt, (3) Hành động và thao tác – phương tiện để đạt mục đích.

Trong giáo dục học, hoạt động được hiểu là quá trình mà trong đó người học chủ động tham gia với sự hướng dẫn của giáo viên nhằm chiếm lĩnh tri thức, kỹ năng, hình thành thái độ và phát triển nhân cách. Trần Bá Hoành cho rằng “Hoạt động là hình thức tồn tại của con người trong thế giới khách quan, là phương thức con người cải biến thế giới và đồng thời tự cải biến chính mình” [10].

Từ góc nhìn tâm lý học và giáo dục học, hoạt động có thể được hiểu là quá trình con người có mục đích, có động cơ, sử dụng các phương tiện hành động nhằm tác động vào thế giới xung quanh để đạt kết quả nhất định, đồng thời qua đó phát triển nhận thức, kỹ năng và hình thành nhân cách.

Đối với giáo dục mầm non, Nguyễn Ánh Tuyết cho rằng hoạt động của trẻ em có đặc trưng là mang tính chơi - học, trong đó chơi là phương thức chủ đạo để trẻ khám phá, tiếp nhận và tương tác với thế giới [33].

Vậy, hoạt động là quá trình trẻ tham gia vào các tình huống học tập, vui chơi, trải nghiệm, tương tác nhằm đạt được các mục tiêu phát triển về nhận thức, thể chất, ngôn ngữ, thẩm mỹ và cảm xúc – xã hội.

** Khái niệm "khám phá khoa học"*

“Khám phá khoa học” trong giáo dục mầm non là quá trình trẻ tìm hiểu, quan sát, thử nghiệm, đặt câu hỏi và lý giải về các hiện tượng tự nhiên và xã hội xung quanh trẻ. Theo chương trình giáo dục mầm non, khám phá khoa học thuộc lĩnh vực phát triển nhận thức và nhằm hình thành cho trẻ những hiểu biết ban đầu về thế giới xung quanh, phát triển tư duy, trí tò mò, ham hiểu biết và khả năng giải quyết vấn đề ” [4].

** Khái niệm "tổ chức hoạt động khám phá khoa học"*

KPKH của trẻ mầm non là hoạt động “xem xét, tìm hiểu các sự vật, hiện tượng xung quanh, nhận biết các mối quan hệ đơn giản giữa các sự vật, hiện

tượng bằng các kỹ năng quan sát, ghi nhớ, phân loại, giải quyết vấn đề đơn giản nhằm thỏa mãn tò mò, ham hiểu biết, hứng thú của trẻ về thế giới xung quanh, từ đó trẻ lĩnh hội những kiến thức, kỹ năng khoa học mới và thái độ khoa học” [11].

Hoạt động KPKH là một trong những hoạt động giáo dục cơ bản trong chương trình GDMN, nhằm giúp trẻ tìm hiểu môi trường xung quanh qua các giác quan, qua quan sát và thử nghiệm, từ đó phát triển các năng lực nhận thức, ngôn ngữ và cảm xúc xã hội [11].

Trong lý thuyết kiến tạo xã hội, Vygotski cho rằng giáo dục là hướng dẫn sự phát triển của trẻ, phát triển nhận thức là kết quả của quá trình tương tác. Nhà giáo dục - MKO (More Knowledge Other – Người hiểu biết hơn) dùng kinh nghiệm của mình để hướng dẫn, trao đổi, khuyến khích trẻ đạt được những gì trẻ có khả năng làm ở “Vùng phát triển gần nhất” [41]. Từ nguyên lý trên và lý thuyết “giàn giáo” của Jerome Bruner, Vygotski phát triển thành phương pháp “giàn giáo” (scaffolding) trong đó chỉ ra vai trò hỗ trợ, giúp đỡ của GV để trẻ hoàn thành nhiệm vụ trong hoạt động KPKH do GV tổ chức. Các hoạt động giáo dục trẻ ở trường mầm non được tổ chức theo hướng đổi mới tích hợp nhằm hướng đến hình thành năng lực chung và phẩm chất chung cho trẻ [64].

Theo Nguyễn Thị Hòa, tổ chức hoạt động giáo dục là quá trình tổ chức lồng ghép, đan cài các hoạt động theo chủ đề ở trường MN một cách có mục đích, có kế hoạch, bằng nhiều hình thức đa dạng [9]. Nguyễn Ánh Tuyết cho rằng hoạt động KPKH là một trong những hoạt động giáo dục cơ bản trong chương trình giáo dục mầm non, nhằm giúp trẻ tìm hiểu môi trường xung quanh qua các giác quan, qua quan sát và thử nghiệm, từ đó phát triển các năng lực nhận thức, ngôn ngữ và tình cảm – xã hội [33].

Tổ chức hoạt động KPKH là quá trình người giáo viên thiết kế, xây dựng kế hoạch, lựa chọn nội dung, phương pháp và hình thức phù hợp để hướng dẫn, hỗ trợ trẻ tham gia các hoạt động tìm hiểu, quan sát, trải nghiệm và thực hành nhằm phát triển kiến thức khoa học, tư duy logic, kỹ năng giải quyết vấn đề và thái độ yêu thích khám phá thế giới xung quanh. Hoạt động KPKH giúp trẻ phát triển tư duy khoa học; phát triển các kỹ năng quan sát, so sánh phân loại, đo lường, phán đoán, đặt câu hỏi, thử nghiệm giải quyết vấn đề, chuyển tải ý kiến của mình và rút ra kết luận – từ đó hình thành nền tảng ban đầu của tư duy logic và tư duy phản biện [20]. Theo Chương trình giáo

dục mầm non năm 2021, tổ chức hoạt động KPKH cần đảm bảo tính chủ động của trẻ, tạo môi trường khuyến khích trẻ quan sát, trải nghiệm và thảo luận. Giáo viên đóng vai trò là người hướng dẫn, gợi mở và tạo điều kiện để trẻ hình thành kiến thức qua trải nghiệm thực tế [4].

Từ các quan điểm trên, đề tài hình thành khái niệm sau: *Tổ chức hoạt động KPKH cho trẻ mầm non là quá trình giáo viên xây dựng kế hoạch, lựa chọn nội dung, phương pháp, hình thức và phương tiện phù hợp để hướng dẫn trẻ tham gia vào các trải nghiệm thực tiễn nhằm đạt mục tiêu giáo dục.*

1.1.2. Mục tiêu của giáo dục kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non

Việc tổ chức hoạt động KPKH trong chương trình đào tạo ngành GDMN không chỉ nhằm trang bị kiến thức cho sinh viên sư phạm mầm non, mà còn hướng tới phát triển năng lực tổ chức, hướng dẫn và phát huy tư duy khoa học cho trẻ trong thực tiễn giảng dạy. Mục tiêu cụ thể gồm:

- Trang bị cho sinh viên kiến thức khoa học và phương pháp giáo dục khoa học phù hợp với trẻ mầm non

Sinh viên ngành Giáo dục mầm non cần được cung cấp kiến thức về các hiện tượng tự nhiên, xã hội gần gũi với trẻ và hiểu được đặc điểm tư duy, khả năng tiếp nhận kiến thức của trẻ để có thể thiết kế hoạt động phù hợp vì giáo viên mầm non cần hiểu rõ đặc điểm nhận thức của trẻ để lựa chọn nội dung khoa học phù hợp và phương pháp tiếp cận hiệu quả [33].

- Phát triển năng lực sư phạm cho sinh viên trong việc tổ chức các hoạt động khám phá khoa học

Chương trình đào tạo nhằm hình thành cho sinh viên năng lực thiết kế, tổ chức và điều chỉnh hoạt động khám phá khoa học một cách linh hoạt, sáng tạo và phù hợp với từng nhóm trẻ vì "Đào tạo giáo viên mầm non cần phát triển các năng lực nghề nghiệp, trong đó có năng lực tổ chức hoạt động khám phá khoa học là một thành phần thiết yếu" [2].

- Hình thành tư duy phản biện và năng lực nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng cho sinh viên.

Sinh viên được rèn luyện khả năng quan sát, phân tích hành vi trẻ trong quá trình khám phá, từ đó điều chỉnh phương pháp dạy học phù hợp, cũng như xây dựng được các đề tài nghiên cứu nhỏ phục vụ cho thực tiễn giảng dạy vì giáo viên đóng vai trò là người hướng dẫn trong "vùng phát triển gần" của

trẻ, do đó cần có năng lực quan sát và can thiệp đúng lúc để hỗ trợ sự phát triển nhận thức của trẻ.

- Góp phần phát triển toàn diện cho trẻ thông qua hoạt động khám phá khoa học

Thông qua quá trình học tập và thực hành, sinh viên hiểu rõ vai trò của hoạt động khám phá trong việc phát triển nhận thức, ngôn ngữ, cảm xúc – xã hội và kỹ năng sống cho trẻ mầm non vì hoạt động KPKH có giá trị giáo dục toàn diện, giúp trẻ học bằng hành động, tăng cường trải nghiệm và phát triển tư duy một cách tự nhiên [20].

1.2. Kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học của sinh viên ngành Giáo dục mầm non

1.2.1. Khái niệm kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học của sinh viên ngành Giáo dục Mầm non

Từ điển của Hoàng Phê cho rằng kỹ năng là khả năng vận dụng những kiến thức đã thu nhận được trong một lĩnh vực nào đó áp dụng vào thực tế [21, tr.644]. Theo từ điển Oxford [31], kỹ năng là khả năng để làm tốt một công việc nào đó thường có được qua đào tạo hoặc kinh nghiệm. Theo Nguyễn Lân, kỹ năng là khả năng vận dụng những kiến thức thu nhận được trong một lĩnh vực nào đó vào thực tế [16, tr. 517]. Vũ Ngọc Khánh cho rằng kỹ năng là loại hành động có ý thức, dựa vào sự hiểu biết về cách thức tiến hành công việc nào đó, đó là giai đoạn trung gian giữa tri thức và kĩ xảo trong quá trình nắm vững một phương thức hành động. kỹ năng hình thành do luyện tập hay bắt chước [15]. Theo nhà tâm lí Đặng Thành Hưng, kỹ năng là một dạng hành động được thực hiện tự giác dựa trên tri thức về công việc, khả năng vận động và những điều kiện sinh học - tâm lí khác của cá nhân như nhu cầu, tình cảm, ý chí, tính tích cực cá nhân để đạt được kết quả theo mục đích hay tiêu chí đã định, hoặc mức độ thành công theo chuẩn hay qui định [13, tr. 25-28]... Trong lĩnh vực sư phạm, *kỹ năng tổ chức* là năng lực của giáo viên trong việc lên kế hoạch, sắp xếp, hướng dẫn và điều hành các hoạt động giáo dục một cách linh hoạt, hiệu quả để đạt được mục tiêu giáo dục.

Các định nghĩa về kỹ năng chia thành hai quan điểm cơ bản sau:

Thứ nhất, kỹ năng được coi là mặt kỹ thuật của thao tác, của hành động hay hoạt động, đại diện cho trường phái này là Ph.N. Gônôbôlin, V.A. Krutretxki... [1, tr. 95].

Thứ hai, kỹ năng không đơn thuần là kỹ thuật của hành động mà biểu hiện về năng lực của con người, quan niệm này về kỹ năng có tính ổn định, mềm dẻo, linh hoạt và có mục đích hơn [1, tr. 96-98], đại diện cho quan điểm này là Nguyễn Ánh Tuyết [33], Hoàng Thị Phương [23, tr. 198]. Theo Nguyễn Quang Uẩn, cấu trúc tâm lý của kỹ năng gồm: *biết* (có tri thức, có kinh nghiệm hành động và phương thức hành động), *biết làm* (vận dụng tri thức, kinh nghiệm đó vào thực hiện hành động cụ thể), *làm cho hành động đó có kết quả*; cấu trúc thành phần của kỹ năng gồm có các nhóm kỹ năng [37, tr.75].

Hai quan điểm về kỹ năng trên đây không phủ định nhau mà khác nhau ở phạm vi triển khai của kỹ năng hành động trong những tình huống khác nhau [1, tr. 99].

Chúng tôi coi kỹ năng không chỉ đơn thuần là mặt kỹ thuật hành động mà nó còn là biểu hiện của năng lực cá nhân, đòi hỏi sự tham gia của nhận thức, thái độ. Vậy, *kỹ năng là một năng lực thực hiện có hiệu quả hành động trên cơ sở biết tri thức, phương thức thực hiện hành động và sự vận dụng tri thức, kinh nghiệm phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của con người*. kỹ năng thể hiện ở tính đúng đắn, tính thành thạo, tính linh hoạt và tính hiệu quả của việc triển khai hành động trong thực tiễn; đây là tiêu chuẩn để xác định mức độ phát triển của kỹ năng.

Kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH cho trẻ MN đòi hỏi giáo viên biết thiết kế môi trường học tập, đặt câu hỏi mở, khuyến khích trẻ quan sát, dự đoán và đưa ra kết luận dựa trên trải nghiệm thực tiễn. Brunton & Thornton cũng nhấn mạnh rằng “giáo viên cần có kỹ năng tổ chức linh hoạt, vừa định hướng vừa cho phép trẻ tự do khám phá để thúc đẩy năng lực tư duy khoa học” [43].

Kết hợp với khái niệm tổ chức hoạt động KPKH, chúng tôi cho rằng: *Kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học của sinh viên ngành Giáo dục Mầm non là khả năng vận dụng các kiến thức và phương pháp sư phạm để thiết kế, thực hiện và đánh giá hoạt động khám phá khoa học nhằm giúp trẻ chủ động tìm hiểu thế giới xung quanh*.

Trong bối cảnh đổi mới giáo dục, đặc biệt là chương trình GDMN hiện hành, giáo viên mầm non không chỉ là người “giữ trẻ” mà phải đóng vai trò là người tổ chức, hướng dẫn và tạo điều kiện cho trẻ học tập thông qua hoạt động. Trong đó, hoạt động khám phá khoa học đóng vai trò quan trọng trong

việc kích thích tư duy, hình thành thế giới quan khoa học và nuôi dưỡng sự tò mò của trẻ.

1.2.2. Cấu trúc kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học của sinh viên ngành Giáo dục mầm non

Các kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH có mối quan hệ biện chứng. Giai đoạn 1 gồm nhóm kỹ năng lập kế hoạch, nhóm kỹ năng tạo môi trường giáo dục, nhóm kỹ năng phối hợp với trẻ và gia đình. Giai đoạn 2 gồm nhóm kỹ năng triển khai hoạt động KPKH, nhóm kỹ năng phối hợp với trẻ và gia đình. Giai đoạn 3 gồm nhóm kỹ năng phối hợp với trẻ và gia đình và nhóm kỹ năng đánh giá việc tổ chức hoạt động KPKH [2], [3], [11], [60].... Sau khi đánh giá hoạt động KPKH, sinh viên vận dụng điều chỉnh việc lập kế hoạch cho hoạt động KPKH tiếp theo. Cấu trúc kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH gồm 5 nhóm kỹ năng sau:

1.2.2.1. Nhóm kỹ năng lập kế hoạch hoạt động cho trẻ mầm non khám phá khoa học phù hợp độ tuổi của trẻ.

Dựa trên mục tiêu phát triển toàn diện nhân cách trong đó chú trọng phát triển năng lực nhận thức cho trẻ theo chương trình GDMN, GVMN lập kế hoạch hoạt động cho trẻ mầm non khám phá khoa học phù hợp độ tuổi của trẻ. Nhóm này bao gồm các kỹ năng thành phần sau đây:

- Kỹ năng lựa chọn nội dung khoa học gần gũi và phù hợp. Nội dung phải xuất phát từ cuộc sống hàng ngày của trẻ: nước, cây, con vật, ánh sáng, không khí, đất, gió... Dựa trên chủ đề giáo dục trong năm học và sự phát triển nhận thức của trẻ, giáo viên cần lựa chọn nội dung giúp trẻ hiểu được các hiện tượng đơn giản xảy ra xung quanh, tạo cơ hội cho trẻ phát hiện, thắc mắc, đặt câu hỏi và suy luận [2], [11], [60].

- Kỹ năng xác định mục tiêu hoạt động: Mục tiêu cần phù hợp với chương trình giáo dục mầm non, phù hợp với đặc điểm nhận thức, hứng thú và khả năng của trẻ ở từng độ tuổi (24–36 tháng, 3–4 tuổi, 4–5 tuổi, 5–6 tuổi). Ví dụ, với trẻ 3 tuổi: Trẻ biết nhận biết đặc điểm đơn giản của một số con vật quen thuộc; trẻ 5 tuổi: Trẻ biết đặt câu hỏi và đưa ra dự đoán khi quan sát sự thay đổi của nước... [2].

- Kỹ năng lập kế hoạch hoạt động theo chuỗi trải nghiệm:

“Lập kế hoạch giáo dục là việc xác định rõ nội dung, phương pháp, hình thức và điều kiện tổ chức các hoạt động sư phạm nhằm đạt được mục tiêu giáo dục đã xác định” [32].

Hoạt động khoa học nên được xây dựng theo chuỗi logic, bao gồm: Quan sát – khám phá – thử nghiệm – so sánh – kết luận. Sinh viên nên áp dụng mô hình 5E (Engage – Explore – Explain – Elaborate – Evaluate) vào việc lập kế hoạch hoạt động KPKH cho trẻ mầm non. Ví dụ Chủ đề “Hạt nảy mầm” được dự kiến thực hiện theo trình tự: Trẻ quan sát hạt (engage), gieo hạt vào đất (explore), theo dõi sự nảy mầm (explain), so sánh hạt có tưới nước/không tưới (elaborate), nêu kết luận (evaluate) [11], [60], [62].

Lưu ý theo độ tuổi của trẻ mầm non để lập kế hoạch cho phù hợp:

Độ tuổi	Đặc điểm nhận thức	Hướng lập kế hoạch phù hợp
24–36 tháng	Nhận thức cảm tính, thích bắt chước, chưa khái quát	Hoạt động ngắn, đơn giản, nhiều thao tác tay, học qua chơi
3–4 tuổi	Bắt đầu phân biệt đặc điểm, tò mò mạnh	Nêu tên, mô tả đặc điểm, so sánh đơn giản
4–5 tuổi	Biết đặt câu hỏi, suy luận đơn giản	Khám phá quy luật đơn giản, thử nghiệm với vật thật
5–6 tuổi	Bắt đầu tư duy logic, phân loại, dự đoán	Hoạt động mang tính giả định, khám phá có mục đích, kết luận bước đầu

- Kỹ năng dự đoán tình huống sư phạm giả định và cách giải quyết, xử lý linh hoạt: Sinh viên cần dự kiến trước các phản ứng của trẻ, khả năng sai lệch hoặc vượt ngoài kế hoạch. Có phương án hỗ trợ hoặc điều chỉnh hoạt động nếu trẻ chưa hiểu hoặc quá hứng thú với một khía cạnh [62].

- Kỹ năng tích hợp đánh giá trong kế hoạch: Sinh viên dự kiến cách quan sát, ghi nhận, đánh giá sự tham gia và tiến bộ của trẻ; không đánh giá kiến thức đúng/sai mà chú trọng quá trình tư duy và hứng thú KPKH của trẻ [62].

1.2.2.2. Nhóm kỹ năng tạo môi trường giáo dục cho trẻ khám phá khoa học an toàn, hiệu quả

Trong lý thuyết giáo dục mầm non hiện đại, môi trường học tập được Reggio Emilia xem là “người thầy thứ ba” bên cạnh giáo viên và bạn bè đồng trang lứa. Môi trường KPKH là không gian vật lý và tâm lý nơi trẻ được tạo điều kiện tiếp cận các hiện tượng, đồ vật, quá trình tự nhiên – xã hội thông

qua quan sát, thử nghiệm và thảo luận. Một môi trường KPKH hiệu quả là môi trường kích thích trẻ tò mò, quan sát, đặt câu hỏi và tự mình trải nghiệm để tìm ra câu trả lời [11]. Các kỹ năng thiết kế môi trường khám phá gồm:

- Kỹ năng lựa chọn và bố trí không gian phù hợp: GVMN xác định vị trí hoạt động trong lớp, ngoài trời hay trong khu vực sinh hoạt mở; phân chia không gian thành các góc/ trung tâm khoa học (ví dụ: góc khám phá nước, ánh sáng, thực vật, động vật, không khí...); bố trí đảm bảo an toàn, thuận tiện di chuyển, tạo điều kiện cho trẻ quan sát từ nhiều góc độ. Ví dụ, một góc khám phá nước được bố trí với máng nước, ca, bình nhựa, thìa, phễu... trên bàn thấp cho trẻ dễ thao tác.

- Kỹ năng lựa chọn và sắp xếp học liệu kích thích tư duy: Cung cấp học liệu mở, có thể sử dụng theo nhiều cách: đá, cát, nước, lá cây, hộp, kính lúp, đèn pin...; bố trí học liệu trong tầm tay trẻ, dễ quan sát, dễ cầm nắm, gợi mở trải nghiệm; gợi ý bằng các câu hỏi mở đi kèm học liệu, ví dụ: “Con nghĩ điều gì sẽ xảy ra nếu...?”, “Con đoán xem cái này dùng để làm gì?”

- Kỹ năng tạo cơ hội cho trải nghiệm đa giác quan: Thiết kế môi trường cho phép trẻ chạm, ngửi, nghe, nhìn, nếm trong những giới hạn an toàn, ví dụ góc trồng cây có đất, hạt giống, bình tưới nhỏ để trẻ gieo – tưới – quan sát.

- Kỹ năng thay đổi và làm mới môi trường theo chu kỳ hoặc theo mùa: Luân phiên học liệu, bổ sung chủ đề khám phá theo thời điểm (ví dụ: mùa xuân – côn trùng, mùa hè – nước, mùa thu – lá cây, mùa đông – thời tiết lạnh...); quan sát hứng thú của trẻ để điều chỉnh môi trường phù hợp.

- Kỹ năng quan sát – điều chỉnh không gian theo tương tác của trẻ: Quan sát cách trẻ tiếp cận môi trường: học liệu nào hấp dẫn, điểm nào trẻ chưa chú ý đến; gợi ý cách sử dụng học liệu nếu trẻ còn lúng túng hoặc chưa chủ động khám phá.

Kỹ năng thiết kế môi trường khám phá khoa học là một thành tố quan trọng trong việc tổ chức hoạt động khám phá khoa học cho trẻ mầm non. Môi trường được thiết kế tốt sẽ khuyến khích trẻ quan sát, đặt câu hỏi, thử nghiệm và khám phá bằng chính trải nghiệm của mình – điều cốt lõi trong phát triển tư duy khoa học [11], [60], [62].

1.2.2.3. Nhóm kỹ năng triển khai hoạt động cho trẻ khám phá khoa học

Giáo dục mầm non hiện đại nhấn mạnh việc lấy trẻ làm trung tâm, tôn trọng tính cá thể và nhu cầu khám phá tự nhiên của trẻ; trẻ học thông qua

tương tác với môi trường, trải nghiệm trực tiếp và khám phá thế giới thực; giáo viên đóng vai trò người tổ chức, hỗ trợ và tạo điều kiện, không áp đặt hay truyền thụ kiến thức có sẵn.

Các kỹ năng triển khai hoạt động khám phá khoa học gồm:

- Kỹ năng khởi động, khơi gợi hứng thú cho trẻ (Engage): Theo Maria, “giai đoạn đầu của hoạt động khoa học nên gắn với cảm xúc tích cực để kích thích hứng thú nhận thức ở trẻ” [30]. Sinh viên sử dụng câu hỏi mở, hình ảnh, tình huống bất ngờ hoặc hiện tượng tự nhiên thú vị để kích thích tò mò; liên hệ kiến thức mới với trải nghiệm của trẻ. Ví dụ, “Con có bao giờ thổi bong bóng chưa? Hôm nay cô và các con cùng tìm hiểu điều gì khiến bong bóng bay được nhé!”

- Kỹ năng hướng dẫn trẻ quan sát

Kỹ năng hướng dẫn trẻ quan sát là khả năng của giáo viên trong việc tổ chức, điều khiển và định hướng hoạt động quan sát của trẻ mầm non, nhằm giúp trẻ nhận biết, so sánh, phân tích các đặc điểm, hiện tượng xung quanh một cách có hệ thống và có mục đích.

Các bước thực hiện kỹ năng hướng dẫn trẻ quan sát:

Bước 1: Chuẩn bị đối tượng quan sát: Lựa chọn đối tượng gần gũi, phù hợp độ tuổi; chuẩn bị đồ dùng, thiết bị hỗ trợ (kính lúp, tranh ảnh, mô hình...). Ví dụ quan sát cây rau cải, sinh viên chuẩn bị chậu cây, tranh câu tạo cây, kính lúp cho trẻ thực hiện quan sát.

Bước 2: Gợi mở, định hướng quan sát: Đặt câu hỏi gợi ý để trẻ tập trung vào mục tiêu quan sát. Hướng dẫn cách quan sát qua các giác quan. Ví dụ, sinh viên sử dụng câu hỏi: “Con thấy lá cây có màu gì?”, “Lá cây sờ vào có cảm giác thế nào?”...

Bước 3: Trẻ thực hiện quan sát: Khuyến khích trẻ quan sát độc lập, nhóm đôi hoặc cả lớp. Theo dõi, hỗ trợ khi cần thiết. Ví dụ cho trẻ quan sát cây cải, sinh viên đi quanh lớp, nhắc trẻ nhìn kỹ các bộ phận: rễ, thân, lá cây...

Bước 4: Trao đổi, đàm thoại sau khi quan sát: Trẻ kể lại điều đã quan sát được, sinh viên đóng giáo viên tổng hợp, giải thích thêm kiến thức khoa học. Ví dụ, trẻ nêu: “Lá cây có đường gân”, sinh viên bổ sung: “Gân lá giúp dẫn nước nuôi phần lá, tạo độ cứng để mặt lá xoè rộng đón được nhiều ánh sáng tạo thành chất dinh dưỡng...”.

Bước 5: Củng cố, mở rộng kiến thức: Cho trẻ vẽ lại, nêu lại đặc điểm đối tượng, liên hệ với tình huống thực tế. Ví dụ, cho trẻ chơi trò chơi ghép hình về cây rau hoặc trồng cây nhỏ tại lớp.

- Kỹ năng đặt câu hỏi và dẫn dắt tư duy của trẻ: Hướng dẫn trẻ cách quan sát có mục đích như nhìn kỹ, sờ, ngửi, nếm, nghe – tùy vào đối tượng (vật, hiện tượng); Đặt câu hỏi gợi mở: “Con thấy gì?”, “Cái này giống hay khác cái kia ở điểm nào?”, “Con nghĩ điều gì đang xảy ra?”... Khuyến khích trẻ đưa ra dự đoán và kiểm chứng giả thuyết qua hoạt động. Khởi gợi, ghi nhận và khích lệ trẻ khám phá. Khuyến khích trẻ thảo luận và rút ra kết luận khoa học đơn giản. Trẻ 5–6 tuổi có thể được hướng dẫn so sánh, phân loại, dự đoán; trẻ 3–4 tuổi chỉ nên dừng ở nhận biết, gọi tên, cảm nhận. Sinh viên sử dụng câu hỏi mở để gợi mở suy nghĩ và phát triển tư duy phản biện ở trẻ, không chỉ hỏi – đáp mà cần tạo ra trao đổi tương tác với trẻ. Ví dụ: “Tại sao con lại nghĩ như vậy?”. Ghi nhận mọi câu trả lời của trẻ để khuyến khích sự tự tin và diễn đạt ý tưởng. Tránh hỏi dồn, gợi mở vừa đủ để trẻ tự khám phá.

Sinh viên cần lưu ý phân hóa mức hướng dẫn theo độ tuổi mầm non:

Độ tuổi	Triển khai phù hợp
24–36 tháng	Quan sát – cảm nhận trực tiếp – lặp lại – gọi tên
3–4 tuổi	Quan sát – phân biệt đơn giản – thực hành lặp lại – hỏi đáp ngắn
4–5 tuổi	Đặt câu hỏi – thử nghiệm đơn giản – nêu nhận xét ban đầu
5–6 tuổi	Dự đoán – kiểm chứng – giải thích – kết luận đơn giản

- Kỹ năng tổ chức cho trẻ thao tác, thử nghiệm: Tạo cơ hội cho trẻ tự tay thực hiện, thao tác với đồ vật: đổ nước, thổi gió, lăn bóng, trồng cây, quan sát kính lúp... Hạn chế “làm mẫu trước” toàn bộ để không triệt tiêu cơ hội khám phá tự nhiên của trẻ vì “Khám phá khoa học cần được tổ chức như một quá trình thử – sai, không phải là truyền đạt kiến thức” [11].

- Kỹ năng sử dụng đồ dùng, học liệu hiệu quả

Kỹ năng sử dụng đồ dùng, học liệu hiệu quả là khả năng của GVMN trong việc lựa chọn, chuẩn bị và khai thác tối đa giá trị giáo dục của các loại học liệu (đồ vật thật, mô hình, tranh ảnh, video, thiết bị số...) nhằm tăng cường trải nghiệm học tập và kích thích tư duy khám phá của trẻ.

Cách thực hiện kỹ năng sử dụng đồ dùng, học liệu hiệu quả:

Bước 1: Lựa chọn đồ dùng phù hợp: Chọn học liệu phù hợp với mục tiêu bài dạy, độ tuổi và khả năng của trẻ. Ưu tiên học liệu trực quan, có thể

thao tác, tương tác. Ví dụ với đề tài “Khám phá rau xanh”, SV chọn chậu cây thật, rau thật, tranh rau, clip rau phát triển để tổ chức cho trẻ khám phá.

Bước 2: Chuẩn bị và kiểm tra học liệu trước giờ học: Sắp xếp học liệu gọn gàng, dễ lấy, an toàn cho trẻ. Kiểm tra học liệu có hoạt động tốt (pin, thiết bị, vệ sinh...). Ví dụ: Chuẩn bị khay đựng rau riêng cho từng nhóm, kiểm tra kính lúp, mô hình không bị rách/gãy.

Bước 3: Tổ chức cho trẻ tương tác với học liệu. Khuyến khích trẻ trực tiếp quan sát, chạm, sử dụng học liệu để khám phá. Hướng dẫn cách sử dụng học liệu khi cần. Ví dụ: Cho trẻ cầm, ngửi, sờ từng loại rau; hướng dẫn dùng kính lúp để nhìn rõ chi tiết.

Bước 4: Lồng ghép học liệu vào tiến trình dạy học hợp lý. Sử dụng học liệu tại các thời điểm then chốt (mở đầu, khám phá, kết thúc). Tránh lạm dụng gây rối hoặc sao nhãng. Ví dụ: khơi gợi hứng thú khám phá rau cho trẻ qua clip về món ngon từ rau hoặc sự phát triển của cây rau...; tổ chức khám phá, sinh viên dùng rau thật và kính lúp để trẻ quan sát rau; để củng cố, tổ chức chơi trò chơi chọn rau qua tranh...

Bước 5: Đánh giá hiệu quả sử dụng học liệu. Quan sát phản ứng, mức độ tham gia của trẻ. Rút kinh nghiệm về cách sử dụng, chuẩn bị học liệu. Sau hoạt động KPKH, sinh viên nhận xét: học liệu có hấp dẫn không, trẻ có biết cách dùng không, cần cải tiến gì... [46].

- Xử lý tình huống sư phạm khi triển khai các hoạt động khám phá khoa học cho trẻ mầm non

Kỹ năng xử lý tình huống sư phạm là khả năng của giáo viên mầm non trong việc phát hiện nhanh, phân tích đúng và lựa chọn cách ứng xử sư phạm phù hợp với các tình huống bất ngờ có thể xảy ra trong quá trình tổ chức hoạt động giáo dục.

Cách thực hiện kỹ năng xử lý tình huống sư phạm:

Bước 1: Dự đoán tình huống có thể xảy ra. Phân tích trước các rủi ro: trẻ mất tập trung, làm sai, tranh cãi, gặp nguy hiểm... Chuẩn bị sẵn phương án ứng xử mềm dẻo, tích cực. Ví dụ: Trẻ tranh giành đồ dùng, trẻ sợ côn trùng trong buổi quan sát rau trong vườn...

Bước 2: Quan sát và phát hiện tình huống thực tế. Luôn quan sát trẻ, lắng nghe tín hiệu bất thường (nét mặt, âm thanh, hành vi...). Phản ứng nhanh

và bình tĩnh. Ví dụ: Trẻ hét to vì sợ sâu, sinh viên tiếp cận nhanh, trấn an, tách trẻ ra khỏi nhóm.

Bước 3: Phân tích nguyên nhân tình huống. Xác định nguyên nhân: trẻ thiếu kỹ năng, chưa hiểu hướng dẫn, do tâm lý hoặc môi trường gây nhiễu... Ví dụ trẻ phá đồ dùng học tập vì không hiểu mục tiêu hoạt động...

Bước 4: Lựa chọn và áp dụng cách xử lý phù hợp. Dùng lời nói nhẹ nhàng, trò chuyện, chuyển hướng hoạt động, phân vai lại cho trẻ. Không quát mắng, trừng phạt. Ví dụ: Trẻ tranh cãi, sinh viên cho 2 trẻ cùng làm nhiệm vụ nhóm, khen ngợi động viên khi trẻ hợp tác...

Bước 5: Rút kinh nghiệm và điều chỉnh kế hoạch. Sau hoạt động, ghi nhận tình huống, phản ứng, và đề xuất cải tiến. Chia sẻ tình huống trong tổ chuyên môn để học hỏi. Bổ sung quy định khi sử dụng học cụ, phân nhóm rõ ràng hơn lần sau.

- Ghi chép, chụp ảnh, quay video, ghi âm các hoạt động và trạng thái tham gia hoạt động của trẻ (Tư liệu hóa các hoạt động sư phạm).

Tư liệu hóa hoạt động sư phạm là việc ghi lại quá trình KPKH của trẻ bao gồm: ghi chép, chụp ảnh, quay video, ghi âm... để theo dõi sự phát triển của trẻ, phân tích và đánh giá hiệu quả tổ chức hoạt động, làm minh chứng cho quá trình giáo dục, phục vụ nghiên cứu hoặc truyền thông trong cơ sở giáo dục mầm non.

Cách thực hiện kỹ năng tư liệu hóa:

Bước 1: Xác định mục tiêu tư liệu hóa. Tư liệu hóa để đánh giá sự tham gia, cảm xúc, hành vi, tư duy của trẻ trong hoạt động. Chọn đúng nội dung cần ghi lại. Ví dụ theo dõi khả năng hợp tác nhóm của trẻ khi làm thí nghiệm về nước.

Bước 2: Chuẩn bị công cụ. Sổ ghi chép, bút, máy ảnh, điện thoại, máy quay, micro ghi âm... Đảm bảo thiết bị đầy pin, dễ thao tác. Sinh viên sử dụng điện thoại để quay video nhóm trẻ thao tác, sổ tay để ghi chú lời trẻ nói.

Bước 3: Ghi chép khi quan sát. Sinh viên ghi lại lời nói, hành vi đặc trưng của trẻ, nêu rõ thời điểm, bối cảnh. Ví dụ: 9h05: Minh hỏi bạn: ‘Sao nước lại đổi màu?’

Bước 4: Ghi hình ảnh/âm thanh. Chụp lại khoảnh khắc biểu cảm, hành động tiêu biểu của trẻ. Quay video để ghi nhận tiến trình hoạt động. Ghi âm

để lưu lại phần đàm thoại, câu hỏi, suy nghĩ của trẻ. Ví dụ: Quay clip 1 phút trẻ làm thí nghiệm tạo mưa nhân tạo bằng bình xịt.

Bước 5: Lưu trữ và phân loại tư liệu. Sắp xếp theo thời gian, tên trẻ, chủ đề hoạt động. Ghi nhãn dữ liệu (ngày, nhóm lớp, nội dung). Ví dụ: Tạo thư mục “Khám phá nước – Lớp Lá A – Tháng 3”.

Bước 6: Phân tích và sử dụng tư liệu. Xem lại để đánh giá sự phát triển, nhận diện điểm mạnh/yếu. Dùng để minh chứng trong báo cáo, chia sẻ với phụ huynh, tổ chuyên môn. Phân tích video cho thấy trẻ chủ động đặt câu hỏi để đánh giá năng lực tư duy của trẻ... [46].

- Kỹ năng kết thúc và củng cố kiến thức (Explain – Elaborate): Sinh viên cùng trẻ tóm lược lại điều đã khám phá, khuyến khích trẻ trình bày bằng lời, tranh vẽ, cử chỉ...; kết nối khám phá với tình huống thực tiễn. Ví dụ: “Bây giờ con có thể giúp mẹ tưới cây như thế nào cho đúng?”... [9].

- Kỹ năng đánh giá quá trình và điều chỉnh linh hoạt: Ghi nhận sự tham gia, hứng thú, cách trẻ đặt câu hỏi, cách trẻ giải thích vấn đề. Điều chỉnh kế hoạch nếu trẻ không hứng thú, quá tải hoặc phát hiện ra nội dung thú vị mới. Đánh giá theo hướng phát triển năng lực tư duy, giao tiếp và tự chủ [9], [46].

1.2.2.4. Nhóm các kỹ năng phối hợp với trẻ và gia đình

Phối hợp hiệu quả giữa giáo viên – trẻ – gia đình trong hoạt động khám phá khoa học góp phần nâng cao tính tích cực, chủ động và hứng thú học tập của trẻ; tạo điều kiện để gia đình đồng hành cùng quá trình phát triển nhận thức và kỹ năng khoa học của trẻ; giúp giáo viên có cái nhìn toàn diện hơn về năng lực, hứng thú và môi trường sống của trẻ, từ đó tổ chức hoạt động phù hợp.

Các kỹ năng phối hợp gồm:

+ Lắng nghe và quan tâm đến trẻ: Tạo cơ hội để trẻ bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc trong quá trình khám phá. Trả lời và khuyến khích câu hỏi của trẻ. Ví dụ khi trẻ hỏi: "Tại sao mưa có sấm?", giáo viên không chỉ trả lời mà gợi mở thêm: “Con nghĩ sấm từ đâu ra?”...

+ Khuyến khích trẻ tham gia tích cực. Giao nhiệm vụ rõ ràng, phù hợp với độ tuổi. Tổ chức các hoạt động nhóm để trẻ hợp tác và chia sẻ. Ví dụ sinh viên giao cho trẻ nhiệm vụ mang 1 vật liệu từ thiên nhiên đến lớp để quan sát chung.

+ Chủ động trao đổi với phụ huynh về chủ đề khám phá. Thông báo kế hoạch hoạt động khoa học qua sổ liên lạc, Zalo, hộp phụ huynh. Mời phụ

huynh cùng chuẩn bị học liệu. Ví dụ đề nghị phụ huynh chuẩn bị 1 ảnh cũ về gia đình trồng cây để trẻ chia sẻ với lớp.

+ Tổ chức hoạt động trải nghiệm có sự tham gia của phụ huynh. Mời phụ huynh tham gia buổi khám phá hoặc hỗ trợ chuyên gia (bác sĩ, kỹ sư...) đến chia sẻ. Ví dụ mời phụ huynh làm nghề nông đến hướng dẫn trẻ trồng cây.

+ Phản hồi và trao đổi thường xuyên với phụ huynh: Báo cáo kết quả tham gia hoạt động của trẻ qua hình ảnh, video, bảng đánh giá; xin ý kiến phụ huynh về tiến bộ và khó khăn của trẻ. Ví dụ, sau mỗi buổi hoạt động, gửi clip ngắn và vài hình ảnh kèm lời nhận xét của giáo viên tới phụ huynh của trẻ.

+ Hướng dẫn cha mẹ tiếp tục phát triển hoạt động tại nhà. Đề xuất các trò chơi, thí nghiệm đơn giản tại nhà. Khuyến khích cha mẹ trò chuyện khoa học với trẻ [6], [8]. Ví dụ Gợi ý phụ huynh cùng trẻ làm “núi lửa mini” bằng baking soda tại nhà cho trẻ quan sát.

1.2.2.5. Nhóm kỹ năng đánh giá việc tổ chức hoạt động cho trẻ mầm non khám phá khoa học của sinh viên

Nhóm này bao gồm các kỹ năng thành phần sau đây:

- Quan sát hoạt động của trẻ, nhận biết nhu cầu, hứng thú của trẻ
- Đánh giá mức độ đạt được của mục tiêu
- Đánh giá mức độ phù hợp của đồ dùng, học liệu đã chuẩn bị cho các hoạt động
- Đánh giá mức độ tham gia của trẻ vào hoạt động khám phá khoa học
- Điều chỉnh kịp thời kế hoạch tổ chức các hoạt động khám phá khoa học tiếp theo

Đánh giá là một năng lực quan trọng giúp sinh viên ngành GDMN tự nhận diện được điểm mạnh – điểm yếu trong quá trình tổ chức hoạt động KPKH; rút kinh nghiệm, cải tiến phương pháp tổ chức, phát triển năng lực nghề nghiệp; đảm bảo hoạt động diễn ra đúng mục tiêu giáo dục, phù hợp với trẻ và hiệu quả.

Các kỹ năng đánh giá cần thiết đối với sinh viên:

+ Kỹ năng xác định tiêu chí đánh giá. Dựa trên mục tiêu hoạt động, nội dung chương trình, yêu cầu phát triển năng lực cho trẻ. Lập bảng tiêu chí đánh giá rõ ràng trước khi tổ chức. Ví dụ tiêu chí về mức độ trẻ tham gia, khả năng hợp tác, hiểu biết khoa học, hứng thú...

+ Kỹ năng quan sát và ghi nhận trong quá trình thực hiện. Ghi chú hành vi, biểu hiện của trẻ và cách phản ứng của bản thân khi tổ chức hoạt động. Dùng video, hình ảnh hỗ trợ. Ví dụ ghi lại khoảnh khắc trẻ đặt câu hỏi khi quan sát hiện tượng nước bốc hơi.

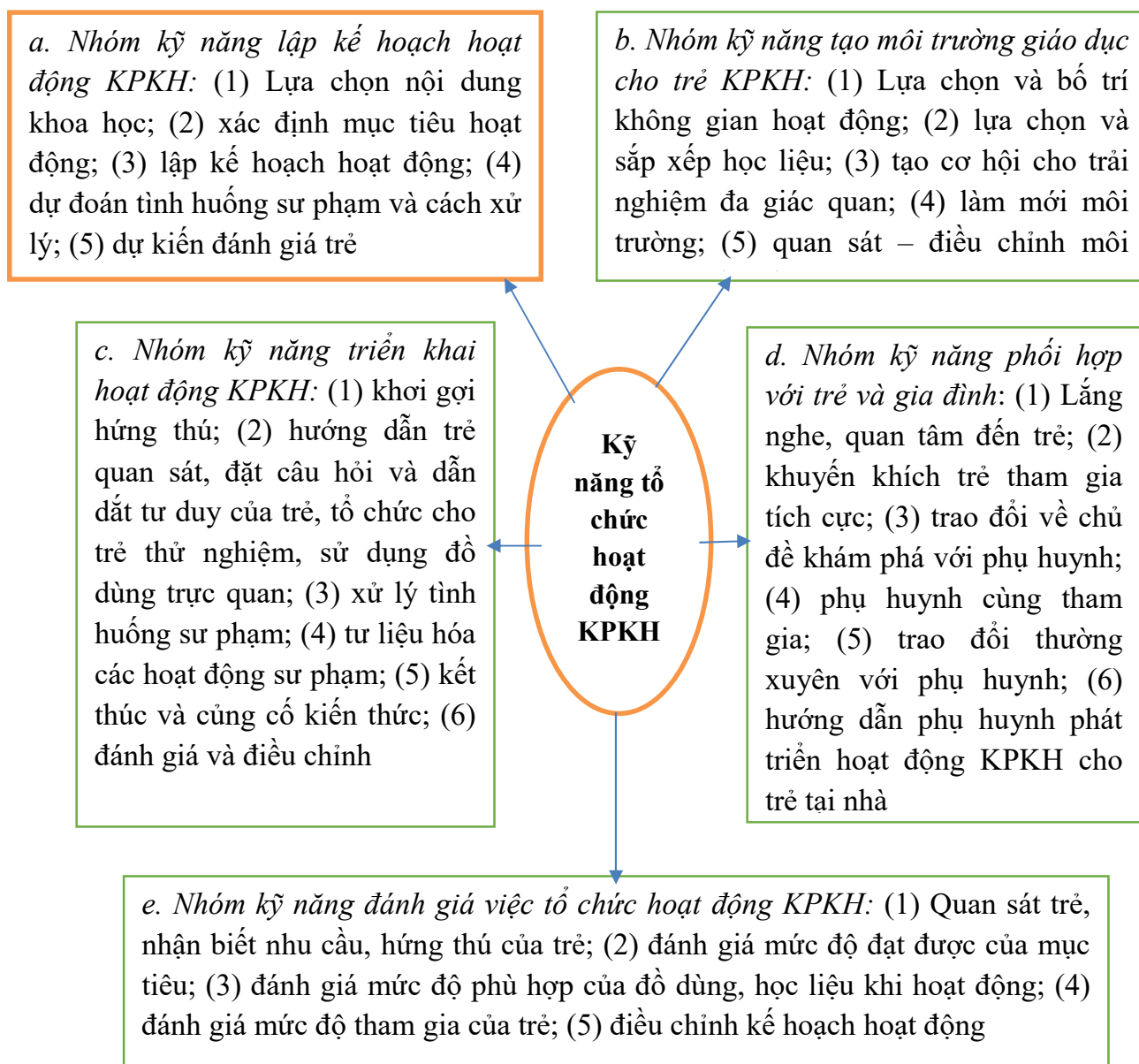
+ Kỹ năng thu thập phản hồi từ trẻ và giáo viên hướng dẫn. Hỏi trẻ sau hoạt động: “Con thích nhất điều gì?”, “Con thấy điều gì khó?”. Xin nhận xét từ giáo viên hướng dẫn về cách tổ chức, quản lý, truyền đạt. Ví dụ, trẻ nói “Con thích được đổ màu vào nước”, sinh viên có thể đánh giá trẻ có mức độ hứng thú cao.

+ Kỹ năng tự đánh giá hoạt động của bản thân. Tự trả lời các câu hỏi: “Điều gì đã làm tốt?”, “Điều gì cần cải thiện?”, “Tại sao hoạt động chưa hiệu quả?”, “Trẻ đã học được gì?”. Ví dụ sinh viên nhận thấy trẻ chưa hứng thú lúc đầu vì hoạt động khơi gợi hứng thú chưa hấp dẫn, các em sẽ điều chỉnh cách tổ chức khơi gợi hứng thú cho trẻ ở lần sau.

+ Kỹ năng sử dụng phiếu đánh giá, nhật ký sự phạm, video. Ghi vào phiếu đánh giá chuẩn đầu ra. Ghi nhật ký thực hành mỗi buổi. Biên tập video ngắn để đối chiếu. Ví dụ: Ghi vào nhật ký: “Hôm nay cần cải thiện kỹ năng dẫn dắt câu hỏi gợi mở cho trẻ.”

+ Kỹ năng đề xuất điều chỉnh, cải tiến cho lần sau. Rút ra bài học kinh nghiệm. Viết kế hoạch cải tiến: thay đổi cách giới thiệu, bổ sung học cụ, tổ chức nhóm linh hoạt hơn... [14], [16]. Ví dụ đề xuất: “Lần tới sẽ chia nhóm nhỏ hơn để trẻ có nhiều cơ hội thao tác.”

Cấu trúc các kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH có thể sơ đồ hoá như sau:



Sơ đồ 1. Cấu trúc các kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH

1.3. Quá trình rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non

Kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH cho trẻ mầm non là khả năng vận dụng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ sự phạm để thiết kế, triển khai và điều chỉnh hoạt động KPKH nhằm kích thích tính tò mò, ham hiểu biết, năng lực tư duy và khả năng quan sát, suy luận ở trẻ. Việc rèn luyện kỹ năng này không chỉ giúp sinh viên nâng cao trình độ chuyên môn mà còn phát triển phẩm chất nghề nghiệp như sự linh hoạt, sáng tạo, kiên nhẫn và yêu nghề. Vậy, *rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học cho sinh viên ngành GDMN là quá trình sự phạm có mục tiêu, có kế hoạch nhằm hình thành, củng cố và phát*

triển năng lực thực hành các kỹ năng nghề nghiệp liên quan đến việc tổ chức các hoạt động giáo dục KPKH cho trẻ mầm non.

Quá trình này giúp sinh viên từng bước nắm vững các kỹ năng như: lựa chọn nội dung khám phá phù hợp, thiết kế hoạt động khám phá, tổ chức thực hiện (sử dụng phương pháp – hình thức tổ chức hiệu quả, hướng dẫn trẻ tìm tòi, đặt câu hỏi, thực hiện thí nghiệm đơn giản...) và đánh giá việc tổ chức hoạt động KPKH cho trẻ.

1.3.1. Mục tiêu rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non

Rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH giúp sinh viên ngành GDMN thực hiện thành thực, linh hoạt các kỹ năng lựa chọn đề tài, xây dựng môi trường giáo dục, triển khai tổ chức hoạt động, phối hợp với trẻ và gia đình và đánh giá hoạt động KPKH cho trẻ lứa tuổi mầm non.

1.3.2. Nội dung rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non

Việc rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH cho sinh viên ngành GDMN cần tập trung vào các nội dung cơ bản sau [11], [55], [62], [63]:

1.3.2.1. Xác định mục tiêu, nội dung khám phá khoa học phù hợp với độ tuổi trẻ

Sinh viên cần được rèn luyện khả năng phân tích chương trình GDMN, hiểu rõ mục tiêu giáo dục khoa học theo độ tuổi, từ đó lựa chọn nội dung khám phá phù hợp với đặc điểm nhận thức và hứng thú của trẻ. Việc lựa chọn nội dung phù hợp giúp phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo của trẻ trong hoạt động khám phá.

1.3.2.2. Thiết kế kế hoạch tổ chức hoạt động khám phá khoa học

Việc thiết kế kế hoạch tổ chức hoạt động KPKH bao gồm xây dựng kế hoạch giáo dục, lựa chọn phương pháp – hình thức tổ chức phù hợp (trải nghiệm, thực hành, quan sát, thí nghiệm), chuẩn bị đồ dùng, môi trường giáo dục an toàn và kích thích trẻ tìm tòi, khám phá.

1.3.2.3. Tổ chức, hướng dẫn trẻ thực hiện hoạt động khám phá

Sinh viên cần nắm vững cách tạo hứng thú ban đầu cho trẻ, đặt câu hỏi gợi mở, hướng dẫn trẻ quan sát, thử nghiệm, suy luận và diễn đạt kết quả bằng ngôn ngữ của mình.

1.3.2.4. Xử lý tình huống sư phạm và điều chỉnh hoạt động

Trong quá trình tổ chức, sinh viên cần được rèn luyện khả năng xử lý các tình huống bất ngờ, điều chỉnh nội dung hoặc phương pháp phù hợp với phản ứng và nhu cầu thực tế của trẻ.

1.3.2.5. Quan sát, đánh giá kết quả hoạt động của trẻ

Sinh viên cần học cách quan sát tiến trình tham gia của trẻ, đánh giá mức độ đạt được mục tiêu, từ đó rút kinh nghiệm để điều chỉnh phương pháp và nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động. Tài liệu của Bộ GD&ĐT về chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non cũng nêu rõ yêu cầu giáo viên cần có năng lực đánh giá và phản hồi phù hợp trong các hoạt động giáo dục [6].

1.3.3. Phương pháp rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non

Việc rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH cho sinh viên ngành GDMN cần được thực hiện thông qua các phương pháp sư phạm tích cực, giúp sinh viên không chỉ nắm vững kiến thức lý thuyết mà còn phát triển năng lực thực hành sư phạm [19], [32], [46], [57], bao gồm:

1.3.3.1. Phương pháp giảng dạy tích cực kết hợp lý thuyết với thực hành

Sinh viên được tiếp cận với kiến thức lý thuyết về hoạt động khám phá khoa học qua các bài giảng tích hợp, sau đó thực hành xây dựng kế hoạch và tổ chức hoạt động cụ thể cho trẻ. Việc gắn lý thuyết với thực hành giúp sinh viên hiểu sâu và vận dụng hiệu quả kiến thức vào thực tiễn.

1.3.3.2. Phương pháp mô phỏng – đóng vai

Giảng viên tổ chức các tình huống mô phỏng lớp học mầm non, trong đó sinh viên vào vai giáo viên, còn bạn học đóng vai trẻ. Qua đó, sinh viên rèn luyện kỹ năng giao tiếp sư phạm, xử lý tình huống và tổ chức hoạt động phù hợp với đối tượng trẻ mẫu giáo.

1.3.3.3. Phương pháp học qua tình huống (dạy học tình huống)

Giảng viên đưa ra các tình huống sư phạm có thể xảy ra trong quá trình tổ chức hoạt động khám phá (ví dụ: trẻ không hợp tác, thiết bị không hoạt động, trẻ hỏi ngoài nội dung bài học...), yêu cầu sinh viên phân tích và đưa ra phương án xử lý.

1.3.3.4. Phương pháp dự giờ – rút kinh nghiệm

Sinh viên được quan sát giờ dạy thực tế của giáo viên tại các trường mầm non, sau đó thảo luận, phân tích, rút kinh nghiệm về cách tổ chức hoạt

động khám phá khoa học. Hình thức này giúp sinh viên học hỏi trực tiếp từ thực tế và từ đồng nghiệp.

1.3.3.5. Phương pháp thực hành sự phạm tại cơ sở mầm non

Sinh viên được tạo điều kiện tham gia thực tập hoặc thực hành nghề tại trường mầm non, trực tiếp tổ chức các hoạt động khám phá khoa học dưới sự hướng dẫn và đánh giá của giảng viên và giáo viên hướng dẫn.

1.3.4. Hình thức rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non

Việc rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non cần được thực hiện thông qua nhiều hình thức đa dạng, linh hoạt, phù hợp với từng giai đoạn trong quá trình đào tạo. Các hình thức rèn luyện phổ biến bao gồm:

1.3.4.1. Rèn luyện trong các học phần lý thuyết và thực hành

Trong các học phần chuyên ngành như Phương pháp cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh (D14MN), Môi trường và tổ chức hoạt động khám phá môi trường xung quanh cho trẻ mầm non (D15MN, LT6MN) và một số học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, sinh viên được rèn luyện kỹ năng thông qua việc thiết kế kế hoạch giáo dục, xây dựng hoạt động, trình bày ý tưởng trước lớp và thực hành đóng vai tổ chức hoạt động KPKH.

Đặc điểm của hình thức này là giảng viên tổ chức cho sinh viên rèn kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH trong quá trình học chính khóa; tích hợp lý thuyết và thực hành.

Hình thức này thực hiện theo trình tự:

- Học lý thuyết về phương pháp tổ chức hoạt động
- Thực hành thiết kế giáo án, trình bày ý tưởng
- Đóng vai tổ chức hoạt động trên lớp

Hình thức rèn luyện trong các học phần lý thuyết và thực hành có ưu điểm là cung cấp kiến thức nền tảng, gắn lý thuyết với thực tiễn. Tuy nhiên, nó cũng có hạn chế nhất định do thiếu yếu tố thực tế môi trường lớp học.

1.3.4.2. Rèn luyện thông qua thực hành, thực tập sự phạm tại cơ sở giáo dục mầm non

Sinh viên được thực hành tổ chức các hoạt động khám phá khoa học cho trẻ tại trường mầm non trong các đợt thực tập hoặc kiến tập. Dưới sự

hướng dẫn của giảng viên và giáo viên hướng dẫn, sinh viên được trải nghiệm thực tiễn, áp dụng lý thuyết vào thực hành và nhận phản hồi để cải thiện kỹ năng. Thực tập sư phạm là hình thức rèn luyện mang tính quyết định đối với việc hình thành năng lực nghề nghiệp thực tiễn cho sinh viên [34], [35]. Đặc điểm của hình thức này là rèn luyện kỹ năng trong môi trường thực tế với trẻ. Hình thức này thực hiện theo trình tự:

- Sinh viên nhận lớp thực tập
- Quan sát giáo viên mẫu
- Trực tiếp tổ chức hoạt động khám phá
- Nhận xét, rút kinh nghiệm

Hình thức rèn luyện trong các học phần lý thuyết và thực hành có ưu điểm là giúp sinh viên phát triển kỹ năng thực tiễn, có sự phản hồi từ giáo viên hướng dẫn. Tuy vậy, áp lực từ thực tế lớp học có thể khiến SV lúng túng khi tập thực hiện hoạt động tổ chức cho trẻ KPKH.

1.3.4.3. Rèn luyện qua dự giờ – phân tích – rút kinh nghiệm

Sinh viên quan sát các giờ dạy mẫu của giảng viên hoặc giáo viên mầm non, sau đó cùng thảo luận, phân tích và đánh giá về quá trình tổ chức hoạt động khám phá khoa học. Qua đó, sinh viên học hỏi được cách xây dựng tình huống, xử lý vấn đề sư phạm và điều chỉnh hoạt động phù hợp với trẻ.

Đặc điểm của hình thức này là giảng viên và sinh viên quan sát việc tổ chức hoạt động KPKH cho trẻ MN của giáo viên mầm non hoặc bạn học.

Hình thức này thực hiện theo trình tự:

- Quan sát tiết dạy mẫu
- Ghi chép, phân tích hoạt động
- Thảo luận nhóm và rút kinh nghiệm
- Giảng viên định hướng cho sinh viên nêu ý tưởng mới để thực hiện

hiệu quả hoạt động KPKH

Hình thức rèn luyện trong các học phần lý thuyết và thực hành có ưu điểm là phát triển tư duy phân tích, năng lực học hỏi qua quan sát cho sinh viên. Tuy nhiên, đối với những sinh viên chỉ dự giờ, không trực tiếp thực hành sẽ thiếu trải nghiệm cá nhân. Vì vậy, việc thực hành phải thực hiện luân phiên, xuyên suốt để mọi sinh viên đều có cơ hội trải nghiệm tổ chức hoạt động KPKH cho trẻ mầm non.

1.3.4.4. Rèn luyện thông qua hội thi, cuộc thi chuyên môn

Các hoạt động như “Hội thi nghiệp vụ nghề nghiệp”, “Cuộc thi xây dựng hoạt động giáo dục STEM”... là cơ hội để sinh viên thể hiện năng lực tổ chức hoạt động khám phá khoa học, làm việc nhóm, sáng tạo nội dung và vận dụng công nghệ.

Đặc điểm của hình thức này là rèn kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH dưới dạng sân chơi học thuật hoặc đánh giá năng lực người học.

Hình thức này thực hiện theo trình tự:

- Sinh viên lập nhóm hoặc cá nhân đăng ký dự hội thi
- Xây dựng kế hoạch hoạt động KPKH cho trẻ
- Thực hiện tổ chức thực hiện hoạt động KPKH cho trẻ tại trường mầm non (hoặc có thể tại Trường Đại học Hoa Lư nếu trong trường hợp đặc biệt, được Giám hiệu nhà trường chỉ đạo) và phản biện khi giảng viên trao đổi.

Hình thức rèn luyện trong các học phần lý thuyết và thực hành có ưu điểm là kích thích sáng tạo, tự tin và rèn kỹ năng trình bày, phối hợp nhóm cho sinh viên, giúp sinh viên dễ tiếp cận, thích nghi với điều kiện tổ chức hoạt động giáo dục tại cơ sở giáo dục mầm non. Tuy vậy, hình thức này có hạn chế là không phải SV nào cũng có cơ hội tham gia.

1.3.4.5. Rèn luyện trong nghiên cứu khoa học và khóa luận tốt nghiệp

Sinh viên có thể lựa chọn đề tài nghiên cứu hoặc khóa luận liên quan đến giáo dục khám phá khoa học cho trẻ mầm non. Trong quá trình này, sinh viên không chỉ nâng cao năng lực nghiên cứu mà còn có cơ hội ứng dụng kiến thức để thiết kế, thử nghiệm và đánh giá các hoạt động thực tế.

Đặc điểm của hình thức này là sinh viên tập trung vào việc vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề giáo dục được đặt ra.

Hình thức này thực hiện theo trình tự:

- Chọn đề tài liên quan đến hoạt động khám phá
- Thiết kế hoạt động và thử nghiệm
- Viết báo cáo đề tài nghiên cứu, khóa luận tốt nghiệp

Hình thức rèn luyện trong các học phần lý thuyết và thực hành có ưu điểm là rèn tư duy nghiên cứu, nâng cao kỹ năng chuyên sâu về năng lực NCKH cho sinh viên. Nó đòi hỏi sinh viên đạt yêu cầu cao về năng lực cá nhân và có sự hướng dẫn chặt chẽ của giảng viên.

Việc rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH cho sinh viên được thực hiện theo quy trình 3 giai đoạn như nghiên cứu của tác giả Trần Quốc Thành [25] gồm:

Giai đoạn 1: Nhận thức đầy đủ về mục đích, cách thức, điều kiện tổ chức hoạt động KPKH.

Sinh viên nhận thức đầy đủ về khái niệm, quy trình, cách thức, điều kiện thực hiện hoạt động KPKH. Giai đoạn này chủ yếu sinh viên nắm vững lý thuyết, chưa hành động thực sự.

Giảng viên bồi dưỡng, nâng cao nhận thức cho sinh viên, làm cơ sở cho việc tổ chức hoạt động KPKH, giúp SV nhận thức đúng, đủ, chính xác các nội dung liên quan đến tổ chức hoạt động KPKH để sinh viên vận dụng khi thực hành.

Giai đoạn 2: Quan sát mẫu và làm thử theo mẫu

Giáo viên mầm non tổ chức hoạt động KPKH cho trẻ tại trường MN. Sinh viên dự giờ, quan sát việc tổ chức cho trẻ KPKH. Giảng viên thực hiện các bước và sự phân tích, hướng dẫn để hiểu rõ quy trình, cách thức thực hiện trên cơ sở nắm vững lý thuyết hành động.

Giai đoạn 3: Luyện tập để tiến hành các hành động theo đúng yêu cầu nhằm đạt mục đích đặt ra

Giai đoạn này hình thành và rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH cho sinh viên. Các thao tác trở nên thuần thục dần; hành động có kết quả trong điều kiện quen thuộc và trong điều kiện mới.

Ba giai đoạn này gắn bó chặt chẽ với 3 quá trình đào tạo và tự đào tạo ở trường sư phạm hiện nay. Việc phân chia giai đoạn này chỉ có tính chất tương đối. Trên thực tế, các giai đoạn này có thể tiến hành đan xen và đặc biệt việc luyện tập và tự rèn luyện là yêu cầu không thể thiếu, có thể diễn ra ở các giai đoạn còn lại. Sinh viên thực hành luyện tập cá nhân, phối hợp với nhóm theo quy trình và yêu cầu kỹ thuật.

1.3.5. Phương tiện giáo dục kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non

- Phương tiện trực quan – trực tiếp như đồ dùng, đồ chơi khoa học (bộ thí nghiệm đơn giản); vật thật, mẫu vật... giúp sinh viên trải nghiệm trực tiếp như trẻ mầm non, từ đó rèn kỹ năng tổ chức quan sát, thao tác, đặt câu hỏi và gợi mở cho trẻ.

- Phương tiện số và công nghệ thông tin: Video hoạt động KPKH, phim khoa học ngắn gọn minh họa hiện tượng thiên nhiên, sinh học...; mô hình 3D

để minh họa hiện tượng khó thực hiện trực tiếp trong lớp mầm non... hỗ trợ sinh viên hình dung quy trình tổ chức hoạt động, đặc biệt với những hiện tượng khoa học khó hoặc nguy hiểm.

- Phương tiện học liệu sư phạm như giáo trình, tài liệu chuyên ngành hướng dẫn tổ chức hoạt động KPKH như *Cùng bé tập làm nhà khoa học* (Vũ Thị Diệu Thuý - CB), *Sử dụng trò chơi dân gian nhằm phát triển trí tuệ cho trẻ mẫu giáo* (Vũ Thị Diệu Thuý – CB), tài liệu bài giảng *Giáo dục STEAM trong GDMN* (Trương Hải Yến); sách tranh, sách ảnh khoa học dành cho trẻ: vừa là học liệu, vừa là phương tiện dạy cách kể chuyện khoa học cho trẻ.

- Phương tiện thực hành – trải nghiệm như phòng thực hành nghiệp vụ mầm non, góc thiên nhiên trong trường, hoạt động ngoại khóa tham quan môi trường xung quanh (Lớp D14MN1,2 và D15MN1,2 đi thực tế Vườn Quốc gia Cúc Phương)... để gắn với trải nghiệm thực, tạo cơ hội để sinh viên rèn kỹ năng tổ chức hoạt động theo quy trình 5E, STEAM.

- Phương tiện hỗ trợ đánh giá – phản hồi như rubric đánh giá thuyết trình, thực hành; video hoạt động giảng để sinh viên phân tích điểm mạnh, hạn chế của giờ dạy...

Tóm lại, việc kết hợp linh hoạt phương tiện không chỉ giúp sinh viên nắm vững kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH mà còn hình thành tư duy sáng tạo, khả năng thiết kế hoạt động theo hướng STEAM – đáp ứng yêu cầu đổi mới GDMN hiện nay.

1.3.6. Đánh giá kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học của sinh viên ngành Giáo dục mầm non

Thực tế có nhiều quan điểm về tiêu chí và mức độ đánh giá kỹ năng. Đề tài sử dụng quan niệm của tác giả Đặng Thành Hưng [21] để xác định các tiêu chí đánh giá kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH cho trẻ MN:

- + Tính đầy đủ của kỹ năng: Đánh giá kỹ năng dựa trên số lượng những thao tác cần thiết tối thiểu mà SV phải thực hiện để giải quyết nhiệm vụ tổ chức hoạt động KPKH cho trẻ.

- + Tính hợp lý của kỹ năng: Đánh giá kỹ năng dựa vào trình tự sắp xếp việc thực hiện các thao tác có hợp lý tối đa không, dựa vào tính hợp lý của việc phân chia thời gian và nhịp độ thực hiện từng thao tác và thực hiện cả hành động.

+ Tính thành thạo của kỹ năng: Đánh giá kỹ năng dựa trên việc thực hiện đầy đủ, chuẩn xác các thao tác. Mức độ thành thạo của kỹ năng thể hiện qua tần số thao tác hay hành vi sai hoặc không đúng chuẩn kỹ năng đã định, tỉ lệ lặp lại (thừa) của thao tác, cử chỉ, hành vi thực hiện đúng cũng như mức độ hoàn thiện của những thao tác mẫu.

+ Tính linh hoạt của kỹ năng: Đánh giá kỹ năng dựa trên sự biến đổi trình tự và nội dung các thao tác theo nhiều phương án, dựa trên sự thay thế hay biến đổi được của một số thao tác trong kỹ năng khi chuyển sang hoàn cảnh khác cũng như tính lưu loát của từng thao tác và của cả hành động xét từ đầu đến khi kết thúc hành động.

+ Tính hiệu quả của kỹ năng: Đánh giá kỹ năng dựa trên số lượng và chất lượng của sản phẩm do kỹ năng mang lại, dựa trên tỉ số giữa kết quả và chi phí nguồn lực, tác dụng của kỹ năng trong sự phát triển cá nhân, mức độ trùng khớp giữa kết quả đạt được và mục tiêu hành động.

Dựa vào 5 tiêu chí đánh giá kỹ năng nêu trên, trong nghiên cứu này, các tiêu chí đánh giá kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH cho trẻ MN gồm:

- Hiểu rõ cấu trúc của kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH cho trẻ MN.
- Thực hiện chính xác trình tự các thao tác
- Thực hiện nhanh gọn các thao tác
- Thực hiện linh hoạt, hiệu quả, sáng tạo các thao tác.

1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non

1.4.1. Chương trình đào tạo ngành GDMN

Chương trình đào tạo có vai trò then chốt trong việc hình thành và phát triển kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non. Việc thiết kế chương trình cần đảm bảo tính khoa học, thực tiễn, cập nhật và lấy người học làm trung tâm, từ đó tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển năng lực nghề nghiệp của sinh viên.

Tác động của nội dung chương trình đào tạo: Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non được xây dựng khoa học, cập nhật theo xu hướng giáo dục hiện đại và nhu cầu thực tiễn giúp sinh viên tiếp cận hiệu quả với kiến thức và phương pháp tổ chức hoạt động khám phá khoa học cho trẻ. Các học phần như *Môi trường và tổ chức hoạt động khám phá môi trường xung quanh cho trẻ mầm non*, *Tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm*

cho trẻ mầm non, Tích hợp trong giáo dục mầm non, Tâm lý học trẻ em, Sinh lý trẻ em, Môi trường và con người, Cơ sở văn hoá Việt Nam... được thiết kế chặt chẽ và liên kết với nhau tạo điều kiện cho sinh viên phát triển tư duy tích hợp và khả năng vận dụng linh hoạt trong thực hành.

Tác động của phương pháp giảng dạy và tổ chức học tập: Việc giảng viên áp dụng các phương pháp như dạy học dự án, dạy học theo tình huống, mô phỏng hoạt động thực tế... của giảng viên giúp sinh viên hình thành và phát triển kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH một cách chủ động, sáng tạo; phương pháp học qua trải nghiệm giúp sinh viên được tham gia thực hành, thực tập, dự giờ, tổ chức hoạt động tại các cơ sở mầm non là cơ hội để SV rèn luyện kỹ năng tổ chức thực tế, từ đó nâng cao sự tự tin và năng lực chuyên môn.

Sự hỗ trợ của cơ sở vật chất và học liệu: Trường ĐH Hoa Lư với trang thiết bị và học liệu hỗ trợ học tập gồm các phòng học chức năng, đồ dùng dạy học, học liệu số,... giúp sinh viên tiếp cận tốt hơn với các phương pháp khám phá khoa học, đặc biệt trong việc thiết kế và tổ chức các hoạt động mang tính trực quan, tương tác cao [34], [35]. Giáo trình chuyên sâu sử dụng theo giáo trình chính của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội và Trường Cao đẳng sư phạm trung ương; tài liệu tham khảo được biên soạn bài bản, khối lượng tài liệu đa dạng góp phần cung cấp nền tảng lý thuyết vững chắc và hướng dẫn thực hành cụ thể cho sinh viên.

Do vậy, chương trình đào tạo ảnh hưởng đến thái độ và nhận thức nghề nghiệp của sinh viên: Khơi dậy niềm yêu thích và trách nhiệm nghề nghiệp, giúp sinh viên hiểu rõ vai trò của hoạt động KPKH đối với sự phát triển toàn diện của trẻ, từ đó hình thành thái độ tích cực và ý thức trách nhiệm trong công tác tổ chức hoạt động này; tăng cường khả năng tự học, tự bồi dưỡng, tự tìm hiểu tài liệu, góp phần nâng cao khả năng học tập suốt đời [34], [35].

1.4.2. Năng lực đội ngũ giảng viên

Năng lực của đội ngũ giảng viên đóng vai trò quyết định trong việc hình thành và phát triển kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học cho sinh viên ngành GDMN. Đội ngũ giảng viên giỏi chuyên môn, giàu kinh nghiệm, nhiệt huyết và luôn đổi mới sẽ tạo ra môi trường học tập hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và chuẩn bị tốt cho SV bước vào nghề.

Ảnh hưởng từ trình độ chuyên môn và năng lực sư phạm của GV: Giảng viên có kiến thức vững chắc về khoa học tự nhiên, tâm lý học trẻ em, và phương pháp giáo dục mầm non sẽ giúp sinh viên hiểu rõ bản chất của hoạt động KPKH, từ đó xây dựng được các hoạt động phù hợp với đặc điểm của trẻ; giảng viên có kỹ năng sư phạm tốt, biết cách truyền đạt kiến thức sinh động, dễ hiểu sẽ tạo điều kiện cho sinh viên tiếp thu hiệu quả, khơi gợi hứng thú và khả năng sáng tạo trong quá trình học tập.

Khả năng hướng dẫn thực hành và tổ chức hoạt động mô phỏng của giảng viên: Những giảng viên từng có thời gian làm việc trực tiếp trong môi trường giáo dục ở cơ sở GDMN hoặc có kinh nghiệm tổ chức các hoạt động thực hành, mô phỏng sẽ giúp sinh viên hình dung cụ thể cách tổ chức hoạt động khám phá khoa học trong thực tế. Các GV chuyên ngành GDMN tại Trường ĐH Hoa Lư đều được thực hiện giáo dục trẻ theo CTĐT của trường Sư phạm, một số giảng viên đã từng là GVMN như Phạm Thị Thanh Vân, Lương Thị Hà, Đinh Thị Hồng Loan, Nguyễn Thị Hương Lan. Bên cạnh đó, khả năng tổ chức và đánh giá thực hành có vai trò quan trọng để nâng cao hiệu quả rèn luyện kỹ năng cho sinh viên, giúp sinh viên tự điều chỉnh và phát triển năng lực tổ chức hoạt động KPKH cho trẻ.

Đội ngũ giảng viên có năng lực có thể tác động đến động lực và thái độ học tập của sinh viên qua việc tạo cảm hứng học tập và định hướng nghề nghiệp cho sinh viên. Giảng viên nhiệt huyết, tâm huyết với nghề và có phong cách dạy học sáng tạo sẽ là tấm gương và nguồn động lực cho sinh viên, giúp họ có thái độ tích cực trong việc học tập và rèn luyện kỹ năng. Bên cạnh đó, giảng viên có thể xây dựng môi trường học tập thân thiện, tương tác trong đó giảng viên sẵn sàng hỗ trợ, khuyến khích sự sáng tạo, chấp nhận sự thử nghiệm sẽ giúp sinh viên tự tin hơn khi thử sức tổ chức hoạt động khám phá khoa học.

Đội ngũ giảng viên có năng lực có khả năng cập nhật đổi mới và nghiên cứu khoa học. Giảng viên không ngừng cập nhật các phương pháp giáo dục mới như STEM, STEAM, dạy học theo dự án,... sẽ giúp sinh viên được tiếp cận với cách tổ chức hoạt động khám phá khoa học hiện đại, phù hợp với xu hướng đổi mới giáo dục. Giảng viên có năng lực nghiên cứu khoa học và ứng dụng kết quả vào giảng dạy sẽ nâng cao chất lượng đào tạo, đồng thời giúp

sinh viên phát triển tư duy nghiên cứu, sáng tạo trong tổ chức hoạt động KPKH cho trẻ mầm non.

1.4.3. Cơ sở thực hành sư phạm thường xuyên và thực tập sư phạm

Trong quá trình đào tạo tại Trường Đại học Hoa Lư, SV ngành GDMN có 02 đợt kiến tập sư phạm – thực hành sư phạm thường xuyên (gồm 5 tín chỉ) và 02 đợt thực tập sư phạm tại trường MN (gồm 8 tín chỉ) [34], [35]. Ngoài ra, còn có một số học phần cũng khuyến khích SV tham quan, dự giờ và thực hành ở trường MN như học phần *Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục trẻ em, Phương pháp cho trẻ khám phá khoa học về môi trường xung quanh, Đánh giá trong giáo dục mầm non, Xây dựng môi trường giáo dục trong trường mầm non...* Việc thực hành, thực tập ở trường MN được quan tâm thực hiện trong quy trình đào tạo GVMN. Do đó, hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ tại trường MN có ảnh hưởng rất lớn đến việc hình thành, rèn luyện, phát triển các kỹ năng nghề nghiệp cho SV. Cụ thể:

Thực hành sư phạm thường xuyên và thực tập sư phạm giúp tăng cường tính thực tiễn và khả năng vận dụng kiến thức. Cơ sở thực hành và thực tập là nơi sinh viên được áp dụng các kiến thức đã học vào tình huống thực tế. Qua đó, sinh viên không chỉ hiểu rõ lý thuyết mà còn biết cách tổ chức hoạt động khám phá khoa học một cách linh hoạt, phù hợp với từng nhóm trẻ. Tại các cơ sở mầm non, sinh viên có cơ hội quan sát giáo viên tổ chức hoạt động khám phá, từ cách chuẩn bị, triển khai, xử lý tình huống đến đánh giá kết quả hoạt động. Những kinh nghiệm này giúp sinh viên học hỏi, tiếp thu và rút ra bài học cho bản thân.

Thực hành sư phạm thường xuyên và thực tập sư phạm rèn luyện kỹ năng tổ chức và điều chỉnh hoạt động. Trong thời gian thực hành hoặc thực tập, sinh viên được phân công trực tiếp tổ chức các hoạt động khám phá khoa học cho trẻ dưới sự hướng dẫn và giám sát của giáo viên. Đây là cơ hội quan trọng để sinh viên rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch, chuẩn bị đồ dùng, tổ chức hoạt động và tương tác với trẻ. Sau mỗi giờ dạy, sinh viên thường nhận được nhận xét từ giảng viên hướng dẫn và giáo viên tại trường mầm non. Những phản hồi này giúp sinh viên nhận ra điểm mạnh, điểm yếu, từ đó điều chỉnh và nâng cao kỹ năng tổ chức.

Thực hành sư phạm thường xuyên và thực tập sư phạm phát triển kỹ năng mềm và thái độ nghề nghiệp. Môi trường thực tế giúp SV phát triển các

kỹ năng mềm quan trọng trong tổ chức hoạt động, như giao tiếp hiệu quả với trẻ, điều phối nhóm, phối hợp với đồng nghiệp,... để rèn luyện kỹ năng giao tiếp, quản lý nhóm trẻ, làm việc nhóm. Qua thực hành, sinh viên hình thành ý thức trách nhiệm, tinh thần chủ động, khả năng thích nghi và thái độ nghiêm túc trong công việc – những yếu tố cần thiết để trở thành GVMN giỏi.

Thực hành sư phạm thường xuyên và thực tập sư phạm tạo động lực và tăng sự tự tin cho sinh viên. Khi được trực tiếp trải nghiệm việc giảng dạy, sinh viên dễ dàng cảm nhận được giá trị và ý nghĩa của nghề nghiệp, từ đó hình thành niềm yêu thích và gắn bó với nghề. Thực hành thành công một hoạt động khám phá khoa học giúp sinh viên củng cố sự tự tin và dần khẳng định năng lực tổ chức, tạo nền tảng cho công việc sau khi tốt nghiệp.

Như vậy, cơ sở thực hành sư phạm thường xuyên và thực tập sư phạm đóng vai trò quan trọng trong quá trình đào tạo giáo viên mầm non. Đây là môi trường học tập thực tiễn giúp sinh viên rèn luyện, củng cố và phát triển kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học một cách hiệu quả. Sự liên kết chặt chẽ giữa cơ sở đào tạo và các trường mầm non thực hành sẽ nâng cao chất lượng rèn luyện nghề nghiệp cho sinh viên, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non hiện nay.

1.4.4. Ý thức và khả năng tự rèn luyện của sinh viên

Ý thức học tập và khả năng tự rèn luyện đóng vai trò nền tảng trong việc phát triển kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH cho sinh viên ngành GDMN, là yếu tố nội lực giúp sinh viên không chỉ tiếp thu kiến thức một cách chủ động mà còn biết tự hoàn thiện bản thân, từ đó nâng cao năng lực nghề nghiệp và sẵn sàng đáp ứng yêu cầu công việc trong thực tế.

Ý thức học tập quyết định mức độ chủ động và trách nhiệm của sinh viên. Sinh viên có ý thức học tập tốt sẽ chủ động tìm hiểu tài liệu, học hỏi kinh nghiệm và tham gia tích cực vào các hoạt động trên lớp. Điều này giúp họ tiếp thu kiến thức nhanh chóng và sớm định hình kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học cho trẻ. Những sinh viên ý thức được vai trò và trách nhiệm của mình đối với sự phát triển của trẻ sẽ có động lực mạnh mẽ trong việc rèn luyện kỹ năng chuyên môn, đặc biệt là trong các hoạt động yêu cầu sự sáng tạo và khoa học như hoạt động khám phá.

Khả năng tự học và tự rèn luyện tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững. Khả năng tự học giúp sinh viên chủ động cập nhật các phương pháp

giáo dục mới (như dạy học tích hợp STEM, hoạt động trải nghiệm sáng tạo,...), từ đó nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động khám phá khoa học. Sinh viên có khả năng tự rèn luyện thường chủ động tham gia thực hành, tự thiết kế hoạt động, chuẩn bị đồ dùng, thử nghiệm tổ chức lớp học mô phỏng. Qua đó, họ hình thành kỹ năng tổ chức vững chắc và sáng tạo.

Thái độ tích cực giúp sinh viên vượt qua khó khăn trong quá trình học tập. Tổ chức hoạt động KPKH đòi hỏi khả năng xử lý tình huống, tương tác với trẻ và sáng tạo nội dung. Sinh viên có ý chí rèn luyện sẽ không ngại khó, dám thử sai, từ đó học hỏi và trưởng thành nhanh hơn. Sinh viên có thái độ học tập nghiêm túc sẽ biết lắng nghe góp ý của giảng viên, bạn bè và giáo viên hướng dẫn tại cơ sở thực hành, từ đó điều chỉnh bản thân để hoàn thiện kỹ năng.

Ý thức học tập và khả năng tự rèn luyện giúp sinh viên tự định hướng phát triển nghề nghiệp dài hạn. Sinh viên có năng lực tự định hướng thường biết mình cần phát triển những kỹ năng gì để trở thành một giáo viên giỏi. Họ sẽ ưu tiên học tập, rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động giáo dục, trong đó có khám phá khoa học – lĩnh vực quan trọng để phát triển tư duy cho trẻ. Ngoài chương trình đào tạo chính khóa, sinh viên có ý thức tự rèn luyện còn tích cực tham gia các khóa học kỹ năng, câu lạc bộ học thuật, hoạt động ngoại khóa hoặc dự giờ tại các cơ sở giáo dục mầm non để trau dồi năng lực tổ chức.

Kết luận chương 1

Tổ chức hoạt động KPKH giúp trẻ phát triển nhận thức, tư duy logic, khả năng đặt câu hỏi, thử nghiệm, suy luận và hình thành thái độ yêu thích học hỏi. Tổ chức hoạt động KPKH được hiểu là sự phối hợp giữa môi trường, phương pháp, hình thức tổ chức và vai trò định hướng của giáo viên để kích thích trẻ chủ động chiếm lĩnh tri thức thông qua trải nghiệm thực tiễn.

Kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH là tổng hợp các năng lực sư phạm đặc thù, bao gồm: lập kế hoạch, lựa chọn nội dung phù hợp, thiết kế môi trường giáo dục, triển khai hoạt động, hướng dẫn trẻ quan sát – thử nghiệm, sử dụng học liệu, xử lý tình huống và đánh giá quá trình học tập của trẻ. Việc hình thành kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH góp phần nâng cao năng lực nghề nghiệp toàn diện cho sinh viên ngành GDMN, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục theo hướng phát triển năng lực. Cấu trúc kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH của sinh viên bao gồm các nhóm kỹ năng: Lập kế hoạch hoạt động phù hợp độ tuổi, Thiết kế môi trường học tập kích thích khám phá, Triển khai hoạt động một cách linh hoạt, lấy trẻ làm trung tâm, Phối hợp với trẻ và gia đình trong quá trình tổ chức, Tư liệu hóa và đánh giá hoạt động KPKH.

Rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH là quá trình sư phạm gồm 3 giai đoạn: Nhận thức - Quan sát mẫu và làm thử theo mẫu - Luyện tập nhằm đạt mục đích phát triển kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH cho trẻ. Phương pháp rèn luyện kỹ năng rất đa dạng gồm học qua tình huống, mô phỏng – dự giờ – phân tích – rút kinh nghiệm, thực hành tại trường MN, nghiên cứu khoa học. Các hình thức rèn luyện gồm: Rèn luyện trong các học phần lý thuyết kết hợp thực hành; Thực tập, thực hành sư phạm thường xuyên; Tham gia dự giờ, hội thi; Làm đề tài nghiên cứu, khóa luận tốt nghiệp. Quá trình rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH chịu sự chi phối của nhiều yếu tố: Từ phía giảng viên, môi trường đào tạo, sự phối hợp giữa nhà trường và cơ sở thực hành, CTĐT...

Tóm lại, chương 1 đã làm rõ cơ sở lý luận về tổ chức hoạt động KPKH cho trẻ MN và các kỹ năng cần thiết mà sinh viên ngành phải hình thành. Quá trình này cần được thực hiện một cách toàn diện, linh hoạt và gắn kết chặt chẽ giữa lý thuyết – thực tiễn – phản tư. Đây là nền tảng để đào tạo đội ngũ GVMN đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay, góp phần phát triển toàn diện năng lực nhận thức khoa học ở trẻ mầm non.

Chương 2

THỰC TRẠNG RÈN LUYỆN KỸ NĂNG TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ KHOA HỌC CHO SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON

2.1. Vài nét về đào tạo sinh viên ngành Giáo dục Mầm non ở Trường Đại học Hoa Lư

2.1.1. Chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non

Chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Giáo dục mầm non (GDMN) trình độ Đại học của trường Đại học Hoa Lư (ĐHHL) được ban hành và sử dụng để đào tạo cử nhân ngành GDMN từ năm 2007.

Từ năm 2015, CTĐT ngành GDMN được chuyển đổi hình thức đào tạo từ niên chế sang học chế tín chỉ. Từ năm 2022 đến nay, CTĐT được thiết kế 135 tín chỉ bao gồm khối kiến thức Giáo dục đại cương và khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp. Trong đó, các học phần bắt buộc và tự chọn được xây dựng, sắp xếp theo tiến trình khoa học để đảm bảo trong 4 năm sinh viên được trang bị đầy đủ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp.

Năm 2025, CTĐT tiếp tục được rà soát, chỉnh sửa theo quy định của Quyết định số 4247/QĐ-BGDĐT ngày 12/12/2023, thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT ngày 05/02/2024 của Bộ Giáo dục & Đào tạo,... Đồng thời, CTĐT được cập nhật, bổ sung thêm nội dung về phòng, chống tham nhũng, quyền con người, bình đẳng giới, chuyển đổi số,... Ngoài ra, trong quá trình rà soát, cập nhật và phát triển, CTĐT tiếp tục lấy ý kiến các bên liên quan và thực hiện chỉnh sửa theo Kế hoạch số 191/KH-ĐHHL ngày 31/8/2023 của Hiệu trưởng Trường ĐHHL về việc cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài các CTĐT.

Trường Đại học Hoa Lư có đầy đủ điều kiện về đội ngũ, cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy, nghiên cứu. CTĐT ngành GDMN đã và đang nhận được những phản hồi tích cực từ phía người học và đơn vị sử dụng lao động [33], [34].

2.1.2. Học phần Môi trường và tổ chức hoạt động khám phá môi trường xung quanh cho trẻ mầm non

Học phần *Môi trường và tổ chức hoạt động khám phá MTXQ cho trẻ mầm non* thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc của CTĐT năm 2022, gồm 5 tín chỉ trong đó có 2 tín chỉ thuộc phần “Môi trường” do cán bộ giảng dạy thuộc Bộ môn Sinh học đảm nhiệm giảng dạy, 3 tín chỉ (2LT, 1TH) thuộc

phần “tổ chức hoạt động khám phá MTXQ cho trẻ mầm non” do cán bộ giảng dạy thuộc Bộ môn Nghiệp vụ Mầm non thực hiện giảng dạy.

Học phần trang bị kiến thức cơ bản về môi trường và tổ chức hoạt động khám phá môi trường xung quanh cho trẻ mầm non (Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của môn học; vai trò của tri thức đối với sự phát triển trẻ em, bản chất và đặc điểm quá trình lĩnh hội tri thức ở trẻ em; mục đích, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức, các phương tiện cho trẻ khám phá MTXQ; đánh giá hoạt động cho trẻ khám phá MTXQ)

Mục tiêu của học phần nhằm giúp sinh viên hiểu lí luận về môi trường và tổ chức hoạt động khám phá MTXQ; có năng lực lập kế hoạch, tổ chức và đánh giá hoạt động cho trẻ khám phá MTXQ ở trường mầm non theo quan điểm tích cực, phát triển kỹ năng làm việc theo nhóm; khả năng thuyết trình, thực hiện một số kỹ năng nghiên cứu trong hoạt động tổ chức cho trẻ khám phá MTXQ; có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm để nâng cao trình độ phát hiện, giải quyết vấn đề môi trường và cho trẻ khám phá MTXQ.

Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá được xác định cụ thể:

CDR học phần	TĐ NL	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	PP đánh giá
CLO1	K2	Diễn giải được những vấn đề lý luận về môi trường, tổ chức cho trẻ khám phá MTXQ	Thuyết giảng; Giải quyết vấn đề; Thảo luận	Trắc nghiệm Vấn đáp
CLO2	K3	Vận dụng được kiến thức cơ bản về khoa học trong phát hiện vấn đề môi trường, tổ chức cho trẻ khám phá MTXQ		
CLO3	S3	Có khả năng thuyết trình trong hoạt động tổ chức cho trẻ khám phá MTXQ	Thuyết trình; Tự học	Thuyết trình
CLO4	S2	Thực hiện một số kỹ năng nghiên cứu trong hoạt động tổ chức cho trẻ khám phá MTXQ	Học nhóm; Tự học	Bài tập
CLO5	S3	Lập kế hoạch cho trẻ khám phá MTXQ		Vấn đáp
CLO6	S3	Tổ chức cho trẻ khám phá MTXQ theo nhóm		Thực hành

CLO7	S4	Đánh giá hoạt động cho trẻ khám phá MTXQ	Thảo luận; Giải thích	Thực hành
------	----	---	--------------------------	--------------

Ngành GDMN cũng xác định rõ quan hệ giữa chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo gồm:

CDR học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo							
	PLO1.1	PLO1.3	PLO2.2			PLO2.6	PLO2.7	
	1.1.2	1.3.2	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.6.1	2.7.1	2.7.3
CLO1	K2	K2						
CLO2	K3	K3						
CLO3							S3	
CLO4						S2		
CLO5			S3					
CLO6				S3				S4
CLO7					S4			

Việc đánh giá quá trình học tập của sinh viên được xác định rõ:

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá thường xuyên				20%
A1.1	Đánh giá ý thức học tập GV đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric ý thức học tập		
A1.2	Kiểm tra trắc nghiệm GV đánh giá và lưu hồ sơ	Đề, đáp án thang điểm	CLO 1,2	
A1.3	Bài tập	Rubric bài tập	CLO4	
A1.4	Thực hành GV đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric thuyết trình Rubric thực hành	CLO 3,6,7	
A2. Đánh giá giữa học phần				30%
	Kiểm tra TN + tự luận. GV đánh giá và lưu hồ sơ	Đề, đáp án thang điểm	CLO 1,2,5	
A3. Đánh giá kết thúc học phần				50%
	Thi vấn đáp Khoa và Phòng QLCL tổ chức thi và lưu hồ sơ	Rubric vấn đáp	CLO 1,2,5	
Công thức tính điểm tổng kết:				
Điểm đánh giá học phần = $\frac{2A1+3A2+5A3}{10}$				

2.1.3. Sinh viên ngành Giáo dục mầm non ở Trường Đại học Hoa Lư tham gia khảo sát thực trạng

Sinh viên ngành GDMN ở Trường Đại học Hoa Lư tham gia khảo sát thực trạng qua phiếu trưng cầu ý kiến gồm 130 sinh viên nữ và 1 nam sinh ở lớp D15MN2. Điều này phù hợp với yêu cầu của nghề nghiệp cần sự mềm mại, kiên nhẫn và yêu thương trẻ nhỏ [34]. Tuổi trẻ năng động, linh hoạt và động lực nghề nghiệp xuất phát từ tình yêu trẻ, mong muốn đóng góp vào sự phát triển của thế hệ tương lai, kỳ vọng về một công việc ổn định trong lĩnh vực công lập [19] giúp các em thuận lợi tiếp thu kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp. Được đào tạo bài bản, các em sẵn sàng để trở thành cô giáo để dạy trẻ, là “bác sĩ” để chăm sóc, phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ, là “nghệ sĩ” có thể múa, hát, kể chuyện – ngâm thơ diễn cảm, vẽ - nặn – cắt – xé dán... và đặc biệt là trở thành người mẹ thứ hai để chăm sóc, yêu thương trẻ.

Tuy nhiên, sinh viên cũng phải đối mặt với nhiều thách thức trong tương lai như áp lực công việc cao, số lượng trẻ/lớp đông, thu nhập còn thấp so với công sức bỏ ra, và những kỳ vọng ngày càng cao từ phụ huynh và xã hội [38], ngay cả khoảng cách giữa lý thuyết và thực tiễn chăm sóc, giáo dục trẻ cũng là rào cản khiến nhiều sinh viên gặp khó khăn khi mới vào nghề [30].

Do đó, khi thực hiện CTĐT, giảng viên cần chú trọng phát triển các kỹ năng nghề nghiệp, trong đó có kỹ năng tổ chức các hoạt động KPKH cho SV.

2.2. Tổ chức khảo sát

2.2.1. Mục đích khảo sát

Khảo sát thực trạng rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH cho sinh viên ngành GDMN nhằm đánh giá thực tiễn giảng dạy, rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH và mức độ phát triển kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH của sinh viên, từ đó đề xuất biện pháp rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH cho sinh viên ngành GDMN tại Trường Đại học Hoa Lư.

2.2.2. Nội dung khảo sát

- Nhận thức của sinh viên về mức quan trọng của kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH.
- Khảo sát tự đánh giá kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH của sinh viên ngành Giáo dục Mầm non Trường Đại học Hoa Lư.
- Đánh giá kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH của sinh viên.

- Tìm hiểu mức độ khó khăn, thuận lợi của sinh viên trong quá trình rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH.

- Tìm hiểu nguyện vọng, đề xuất của sinh viên với giảng viên và nhà trường về việc rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH.

- Khảo sát việc rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH cho sinh viên của giảng viên dạy chuyên ngành Giáo dục Mầm non

2.2.3. Phạm vi khảo sát

- Khảo sát qua việc dạy – học học phần “Môi trường và tổ chức hoạt động khám phá môi trường xung quanh cho trẻ mầm non” với lớp D15MN1,2; lớp LT16MN; học phần “Phương pháp cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh” với các lớp D14MN1,2.

- Sinh viên tham gia khảo sát qua phiếu trưng cầu ý kiến: 131 sinh viên

- Sinh viên tham gia khảo sát kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH: 22 sinh viên LT16MN và 18 sinh viên D14MN1.

- Thời gian khảo sát: Từ tháng 12/2024 đến tháng 01/2025

2.2.4. Cách thức khảo sát

Bước 1: Tiến hành khảo sát

- Xây dựng phiếu trưng cầu ý kiến (**Phụ lục 3**), gửi link phiếu tới sinh viên các lớp D14MN1,2; D15MN1,2 và LT16MN để tìm hiểu nhận thức của sinh viên về mức quan trọng của kỹ năng tổ chức; đánh giá hoạt động KPKH; tìm hiểu mức độ khó khăn, thuận lợi của sinh viên trong quá trình rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH và nguyện vọng, đề xuất của sinh viên với giảng viên và nhà trường về việc rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH.

- Quan sát quá trình thực hành tổ chức hoạt động KPKH của 18 sinh viên lớp D14MN1 (Nhóm đối chứng) thuộc đoàn thực tập sư phạm trường MN Khánh Cường và trường mầm non Khánh Thiện; 22 sinh viên lớp LT16MN (Nhóm thực nghiệm) và nghiên cứu kế hoạch giáo dục của sinh viên để đánh giá kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH.

- Tiến hành đàm thoại, trao đổi ý kiến với giảng viên giảng dạy học phần “Môi trường và tổ chức hoạt động khám phá môi trường xung quanh cho trẻ mầm non”, học phần “Phương pháp cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh” nhằm làm sáng tỏ và cụ thể hóa các nội dung khảo sát, đồng thời xác định nguyên nhân của thực trạng.

Bước 2: Xử lý kết quả khảo sát

Bước 3: Phân tích thực trạng và tìm ra nguyên nhân ảnh hưởng đến thực trạng.

2.2.5. Tiêu chí đánh giá kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học của sinh viên ngành Giáo dục mầm non

2.2.5.1. Tiêu chí và thang đánh giá (Phụ lục 1)

Áp dụng thang đo 5 mức độ theo nghiên cứu Nguyễn Công Khanh theo công thức:

$$K = \frac{n-1}{n} = \frac{5-1}{5} = 0,8$$

Ta có thang đánh giá kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH của sinh viên:

Mức độ	Sau 1 TC	Sau 5 TC
Kém	1 - < 1,8	5 - < 9
Yếu	1,8 - < 2,6	9 - < 13
Trung bình	2,6 - < 3,4	13 - < 17
Khá	3,4 - < 4,2	17 - < 21
Tốt	4,2 - ≤ 5	21 - ≤ 25

2.2.5.2. Phiếu đánh giá (Phụ lục 2)

2.2.5.3. Bài tập đánh giá kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học của sinh viên ngành Giáo dục Mầm non

Đề tài đánh giá thực trạng kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH của sinh viên qua việc tổ chức thực hành các loại tiết:

Loại tiết	Độ tuổi	Đề tài
Khám phá một đối tượng	MGN	Tái chế giấy
Khám phá 1 số đối tượng	MGB	Củ cải, cà rốt
Phân nhóm đối tượng	MGL	Phân nhóm trang phục

2.3. Kết quả khảo sát thực trạng

2.3.1. Sinh viên tự đánh giá về kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học

2.3.1.1. Nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học

Bảng 2.1. Vai trò của kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học

Mức độ quan trọng	Lựa chọn	Tỷ lệ %
Quan trọng	125	95.4
Bình thường	6	4.6
Không quan trọng	0	0

Bảng 2.1. cho thấy phần lớn sinh viên xác định được tầm quan trọng của việc rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH khi tham gia học tập theo Chương trình đào tạo ngành GDMN tại trường Đại học.

Giải thích cho sự lựa chọn này, một số sinh viên chia sẻ các lý do:

- *Phù hợp với mục tiêu đào tạo giáo viên mầm non, sinh viên cần phải hình thành và phát triển năng lực tổ chức các hoạt động KPKH cho trẻ mầm non giúp trẻ phát triển nhận thức, tư duy và ngôn ngữ.*

- *Việc rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH giúp em nắm vững phương pháp giáo dục khoa học cho trẻ; biết xây dựng kế hoạch, lựa chọn nội dung, phương pháp, hình thức phù hợp với độ tuổi; phát triển khả năng quan sát, đánh giá và xử lý tình huống sư phạm.*

- *GDMN hiện nay nhấn mạnh đến việc phát triển năng lực và phẩm chất của trẻ thông qua hoạt động trải nghiệm, khám phá, trong đó hoạt động KPKH đóng vai trò quan trọng. SV cần rèn luyện kỹ năng này ngay khi học ở trường sư phạm để đáp ứng yêu cầu đổi mới khi ra trường.*

- *Việc được rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH giúp em tự tin, chủ động và hiệu quả hơn trong các đợt kiến tập, thực tập cũng như sau khi ra trường đi làm.*

- *GVMN chia sẻ là hoạt động KPKH, khám phá xã hội thực sự rất khó để tổ chức hiệu quả, em cần cố gắng quan tâm rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động này để đỡ sai sót khi đi dạy trẻ...*

Điều này cho thấy sinh viên thực sự biết quan tâm đến việc rèn kỹ năng nghề nghiệp trong đó có kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH cho bản thân trong quá trình học tập tại Trường.

2.3.1.2. *Sinh viên tự đánh giá về kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học cho trẻ mầm non của bản thân*

Bảng 2.2. Mức phát triển kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH của sinh viên

Mức độ Kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH	Cao	TB	Thấp	$\overline{X}$	δ	Thứ bậc
	3	2	1			
Nhóm KN lập kế hoạch tổ chức hoạt động KPKH						
1. Xác định nội dung KP phù hợp độ tuổi	112	18	1	2.85	0.38	2
2. Xác định mục tiêu hoạt động	111	19	1	2.84	0.39	6
3. Thiết kế các hoạt động theo chuỗi trải nghiệm	111	18	2	2.83	0.41	12
4. Dự kiến tình huống sư phạm và cách giải quyết	105	24	2	2.79	0.45	25
5. Dự kiến cách đánh giá trong kế hoạch	110	19	2	2.82	0.42	16

Nhóm KN tạo môi trường cho trẻ KPKH						
1. Lựa chọn và bố trí không gian	112	18	1	2.85	0.38	2
2. Lựa chọn, sắp xếp học liệu	111	19	1	2.84	0.39	6
3. Tạo cơ hội cho trẻ trải nghiệm đa giác quan	111	18	2	2.83	0.41	12
4. Thay đổi và làm mới môi trường giáo dục	108	23	0	2.82	0.38	16
5. Quan sát – điều chỉnh theo tương tác của trẻ	105	26	0	2.80	0.40	21
Nhóm KN triển khai hoạt động cho trẻ mầm non KPKH						
1. Khởi gợi hứng thú cho trẻ	113	17	1	2.85	0.37	2
2. Hướng dẫn trẻ khám phá có hệ thống...	111	19	1	2.84	0.39	6
3. Xử lý tình huống sự phạm	110	20	1	2.83	0.40	12
4. Tự liệu hóa các hoạt động sự phạm	108	23	0	2.82	0.38	16
5. Kết thúc và củng cố kiến thức	112	19	10	2.85	0.35	2
6. Đánh giá quá trình và điều chỉnh linh hoạt	108	22	1	2.82	0.41	16
Nhóm các KN phối hợp với trẻ và gia đình						
1. Lắng nghe và quan tâm đến trẻ	112	17	2	2.84	0.41	6
2. Khuyến khích trẻ tham gia tích cực	115	16	0	2.88	0.33	1
3. Chủ động trao đổi với PH về chủ đề khám phá	80	29	22	2.44	0.77	28
4. Tổ chức hoạt động có phụ huynh tham gia	75	30	26	2.37	0.80	30
5. Phản hồi và trao đổi th.xuyên với PH	80	28	23	2.44	0.78	28
6. Hướng dẫn PH phát triển hoạt động tại nhà	80	30	21	2.45	0.76	27
Nhóm kỹ năng đánh giá việc tổ chức hoạt động cho trẻ KPKH						
1. Xác định được tiêu chí đánh giá	112	17	2	2.84	0.41	6
2. Quan sát và ghi nhận hoạt động KPKH của trẻ	105	24	2	2.79	0.45	25
3. Thu thập phản hồi từ trẻ và giáo viên h.đẫn	105	26	0	2.80	0.40	21
4. Tự đánh giá hoạt động của bản thân	110	20	1	2.83	0.40	12
5. Đề xuất điều chỉnh, cải tiến	108	22	1	2.82	0.41	16

Dựa trên kết quả khảo sát sinh viên tự đánh giá bảng 2.2 về kỹ năng này, có thể phân tích như sau:

Thứ nhất, mức độ tự đánh giá theo nhóm kỹ năng: Sinh viên cho rằng hầu hết các kỹ năng của họ đạt mức tốt, trong đó:

- Nhóm KN triển khai hoạt động cho trẻ mầm non KPKH được tự đánh giá là thực hiện tốt nhất, với số thứ tự trung bình là 8.5. Các kỹ năng *Khởi gợi, ghi nhận và khích lệ trẻ khám phá, Kết thúc và củng cố kiến thức* có điểm trung bình 2.85 (xếp hạng 2), thể hiện sự chủ động và tích cực trong việc hỗ trợ trẻ tham gia. Các kỹ năng *Hướng dẫn trẻ quan sát, Sử dụng đồ dùng, học*

liệu hiệu quả... được sinh viên thừa nhận tốt ở mức thứ 6. Kỹ năng xử lý tình huống sư phạm còn hạn chế mdo sinh viên chưa bao quát tốt hoạt động khám phá của trẻ. Cả kết quả tự đánh giá của sinh viên và kết quả quan sát hoạt động thực hành của các em, chúng tôi nhận định rằng kỹ năng *Tư liệu hóa các hoạt động sư phạm* và *Đánh giá quá trình để điều chỉnh linh hoạt hoạt động KPKH của trẻ* còn rất hạn chế, sinh viên chưa thường xuyên thực hiện do học chủ yếu tập trung vào việc thực hiện đủ trình tự của kế hoạch hoạt động.

- Nhóm KN tạo môi trường cho trẻ KPKH được sinh viên tự đánh giá trung bình ở thứ bậc 10.8 trong đó sinh viên cho rằng họ thực hiện tốt nhất kỹ năng *Lựa chọn và bố trí không gian*, sau đó là kỹ năng *Lựa chọn, sắp xếp học liệu*. Các kỹ năng còn lại xếp ở bậc 12 đến 21. Trong thực tế, sinh viên còn nhiều hạn chế trong việc xây dựng và sử dụng môi trường giáo dục cho trẻ KPKH vì các em thực hành trong không gian mô phỏng lớp học mầm non tại trường đại học. Không gian đó hạn chế nhất định đến kỹ năng tạo môi trường của sinh viên. Hầu hết các em chỉ tập trung vào việc chuẩn bị đối tượng cho trẻ khám phá, chưa chú trọng sắp xếp không gian lớp học phù hợp với việc khám phá đối tượng.

- Nhóm kỹ năng lập kế hoạch tổ chức hoạt động KPKH được đánh giá ở bậc thứ 3 trong bảng xếp loại với bậc trung bình là 11.2. Kỹ năng *Xác định nội dung KP phù hợp độ tuổi* được đánh giá xếp hạng 1, tiếp theo là kỹ năng *Xác định mục tiêu hoạt động*. Sinh viên cũng thừa nhận họ còn hạn chế hơn cả ở nhóm kỹ năng này là *Dự kiến tình huống sư phạm và cách giải quyết*, tiếp đến là kỹ năng *Dự kiến cách đánh giá trong kế hoạch*. Nhìn chung, SV đánh giá khá cao về khả năng chuẩn bị kế hoạch tổ chức hoạt động nhưng còn thiếu tự tin khi dự đoán và xử lý các tình huống bất ngờ.

- Nhóm kỹ năng đánh giá hoạt động KPKH đứng ở nhóm bậc thứ tư trong bảng xếp thứ bậc với thứ tự là 11.6. Sinh viên xác định được tiêu chí đánh giá, có thể tự đánh giá và đề xuất phương án điều chỉnh để tiến bộ hơn. Sinh viên tự nhận thấy họ hạn chế trong việc thu thập phản hồi từ trẻ; quan sát và ghi nhận hoạt động KPKH của trẻ. Điều này phản ánh sinh viên nhìn nhận tương đối đồng đều về khả năng đánh giá hoạt động nhưng chưa có kỹ năng nào thực sự nổi bật.

- Nhóm kỹ năng phối hợp với trẻ và gia đình xếp ở bậc thấp nhất với mức xếp loại trung bình là 20.7. Kỹ năng được đánh giá cao nhất toàn bảng là *Khuyến khích trẻ tham gia tích cực* (2.88 điểm, thứ bậc 1), với độ lệch chuẩn thấp nhất (0.33), thể hiện sự đồng thuận cao từ sinh viên. Nhìn chung, sinh viên có kỹ năng tương tác, phối hợp với trẻ khá tốt nhưng chưa thực sự lắng nghe, quan tâm đến nhu cầu khám phá của trẻ để chọn đối tượng và nội dung khám phá mà chỉ thực hiện quan tâm trẻ, khuyến khích trẻ tích cực tham gia khi tổ chức hoạt động khám phá. Trái lại, cả 4 kỹ năng phối hợp với gia đình trẻ thì sinh viên đều rất hạn chế, nhất là kỹ năng *Tổ chức hoạt động có phụ huynh tham gia*.

Thứ hai, phân tích theo tiêu chí thống kê:

Tiêu chí	Kỹ năng tương ứng	Giá trị
$\bar{x}$ cao nhất	Khuyến khích trẻ tham gia tích cực	2.88
$\bar{x}$ thấp nhất	Tổ chức hoạt động có phụ huynh tham gia	2.37
δ thấp nhất (ổn định)	Khuyến khích trẻ tham gia tích cực	0.33
δ cao nhất	Tổ chức hoạt động có phụ huynh tham gia	0.80
Thứ bậc cao nhất	Khuyến khích trẻ tham gia tích cực	1
Thứ bậc thấp nhất	Tổ chức hoạt động có phụ huynh tham gia	30

Từ kết quả phân tích trên, có thể rút ra một số nhận định: Sinh viên tự tin hơn với các kỹ năng triển khai hoạt động KPKH và tương tác với trẻ nhưng các kỹ năng phối hợp với phụ huynh là điểm yếu rõ rệt, phản ánh sự thiếu thực hành trong môi trường thực tế. Độ lệch chuẩn ở một số kỹ năng khá cao, chứng tỏ mức độ phát triển kỹ năng giữa các sinh viên còn chênh lệch, cần có chiến lược bồi dưỡng cá nhân hóa.

Như vậy, việc sinh viên tự đánh giá kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH cho thấy họ đã có nền tảng vững vàng trong các khâu lập kế hoạch và triển khai cơ bản. Tuy nhiên, để nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng yêu cầu thực tiễn, giảng viên cần chú trọng hơn đến việc tăng cường rèn luyện kỹ năng xử lý tình huống sư phạm; mở rộng cơ hội hợp tác với phụ huynh trong các hoạt động giáo dục; tổ chức các buổi thực hành mô phỏng, kiến tập thực tế có sự hướng dẫn của giảng viên, GVMN.

2.3.1.3. Sinh viên tự đánh giá mức độ thực hiện và mức độ hiệu quả rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH tại Trường Đại học Hoa Lư

Bảng 2.3. Mức thực hiện và hiệu quả rèn kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH

TT	Nội dung	Mức độ thực hiện			$\overline{X}$	δ	Thứ bậc	Mức độ hiệu quả			$\overline{X}$	δ	Thứ bậc
		TX	TT	KBG				C	TB	Th			
		3	2	1				3	2	1			
1.	Tìm hiểu đặc điểm tâm sinh lí của trẻ MN	113	17	1	2.85	0.37	6	113	17	1	2.85	0.37	4
2.	Tìm hiểu cơ sở vật chất, thiết bị, môi trường ...	113	17	1	2.85	0.37	6	113	17	1	2.85	0.37	4
3.	Dự giờ dạy của GVMN	113	18	0	2.86	0.35	5	112	18	1	2.85	0.38	4
4.	Xác định nội dung, hoạt động...	111	19	1	2.84	3.09	10	113	17	1	2.85	0.37	4
5.	Xác định mục đích, yêu cầu ...	114	17	0	2.87	0.34	3	115	15	1	2.87	0.36	3
6.	Thiết kế các hoạt động ...	116	14	1	2.88	0.35	1	116	14	1	2.88	0.35	2
7.	Xác định trình tự tổ chức ...	116	14	1	2.88	0.35	1	116	15	0	2.89	0.32	1
8.	Chuẩn bị điều kiện tổ chức hoạt động...	112	18	1	2.85	0.38	6	113	17	1	2.85	0.37	4
9.	Tổ chức thực hiện...	115	15	1	2.87	0.36	3	113	16	2	2.85	0.40	4
10.	Tư liệu hoá	109	21	1	2.82	0.40	11	109	21	1	2.82	0.40	11
11.	Trao đổi, góp ý, đánh giá ...	111	19	1	2.84	3.09	10	109	21	1	2.82	0.40	11

Kết quả khảo sát ở bảng 2.3 cho thấy:

Thứ nhất, mức độ thực hiện các nội dung rèn luyện kỹ năng KPKH

Phần lớn sinh viên tự đánh giá mức độ thực hiện các hoạt động rèn kỹ năng KPKH ở mức khá cao. Cụ thể: Mức điểm trung bình cao nhất (2.88) gồm *Thiết kế các hoạt động để đạt mục tiêu KPKH* (Thứ bậc 1) và *Xác định trình tự tổ chức hoạt động KPKH cho trẻ mầm non* (Thứ bậc 1). Mức điểm trung bình thấp nhất (2.82): *Tư liệu hoá hoạt động KPKH cho trẻ*.

Thực tế quan sát việc tổ chức hoạt động KPKH của sinh viên, chúng tôi thấy việc tự đánh giá của các em có phần đúng, đó là SV biết tìm hiểu cơ sở vật chất, thiết bị, môi trường trước khi lập kế hoạch hoạt động; có được dự giờ GVMN thực hiện trên trẻ thực tại một số trường mầm non qua hoạt động thực hành sư phạm thường xuyên; các kỹ năng lập kế hoạch của các em thực hiện tương đối tốt. Một số em cũng thể hiện sự nghiêm túc và tích cực khi tham gia đánh giá, góp ý giờ dự. Tuy nhiên, sinh viên các lớp chính quy chưa biết hoặc chưa có cơ hội tìm hiểu thực tế đặc điểm tâm sinh lý của trẻ MN mà mới tìm hiểu qua giáo trình, tài liệu học tập. Kỹ năng tư liệu hoá hoạt động dạy học trong giờ KPKH còn rất hạn chế do các em chưa sử dụng phiếu ghi chép, phiếu học tập hay lưu giữ hình ảnh hoạt động của trẻ bằng camera...

Thứ hai, mức độ hiệu quả rèn luyện kỹ năng KPKH:

Về hiệu quả đạt được của quá trình rèn luyện, sinh viên cũng có những đánh giá tương đối cao: Mức hiệu quả cao nhất (2.89): *Xác định trình tự tổ chức hoạt động KPKH cho trẻ mầm non* (Thứ bậc 1). Hiệu quả thấp nhất (2.82): *Tư liệu hoá và Đánh giá* (xếp hạng 11). Đa số các nội dung còn lại có điểm hiệu quả dao động từ 2.83–2.87, cho thấy hiệu quả rèn luyện được đánh giá cao nhưng chưa thực sự đồng đều giữa các nội dung.

Tóm lại, việc sinh viên tự đánh giá mức độ thực hiện và hiệu quả rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH tại Trường Đại học Hoa Lư cho thấy chương trình đào tạo đã đáp ứng tốt về mặt lý thuyết và lập kế hoạch. Tuy nhiên, việc nâng cao cơ hội thực hành thực tế là điều kiện tiên quyết để cải thiện toàn diện năng lực tổ chức hoạt động giáo dục, đặc biệt là hoạt động khám phá khoa học – một thành tố thiết yếu trong GDMN hiện đại.

2.3.1.4. Đánh giá của sinh viên về mức độ thuận lợi trong quá trình rèn luyện kỹ năng tổ chức các hoạt động KPKH tại Trường Đại học Hoa Lư

Bảng 2.4. Mức thuận lợi, khó khăn rèn kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH

TT	Mức độ Nội dung	Thuận lợi	Bình thường	Khó khăn	$\overline{X}$	δ	Thứ tự
		3	2	1			
1.	Thời lượng thực hành, thực tế	103	26	2	2.77	0.46	17
2.	Tài liệu học chuẩn và phong phú	107	23	1	2.81	0.41	10
3.	Chương trình đào tạo toàn khóa	108	22	1	2.82	0.41	3
4.	Kiến thức khoa học tự nhiên, xã hội	106	23	2	2.79	0.44	14
5.	Chương trình học tập học phần ...	108	23	0	2.82	0.38	3
6.	Môi trường học tập	107	24	0	2.82	0.39	3
7.	Tinh thần sáng tạo của sinh viên	108	21	2	2.81	0.43	10
8.	Sự hướng dẫn của giảng viên	111	20	0	2.83	0.40	2
9.	Sự hỗ trợ của cố vấn học tập	109	21	1	2.82	0.40	3
10.	Sự phối hợp làm việc nhóm của SV	111	19	1	2.84	3.09	1
11.	Kỹ năng giao tiếp sư phạm của SV	110	19	2	2.82	0.42	3
12.	Kỹ năng quản lý trẻ của SV	109	20	2	2.82	0.43	3
13.	Động lực học tập của sinh viên	109	21	1	2.82	0.40	3
14.	Vấn đề tài chính liên quan đến chuẩn bị MT tổ chức hoạt động	107	23	1	2.81	0.41	10
15.	Kinh nghiệm thực tiễn của SV	106	23	2	2.79	0.44	14
16.	Sự trao đổi, thảo luận với sinh viên các lớp khác, các khóa khác	104	25	2	2.78	0.45	16
17.	Trường MN thực hành SPTX	107	22	2	2.80	0.44	13

Bảng khảo sát 17 yếu tố ảnh hưởng đến mức độ thuận lợi trong quá trình rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH của sinh viên. Mức đánh giá dựa trên thang điểm 3 (thuận lợi), 2 (bình thường), 1 (khó khăn), với các chỉ số thống kê gồm điểm trung bình (TB), độ lệch chuẩn (δ) và thứ tự xếp hạng.

Với các yếu tố thuận lợi nổi bật nhất: Sự phối hợp làm việc nhóm của sinh viên là yếu tố được đánh giá cao nhất (TB = 2.84, thứ hạng 1). Điều này cho thấy sinh viên có tinh thần làm việc nhóm tốt, hỗ trợ nhau trong quá trình rèn luyện kỹ năng tổ chức KPKH. Sự hướng dẫn của giảng viên xếp thứ 2 (TB = 2.83), phản ánh vai trò tích cực, hiệu quả của giảng viên trong việc đồng hành và hỗ trợ sinh viên. Các yếu tố khác có điểm trung bình cao và đồng hạng 3 (TB = 2.82) gồm: Chương trình đào tạo toàn khóa, Chương trình học tập học phần, Môi trường học tập, Sự hỗ trợ của cố vấn học tập, Kỹ năng giao tiếp sư phạm, Kỹ năng quản lý trẻ, Động lực học tập của sinh viên. Như

vậy, những yếu tố thuộc về tổ chức đào tạo, môi trường học tập, và kỹ năng cá nhân đều được sinh viên đánh giá cao và là nền tảng thuận lợi cho việc rèn luyện kỹ năng tổ chức KPKH.

Với các yếu tố có mức thuận lợi trung bình: Các yếu tố như tài liệu học chuẩn và phong phú, tinh thần sáng tạo của sinh viên, vấn đề tài chính đều có TB = 2.81 (xếp thứ 10), cho thấy mức độ thuận lợi ở mức tương đối. Trường mầm non thực hành sư phạm thường xuyên (SPTX) được đánh giá ở mức trung bình thấp (TB = 2.80, xếp thứ 13), phản ánh môi trường thực hành vẫn chưa được xem là lợi thế nổi bật trong quá trình học tập.

Các yếu tố còn hạn chế (thuận lợi thấp nhất): Thời lượng thực hành, thực tế có điểm trung bình thấp nhất (TB = 2.77, xếp hạng 17), độ lệch chuẩn cao (0.46). Điều này cho thấy sinh viên cảm nhận rằng thời gian thực hành dành cho rèn luyện kỹ năng KPKH chưa đủ, ảnh hưởng đến việc hình thành năng lực thực tiễn. Sự trao đổi, thảo luận với sinh viên lớp/khóa khác (TB = 2.78, hạng 16) cũng là điểm hạn chế, cho thấy cơ hội giao lưu học hỏi giữa các sinh viên chưa được khai thác hiệu quả. Kinh nghiệm thực tiễn của sinh viên (TB = 2.79, hạng 14) là yếu tố tiếp theo cho thấy sinh viên còn thiếu trải nghiệm thực tế trong việc tổ chức hoạt động cho trẻ.

Như vậy, các yếu tố thuộc về nội lực của sinh viên (động lực học tập, kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm) và sự hỗ trợ từ nhà trường (giảng viên, chương trình đào tạo, cố vấn học tập) được đánh giá là thuận lợi nhất. Những yếu tố liên quan đến trải nghiệm thực tiễn như thời lượng thực hành, môi trường SPTX, và cơ hội giao lưu với SV khác còn hạn chế, ảnh hưởng đến quá trình rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH.

Giảng viên nên tăng cường thời lượng cho sinh viên thực hành, kiến tập, thực tập tại các cơ sở mầm non; tổ chức các buổi giao lưu, thảo luận liên khóa, liên lớp để sinh viên học hỏi kinh nghiệm; đa dạng hóa hình thức tiếp cận thực tế, như các buổi dự giờ, mô phỏng sư phạm, tổ chức hoạt động mẫu.

Tóm lại, phân tích mức độ thuận lợi trong quá trình rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH cho thấy sinh viên Trường Đại học Hoa Lư có được nền tảng vững chắc từ môi trường học tập, chương trình đào tạo, và đội ngũ giảng viên. Tuy nhiên, cần tăng cường các yếu tố thực hành và thực tiễn để sinh viên được phát triển toàn diện năng lực nghề nghiệp, đặc biệt là kỹ năng

tổ chức hoạt động giáo dục khám phá khoa học – một thành phần thiết yếu trong giáo dục mầm non hiện đại.

2.3.1.5. *Đánh giá của sinh viên về phương pháp/biện pháp rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học hiệu quả nhất*

Bảng 2.5. Biện pháp rèn kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH hiệu quả

TT	Biện pháp	Lựa chọn	Tỷ lệ %
1	Thực hành thực tế tại các trường mầm non	121	92.4
2	Thảo luận nhóm và xây dựng kế hoạch hoạt động	95	72.5
3	Quan sát video hoặc hình ảnh về các giờ học KPKH	95	72.5
4	Học lý thuyết kết hợp mô phỏng thực tế trong lớp học	98	84.8

Kết quả khảo sát ở bảng 2.5 cho thấy:

Biện pháp *Thực hành thực tế tại các trường mầm non* (92.4%) được sinh viên đánh giá là biện pháp rèn luyện hiệu quả nhất. Điều này phản ánh rằng việc được trực tiếp tham gia giảng dạy và tổ chức hoạt động tại các cơ sở mầm non giúp sinh viên vận dụng lý thuyết vào thực tiễn một cách cụ thể, rõ ràng; sinh viên có cơ hội quan sát, tương tác và xử lý tình huống sư phạm thực tế, từ đó hình thành kỹ năng tổ chức linh hoạt, phù hợp với từng đối tượng trẻ.

Học lý thuyết kết hợp mô phỏng thực tế trong lớp học (84.8%), đây là biện pháp xếp thứ hai. Việc mô phỏng ngay trong lớp học có ưu điểm giúp sinh viên thực hành trong môi trường an toàn, có hướng dẫn; tăng tính chủ động, tự tin cho sinh viên khi chưa có cơ hội tiếp cận trực tiếp với trẻ mầm non; kết hợp được giữa nền tảng lý thuyết và thực hành, tạo sự gắn kết giữa kiến thức và kỹ năng nghề.

Biện pháp *Thảo luận nhóm và xây dựng kế hoạch hoạt động* được đánh giá cao ở mức độ hợp tác và phát triển tư duy chuyên môn, với 72.5% sinh viên đồng thuận. Thảo luận nhóm giúp sinh viên tăng khả năng phân tích và lập kế hoạch tổ chức hoạt động phù hợp với mục tiêu giáo dục; chia sẻ ý tưởng, học hỏi kinh nghiệm từ nhau, qua đó hoàn thiện kỹ năng tổ chức và xây dựng nội dung hoạt động khám phá khoa học.

Quan sát video hoặc hình ảnh các giờ học KPKH: Tuy không tương tác trực tiếp, nhưng biện pháp này vẫn được 72.5% sinh viên lựa chọn vì cung cấp mô hình trực quan sinh động, giúp sinh viên hình dung rõ quy trình tổ

chức hoạt động; dễ dàng thực hiện trong điều kiện lớp học, có thể kết hợp với phân tích và thảo luận sau quan sát để tăng hiệu quả học tập.

Kết quả trên nói lên rằng tính ưu tiên thực hành thực tế được thể hiện rõ ràng qua việc phần lớn sinh viên đánh giá cao biện pháp "thực hành tại trường mầm non" và "mô phỏng thực tế". Các biện pháp mang tính hỗ trợ như thảo luận nhóm và quan sát video cũng đóng vai trò quan trọng, nhưng nên được sử dụng kết hợp, không tách rời thực hành. Điều này cho thấy sinh viên nhận thức được rằng kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH không thể hình thành từ lý thuyết đơn thuần, mà cần được rèn luyện qua trải nghiệm và phản hồi thực tiễn.

Dựa trên kết quả phân tích, chúng tôi có thể đề xuất một số hướng nhằm nâng cao hiệu quả rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH: Tăng cường thời lượng và chất lượng thực hành tại các trường mầm non, gắn kết với nội dung môn học cụ thể. Tổ chức các tiết học mô phỏng, tổ chức hoạt động mẫu có phản hồi, giúp sinh viên nâng cao kỹ năng tổ chức, xử lý tình huống. Xây dựng ngân hàng video, hình ảnh về các giờ học KPKH đa dạng độ tuổi, bối cảnh để sinh viên quan sát và phân tích. Khuyến khích sinh viên làm việc nhóm, tự xây dựng kế hoạch và tổ chức thử nghiệm các hoạt động trong môi trường lớp học.

Tóm lại, qua tự đánh giá, sinh viên Trường Đại học Hoa Lư đã nhận thức rõ giá trị của thực hành thực tế và mô phỏng sư phạm trong việc hình thành kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học. Kết hợp các biện pháp lý thuyết, thảo luận, quan sát với hoạt động thực tiễn sẽ tạo nên quá trình rèn luyện toàn diện và hiệu quả hơn, giúp sinh viên đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp khi trở thành giáo viên mầm non trong tương lai.

2.3.1.6. Một số kinh nghiệm của sinh viên trong việc rèn luyện kỹ năng tổ chức các hoạt động KPKH tại Trường Đại học Hoa Lư

Sinh viên chia sẻ khá phong phú các kinh nghiệm rèn luyện kỹ năng tổ chức các hoạt động KPKH tại Trường Đại học Hoa Lư. Kinh nghiệm của các em được nhóm nghiên cứu tổng hợp thành 3 nhóm chính như sau:

- Tích lũy kiến thức về việc cho trẻ KPKH:
- + Chủ động tìm hiểu lý thuyết ở các sách, giáo trình, tài liệu tham khảo có liên quan để nắm vững kiến thức cơ bản về đặc điểm nhận thức của trẻ

mầm non, phương pháp giáo dục tích cực và cách thiết kế hoạt động khám phá phù hợp với từng độ tuổi.

- + Tìm hiểu đặc điểm tâm sinh lí lứa tuổi trẻ MN, tìm hiểu kinh nghiệm hiện tại của trẻ về đề tài, đối tượng khám phá khoa học.

- + Xác định thông tin cho trẻ khám phá đảm bảo tính chính xác

- Chủ động rèn luyện các kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH:

- + Áp dụng vào thực tế những kỹ năng đã học vào việc tổ chức hoạt động khám phá cho trẻ. Linh hoạt điều chỉnh hoạt động theo biểu hiện của trẻ
Cần thực hành thực tế ở trường MN để học hỏi thêm được nhiều kinh nghiệm thực tiễn, quan sát ghi chép lại và xây dựng kế hoạch tổ chức các HĐ KPKH

- + Luyện tập thiết kế hoạt động khám phá theo chủ đề, luyện tập cách đặt câu hỏi mở, tạo tình huống kích thích trẻ suy nghĩ và tìm tòi. Bản thân cần tìm tòi, khám phá, và sáng tạo hơn trong cách tổ chức hoạt động khám phá khoa học. Tận dụng các nguyên liệu từ thiên nhiên hoặc phế liệu gần gũi để tiết học đa dạng, hứng thú. Sử dụng các phương pháp dạy học tích hợp để tiết tập giảng được thú vị

- + Chuẩn bị đồ dùng đầy đủ, chuẩn bị kỹ nội dung, lựa chọn nội dung phù hợp, sử dụng đồ dùng trực quan sinh động và đặt câu hỏi mở để khơi gợi hứng thú, tư duy cho trẻ. Sáng tạo trong cách dẫn dắt trẻ đồng thời cần kiên nhẫn và linh hoạt trong xử lý tình huống sư phạm.

- + Phải nhiệt tình, chủ động tìm tòi nghiên cứu nhiệm vụ được giao.

- + Thực hành nhiều. Học lí thuyết kết hợp với mô phỏng thực tế

- + Tìm hiểu thêm các hoạt động KPKH trên Internet để có thêm nhiều ý tưởng sáng tạo giúp hoạt động thú vị hơn

- + Tham gia thực hành thực tế nhiều hơn, quan sát videos trong các giờ học ở lớp. Làm thực hành nhiều, không ngại khó, ngại khổ.

- + Tổ chức nhiều các thí nghiệm cho trẻ quan sát

- Tích cực học hỏi từ giảng viên, giáo viên mầm non, bạn học

- + Được hướng dẫn và phản hồi từ giảng viên: Sau mỗi lần thực hành, giảng viên nhận xét cụ thể giúp sinh viên rút kinh nghiệm và cải thiện dần kỹ năng tổ chức, cách giao tiếp với trẻ, cách xử lý tình huống trong lớp học.

- + Lắng nghe lời cô giảng

+ Trực tiếp quan sát GVMN tổ chức hoạt động KPKH, từ đó học hỏi cách điều hành lớp, xử lý tình huống và hướng dẫn trẻ tham gia khám phá một cách chủ động, tích cực.

+ Tích cực tham gia thảo luận nhóm khi chuẩn bị bài giảng, học hỏi được nhiều ý tưởng hay từ bạn bè, đồng thời biết cách phối hợp với các thành viên để tổ chức hoạt động một cách linh hoạt và sáng tạo.

+ Tham gia vào các câu lạc bộ, nhóm nghiên cứu và các buổi hội thảo khoa học

2.3.1.7. Kiến nghị/đề xuất của sinh viên với giảng viên bộ môn và Nhà trường

Bên cạnh những sinh viên không có ý kiến đề xuất, nhất là đề xuất với Nhà trường, nhiều sinh viên chia sẻ những kiến nghị/đề xuất với giảng viên phụ trách giảng dạy học phần. Đề tài chia nhóm những vấn đề sinh viên đề xuất mà giảng viên đã và đang thực hiện và tiếp tục nghiên cứu để thực hiện:

Bảng 2.6: Kiến nghị, đề xuất của sinh viên

Những vấn đề đã/đang thực hiện	Những vấn đề GV sẽ nỗ lực thực hiện
Đổi mới phương pháp: dạy học theo tình huống, dạy học hợp tác nhóm... Khuyến khích sinh viên tự thiết kế hoạt động, sau đó trình bày và nhận phản hồi từ giảng viên và các bạn.	Đổi mới phương pháp giảng dạy: học theo dự án, giúp sinh viên chủ động tiếp cận, tìm hiểu và tổ chức hoạt động khám phá khoa học hiệu quả hơn.
Giảng viên tổ chức nhiều buổi thực hành mô phỏng lớp học mầm non, trong đó sinh viên đóng vai cô giáo và trẻ em để thực hành tổ chức hoạt động KPKH. Sử dụng video hoạt động KPKH thực tế để sinh viên quan sát, phân tích và rút kinh nghiệm.	Tăng cường hơn nữa hoạt động thực hành, mô phỏng
Gắn lý thuyết với thực tiễn: Tổ chức tham quan, kiến tập tại các cơ sở giáo dục mầm non để sinh viên có cơ hội quan sát, trải nghiệm thực tế và học hỏi từ các giáo viên đang dạy trẻ.	Nếu được Nhà trường cho phép, mời giáo viên mầm non đang công tác tại các trường tham gia chia sẻ kinh nghiệm thực tế trong việc tổ chức hoạt động KPKH.
Ứng dụng công nghệ: Hướng dẫn sinh viên sử dụng các phần mềm,	Tăng cường hướng dẫn sinh viên sử dụng các phần mềm công nghệ thông

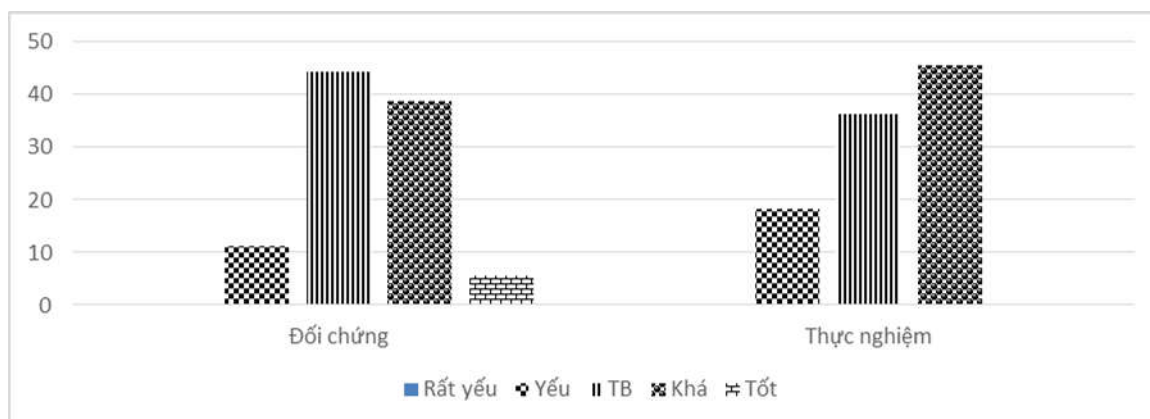
PowerPoint, trình chiếu video... để thiết kế giáo án và tổ chức hoạt động KPKH sinh động, hấp dẫn.	tin, trí tuệ nhân tạo
Giảng viên giới thiệu các sách tham khảo cập nhật các xu hướng mới	Giới thiệu thêm nhiều sách tham khảo cập nhật các xu hướng mới, bổ sung thêm đồ dùng dạy học
Cá nhân hóa và phản hồi kịp thời: Giảng viên nên quan tâm đến từng sinh viên, đưa ra nhận xét cá nhân, góp ý cụ thể để sinh viên cải thiện kỹ năng tổ chức hoạt động; khích lệ sinh viên phản hồi ngược lại về cách giảng dạy, từ đó điều chỉnh phương pháp phù hợp hơn.	
Giảng viên luôn đồng hành, hỗ trợ và tạo môi trường học tập sáng tạo, cởi mở để sinh viên tự tin thể hiện năng lực của bản thân. Khuyến khích sáng tạo trong thiết kế hoạt động bằng cách sử dụng vật liệu tái chế, thiên nhiên hoặc các tình huống gần gũi với địa phương giúp sinh viên tự tin hơn, sáng tạo hơn và sẵn sàng áp dụng kiến thức vào thực tiễn khi ra trường.	

2.3.2. Thực trạng kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học của sinh viên ngành Giáo dục mầm non

2.3.2.1. Thực trạng kỹ năng lập kế hoạch hoạt động cho trẻ mầm non khám phá khoa học

Bảng 2.7: Thực trạng kỹ năng lập kế hoạch hoạt động KPKH

Mức Nhóm	Rất yếu		Yếu		TB		Khá		Tốt		$\bar{X}$	δ
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
ĐC	0	0	2	11.1	8	44.4	7	38.9	1	5.56	3.55	0.57
TN	0	0	4	18.2	8	36.4	10	45.5	0	0	3.02	0.55



Biểu 2.1: Thực trạng kỹ năng lập kế hoạch hoạt động KPKH

Kết quả khảo sát 22 sinh viên lớp D6LT (nhóm thực nghiệm) và 18 sinh viên lớp D14MN1 (nhóm đối chứng) ở bảng 2.7 và biểu 2.1. cho thấy thực trạng kỹ năng lập kế hoạch hoạt động KPKH như sau:

- Đánh giá theo các mức độ phát triển kỹ năng

Cả hai nhóm không có SV nào ở mức rất yếu. Mức yếu của nhóm thực nghiệm nhiều hơn nhóm đối chứng là 7.1%. Tỷ lệ mức trung bình của nhóm đối chứng nhiều hơn nhóm thực nghiệm nhưng mức khá lại ít hơn nhóm thực nghiệm. Riêng mức tốt, nhóm đối chứng có 5.56% nhưng nhóm thực nghiệm chưa có sinh viên nào đạt mức này. Nhìn chung, nhóm thực nghiệm chưa thành thạo trong kỹ năng lập kế hoạch hoạt động KPKH; cả hai nhóm đều hạn chế kỹ năng dự đoán tình huống sự phạm và dự kiến cách giải quyết, dự kiến cách đánh giá trong kế hoạch.

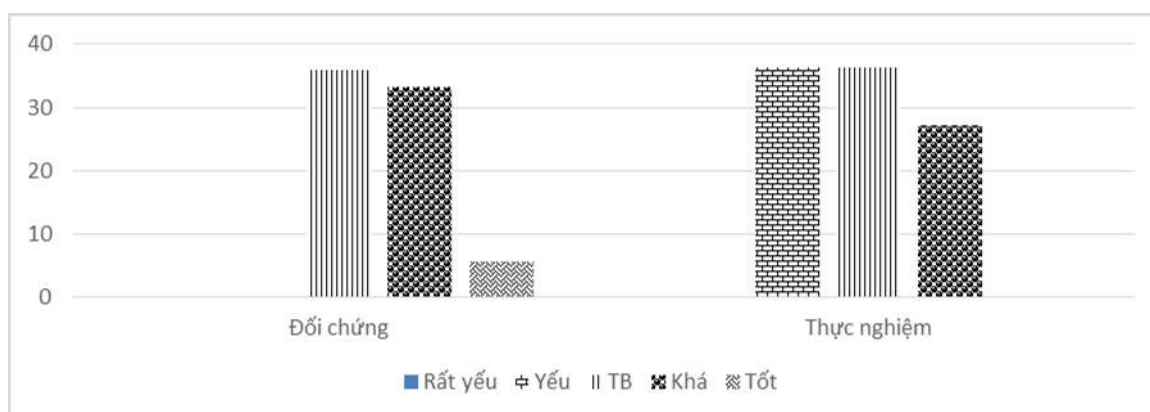
- Theo điểm trung bình: Nhóm đối chứng đạt điểm trung bình ở mức khá còn nhóm thực nghiệm đạt mức trung bình cận khá. Như vậy, có sự chênh lệch rõ rệt về kỹ năng lập kế hoạch hoạt động KPKH giữa hai nhóm.

- Theo độ lệch chuẩn (δ): Nhóm đối chứng có độ lệch chuẩn cao hơn nhóm thực nghiệm là 0.02. Nhìn chung, kỹ năng lập kế hoạch hoạt động KPKH của sinh viên trong hai nhóm tương đối đồng đều nhưng đều chưa đạt mức thành thực.

2.3.2.2. Thực trạng kỹ năng tạo môi trường giáo dục cho trẻ khám phá khoa học an toàn, hiệu quả

Bảng 2.8: Thực trạng kỹ năng tạo môi trường giáo dục

Mức Nhóm	Rất yếu		Yếu		TB		Khá		Tốt		$\bar{X}$	δ
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
ĐC	0	0	0	0	11	36.00	6	33.33	1	5.56	3.33	0.50
TN	0	0	8	36.40	8	36.40	6	27.27	0	0	2.96	0.45



Biểu 2.2: Thực trạng kỹ năng tạo môi trường giáo dục

Bảng 2.8 và biểu 2.2. thể hiện thực trạng kỹ năng tạo môi trường giáo dục của sinh viên như sau:

- Theo các mức độ phát triển kỹ năng

Cả hai nhóm đều không có sinh viên đạt mức “rất yếu”. Nhóm đối chứng không có mức yếu, nhóm thực nghiệm có tới 36.4% sinh viên ở mức này. Đa số sinh viên cả 2 nhóm đều ở mức TB, tiếp theo là mức Khá. 5.56% sinh viên nhóm đối chứng đạt mức tốt do sinh viên này không chỉ biết lựa chọn và sắp xếp không gian phù hợp, kích thích tư duy của trẻ, cho trẻ trải nghiệm đa giác quan khi khám phá đối tượng như trẻ tự sờ vào các loại giấy, tự xé ngâm giấy, giã giấy hoặc xúc giấy vụn đã ngâm mềm bỏ vào máy xay, tự nhấn nút máy (cô hỗ trợ giữ máy, cắm điện), tự lọc, xeo, phơi giấy tái chế...

- Theo điểm trung bình:

Nhóm đối chứng có điểm trung bình tiệm cận mức khá. Nhóm thực nghiệm đạt mức trung bình cận thấp. Điểm trung bình cho thấy nhóm đối chứng có kỹ năng tạo môi trường giáo dục cao hơn nhóm thực nghiệm. Tuy nhiên, cả hai đều chưa đạt mức khá, cần có giải pháp nâng cao kỹ năng thực hành cụ thể.

- Theo độ lệch chuẩn (δ):

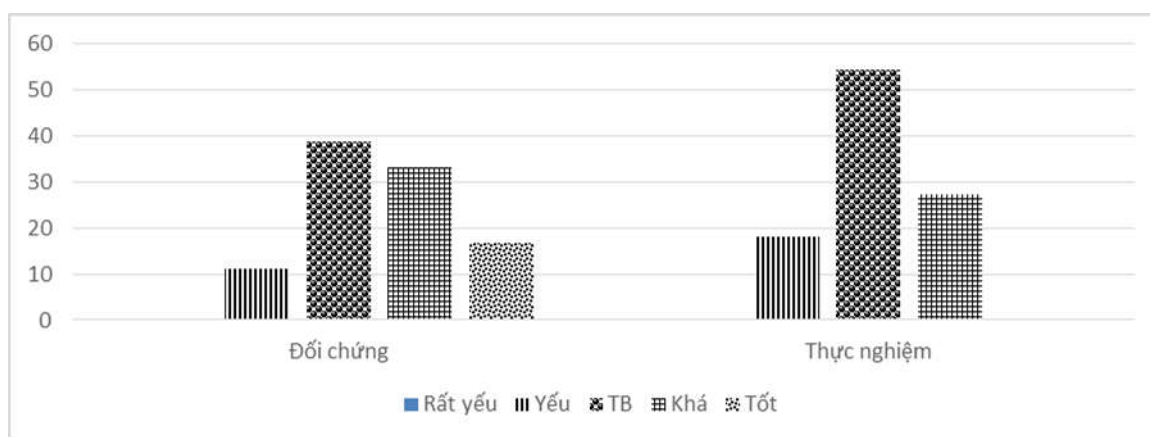
Cả hai nhóm có độ lệch chuẩn khá thấp, phản ánh mức độ đồng đều về năng lực giữa các sinh viên trong cùng một nhóm. Nhóm đối chứng có độ lệch chuẩn nhỏ hơn, cho thấy có sự phân hóa nhẹ về năng lực so với nhóm thực nghiệm. Như vậy, sự khác biệt giữa các cá nhân trong nhóm đối chứng cao hơn, dù không đáng kể, nhưng cũng cần được quan tâm trong tổ chức đào tạo.

Tóm lại, kỹ năng tạo môi trường giáo dục cho trẻ KPKH của 2 nhóm sinh viên đa phần chỉ ở mức trung bình và khá, SV chưa thực sự làm chủ kỹ năng thiết kế, tổ chức, điều chỉnh và đổi mới môi trường học tập cho trẻ.

2.3.2.3. Thực trạng kỹ năng triển khai hoạt động cho trẻ khám phá khoa học

Bảng 2.9: Thực trạng kỹ năng triển khai hoạt động KPKH

Mức Nhóm	Rất yếu		Yếu		TB		Khá		Tốt		$\bar{X}$	δ
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
ĐC	0	0	2	11.11	7	38.89	6	33.33	3	16.67	3.55	0.83
TN	0	0	4	18.18	12	54.55	6	27.27	0	0	3.23	0.49



Biểu 2.3: Thực trạng kỹ năng triển khai hoạt động KPKH

Bảng 2.9 và biểu 2.3. thể hiện thực trạng kỹ năng triển khai hoạt động KPKH của sinh viên như sau:

- Theo các mức độ phát triển kỹ năng

Cả hai nhóm không có sinh viên nào đặt mức rất yếu. Đa số sinh viên ở mức trung bình trong đó nhóm thực nghiệm có mức trung bình nhiều hơn nhóm đối chứng là 15.66%. Tuy nhiên, mức khá của nhóm đối chứng lại cao hơn nhóm thực nghiệm, và nhóm đối chứng có 16.67% đạt mức tốt trong khi nhóm thực nghiệm không có sinh viên nào đạt mức này.

Sinh viên cả hai nhóm đều thực hiện tốt kỹ năng khởi động, khơi gợi hứng thú cho trẻ; tổ chức hướng dẫn trẻ khám phá các đối tượng, phần lớn tổ chức tốt hoạt động củng cố và kết thúc giờ khám phá. Sinh viên nhóm đối chứng xử lý tình huống sự phạm kém hơn nhóm thực nghiệm do sinh viên nhóm thực nghiệm đang trực tiếp dạy trẻ ở trường mầm non nên có kinh nghiệm hơn trong báo quát trẻ và xử lý tình huống. Kỹ năng đánh giá quá trình và tư liệu hoá hoạt động sự phạm của cả hai nhóm đều hạn chế mặc dù nhóm đối chứng có tiến bộ hơn nhưng sự khác biệt không đáng kể.

- Theo điểm trung bình

Nhóm đối chứng có điểm trung bình đạt mức khá còn nhóm thực nghiệm đạt mức trung bình cận khá. Như vậy, kỹ năng triển khai hoạt động KPKH của sinh viên tốt hơn so với các kỹ năng còn lại.

- Theo độ lệch chuẩn (δ)

Nhóm đối chứng có độ lệch chuẩn cao gấp đôi nhóm đối chứng, do trong nhóm có sinh viên mã D14MN09 rất chậm chạp, hạn chế cả trong hầu hết các kỹ năng hướng dẫn trẻ KPKH, sinh viên D14MN08 cũng thường xuyên bị phân tán khi thực hiện nhiệm vụ tổ chức hoạt động KPKH. Như vậy,

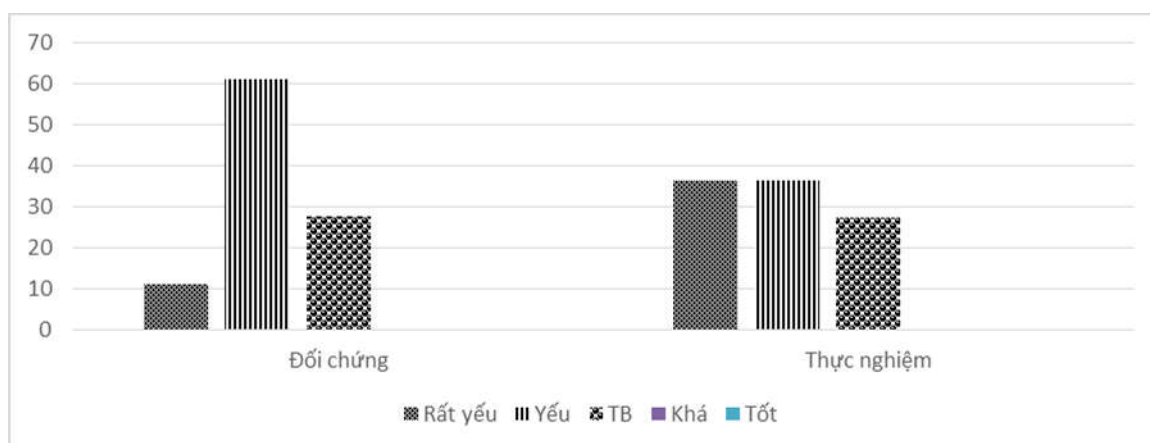
nhóm đối chứng tuy có kỹ năng triển khai hoạt động KPKH khá hơn nhưng không đồng đều; nhóm thực nghiệm ít chênh lệch giữa các thành viên nhưng hạn chế hơn về nhóm kỹ năng triển khai hoạt động KPKH và hạn chế đồng đều.

Tóm lại, mặc dù kỹ năng triển khai hoạt động KPKH của hai nhóm tốt hơn các kỹ năng còn lại nhưng sinh viên chưa có sự linh hoạt và sáng tạo trong xử lý tình huống thực tế, đánh giá trẻ theo quá trình và đặc biệt là kỹ năng tư liệu hoá hoạt động giáo dục.

2.3.2.4. Thực trạng kỹ năng phối hợp với trẻ và gia đình

Bảng 2.10: Thực trạng kỹ năng phối hợp với trẻ và gia đình

Nhóm \ Mức	Rất yếu		Yếu		TB		Khá		Tốt		$\bar{X}$	δ
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
ĐC	2	11.11	11	61.11	5	27.78	0	0	0	0	2.38	0.64
TN	8	36.36	8	36.36	6	27.27	0	0	0	0	2.21	0.55



Biểu 2.4: Thực trạng kỹ năng phối hợp với trẻ và gia đình

Bảng 2.10 và biểu 2.4. thể hiện thực trạng kỹ năng phối hợp với trẻ và gia đình của sinh viên như sau:

- Theo các mức độ phát triển kỹ năng

Cả hai nhóm đều có tỷ lệ sinh viên ở mức “rất yếu” và “yếu” rất cao, chỉ có hơn 27% sinh viên đạt mức trung bình. Không có sinh viên nào đạt mức “khá” hoặc “tốt”. Đây là kỹ năng yếu nhất trong các kỹ năng được khảo sát. Sinh viên ở cả hai nhóm chỉ thực hiện tốt hơn các kỹ năng phối hợp với trẻ như lắng nghe và quan tâm đến trẻ, khuyến khích trẻ tham gia hoạt động. Các kỹ năng phối hợp với phụ huynh của hai nhóm đều hạn chế, nhóm thực

nghiệm có kết quả cao hơn nhóm đối chứng nhưng sự khác biệt chưa có ý nghĩa kiểm định.

Đây cũng là hạn chế lớn nhất của việc tổ chức thực hành bộ môn tại trường đại học, nơi mà hoạt động dạy trẻ chỉ mang tính minh họa, lấy bạn làm trẻ, không có cơ hội cho sinh viên tiếp cận dạy trẻ thực và tiếp xúc với phụ huynh của trẻ.

- Theo điểm trung bình

Cả hai nhóm đều đạt điểm trung bình thuộc mức “yếu”, theo thang đo đã nêu trong tiêu chí đánh giá. Phần lớn sinh viên chưa thực hiện được hiệu quả kỹ năng phối hợp với phụ huynh.

- Theo độ lệch chuẩn (δ)

Độ lệch chuẩn tương đối nhỏ cho thấy các sinh viên trong mỗi nhóm có trình độ tương đồng nhau và đều ở ngưỡng yếu. Điều này phản ánh tính phổ biến của điểm yếu trong kỹ năng này.

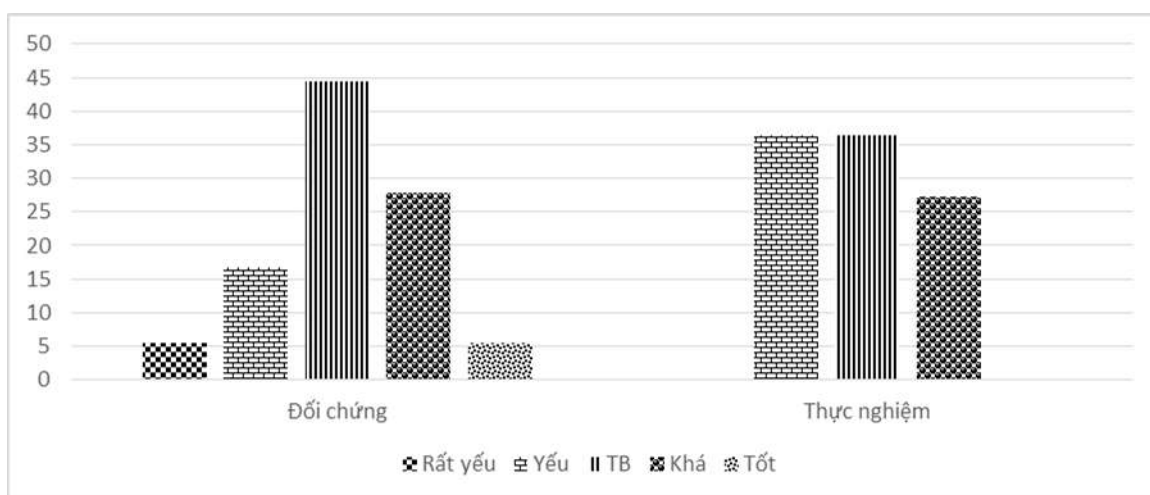
Tóm lại, kỹ năng phối hợp với trẻ và gia đình là mảng yếu nhất trong 5 nhóm kỹ năng đánh giá đối với sinh viên ngành GDMN. Tình trạng không có sinh viên nào đạt mức khá hoặc tốt, cùng điểm trung bình chỉ ở mức yếu, cho thấy sự thiếu hụt kinh nghiệm, nhận thức và thực hành trong kết nối với gia đình và trẻ. Nguyên nhân do SV thiếu trải nghiệm thực tiễn trong bối cảnh gia đình và cộng đồng vì hoạt động thực hành được thực hiện trên bạn học tại Trường ĐH Hoa Lư.

Để khắc phục tình trạng trên, giảng viên nên tăng cường các buổi thực hành mô phỏng: tình huống làm việc với phụ huynh, tổ chức hoạt động có sự tham gia của gia đình; lồng ghép nội dung giáo dục kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, tham vấn vào chương trình đào tạo; tổ chức các hội thảo, diễn đàn giao lưu sinh viên - phụ huynh – giáo viên để sinh viên tiếp cận thực tiễn và học hỏi kinh nghiệm phối hợp với phụ huynh.

2.3.2.5. Thực trạng kỹ năng đánh giá việc tổ chức hoạt động KPKH

Bảng 2.11: Thực trạng kỹ năng đánh giá việc tổ chức hoạt động KPKH

Mức Nhóm	Rất yếu		Yếu		TB		Khá		Tốt		$\overline{X}$	δ
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
ĐC	1	5.56	3	16.67	8	44.44	5	27.78	1	5.56	3.05	0.88
TN	0	0	8	36.36	8	36.36	6	27.27	0	0	2.89	0.55



Biểu 2.5: Thực trạng kỹ năng đánh giá việc tổ chức hoạt động KPKH

Bảng 2.11 và biểu 2.5. thể hiện thực trạng kỹ năng đánh giá việc tổ chức hoạt động KPKH của sinh viên như sau:

- Theo các mức độ phát triển kỹ năng

Kỹ năng đánh giá của nhóm đối chứng trải đều ở các mức độ trong đó chủ yếu ở mức trung bình, tiếp theo là mức khá nên biểu đồ kỹ năng hơi lệch phải. Nhóm thực nghiệm tuy không có sinh viên nào mức rất yếu nhưng cũng không có ai ở mức tốt, mức yếu và mức trung bình bằng nhau, cao hơn mức khá. Hầu hết sinh viên xác định được tiêu chí đánh giá, có thể tự đánh giá bản thân và có thể đề xuất điều chỉnh, cải tiến cho lần sau. Kỹ năng quan sát và ghi nhận hoạt động KHPK của trẻ và kỹ năng thu thập phản hồi từ trẻ và giảng viên hướng dẫn có hạn chế hơn.

Nhìn chung, năng lực đánh giá hoạt động KPKH còn hạn chế về tư duy phản biện, kỹ năng phân tích và điều chỉnh sau hoạt động.

- Theo điểm trung bình ($\bar{X}$)

Cả hai nhóm đều nằm trong khoảng trung bình (2.89 – 3.05). Sinh viên chưa phát triển đầy đủ các kỹ năng cần thiết để phản ánh, đánh giá và cải tiến hoạt động giáo dục – vốn là năng lực then chốt trong đào tạo GVMN hiện đại.

- Theo độ lệch chuẩn (δ)

Nhóm thực nghiệm có độ lệch chuẩn nhỏ hơn cho thấy kỹ năng của sinh viên trong nhóm đồng đều nhưng kém hơn nhóm đối chứng. Nhóm đối chứng có độ lệch chuẩn lớn hơn, tức là có sự phân hóa rõ rệt về kỹ năng đánh giá, tồn tại một số SV có điểm số cao và thấp hơn nhiều so với phần còn lại.

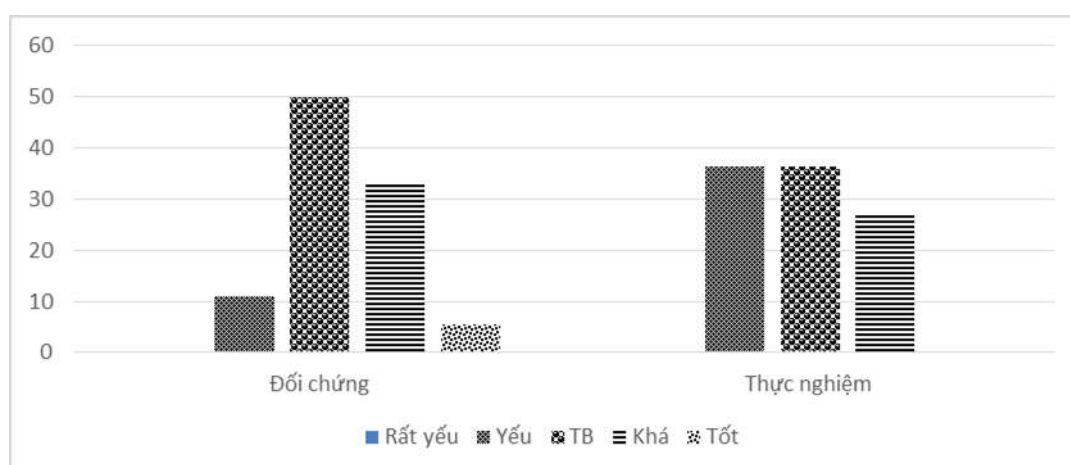
Như vậy, kỹ năng đánh giá hoạt động KPKH của SV hiện chỉ ở mức trung bình. Tỷ lệ SV đạt mức “khá” còn rất hạn chế (hơn 27%), còn lại chủ

yếu là yếu và trung bình, chỉ có 1 sinh viên lớp D14MN1 đạt mức tốt. Điều này cho thấy sự thiếu hụt trong kỹ năng phản hồi, điều chỉnh, tự đánh giá và thu thập dữ liệu từ thực tiễn. Đây là kỹ năng chưa được SV chú trọng khi thực hành nhưng lại là kỹ năng đóng vai trò quan trọng trong việc cải tiến chất lượng giáo dục và đảm bảo sự phát triển liên tục của trẻ. Giảng viên cần tăng cường giảng dạy lồng ghép kỹ năng đánh giá sự phạm trong các môn học và đợt thực tập; hướng dẫn SV sử dụng các công cụ đánh giá hiện đại (phiếu quan sát, checklist, nhật ký giáo viên...) trong thực hành; hướng dẫn SV cách phân tích phản hồi từ trẻ và phụ huynh để điều chỉnh kế hoạch hiệu quả; tổ chức hoạt động phản tư (reflective practice) sau mỗi buổi thực hành để SV rèn luyện tư duy đánh giá.

2.3.2.6. Thực trạng kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH

Bảng 2.12: Thực trạng kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH

Nhóm \ Mức	Rất yếu		Yếu		TB		Khá		Tốt		$\bar{X}$	δ
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
Đối chứng	0	0	2	11.11	9	50.00	6	33.33	1	5.56	15.85	3.27
Thực nghiệm	0	0	8	36.36	8	36.36	6	27.27	0	0	14.31	2.50



Biểu 2.6: Thực trạng kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH

Bảng 2 thể hiện thực trạng kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH của sinh viên 2 nhóm như sau:

Theo các mức độ phát triển kỹ năng, cả hai nhóm không có sinh viên ở mức rất yếu. Các kỹ năng của nhóm đối chứng tốt hơn. Nhóm đối chứng có tỷ lệ sinh viên mức yếu ít hơn nhóm thực nghiệm, có tỷ lệ sinh viên mức trung

bình nhiều hơn nhóm thực nghiệm. Nhóm đối chứng còn có 5.56% sinh viên đạt mức tốt mà nhóm thực nghiệm chưa có. Các kỹ năng lập kế hoạch và triển khai hoạt động KPKH của nhóm đối chứng đạt mức khá (3.55 điểm), cao hơn nhóm thực nghiệm và cao hơn các kỹ năng còn lại. Cả hai nhóm đều chưa thành thạo, thiếu linh hoạt khi thực hiện các kỹ năng phối hợp với gia đình trẻ trong đó nhóm đối chứng chủ yếu đạt 0 điểm ở kỹ năng tổ chức hoạt động có phụ huynh tham gia. Các nhóm kỹ năng tạo môi trường giáo dục, đánh giá việc tổ chức KPKH đều ở mức trung bình, trong đó nhóm đối chứng thực hiện các kỹ năng này linh hoạt hơn nhóm thực nghiệm. SV chưa tự tin thực hiện thói quen phản tư, phân tích kết quả hoạt động để điều chỉnh cho phù hợp.

Điểm trung bình của cả hai nhóm đều nằm trong mức “trung bình” theo thang đánh giá. Nhóm đối chứng cao hơn nhóm thực nghiệm 1.54 điểm. Như vậy, sinh viên chưa đạt được độ thành thạo cần thiết và có sự khác biệt nhẹ giữa hai nhóm.

Nhóm thực nghiệm có độ lệch chuẩn nhỏ hơn nhóm đối chứng là 0.77. Điều này cho thấy kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH của nhóm thực nghiệm đồng đều và cùng hạn chế hơn nhóm đối chứng.

Theo giá trị kiểm định, với $n_1 = 18$, $\overline{X}_1 = 15.85$, $n_2 = 22$, $\overline{X}_2 = 14.31$; $\delta_1 = 3.27$ và $\delta_2 = 2.50$ ta có $T = 1.644$. Đối chiếu với bảng tra giá trị kiểm định với độ tin cậy 95% ta có: với $n = 18$ thì $T_\alpha = 1.734$; với $n = 22$ thì $T_\alpha = 1.717$. Vậy $T < T_\alpha$, có nghĩa là sự chênh lệch giữa hai nhóm không có giá trị kiểm định, kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH của sinh viên ở hai nhóm tương đương nhau, đều ở mức trung bình cận thấp theo thang đánh giá.

Tóm lại, sinh viên chưa đạt mức thành thạo trong việc tổ chức hoạt động KPKH cho trẻ mầm non. Kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH ở mức trung bình, nhóm kỹ năng phối hợp với trẻ và gia đình (nhất là các kỹ năng phối hợp với phụ huynh của trẻ) còn yếu. Chỉ có 1 sinh viên nhóm đối chứng đạt mức “tốt”. Các kỹ năng "kỹ thuật" như lập kế hoạch, triển khai thực hiện hoạt động KPKH có kết quả cao hơn. Các kỹ năng còn lại đều hạn chế hơn. Do vậy, để nâng cao kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH của sinh viên, giảng viên cần sử dụng các biện pháp tác động phù hợp hơn khi giảng dạy học phần *Môi trường và tổ chức hoạt động khám phá môi trường xung quanh cho trẻ mầm non*.

Bảng phân tích số liệu cho thấy không có kỹ năng nào của 2 nhóm đạt mức “tốt”, điều này thể hiện kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH của sinh viên chưa đạt mức thành thạo và sáng tạo. Kỹ năng lập kế hoạch và triển khai có điểm số cao hơn, sinh viên có phần mạnh hơn ở giai đoạn đầu và giữa quá trình tổ chức hoạt động. Kỹ năng phối hợp với trẻ và gia đình yếu nhất, cả điểm trung bình và tỷ lệ mức phát triển đều thấp. Kỹ năng đánh giá hoạt động còn hạn chế, cho thấy sinh viên chưa có thói quen phản tư, phân tích kết quả hoạt động để điều chỉnh cho phù hợp. Độ lệch chuẩn dao động từ 0.45 đến 2.95, trong đó nhóm 2 có sự phân hóa rõ rệt hơn, phản ánh chất lượng đào tạo chưa đồng đều.

Như vậy, sinh viên chưa đạt mức thành thạo trong việc tổ chức hoạt động KPKH cho trẻ mầm non. Năng lực phân lớn ở mức trung bình, một số còn yếu, không có ai đạt mức “tốt”. Các kỹ năng "kỹ thuật" như lập kế hoạch, triển khai thực hiện được rèn luyện nhiều hơn, nên có kết quả tốt hơn. Tuy nhiên, các kỹ năng "tác động" như phối hợp với gia đình, đánh giá hoạt động vẫn còn là điểm yếu. Sự khác biệt giữa các nhóm cho thấy tác động từ môi trường học tập, phương pháp giảng dạy hoặc hướng dẫn thực hành là rất quan trọng.

2.3.3. Việc rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học cho sinh viên của giảng viên dạy chuyên ngành Giáo dục Mầm non

2.3.3.1. Khái quát về đội ngũ giảng viên thực hiện rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non

Việc rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH cho sinh viên được thực hiện bởi các giảng viên dạy học phần “Môi trường và tổ chức hoạt động khám phá môi trường xung quanh cho trẻ mầm non” với lớp D15MN1,2 và lớp LT16MN VLVH; học phần “Phương pháp cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh” với các lớp D14MN1,2. Ngoài ra, trong các học phần khác thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành GDMN, một số giảng viên khác có tham gia rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH cho sinh viên như sau:

- GV dạy học phần “Môi trường và tổ chức hoạt động khám phá môi trường xung quanh cho trẻ mầm non” với lớp D15MN1,2 và lớp LT16MN VLVH; học phần “Phương pháp cho trẻ làm quen với MTXQ” với các lớp D14MN1,2 gồm: TS. Vũ Thị Diệu Thuý, ThS. Phạm Thị Thanh Vân

- Giảng viên rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH cho SV trong các học phần khác, trong đó các học phần Thực hành sư phạm thường xuyên và Thực tập sư phạm thì rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH cho SV là một trong các nội dung giáo dục cơ bản; các học phần còn lại giảng viên tích hợp rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH cho sinh viên. Cụ thể:

TT	Tên học phần	Giảng viên
1	Giáo dục tình cảm - kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non	ThS. Nguyễn Thị Hương Lan TS. Vũ Thị Diệu Thuý
2	Giáo dục tích hợp trong giáo dục mầm non	ThS. Lưu Thị Chung ThS. Trương Hải Yến ThS. Bùi Hương Giang
3	Tổ chức hoạt động giáo dục STEAM trong trường mầm non	ThS. Trương Hải Yến ThS. Lưu Thị Chung
4	Tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non	ThS. Lưu Thị Chung ThS. Trương Hải Yến ThS. Nguyễn Thị Hương Lan
5	Giáo dục bảo vệ môi trường cho trẻ mầm non	ThS. Nguyễn Thị Tố Uyên ThS. Nguyễn Thị Mỹ
6	Thực hành sư phạm thường xuyên 2	ThS. Lưu Thị Chung
7	Thực tập sư phạm 2	ThS. Bùi Hương Giang ThS. Lương Thị Hà ThS. Nguyễn Thị Hương Lan ThS. Đinh Thị Hồng Loan TS. Vũ Thị Diệu Thuý ThS. Phạm Thị Thanh Vân ThS. Trương Hải Yến

Như vậy, việc rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH cho sinh viên được thực hiện bởi 8 giảng viên thuộc bộ môn Nghiệp vụ Mầm non và hai giảng viên ngoài Khoa SP Tiểu học Mầm non, trong đó giảng viên Vũ Thị Diệu Thuý và Phạm Thị Thanh Vân có trách nhiệm chính do giảng dạy học phần phương pháp bắt buộc.

2.3.3.2. Tiến trình rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non

Sau khi phỏng vấn sâu giảng viên dạy học phần “*Môi trường và tổ chức hoạt động khám phá môi trường xung quanh cho trẻ mầm non*” với lớp D15MN1,2 và lớp LT16MN VLVH; học phần “*Phương pháp cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh*” với các lớp D14MN1,2 và một số giảng viên dạy các học phần liên quan, chúng tôi thu được thông tin về việc thực hiện rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH như sau:

* Rèn luyện trong học phần phương pháp bắt buộc

- Giúp sinh viên tích lũy kiến thức cơ bản về rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH cho trẻ mầm non

- Giao nhiệm vụ, nội dung thực hành cho sinh viên/nhóm sinh từ buổi học trước để sinh viên có thời gian chuẩn bị nội dung, phương tiện thực hành, tập giảng trước.

- Tổ chức cho sinh viên thực hành theo quy trình:

+ Giảng viên nêu nội dung thực hành:

Thứ nhất, thuyết trình các nội dung cho trẻ khám phá môi trường xung quanh trong 3 giờ thực hành. Mỗi sinh viên thực hiện thuyết trình về 1 đến 2 nội dung khám phá MTTN hoặc nội dung khám phá MTXH.

Thứ hai, thực hành sử dụng các phương pháp cho trẻ khám phá môi trường xung quanh trong 3 giờ thực hành. Các nhóm sinh viên thể hiện các nhiệm vụ: Khai thác nội dung, đặt câu hỏi giúp trẻ KPKH qua thơ, truyện, bài hát, câu đố... Tổ chức cho trẻ quan sát các đối tượng theo đề tài cụ thể. Thiết kế và tổ chức trò chơi học tập giúp trẻ KPKH. Tổ chức làm thí nghiệm cho trẻ KPKH. Thiết kế và sử dụng mô hình hóa giúp trẻ mầm non KPKH

Thứ ba, tổ chức cho sinh viên thực hành tổ chức cho trẻ KPKH theo các loại tiết trong 24 giờ thực hành: khám phá về 1 đối tượng, khám phá về 1 số đối tượng, khám phá các nhóm đối tượng. Tất cả các sinh viên đều được lập các kế hoạch, tổ chức hoạt động KPKH.

+ Các sinh viên/nhóm sinh viên lần lượt tổ chức hoạt động thực hành tại Trường Đại học Hoa Lư, lấy các bạn trong lớp đóng làm trẻ để tập dạy.

+ Cả lớp sinh viên theo dõi, ghi chép hoạt động thực hành của bạn, xác định nội dung cần trao đổi, nhận xét.

+ Khi sinh viên/nhóm sinh viên thực hiện xong hoạt động thực hành, các sinh viên trong lớp lần lượt nhận xét, góp ý trao đổi với người thực hiện. Người thực hành phản hồi với các bạn về nội dung cần trao đổi.

+ Giảng viên chính xác hóa thông tin, đánh giá bài thực hành, khuyến khích các SV nêu các ý tưởng mới khi thực hiện hoạt động KPKH vừa được theo dõi.

+ GV ghi điểm bài thực hành của từng SV vào bảng điểm bộ phận.

* Rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH trong các học phần khác

Học phần *Thực hành sư phạm thường xuyên 2* được Trường môn

Nghiệp vụ Mầm non lập kế hoạch cụ thể về số buổi rèn nghiệp vụ cho sinh viên ở từng hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ. Tổ chức cho sinh viên dự giờ, đánh giá hoạt động KPKH tại một số trường mầm non. Các giảng viên phụ trách thống nhất với sinh viên tên đề tài, độ tuổi của trẻ để sinh viên chuẩn bị kế hoạch, đồ dùng dạy học. Giờ thực hành, sinh viên tiến hành tập dạy theo nhóm tại Trường Đại học Hoa Lư, lấy các bạn trong lớp đóng làm trẻ để tập dạy. Giảng viên và cả lớp ghi chép, nhận xét, đánh giá. Giảng viên khuyến khích sinh viên nêu ý tưởng mới để phát huy hiệu quả giáo dục trẻ KPKH.

Với học phần *Thực tập sư phạm 2*, sinh viên thực hiện lập kế hoạch và tổ chức hoạt động KPKH cho trẻ mầm non, có sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên đang dạy ở trường mầm non, có sự hỗ trợ, góp ý của giảng viên Trường Đại học Hoa Lư dự giờ, góp ý.

Với các học phần còn lại, giảng viên giao đề tài KPKH có liên quan đến nội dung mỗi học phần cho các nhóm sinh viên lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và đánh giá hoạt động KPKH theo trình tự:

- Giao nhiệm vụ, nội dung thực hành cho sinh viên/nhóm sinh từ buổi học trước để sinh viên có thời gian chuẩn bị nội dung, phương tiện thực hành, tập giảng trước.

- Tổ chức cho sinh viên thực hành theo quy trình:

- + Giảng viên nêu nội dung thực hành:

- + Các sinh viên/nhóm sinh viên lần lượt tổ chức hoạt động thực hành tại Trường Đại học Hoa Lư, lấy các bạn trong lớp đóng làm trẻ để tập dạy.

- + Cả lớp sinh viên theo dõi, ghi chép hoạt động thực hành của bạn, xác định nội dung cần trao đổi, nhận xét.

- + Khi sinh viên/nhóm sinh viên thực hiện xong hoạt động thực hành, các sinh viên trong lớp lần lượt nhận xét, góp ý trao đổi với người thực hiện. Người thực hành đối thoại với các bạn về nội dung cần trao đổi.

- + Giảng viên chính xác hóa thông tin, đánh giá bài thực hành, khuyến khích các sinh viên nêu các ý tưởng mới khi thực hiện hoạt động KPKH vừa được theo dõi.

- + Giảng viên ghi điểm bài thực hành của từng sinh viên vào bảng điểm bộ phận.

Việc thực hành ở các học phần này tiến hành theo hai phương thức:

Ở phương thức thứ nhất, giảng viên giao cho mỗi sinh viên 1 đề tài,

nghư vậy mọi sinh viên đều có trách nhiệm lập kế hoạch, chuẩn bị dụng cụ và tập dạy đề tài mình đảm nhiệm. Phương thức này có ưu điểm là số lượng đề tài được thực hành nhiều, tương đương số sinh viên trong lớp, mỗi sinh viên phải có trách nhiệm cao khi thực hiện nhiệm vụ của bản thân mình; khi 1 sinh viên tập dạy, các thành viên khác trong nhóm/tổ sẽ hỗ trợ tham gia làm giáo viên phụ, làm trẻ... Hạn chế của phương thức này là sinh viên chủ yếu tập trung vào thực hiện đề tài của mình, việc tham gia thực hành các đề tài khác chỉ thực hiện với tư cách là thành viên, sinh viên không chú trọng cho việc lập kế hoạch các đề tài đó.

Ở phương thức thứ 2, giảng viên giao đề tài cho các nhóm sinh viên, đến giờ thực hành, giảng viên mời xác suất 1 sinh viên trong nhóm thực hiện tập giảng. Ưu điểm của phương thức này là mọi sinh viên đều nắm vững giờ thực hành của nhóm, đều có trách nhiệm lập kế hoạch, chuẩn bị và sẵn sàng tập dạy khi được mời dạy. Hạn chế của phương thức này là số đề tài sinh viên được trải nghiệm lập kế hoạch và tập dạy không nhiều, trong quá trình hoạt động nhóm sẽ có sinh viên rất tích cực cho việc lập kế hoạch, chuẩn bị đồ dùng, tập dạy... nên những sinh viên này tiến bộ nhanh nhưng song vẫn có những sinh viên không tích cực nên ít được trải nghiệm rèn luyện các kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH cho trẻ mầm non.

2.4. Nguyên nhân của thực trạng

Kết quả khảo sát và phân tích thực trạng kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH của sinh viên ngành Giáo dục Mầm non tại Trường Đại học Hoa Lư cho thấy: đa số sinh viên có nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của kỹ năng này và thể hiện thái độ tích cực trong việc rèn luyện. Tuy nhiên, mức độ thành thạo các nhóm kỹ năng cụ thể còn chưa đồng đều; nhiều kỹ năng quan trọng như phối hợp với phụ huynh, xử lý tình huống sư phạm, đánh giá hoạt động vẫn còn ở mức thấp. Nguyên nhân dẫn đến thực trạng nêu trên có thể phân loại thành hai nhóm chính:

- Nguyên nhân khách quan

+ Chương trình đào tạo đã đề cao nội dung thực hành rèn kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH cho trẻ mầm non nhưng hoạt động thực hành thực tế tại cơ sở giáo dục mầm non còn hạn chế về thời lượng và quy mô, sinh viên chủ yếu thực hành tại Trường Đại học Hoa Lư.

+ Môi trường học tập mô phỏng chưa đủ điều kiện thay thế trải nghiệm thực tiễn, SV chủ yếu đóng vai thay vì tương tác với trẻ thật và phụ huynh thật.

+ Thiếu cơ chế kết nối thường xuyên giữa trường sư phạm và trường mầm non thực nghiệm. Trường ĐH Hoa Lư mới phối hợp với hệ thống trường mầm non thực hành, không có trường mầm non thực nghiệm. Do vậy, sinh viên chưa được tiếp cận, quan sát và xử lý các tình huống thực tế một cách có hệ thống, thường xuyên.

- Nguyên nhân chủ quan

- Sinh viên thiếu kinh nghiệm thực hành và phản xạ sư phạm thực tế, đặc biệt là trong việc tổ chức hoạt động có sự phối hợp với phụ huynh và đánh giá hiệu quả hoạt động KPKH.

- Khả năng xử lý tình huống và tư duy phản biện còn yếu, do chưa được rèn luyện nhiều trong các bối cảnh đa dạng, phức tạp ở trường mầm non.

- SV còn tâm lý e ngại thử sai, thiếu tự tin và sáng tạo khi thiết kế, tổ chức hoạt động KPKH, đặc biệt ở những SV chưa có động lực học tập mạnh mẽ.

- Thiếu cơ hội học tập qua giao lưu liên lớp, liên khóa, dẫn đến sinh viên ít được chia sẻ kinh nghiệm và cách làm hiệu quả tổ chức hoạt động KPKH từ người học khác.

Để nâng cao hiệu quả rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non, cần thực hiện một số cải tiến sau:

Kết luận chương 2

Thực trạng rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH cho SV được nghiên cứu thông qua nhiều hình thức khác nhau như tự đánh giá của sinh viên, quan sát thực hành, đánh giá của giảng viên và trao đổi với giảng viên.

Phần lớn SV đều có nhận thức đúng về vai trò, ý nghĩa của kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH, cho rằng kỹ năng này là rất quan trọng, gắn liền trực tiếp với việc phát triển tư duy, ngôn ngữ và nhận thức cho trẻ. SV tự tin nhất với các kỹ năng thu hút trẻ tham gia hoạt động, khám phá đối tượng, sử dụng học liệu và thiết kế hoạt động; thiếu kinh nghiệm thực tiễn, thiếu cơ hội tiếp xúc với phụ huynh và trẻ thật. SV nhận thức rõ ràng tính ưu việt của thực hành thực tế, học lý thuyết kết hợp mô phỏng và thảo luận nhóm, các em thấy rõ kỹ năng tổ chức KPKH chỉ có thể hình thành qua trải nghiệm và phản hồi.

SV có khả năng xác định mục tiêu và chọn nội dung, thiết kế hoạt động khá tốt nhưng chưa thành thạo trong dự kiến tình huống sư phạm. Với nhóm kỹ năng tạo môi trường giáo dục, SV chưa thể hiện được tính linh hoạt, sáng tạo khi bố trí không gian, lựa chọn học liệu. Với nhóm kỹ năng triển khai hoạt động, SV tự tin hơn trong việc đặt câu hỏi, khơi gợi khám phá và sử dụng học liệu nhưng khả năng xử lý tình huống, tư liệu hóa hoạt động và dẫn dắt tư duy trẻ còn hạn chế. SV hạn chế nhất về nhóm kỹ năng phối hợp với trẻ và gia đình do thiếu cơ hội tiếp xúc với phụ huynh trong thực tế. Nhóm kỹ năng đánh giá hoạt động KPKH đạt mức TB thấp. Các kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH của SV đều mới chỉ dừng ở mức trung bình.

GV đã áp dụng dạy học theo tình huống, dạy học hợp tác nhóm, dạy học mô phỏng, kết hợp lý thuyết và thực hành; khuyến khích SV thiết kế kế hoạch và nhận phản hồi từ GV và bạn học; tổ chức các buổi quan sát video, dạy mẫu; hướng dẫn SV sử dụng công nghệ để thiết kế bài dạy sinh động... Tuy nhiên, công tác rèn luyện còn hạn chế do hoạt động mô phỏng chủ yếu diễn ra trong phạm vi lớp học, chưa gắn với trẻ thật; chưa thực sự cá thể hóa trong việc bồi dưỡng kỹ năng yếu của từng SV.

Tóm lại, SV có nhận thức đúng, thái độ tích cực nhưng kỹ năng nghề nghiệp còn nhiều hạn chế, đặc biệt ở kỹ năng thực hành, xử lý tình huống, phối hợp với phụ huynh và đánh giá hoạt động KPKH. GV đã có nhiều đổi mới, nhưng cần đẩy mạnh hơn tính thực tế, cá nhân hóa và kết nối với cơ sở GDMN, tăng cường trải nghiệm, thực hành và gắn với yêu cầu nghề thực tế.

Chương 3

THỰC NGHIỆM BIỆN PHÁP RÈN LUYỆN KỸ NĂNG TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ KHOA HỌC CHO SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON

3.1. Các nguyên tắc đề xuất biện pháp rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non

3.1.1. Nguyên tắc đảm bảo tính khoa học và thực tiễn

Các biện pháp rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH cho sinh viên cần được xây dựng dựa trên cơ sở lý luận giáo dục học, tâm lý học, lý luận dạy học hiện đại và phương pháp GDMN đồng thời, phải phù hợp với thực tiễn đào tạo giáo viên và yêu cầu của chương trình GDMN.

Theo Cristina, hoạt động KPKH cần gắn với môi trường sống thực tế và kinh nghiệm trực tiếp của trẻ, từ đó sinh viên phải được rèn luyện cách tổ chức hoạt động gắn gũi với môi trường và mang tính ứng dụng cao [45].

3.1.2. Nguyên tắc lấy người học làm trung tâm

Biện pháp rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH cho sinh viên cần phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo của sinh viên trong quá trình rèn luyện kỹ năng, theo định hướng phát triển năng lực nghề nghiệp.

Tài liệu của Alex Zurek nhấn mạnh rằng việc đào tạo giáo viên cần hướng đến việc hình thành tư duy phản biện, năng lực giải quyết vấn đề và khả năng thích ứng nghề nghiệp thông qua trải nghiệm thực tế [40].

3.1.3. Nguyên tắc đảm bảo tính hệ thống và kế thừa

Các biện pháp rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH cho sinh viên phải được xây dựng trên cơ sở kế thừa những kết quả rèn luyện đã có và phát triển theo tiến trình nâng cao dần. Việc rèn luyện kỹ năng cần theo lộ trình từ cơ bản đến nâng cao, từ lý thuyết đến thực hành, từ mô phỏng đến tình huống thực tế [41].

3.1.4. Nguyên tắc đảm bảo tính sư phạm và đặc thù ngành

Biện pháp rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH cho sinh viên cần phù hợp với đặc điểm của ngành GDMN, trong đó chú trọng tính mềm dẻo, linh hoạt, sự cảm xúc và yếu tố nghệ thuật trong giáo dục trẻ nhỏ. Đặc biệt, các kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH phải gắn với phương pháp dạy học tích cực, trải nghiệm – khám phá – hợp tác [11].

3.1.5. Nguyên tắc đảm bảo tính khả thi và phù hợp với điều kiện đào tạo

Các biện pháp rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH cho sinh viên cần được xây dựng phù hợp với điều kiện thực tiễn về CTĐT, đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, đặc điểm sinh viên của cơ sở giáo dục đại học. Ngoài ra, phải có tính linh hoạt để điều chỉnh theo bối cảnh.

Theo OECD, phát triển năng lực nghề nghiệp của SV cần gắn với thực tiễn nghề nghiệp và phù hợp với đặc điểm văn hóa, xã hội của quốc gia [57].

3.1.6. Nguyên tắc phát triển bền vững và lâu dài

Các biện pháp rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH cho sinh viên không chỉ tập trung vào rèn luyện kỹ năng ngắn hạn mà cần hướng tới phát triển phẩm chất nghề nghiệp bền vững, tạo nền tảng cho việc học tập suốt đời của sinh viên.

Giáo viên mầm non cần được trang bị năng lực phản tư, tự học và đổi mới phương pháp nhằm đảm bảo chất lượng giáo dục cho trẻ trong suốt quá trình nghề nghiệp [57].

3.2. Một số biện pháp rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non

3.2.1. Sử dụng video tổ chức hoạt động khám phá khoa học

a. Mục đích, ý nghĩa hoạt động khám phá khoa học cho sinh viên ngành giáo dục mầm non

Sử dụng hệ thống video giờ khám phá khoa học nhằm nâng cao kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học cho sinh viên, đặc biệt là khả năng quan sát, phân tích và áp dụng hiệu quả các phương pháp tổ chức giờ hoạt động, qua đó góp phần phát triển tư duy, kỹ năng giải quyết vấn đề và sự sáng tạo của trẻ thông qua các hoạt động khám phá khoa học.

Sử dụng hệ thống video giúp sinh viên có cái nhìn trực quan, sinh động về cách tổ chức giờ học khám phá khoa học; tạo cơ hội học hỏi, trao đổi kinh nghiệm và đổi mới phương pháp giáo dục trẻ; tận dụng nguồn video các hoạt động khám phá khoa học có sẵn của Khoa SP Tiểu học Mầm non và khuyến khích sinh viên tạo video để bổ sung nguồn tài liệu trực quan. Do vậy, biện pháp này không chỉ giúp nâng cao kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH của sinh viên mà còn khuyến khích trẻ phát triển tư duy khoa học ngay từ nhỏ.

b. Nội dung

- Khai thác nguồn video hiện có về các hoạt động khám phá khoa học

- Xây dựng bổ sung hệ thống video về các hoạt động khám phá khoa học cho trẻ theo hướng tiếp cận các phương pháp giáo dục mầm non hiện đại.

c. Cách thực hiện

- Khai thác nguồn video hiện có về các hoạt động khám phá khoa học
 + Giảng viên thống kê nguồn video có sẵn trong kho tài liệu trực quan, phân loại video theo các loại tiết KPKH và các chủ đề giáo dục. Cụ thể:

TT	Đề tài	Loại tiết KPKH		
		1 ĐT	1 số ĐT	PNPL
1.	Vòng đời của ếch	x		
2.	Không khí	x		
3.	Điều kỳ diệu của quả trứng	x		
4.	Tái chế giấy	x		
5.	Con bướm	x		
6.	Núi lửa phun trào	x		
7.	Khám phá lực kéo và lực đẩy		x	
8.	Âm thanh buổi sáng		x	
9.	Cách di chuyển của con vật		x	
10.	Bà và mẹ		x	
11.	Đường và muối		x	
12.	Sự khác biệt giữa tôi và bạn		x	
13.	Thống kê một số cây trong sân trường		x	
14.	Trải nghiệm đa giác quan		x	
15.	Phân nhóm dụng cụ theo nghề			x
16.	Phân nhóm trang phục theo thời tiết			x

+ Sau khi dạy học phân lý luận hình thức tổ chức hoạt động KPKH, GV giao nhiệm vụ cho sinh viên xem và nhận xét giờ KPKH trong mỗi video theo các tiêu chí: Chuẩn bị và sử dụng môi trường giáo dục, nội dung và trình tự tổ chức hoạt động khám phá, phương pháp tổ chức hoạt động cho trẻ KPKH, kết quả thể hiện trên trẻ.

+ Thảo luận, nhận xét đánh giá từng hoạt động KPKH trên mỗi video: Giảng viên tổ chức cho các SV nhận xét, góp ý, giảng viên chính xác hoá thông tin, khuyến khích SV nêu ý tưởng tổ chức mới, ý tưởng vận dụng cách tổ chức hoạt động KPKH từ video vào hoạt động thực hành tập giảng của SV.

- Xây dựng bổ sung hệ thống video về các hoạt động khám phá khoa học cho trẻ theo hướng tiếp cận các phương pháp giáo dục mầm non hiện đại.

+ Thu thập tài liệu và xây dựng video: Các nhóm SV lập kế hoạch tổ chức hoạt động KPKH cho trẻ ở trường mầm non, quay video lưu trữ thông tin, biên tập video để sản phẩm đảm bảo rõ ràng, trực quan và có tính giáo dục cao.

+ Trình chiếu video trong giờ thực hành học phần Môi trường và tổ chức hoạt động khám phá môi trường cho trẻ mầm non, thảo luận, nhận xét đánh giá, chia sẻ kinh nghiệm tổ chức hoạt động KPKH.

+ GV tham gia phân tích, thảo luận về ưu điểm, hạn chế của các video giờ KPKH, định hướng cách cải thiện kỹ năng tổ chức cho trẻ KPKH; lưu trữ video trong kho dữ liệu để tiếp tục làm đồ dùng trực quan sử dụng cho các khoá đào tạo tiếp theo.

d. Điều kiện thực hiện

- Nguồn video đã lưu trữ được quay từ các giờ học đảm bảo chất lượng, do các trường mầm non có uy tín thực hiện.

- Sinh viên tích cực tham gia hoạt động thực hành, tận dụng thời gian ngoài giờ học để xem và nhận xét video; có kỹ năng làm việc nhóm, tận dụng cơ hội làm việc với trẻ để tổ chức hoạt động KPKH và quay video lưu trữ.

- Sinh viên đảm bảo trang thiết bị quay phim, máy tính và phần mềm chỉnh sửa video cơ bản.

- Trẻ có một số kỹ năng KPKH, tích cực tham gia các hoạt động khám phá.

- Phòng học hoặc không gian tổ chức hoạt động KPKH bảo đảm an toàn cho trẻ và phù hợp với nội dung hoạt động, đặc điểm KPKH của trẻ.

3.2.2. Phối hợp hỗ trợ từ giảng viên và chuyên gia để hình thành ý tưởng tổ chức hoạt động khám phá khoa học cho sinh viên

a. Mục đích, ý nghĩa

Biện pháp nhằm tạo điều kiện cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non tiếp cận với nguồn tri thức thực tiễn và chuyên sâu từ đội ngũ giảng viên và chuyên gia, từ đó giúp sinh viên hình thành ý tưởng tổ chức hoạt động khám phá khoa học cho trẻ mẫu giáo một cách sáng tạo, hiệu quả và phù hợp với đặc điểm phát triển của trẻ.

Biện pháp này góp phần mở rộng tư duy sư phạm, giúp SV hiểu sâu sắc về cách lựa chọn nội dung khoa học gần gũi, cách thiết kế hoạt động phù hợp và linh hoạt xử lý các tình huống sư phạm thực tế; nâng cao khả năng kết nối giữa lý thuyết và thực tiễn. Bên cạnh đó, nó thúc đẩy mối liên kết giữa nhà

trường và chuyên gia GDMN hoặc các nhà khoa học trong lĩnh vực tự nhiên – xã hội – môi trường nhằm làm phong phú và cập nhật nội dung đào tạo sinh viên. Qua đó, biện pháp này giúp nâng cao chất lượng hoạt động KPKH được tổ chức bởi giáo viên trong tương lai – những người có nền tảng ý tưởng khoa học phong phú và giàu tính ứng dụng thực tiễn.

b. Nội dung

Biện pháp này tập trung vào các nội dung cốt lõi sau:

- Tổ chức các hoạt động giao lưu, tọa đàm, workshop giữa sinh viên – giảng viên – chuyên gia về các chủ đề: lựa chọn đề tài KPKH phù hợp với trẻ mầm non; cách tạo dựng tình huống khởi động hấp dẫn; cách xây dựng tiến trình khám phá logic và khơi gợi tư duy trẻ.

- Kết nối sinh viên với chuyên gia thực tiễn trong các lĩnh vực: khoa học tự nhiên (vật lý, hóa học, sinh học ứng dụng), GDMN, giáo dục STEM/STEAM, giáo dục môi trường...

- Tổ chức không gian học tập mở – học phần liên môn – dự án học tập, trong đó SV được tư vấn, phản biện và hoàn thiện ý tưởng hoạt động KPKH dưới sự hướng dẫn của giảng viên và phản hồi từ chuyên gia.

c. Cách thực hiện

Bước 1: Khởi động và định hướng ý tưởng

- Giảng viên giới thiệu vai trò của việc hình thành ý tưởng tổ chức hoạt động khám phá khoa học trong thực hành nghề nghiệp.

- Sinh viên viết bản sơ khởi về một ý tưởng tổ chức hoạt động khám phá khoa học theo chủ đề tự chọn (ví dụ: nước, không khí, chuyển động, ánh sáng...).

Bước 2: Tổ chức buổi tư vấn – trao đổi chuyên sâu

- Mời chuyên gia (giảng viên các khoa Khoa học Tự nhiên, các giáo viên mẫu giáo nhiều kinh nghiệm, chuyên gia giáo dục STEM...) đến chia sẻ về các hướng tổ chức hoạt động khoa học hiệu quả, phù hợp trẻ em.

- Sinh viên trình bày ý tưởng của nhóm hoặc cá nhân và nhận góp ý, định hướng điều chỉnh từ giảng viên và chuyên gia.

Bước 3: Hướng dẫn hoàn thiện và xây dựng kế hoạch hoạt động

- Sinh viên phát triển ý tưởng thành bản kế hoạch tổ chức hoạt động: xác định mục tiêu, nội dung, phương pháp, học cụ, cách đánh giá, dự kiến tình huống sư phạm.

- Giảng viên đóng vai trò cố vấn, chuyên gia phản biện hoặc hỗ trợ thêm tài liệu khoa học – giáo dục phù hợp.

Bước 4: Đánh giá và tổng kết

- Các ý tưởng được trình bày, so sánh, thảo luận giữa các nhóm.
- Giảng viên và chuyên gia cùng phản hồi và tổng kết những điểm mạnh cần phát triển, từ đó nâng cao năng lực tổ chức hoạt động KPKH cho SV.

Ví dụ 1: giảng viên dạy học phần “Môi trường và tổ chức hoạt động khám phá MTXQ cho trẻ mầm non” tổ chức chuyên đề “*Hạt nảy mầm – sự sống bắt đầu như thế nào*” với sự tham gia của giảng viên chuyên ngành GDMN, giảng viên chuyên ngành Kỹ thuật cây trồng. Quy trình thực hiện:

Bước 1: Chuẩn bị và lên kế hoạch phối hợp

- Giảng viên bộ môn liên hệ với chuyên gia ngành Kỹ thuật cây trồng, thống nhất chủ đề phối hợp: “Hạt nảy mầm – sự sống bắt đầu như thế nào?”
- Phân công nhiệm vụ: Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách lựa chọn đề tài phù hợp với trẻ mẫu giáo, gợi ý các câu hỏi mở cho trẻ.
- Chuyên gia cung cấp kiến thức chuyên sâu về điều kiện nảy mầm, các loại hạt, yếu tố ảnh hưởng.
- Sinh viên lên ý tưởng hoạt động dựa trên kiến thức đã học và gợi ý từ giảng viên, chuyên gia.

Bước 2: Tổ chức buổi tư vấn hình thành ý tưởng

- Hình thức: Tọa đàm kết hợp thảo luận nhóm
- Nội dung chính:
 - + Chuyên gia trình bày ngắn gọn về quá trình nảy mầm, các loại hạt dễ trồng, điều kiện ánh sáng, nhiệt độ, độ ẩm...
 - + Giảng viên phân tích đặc điểm nhận thức của trẻ mẫu giáo, khả năng tiếp nhận và cách đưa kiến thức khoa học vào hoạt động khám phá.
 - + Sinh viên đặt câu hỏi, trao đổi ý tưởng ban đầu. Ví dụ: trẻ sẽ gieo hạt gì? Quan sát điều gì? Ghi lại kết quả như thế nào?

Bước 3: Sinh viên xây dựng và trình bày ý tưởng

- Sinh viên làm việc nhóm, xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động khám phá theo hướng tích cực – trải nghiệm.
- Trình bày ý tưởng trước GV và chuyên gia để được góp ý.

Ví dụ, cho trẻ gieo hạt đậu xanh, quan sát sự thay đổi từng ngày trong 1 tuần. Hoạt động dự kiến: Gieo hạt – Quan sát – Ghi lại bằng tranh – So sánh kết quả giữa các nhóm.

- GV góp ý về phương pháp tổ chức, câu hỏi khơi gợi trẻ, cách đánh giá.
- Chuyên gia góp ý về điều kiện nảy mầm, loại hạt, quy trình quan sát đúng.

Bước 4: Điều chỉnh và hoàn thiện

- Sinh viên hoàn chỉnh ý tưởng thành kế hoạch chi tiết tổ chức hoạt động khám phá khoa học.

- Nộp kế hoạch và chuẩn bị tổ chức thực hành tại trường mầm non trong buổi học sau.

Qua đó, sinh viên hiểu rõ cách kết hợp kiến thức khoa học và phương pháp sư phạm trong việc tổ chức hoạt động KPKH cho trẻ; có khả năng hình thành ý tưởng sáng tạo, thiết thực và phù hợp lứa tuổi; phát triển kỹ năng làm việc nhóm, tìm kiếm và sử dụng nguồn lực hỗ trợ từ chuyên gia.

d. Điều kiện thực hiện

- Giảng viên có năng lực kết nối liên ngành, tổ chức các hoạt động học tập mở và có khả năng tư vấn học thuật, hỗ trợ sinh viên phát triển ý tưởng từ cơ bản đến hoàn chỉnh.

- Chuyên gia phối hợp là những người có chuyên môn vững trong lĩnh vực khoa học tự nhiên, GDMN, STEM hoặc giáo dục ngoài trời... có tinh thần hợp tác và kỹ năng hướng dẫn sinh viên.

- Sinh viên cần có kiến thức cơ bản về tổ chức hoạt động khám phá khoa học; có tinh thần cầu thị, chủ động sáng tạo trong học tập.

Về cơ sở vật chất: Có không gian tổ chức hội thảo/ workshop; phương tiện trình chiếu, kết nối; tài liệu học tập liên ngành; có thể kết hợp trực tuyến – trực tiếp tùy điều kiện.

3.2.3. Xác định mạng nội dung khám phá khoa học

a. Mục đích, ý nghĩa

Biện pháp này rèn luyện cho sinh viên ngành GDMN kỹ năng xác định và xây dựng mạng nội dung cho một đề tài KPKH, từ đó phát triển tư duy hệ thống, khả năng liên kết kiến thức và tổ chức hoạt động khám phá cho trẻ một cách mạch lạc, hiệu quả.

Việc xác định đúng mạng nội dung giúp sinh viên nắm bắt được toàn diện các khía cạnh khoa học, giáo dục và thực tiễn của một đề tài khám phá,

từ đó xây dựng được kế hoạch tổ chức hoạt động phù hợp với khả năng nhận thức của trẻ, đồng thời hình thành tư duy tích hợp liên môn cho SV, đáp ứng yêu cầu giáo dục phát triển toàn diện trong Chương trình GDMN hiện hành góp phần nâng cao chất lượng đào tạo GVMN, giúp SV làm chủ các đề tài KPKH gần gũi với trẻ em, biết cách khơi gợi sự tò mò và phát triển năng lực nhận thức khoa học cho trẻ.

b. Nội dung

- Hiểu mạng nội dung của đề tài KPKH là sơ đồ tư duy thể hiện các nhánh kiến thức liên quan đến một hiện tượng, sự vật hoặc chủ đề khoa học, được triển khai theo các hướng như: thuộc tính, công dụng, mối quan hệ, nguyên nhân – kết quả, quy luật thay đổi, liên kết với các lĩnh vực khác.

- Xác định các yếu tố cấu thành mạng nội dung: Chủ đề trung tâm; các nhánh nội dung chính (kiến thức khoa học, trải nghiệm thực tiễn, hoạt động trải nghiệm phù hợp độ tuổi); mối liên hệ với các lĩnh vực giáo dục khác trong chương trình GDMN (ngôn ngữ, toán, vận động, âm nhạc, thẩm mỹ...)

- Thiết lập sơ đồ mạng nội dung dạng hình cây, hình tròn hoặc bảng hệ thống, làm cơ sở cho việc lập kế hoạch hoạt động KPKH phù hợp với độ tuổi.

c. Cách thực hiện

Bước 1: Cung cấp lý thuyết và mẫu minh họa

- Giảng viên giảng giải khái niệm, vai trò và cấu trúc của mạng nội dung trong giáo dục mầm non.

- Trình bày một số sơ đồ mạng nội dung mẫu theo từng đề tài khám phá khoa học phổ biến (nước, ánh sáng, thực vật, vật nổi – vật chìm...).

- Hướng dẫn cách đặt câu hỏi gợi mở để phát triển mạng nội dung theo các hướng khác nhau.

Bước 2: Thực hành xây dựng mạng nội dung theo nhóm

- Sinh viên được phân nhóm, lựa chọn một đề tài khoa học cụ thể phù hợp trẻ mầm non (ví dụ: “Cái cây”, “Không khí”, “Đá – sỏi”...).

- Nhóm sinh viên xác định chủ đề trung tâm và phát triển các nhánh kiến thức: Tên gọi, đặc điểm, chức năng; Sự thay đổi theo thời gian hoặc môi trường; Tác động của con người; Liên hệ với cảm xúc, văn hóa, nghệ thuật...

- Vẽ sơ đồ mạng nội dung bằng tay hoặc phần mềm sơ đồ tư duy (Mindmap, Canva, PowerPoint...).

Bước 3: Thảo luận – phản biện – chỉnh sửa

- Các nhóm trình bày sản phẩm, nhận phản hồi từ GV và SV khác.
- Giảng viên hướng dẫn SV cách điều chỉnh các nhánh còn thiếu, mở rộng thêm chiều sâu và chiều rộng của mạng nội dung.

Bước 4: Ứng dụng mạng nội dung vào lập kế hoạch tổ chức hoạt động

- Dựa trên mạng nội dung đã xác định, SV chọn một nhánh để xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động khám phá phù hợp với độ tuổi mẫu giáo.
- Giảng viên đánh giá cả mạng nội dung lẫn kế hoạch tổ chức dựa trên tính logic, tính khoa học và khả năng vận dụng thực tiễn.

Ví dụ mạng nội dung đề tài “Chiếc lá”:

Nhánh nội dung	Nội dung cụ thể
Đặc điểm	Hình dạng, màu sắc, mùi hương, kích thước, kết cấu
Vai trò	Quang hợp, cung cấp oxy, làm mát không khí, tạo bóng mát
Sự phát triển, thay đổi	- Từ chồi non - lá non - lá trưởng thành - lá già rụng. - Lá non mọc vào mùa xuân - xanh tốt trong mùa hè - đổi màu vào mùa thu - rụng vào mùa đông
Ứng dụng	Làm tranh ép lá, đồ chơi, thực phẩm, thuốc nam...

d. Điều kiện thực hiện

- Giảng viên nắm vững phương pháp dạy học KPKH và lý thuyết thiết kế mạng nội dung tích hợp; có khả năng gợi mở, định hướng và phản biện giúp sinh viên phát triển tư duy hệ thống.

- Sinh viên có kiến thức nền về đặc điểm tâm lý – nhận thức của trẻ mẫu giáo, hiểu một số hiện tượng khoa học cơ bản; biết làm việc nhóm, sử dụng sơ đồ tư duy và công cụ trình bày ý tưởng trực quan.

- Lớp học có thiết bị hỗ trợ trình chiếu, phần mềm vẽ sơ đồ tư duy; có tài liệu gợi ý các đề tài KPKH phù hợp với trẻ mẫu giáo.

3.2.4. Dự kiến tình huống sư phạm trong kế hoạch khám phá khoa học

a. Mục đích, ý nghĩa

Phát triển kỹ năng xây dựng và xử lý tình huống sư phạm trong quá trình lập kế hoạch tổ chức các hoạt động KPKH giúp sinh viên nâng cao tư duy sư phạm, khả năng linh hoạt và sáng tạo trong việc giải quyết các tình huống phát sinh, đảm bảo kế hoạch tổ chức hoạt động phù hợp với đặc điểm phát triển của trẻ mầm non và bối cảnh thực tế.

Rèn luyện kỹ năng xây dựng, xử lý tình huống sư phạm khi lập kế hoạch tổ chức hoạt động KPKH giúp SV có năng lực chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp vững chắc, chủ động khi xây dựng kế hoạch và ứng dụng các phương pháp sư phạm vào thực tiễn giáo dục trẻ, giảm thiểu rủi ro và xử lý hiệu quả các tình huống bất ngờ khi tổ chức hoạt động KPKH của trẻ.

b. Nội dung

- Xây dựng tình huống sư phạm: Sinh viên dự kiến xây dựng 1 số tình huống sư phạm khi lập kế hoạch tổ chức hoạt động KPKH cho trẻ, ví dụ: Tình huống trẻ chưa hiểu nội dung bài học, trẻ mất tập trung hoặc gây rối trong quá trình KPKH, trẻ đặt câu hỏi ngoài nội dung giáo án, thiếu tài liệu/thiết bị không hoạt động,...

- Xử lý tình huống: Sinh viên xác định nguyên nhân phát sinh tình huống; đề xuất các cách giải quyết tình huống linh hoạt, phù hợp với từng hoàn cảnh, phân tích và đánh giá hậu quả của các giải pháp khác nhau; nhanh chóng ra quyết định lựa chọn cách giải quyết tối ưu nhất; thực hiện giải quyết tình huống.

c. Cách thực hiện

- GV tổ chức cho sinh viên thảo luận về kỹ năng xây dựng và xử lý tình huống sư phạm, hướng dẫn sinh viên cách phân nhóm và nhận diện các loại tình huống thường gặp trong hoạt động KPKH.

- Tổ chức cho sinh viên thực hành xây dựng tình huống: GV yêu cầu sinh viên lập kế hoạch hoạt động KPKH với nội dung cụ thể, ví dụ đề tài “Vòng đời của muỗi”. Tạo tình huống giả định dựa trên kế hoạch để sinh viên dự đoán và lựa chọn cách giải quyết.

- Tổ chức cho sinh viên thảo luận và phân tích tình huống đã xây dựng, xác định nguyên nhân tạo ra tình huống đó, đề xuất các phương án xử lý và nhận phản hồi từ giảng viên, bạn học; phân tích và đánh giá hậu quả của các giải pháp; ra quyết định chọn cách giải quyết phù hợp nhất.

- Tổ chức cho sinh viên trải nghiệm xử lý tình huống thật, cho sinh viên rút kinh nghiệm về cách giải quyết tình huống, đề xuất cách giải quyết khác tốt hơn...

d. Điều kiện thực hiện

- SV có đủ tài liệu tham khảo, có ví dụ minh họa rõ ràng về các tình huống sư phạm trong tổ chức hoạt động KPKH cho trẻ mầm non.

- SV yêu nghề, mến trẻ, luôn đặt lợi ích của trẻ lên hàng đầu khi xử lý tình huống sư phạm, tạo cơ hội cho trẻ thỏa mãn nhu cầu khám phá, ham hiểu biết.

- SV vững kiến thức cơ bản về môi trường xung quanh; có kỹ năng giao tiếp sư phạm.

- Phòng thực hành có đủ trang thiết bị, phương tiện dạy học phù hợp với nội dung cho trẻ KPKH.

3.2.5. Ứng dụng STEAM khi tổ chức khám phá khoa học

a. Mục đích, ý nghĩa

Biện pháp nhằm trang bị cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non năng lực tổ chức hoạt động khám phá khoa học theo định hướng STEAM (Science – Technology – Engineering – Art – Mathematics), góp phần nâng cao hiệu quả rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non theo tiếp cận hiện đại.

Trong bối cảnh đổi mới giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, STEAM được xem là một phương pháp tiếp cận liên ngành giúp trẻ phát triển toàn diện năng lực tư duy phản biện, tư duy sáng tạo, khả năng giải quyết vấn đề và làm việc nhóm (Nguyễn Quốc Vương, 2021). Việc hướng dẫn sinh viên tiếp cận và vận dụng phương pháp giáo dục STEAM ngay từ quá trình đào tạo không chỉ góp phần nâng cao chất lượng thực hành sư phạm mà còn giúp sinh viên chủ động hội nhập với xu hướng giáo dục quốc tế.

b. Nội dung

- Cung cấp kiến thức nền về STEAM trong giáo dục mầm non: Sinh viên được tiếp cận các khái niệm, đặc trưng, vai trò, lợi ích và nguyên tắc tích hợp các lĩnh vực trong STEAM vào hoạt động giáo dục trẻ mầm non, đặc biệt là trong lĩnh vực phát triển nhận thức thông qua hoạt động KPKH

- Hướng dẫn thiết kế hoạt động khám phá khoa học theo định hướng STEAM: Sinh viên học cách lựa chọn chủ đề khoa học phù hợp với trẻ mầm non, xây dựng hệ thống câu hỏi định hướng, đề xuất các hoạt động tích hợp đa lĩnh vực (ví dụ: thí nghiệm khoa học kết hợp đo lường, xây dựng mô hình, vẽ sáng tạo...) trong một tiến trình dạy học cụ thể.

- Thực hành và đánh giá rèn luyện tổ chức hoạt động STEAM: Sinh viên thực hiện các hoạt động mô phỏng (micro-teaching) và dự giờ – phản hồi chéo để phát triển kỹ năng triển khai, hướng dẫn và đánh giá hoạt động khám phá khoa học theo phương pháp STEAM.

c. Cách thực hiện

Bước 1: Thảo luận về giáo dục STEAM trong hoạt động KPKH

- Giảng viên tổ chức thảo luận về giáo dục STEAM trong hoạt động khám phá khoa học ở lứa tuổi mầm non.

- Giới thiệu quy trình 5E theo định hướng STEAM đã được áp dụng trong thực tiễn tại các trường mầm non Việt Nam và quốc tế.

Bước 2: Hướng dẫn xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động STEAM

- Sinh viên được phân nhóm, lựa chọn chủ đề khoa học phù hợp: ánh sáng, bóng tối, sự nổi – chìm, cây trồng...

- Từng nhóm xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động khám phá khoa học tích hợp các yếu tố STEAM, bao gồm: mục tiêu, nội dung, tiến trình, phương pháp, hình thức tổ chức, đánh giá.

Khi ứng dụng tổ chức hoạt động khám phá khoa học tích hợp các yếu tố STEAM sinh viên phải có kỹ năng xây dựng phiếu học tập, phiếu học tập cần có những nội dung sau:

- Thông tin về đối tượng: Phiếu có thể yêu cầu trẻ ghi nhận tên gọi, đặc điểm bên ngoài (màu sắc, hình dạng, kích thước), cấu tạo và chức năng của các bộ phận, điều kiện sống, môi trường sống, sự phát triển/vòng đời của thực vật và động vật, hoặc các đặc điểm của thiên nhiên vô sinh và hiện tượng tự nhiên....

- Hoạt động khám phá: Phiếu có thể hướng dẫn trẻ sử dụng các giác quan để khảo sát đối tượng, so sánh, đối chiếu, phân loại đặc điểm...

- Ghi nhận quan sát: Trong các hoạt động như thống kê, phiếu học tập có thể có các cột để trẻ đánh dấu hoặc ghi nhận số lượng các đối tượng quan sát được (ví dụ: phiếu thống kê cây, phương tiện giao thông...)

- Gọi mở tư duy và giải thích: Phiếu có thể chứa các câu hỏi để trẻ phán đoán, suy luận, giải thích hiện tượng....

- Biểu tượng và ký hiệu: Trong hoạt động mô hình hóa, phiếu có thể cung cấp không gian hoặc hướng dẫn để trẻ tái tạo lại các đặc điểm, thuộc tính dưới dạng sơ đồ, mô hình hoặc ký hiệu (ví dụ: lịch thời tiết với các ký hiệu biểu trưng)....

- Ứng dụng và thái độ: Phiếu có thể có các phần để trẻ liên hệ kiến thức vào thực tế hoặc thể hiện thái độ, cảm xúc với môi trường....

- Phân loại phiếu học tập: phiếu dự đoán, phiếu quan sát, phiếu ghi nhận kết quả, phiếu so sánh, phiếu mô tả hình ảnh, phiếu sáng tạo...

- Quy trình xây dựng phiếu học tập: Xác định mục tiêu của hoạt động, phân tích nội dung, lựa chọn hình thức thể hiện, thiết kế bố cục, hình ảnh, câu hỏi, thử nghiệm và điều chỉnh phiếu.

- Kỹ năng sử dụng phiếu học tập: Hướng dẫn trẻ cách sử dụng, tổ chức hoạt động cá nhân hoặc nhóm nhỏ có sử dụng phiếu, cách đánh giá kết quả qua phiếu học tập.

Bước 3: Thực hành mô phỏng tổ chức hoạt động STEAM

Các nhóm sinh viên thực hành tổ chức hoạt động theo vai (giáo viên – trẻ – người quan sát). Hoạt động được quay lại để phục vụ đánh giá và phân tích sau thực hành.

Bước 4: Nhận xét, điều chỉnh và rút kinh nghiệm

- Giảng viên và sinh viên cùng phân tích điểm mạnh – hạn chế trong quá trình thực hiện.

- Sinh viên tự đánh giá năng lực tổ chức hoạt động theo STEAM, lập kế hoạch cải tiến trong các lần thực hành tiếp theo.

Ví dụ 1, đề tài hoạt động KPKH “Khám phá vật chìm vật nổi”

Mục tiêu: Trẻ biết phân biệt được một số vật nổi – chìm trong nước. Trẻ đưa ra dự đoán, làm thí nghiệm và giải thích hiện tượng một cách đơn giản. Phát triển năng lực tư duy, khả năng hợp tác và sáng tạo thông qua các hoạt động tích hợp.

Hoạt động STEAM tích hợp:

- Science (Khoa học): Trẻ dự đoán và thực hiện thí nghiệm: viên đá, lá cây, cục xốp, thìa nhôm... vật nào nổi – vật nào chìm?

- Technology (Công nghệ): Trẻ sử dụng tablet để chụp ảnh các vật đã thử nghiệm và trình bày kết quả.

- Engineering (Kỹ thuật): Trẻ được giao nhiệm vụ tạo mô hình “chiếc thuyền không chìm” từ các vật liệu khác nhau.

- Art (Nghệ thuật): Trẻ vẽ lại hoặc trang trí “thuyền nổi” theo ý tưởng cá nhân.

- Math (Toán học): Trẻ so sánh trọng lượng, kích thước, đếm số lần thử nghiệm, đo chiều dài thuyền bằng que đếm.

Vai trò của sinh viên: Lập kế hoạch, chuẩn bị học cụ, tổ chức các bước khám phá, hỗ trợ trẻ làm thí nghiệm và thể hiện ý tưởng. Quan sát, ghi nhận, đánh giá tiến trình và kết quả hoạt động theo tiêu chí cụ thể (mức độ tham gia, tư duy khoa học, khả năng hợp tác...).

Ví dụ 2, cho trẻ KPKH đề tài: “Tìm hiểu về sự tan trong nước”

Hoạt động STEAM tích hợp:

- Science (Khoa học): Trẻ làm thí nghiệm hòa tan đường, muối, dầu vào nước để so sánh.

- Technology (Công nghệ): Sử dụng máy tính bảng để quan sát video minh họa hoặc ghi lại quá trình làm thí nghiệm.

- Engineering (Kỹ thuật): Trẻ thiết kế bộ lọc để tách các chất không tan ra khỏi nước.

- Art (Nghệ thuật): Vẽ tranh minh họa các chất tan/không tan và trang trí sản phẩm.

- Math (Toán học): Đo lượng nước, đếm số lần khuấy, so sánh lượng chất tan giữa các cốc.

Vai trò của sinh viên: Thiết kế và triển khai hoạt động, hướng dẫn trẻ quan sát – dự đoán – giải thích kết quả thí nghiệm, hỗ trợ trẻ trong các hoạt động kỹ thuật và nghệ thuật.

d. Điều kiện thực hiện

- Giảng viên cần có hiểu biết sâu sắc về phương pháp giáo dục STEAM và kinh nghiệm thực hành tích hợp liên môn trong GDMN; có khả năng tổ chức chuyên đề, hướng dẫn thực hành, và đánh giá hoạt động theo quan điểm phát triển năng lực.

- Sinh viên có kiến thức cơ bản về tổ chức hoạt động giáo dục, nhất là hoạt động KPKH; có tinh thần học hỏi, sáng tạo, hợp tác nhóm và khả năng vận dụng linh hoạt kiến thức liên ngành.

- Về cơ sở vật chất và học liệu: Không gian học linh hoạt để tổ chức mô phỏng và hoạt động nhóm. Thiết bị hỗ trợ trình chiếu, vật liệu mở như đồ dùng gia đình, vật liệu tái chế, thiết bị công nghệ đơn giản (tablet, kính lúp, thước đo, khối hình...). Có tài nguyên minh họa (video, mẫu kế hoạch, công cụ đánh giá) từ thực tiễn mầm non.

3.2.6. Tổ chức hoạt động khám phá khoa học theo dự án

a. Mục đích, ý nghĩa

Biện pháp nhằm rèn luyện cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non năng lực tổ chức hoạt động khám phá khoa học theo hướng dạy học dự án (Project-based Learning – PBL). Qua đó, sinh viên không chỉ vận dụng kiến thức đã học mà còn phát triển kỹ năng lập kế hoạch, phối hợp, hướng dẫn trẻ, đánh giá tiến trình và kết quả hoạt động.

Biện pháp này giúp sinh viên tiếp cận một mô hình dạy học tích cực, lấy trẻ làm trung tâm, khơi dậy tính tò mò, sáng tạo và khả năng giải quyết vấn đề ở trẻ; phát triển năng lực nghề nghiệp tổng hợp cho sinh viên thông qua việc trải nghiệm tổ chức các dự án nhỏ mang tính KPKH; góp phần nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên mầm non đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

b. Nội dung

- Trang bị kiến thức về dạy học theo dự án trong giáo dục mầm non: Khái niệm, đặc điểm, quy trình thực hiện, vai trò của giáo viên và trẻ trong quá trình thực hiện dự án.

- Hướng dẫn sinh viên xây dựng và tổ chức thực hiện các hoạt động khám phá khoa học theo dự án: Cách xác định chủ đề, mục tiêu, lập kế hoạch, lựa chọn hình thức tổ chức, thiết kế hoạt động phù hợp với lứa tuổi mẫu giáo.

- Tổ chức cho sinh viên thực hành triển khai dự án mô phỏng: Qua các hoạt động nhóm giúp sinh viên làm quen với quá trình tổ chức thực tế.

- Đánh giá kết quả và hỗ trợ điều chỉnh: Phân tích sản phẩm dự án, hiệu quả tổ chức và thái độ của trẻ (giả định), từ đó điều chỉnh và nâng cao chất lượng rèn luyện.

c. Cách thực hiện

Bước 1: Thảo luận về tổ chức thực hiện hoạt động KPKH theo dự án

- Giảng viên thảo luận với sinh viên các nội dung cơ bản về dạy học theo dự án.

- Sinh viên được phân tích ví dụ minh họa về một số dự án đã thực hiện trong thực tiễn giáo dục mầm non.

Bước 2: Hướng dẫn xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động theo dự án

- Sinh viên làm việc theo nhóm nhỏ, lựa chọn một chủ đề khám phá khoa học phù hợp (như: cây xanh, nước, bóng tối, ánh sáng...).

- Các nhóm lập kế hoạch theo các bước: xác định chủ đề và mục tiêu → đề xuất câu hỏi trung tâm → phân chia các nhiệm vụ nhỏ → lựa chọn phương pháp và hình thức tổ chức phù hợp → dự kiến thời gian và đánh giá.

Bước 3: Tổ chức thực hành mô phỏng hoạt động theo dự án

- Tổ chức hoạt động giảng dạy mô phỏng (micro-teaching): mỗi nhóm đóng vai giáo viên – trẻ – người quan sát.

- Thực hiện toàn bộ quá trình triển khai một dự án đơn giản kéo dài 3 – 5 buổi học, hoặc mô phỏng từng giai đoạn của dự án.

Bước 4: Đánh giá và rút kinh nghiệm

- Giảng viên và sinh viên phản hồi, đánh giá dựa trên tiêu chí: mức độ phù hợp của chủ đề, khả năng khơi gợi hứng thú cho trẻ, sự tích cực và hiệu quả trong tổ chức.

- Sinh viên ghi nhật ký học tập, nhận diện điểm mạnh – hạn chế, từ đó điều chỉnh kế hoạch trong các lần rèn luyện sau.

Ví dụ dự án: "Hành trình của hạt giống"

Mục tiêu: Trẻ hiểu được quá trình phát triển của hạt thành cây; trẻ biết cách gieo hạt, chăm sóc cây, ghi nhận sự phát triển qua từng giai đoạn.

Quy trình thực hiện:

- Khởi động (Khơi gợi vấn đề): Cùng trẻ quan sát một số loại hạt, đặt câu hỏi: "Hạt sẽ như thế nào khi ở trong đất?", "Làm sao để hạt nảy mầm?"

- Triển khai (Khám phá – Hành động): Trẻ được chia nhóm, thực hành gieo hạt (đậu xanh, hướng dương, cải ngọt...). Quan sát, đo chiều cao, vẽ quá trình phát triển qua từng ngày. Làm mô hình vòng đời của cây từ vật liệu tái chế...

- Kết thúc (Trình bày kết quả): Trẻ trưng bày sản phẩm, kể lại quá trình chăm sóc cây, chia sẻ cảm xúc.

- Đánh giá: Dựa trên sự tích cực tham gia, khả năng làm việc nhóm, sản phẩm của trẻ và phản hồi của các em.

Vai trò của sinh viên: Lập kế hoạch, chuẩn bị vật liệu, hướng dẫn và hỗ trợ trẻ, ghi nhận tiến trình, đánh giá và điều chỉnh hoạt động dự án.

d. Điều kiện thực hiện

- Giảng viên có kiến thức chuyên sâu và kinh nghiệm trong tổ chức hoạt động dạy học theo dự án; biết cách hướng dẫn sinh viên từ lý thuyết đến thực hành một cách hệ thống và linh hoạt.

- Sinh viên có kiến thức cơ bản về tổ chức hoạt động KPKH; có tinh thần làm việc nhóm, tư duy sáng tạo, chủ động trong tiếp cận vấn đề.

- Về cơ sở vật chất – học liệu: Có không gian học tập linh hoạt để sinh viên trình bày, thực hành; có học cụ, học liệu mở (đồ vật thật, tranh ảnh, thiết bị kỹ thuật đơn giản, vật liệu tái chế...) để sinh viên xây dựng hoạt động.

3.2.7. Thực hành khám phá khoa học cho trẻ tại trường mầm non

a. Mục đích, ý nghĩa

Biện pháp tạo điều kiện để sinh viên ngành GDMN trực tiếp trải nghiệm, thực hành tổ chức hoạt động KPKH cho trẻ trong môi trường thực tế tại trường mầm non, qua đó phát triển năng lực nghề nghiệp một cách toàn diện.

Việc thực hành hoạt động KPKH cho trẻ tại trường MN góp phần gắn kết lý thuyết với thực hành, giúp sinh viên hình dung rõ cách tổ chức hoạt động khám phá phù hợp với tâm lý – nhận thức của trẻ em; rèn luyện cho sinh viên kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, xử lý tình huống linh hoạt, giao tiếp với trẻ và phối hợp với giáo viên mầm non tại cơ sở; góp phần bồi dưỡng kỹ năng phản tư, tự điều chỉnh và nâng cao năng lực tổ chức hoạt động giáo dục khoa học trong chương trình GDMN; tạo nền tảng cho công tác thực tập sư phạm, nghiên cứu khoa học giáo dục, và làm quen với môi trường làm việc thực tế.

b. Nội dung

Biện pháp tập trung vào các nội dung chính sau:

- Lựa chọn đề tài KPKH phù hợp với trẻ mẫu giáo: như không khí, nước, thực vật, côn trùng, vật nổi – vật chìm, bóng sáng, màu sắc...

- Thiết kế kế hoạch hoạt động KPKH thực tế: đảm bảo tính khoa học – tính giáo dục – tính vừa sức, theo đúng cấu trúc hoạt động giáo dục mầm non.

- Tổ chức thực hành hoạt động với trẻ mầm non tại cơ sở giáo dục: bao gồm chuẩn bị môi trường, phương tiện, tiến hành hoạt động và đánh giá kết quả hoạt động KPKH.

- Ghi nhận – phản hồi – điều chỉnh hoạt động sau thực hành: viết nhật ký sư phạm, thu thập ý kiến giáo viên hướng dẫn và tự đánh giá.

c. Cách thực hiện

Bước 1: Chuẩn bị trước khi đến trường mầm non

- Giảng viên hướng dẫn sinh viên lựa chọn đề tài khám phá phù hợp với lứa tuổi trẻ tại trường mầm non liên kết.

- Sinh viên xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động theo mẫu chuyên môn (mục tiêu, chuẩn bị, tiến trình...). Tập dượt tổ chức hoạt động tại lớp học mô phỏng, nhận phản hồi và chỉnh sửa.

Bước 2: Thực hành tại trường mầm non

Sinh viên được phân nhóm đến thực hành tại các lớp mẫu giáo (3–4, 4–5, 5–6 tuổi) tại các trường mầm non. Dưới sự hỗ trợ của GVMN, sinh viên trực tiếp tổ chức hoạt động khám phá với trẻ:

- Gây hứng thú, nêu vấn đề
- Khuyến khích trẻ đặt câu hỏi, thao tác, quan sát, thí nghiệm
- Gọi mở kiến thức khoa học một cách dễ hiểu
- Kết thúc bằng trò chơi, nhận xét, mở rộng hoặc liên hệ thực tiễn.

Bước 3: Đánh giá – phản tư sau thực hành

- Sinh viên ghi lại kết quả hoạt động: sự tham gia của trẻ, hiệu quả tổ chức, khó khăn gặp phải.

- Viết báo cáo tự đánh giá hoặc nhật ký thực hành.
- Giảng viên và GVMN cùng nhận xét, góp ý chi tiết.
- Sinh viên điều chỉnh kế hoạch và đề xuất cải tiến cho lần tổ chức sau.

Ví dụ tổ chức cho trẻ MG 5-6 tuổi KPKH “Tìm hiểu vật nổi – vật chìm” ở Trường Mầm non tư thục Mina, xã Gia viễn do sinh viên có mã LT6MN11 thực hiện.

Mục đích hoạt động

- Trẻ hiểu hiện tượng vật chìm – vật nổi trong nước qua quan sát và trải nghiệm.
- Trẻ rèn kỹ năng dự đoán – quan sát – thử nghiệm – kết luận.
- Phát triển tư duy khoa học, kỹ năng giải quyết vấn đề, hợp tác nhóm, ngôn ngữ và cảm xúc tích cực trong học tập.

Chuẩn bị

- Đồ dùng thí nghiệm: Thau nước, các vật liệu khác nhau (gỗ, sỏi, lá cây, nhựa, giấy, đồng xu, thìa nhựa, thìa inox, xốp, nút chai...)
- Bảng kết quả (cho trẻ dán hình hoặc đánh dấu): "Vật chìm – vật nổi"

Vật	Con đoán cái này sẽ chìm hay nổi?			Kết quả sau khi thí nghiệm		
	Chìm ↓	Nổi ↑	Lơ lửng ↔	Chìm ↓	Nổi ↑	Lơ lửng ↔
						
						
						
						
						
						

- Câu hỏi gợi mở, nhạc nền nhẹ nhàng, góc trưng bày sản phẩm

- Không gian tổ chức: Khu vực trải nghiệm chia thành nhóm nhỏ (4–5 trẻ/nhóm)

Trình tự tổ chức hoạt động

Bước 1: Gợi vấn đề (Dẫn dắt qua tình huống)

Tình huống mở đầu: Cô cùng trẻ xem một đoạn video ngắn hoặc kể chuyện (ví dụ: “Hai bạn chơi bóng đá. Bạn Hưng sút bóng mạnh quá, cả bóng và những hòn sỏi đều bị rơi xuống nước”), câu hỏi: “Tại sao bóng nổi được trên mặt nước, còn sỏi lại chìm xuống đáy?”

Bước 2: Dự đoán – đặt giả thuyết

Cô cho trẻ quan sát các vật sẽ thả xuống nước và yêu cầu trẻ đưa ra dự đoán: “Con nghĩ cái này sẽ chìm hay nổi? Vì sao?”. Con hãy điền dấu x vào ô con đoán.

Trẻ đánh dấu dự đoán trên bảng mô hình hoá của nhóm.

Bước 3: Thực hành thí nghiệm – trải nghiệm

Trẻ thả lần lượt từng vật vào bình nước, quan sát hiện tượng, thảo luận với bạn, ghi nhận lại kết quả.

Cô quan sát – hỗ trợ – gợi mở, ví dụ: “Con thấy điều gì xảy ra với cái thìa nhựa?”, “Điều đó giống hay khác với dự đoán của con?”

Bước 4: Thảo luận – so sánh kết quả với dự đoán

Trẻ so sánh kết quả thí nghiệm với dự đoán ban đầu, phát hiện điều trùng khớp hay khác biệt.

Cô cùng trẻ thảo luận: “Con thấy điều gì làm cho vật chìm?”, “Vật nào nhỏ mà vẫn chìm? Vật nào to mà vẫn nổi?”

Bước 5: Kết luận và mở rộng

Cô tổng hợp lại kiến thức: “Vật nổi là vì nó nhẹ hơn nước hoặc có nhiều chỗ rỗng bên trong (giống như có không khí) nên nước đỡ nó lên được, nó không bị chìm xuống. Vật chìm là vì nó nặng hơn nước, hoặc không có chỗ rỗng để nước đỡ, nên nó bị rơi xuống đáy”.

Mở rộng tình huống: “Làm sao để một vật nặng như tàu biển vẫn có thể nổi?” (gợi mở tư duy sáng tạo – khám phá cho trẻ)

Bước 6: Củng cố – đánh giá nhẹ nhàng

Cho trẻ chơi trò 1: “Nhanh mắt nhanh tay”: chọn thẻ hình vật nổi – vật chìm theo yêu cầu.

Cho trẻ chơi trò chơi dân gian “Chìm nổi”.

Cô nhận xét sự hợp tác, thái độ học tập, cách trình bày ý tưởng của trẻ.

Ghi chú: Tùy khả năng của trẻ, giáo viên có thể điều chỉnh số lượng vật thử nghiệm và tăng cường đặt câu hỏi mở. Khuyến khích trẻ lý giải – không chỉ trả lời đúng/sai để phát triển tư duy khoa học.

Sinh viên tổ chức hoạt động ở lớp 5-6 tuổi, GVMN hỗ trợ giám sát an toàn. Trẻ tích cực tham gia và có nhiều câu hỏi thú vị như “Tại sao lá khô lại nổi còn hạt đỗ lại chìm?”

Phản hồi:

- Giáo viên mầm non: Hoạt động sôi nổi, câu hỏi của sinh viên rõ ràng, tuy nhiên phần kết luận cần khái quát đơn giản hơn.

- Sinh viên viết bản tự đánh giá, nhận ra cần chuẩn bị thêm vật liệu tương phản hơn và khuyến khích trẻ giải thích bằng ngôn ngữ của mình.

d. Điều kiện thực hiện

- Về phía giảng viên – cơ sở đào tạo: Có sự phối hợp chặt chẽ với các trường mầm non để tổ chức thực hành. Chuẩn bị tài liệu hướng dẫn, biểu mẫu kế hoạch và đánh giá. Theo dõi sát quá trình chuẩn bị và thực hiện của SV.

- Về phía trường mầm non: Cử giáo viên hỗ trợ sinh viên trong quá trình tổ chức hoạt động. Tạo điều kiện về không gian lớp học, trang thiết bị, thời gian hoạt động và sự tham gia của trẻ.

- Về phía sinh viên: Có kiến thức chuyên môn cơ bản về KPKH và kỹ năng sư phạm nền tảng. Chuẩn bị kỹ lưỡng kế hoạch hoạt động và phương tiện dạy học phù hợp. Thái độ nghiêm túc, cầu thị, tuân thủ quy định tại trường mầm non thực hành.

3.2.8. Tự đánh giá và đánh giá việc tổ chức hoạt động khám phá khoa học

a. Mục đích, ý nghĩa

Biện pháp này rèn luyện kỹ năng tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng quá trình và kết quả tổ chức hoạt động KPKH cho trẻ mầm non, từ đó nâng cao năng lực điều chỉnh chuyên môn, tư duy phản biện và kỹ năng phân tích sư phạm cho sinh viên ngành GDMN.

Biện pháp này giúp sinh viên hình thành thói quen phản tư (reflective thinking) trong nghề nghiệp; chủ động nhận diện điểm mạnh – điểm hạn chế trong quá trình tổ chức hoạt động và đưa ra biện pháp cải tiến. Đối với quá trình đào tạo, biện pháp này giúp tăng cường tính thực hành – thực nghiệm trong dạy học; đảm bảo sinh viên không chỉ “làm được” mà còn “biết vì sao mình làm như vậy” và “làm như thế nào cho tốt hơn”. Từ đó rèn luyện cho sinh viên một phẩm chất nghề nghiệp cốt lõi của giáo viên – đó là khả năng đánh giá để phát triển (assessment for development) chứ không đơn thuần là kiểm tra kết quả.

b. Nội dung

Biện pháp bao gồm hai nhóm kỹ năng đánh giá chính cần rèn luyện:

- Kỹ năng tự đánh giá

+ Biết xác định các tiêu chí đánh giá hoạt động khám phá khoa học (mục tiêu, nội dung, cách tổ chức, hiệu quả, sự tham gia của trẻ, khả năng xử lý tình huống...).

+ Có khả năng ghi lại, phản tư và phân tích hoạt động mình đã tổ chức.

+ Biết so sánh kết quả đạt được so với mục tiêu đặt ra, tìm nguyên nhân thành công và điểm cần cải tiến.

- Kỹ năng đánh giá đồng đẳng

+ Biết quan sát, phân tích hoạt động do bạn cùng lớp tổ chức.

+ Đưa ra nhận xét khách quan, có cơ sở và mang tính xây dựng.

+ Hình thành khả năng đưa ra đề xuất điều chỉnh mang tính chuyên môn cho người khác.

c. Cách thực hiện

Bước 1: Xây dựng khung tiêu chí đánh giá

Giảng viên cung cấp hoặc cùng sinh viên xây dựng bộ tiêu chí đánh giá hoạt động khám phá khoa học, gồm các nhóm:

- Mức độ phù hợp của mục tiêu – nội dung – độ tuổi
- Cách thức tổ chức – khơi gợi – tương tác với trẻ
- Hiệu quả giáo dục – mức độ tham gia tích cực của trẻ
- Kỹ năng sử dụng phương tiện, xử lý tình huống, đánh giá trẻ

Bước 2: Hướng dẫn kỹ thuật tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng

Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách sử dụng bảng kiểm, nhật ký sự phạm, thang Likert, hoặc bảng tiêu chí mô tả để thực hiện đánh giá.

Sinh viên thực hành viết nhận xét mang tính mô tả – phản ánh – gợi mở thay vì phán đoán chủ quan (ví dụ: “Trẻ phản hồi nhanh khi được hỏi “Vì sao đá lại chìm?” cho thấy hoạt động có tính gợi mở tốt”).

Bước 3: Tổ chức hoạt động thực hành đánh giá

Sinh viên tổ chức hoạt động khám phá khoa học theo nhóm/lớp nhỏ (dưới hình thức mô phỏng hoặc thực tế).

Các nhóm còn lại quan sát, đánh giá theo bảng tiêu chí. Bản thân nhóm tổ chức cũng tự đánh giá sau hoạt động.

Sau mỗi lượt thực hành, sinh viên nộp bản tự đánh giá và bản đánh giá từ đồng nghiệp.

Bước 4: Thảo luận – phản hồi – điều chỉnh

Giảng viên điều phối buổi tổng hợp, nhận xét, phản hồi.

Sinh viên thảo luận điểm mạnh – điểm hạn chế của bản thân và nhóm khác, sau đó chỉnh sửa kế hoạch hoặc rút kinh nghiệm.

Ví dụ khi SV LT6MN11 nhóm 1 thực hành tổ chức hoạt động “Vật chìm, vật nổi” cho trẻ 5–6 tuổi, có quay thành video cho lớp cùng quan sát.

Sau khi SV tổ chức xong hoạt động, nhóm 1 tự đánh giá:

+ Điểm mạnh: Trẻ hào hứng thử nghiệm với nhiều vật khác nhau. Câu hỏi dẫn dắt rõ ràng, có phân nhóm hoạt động tốt.

+ Hạn chế: Phần tổng kết hơi dài, nên trình bày ngắn gọn lại “vật nhẹ hơn nước thì nổi, vật nặng hơn nước thì chìm, vật nặng ngang với nước thì lơ lửng trong nước”.

+ Điều chỉnh: Bổ sung hình ảnh, làm thí nghiệm mẫu với vật có cùng kích thước nhưng khác chất liệu.

Đánh giá đồng đẳng từ nhóm 2:

- Nhóm 1 có sử dụng câu hỏi gợi mở tốt nhưng chưa có câu hỏi so sánh giữa vật nặng – vật nhẹ – vật cùng kích thước.

- Gợi ý: Có thể bổ sung hoạt động đo trọng lượng đơn giản bằng tay, hoặc chia cặp vật để trẻ so sánh dễ hơn.

Giáo viên tổng kết:

- Khen ngợi nhóm 1 về tổ chức thao tác nhóm tốt, nhưng cần hướng dẫn trẻ cách giải thích nguyên nhân chìm, nổi, lơ lửng ở mức độ dễ hiểu hơn.

- Cần bổ sung phần liên hệ, ứng dụng để khơi gợi mong muốn tiếp tục khám phá của trẻ và giáo dục đảm bảo an toàn cho trẻ ở nơi có nước. Ví dụ: Cơ thể người có thể nổi ở mặt nước nhưng nếu con không biết bơi, không biết cách thở và giữ bình tĩnh, con sẽ chìm. Khi con biết bơi, con biết cách dùng hơi thở và tay chân đúng cách để nổi và bơi được trong nước. Muốn không bị chìm và đuối nước, con phải học bơi, phải dùng phao khi xuống nước vì phao giúp chúng ta có thể nổi ở mặt nước...

d. Điều kiện thực hiện

- Đối với giảng viên: Có kỹ năng hướng dẫn phương pháp đánh giá mang tính định tính, định lượng và kỹ năng điều phối thảo luận phản hồi mang tính xây dựng. Chuẩn bị khung tiêu chí khoa học, rõ ràng và phù hợp thực tiễn giảng dạy mầm non.

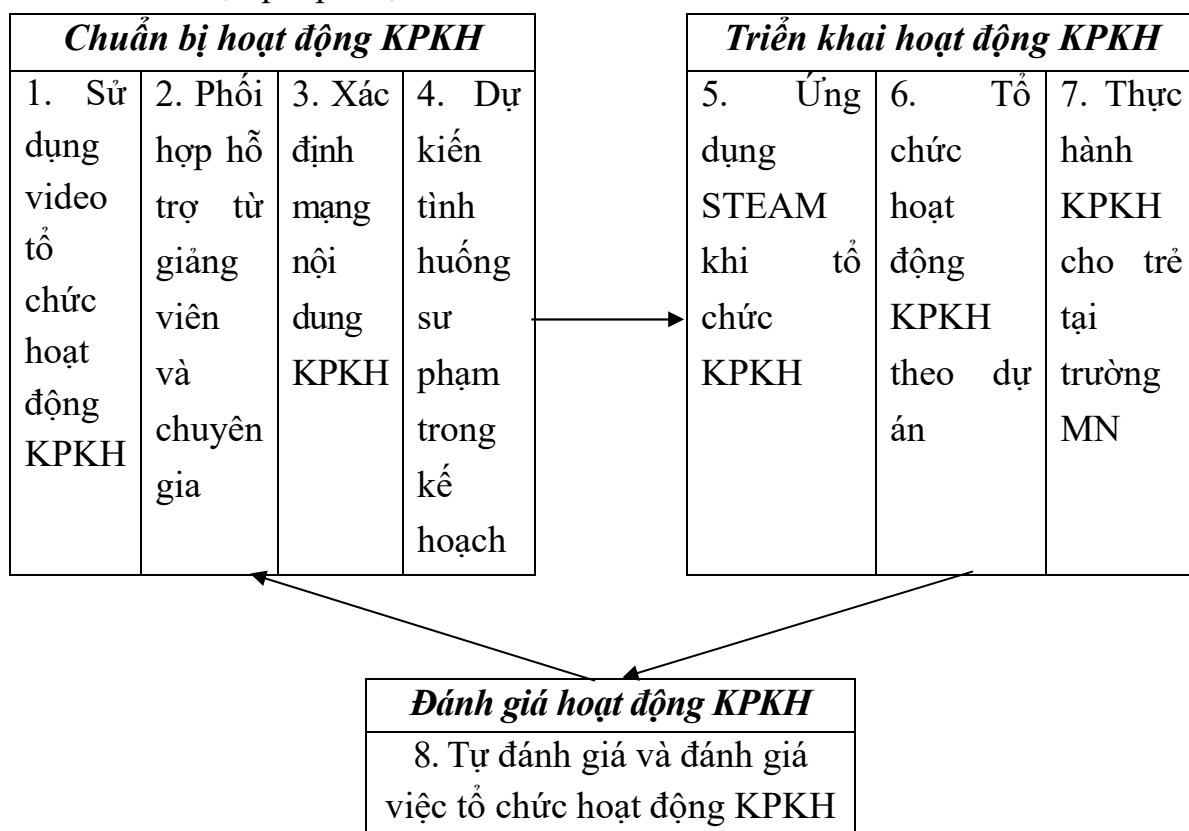
- Đối với sinh viên: Có kiến thức nền về tổ chức hoạt động KPKH. Có thái độ cầu thị, cởi mở, sẵn sàng lắng nghe và phản hồi mang tính xây dựng.

- Về cơ sở vật chất: Phòng học có không gian mô phỏng lớp mầm non hoặc thiết bị ghi hình để phục vụ đánh giá lại. Có biểu mẫu đánh giá (in giấy hoặc dạng số), bảng tiêu chí, nhật ký phản tư.

Các biện pháp giáo dục trên có mối quan hệ biện chứng trong đó 4 biện pháp đầu giúp sinh viên có kỹ năng trong việc chuẩn bị thực hiện hoạt động KPKH, đó là những biện pháp mang tính tiền đề, cơ sở cho các biện pháp 5,6,7 tiếp theo giúp sinh viên tiến hành tổ chức các hoạt động khám phá khoa học thành thực hơn. biện pháp 8 rèn luyện cho sinh viên kỹ năng đánh giá

hoạt động KPKH để điều chỉnh kế hoạch và cách tổ chức cho phù hợp với thực tế khả năng của trẻ. Do vậy, sinh viên cần vận dụng linh hoạt các biện pháp khi tổ chức hoạt động KPKH cho trẻ mầm non.

Các biện pháp được sơ đồ hoá như sau:



Sơ đồ 2. Biện pháp rèn kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH cho sinh viên

3.3. Thực nghiệm sư phạm

3.3.1. Mục đích thực nghiệm

Thực nghiệm nhằm kiểm tra tính hiệu quả và tính khả thi của các biện pháp rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non mà đề tài đã xây dựng.

3.3.2. Nội dung thực nghiệm

Thực nghiệm 8 biện pháp rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH cho sinh viên ngành GDMN

3.3.3. Phạm vi thực nghiệm

Thực nghiệm tác động tiến hành trên 22 sinh viên nhóm thực nghiệm, lớp LT6MN VLVH, Trường Đại học Hoa Lư.

Thực nghiệm thăm dò tiến hành trên 18 sinh viên nhóm đối chứng, lớp D14MN1, Trường Đại học Hoa Lư.

3.3.4. Tiêu chí đánh giá kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học của sinh viên ngành Giáo dục mầm non

3.3.4.1. Tiêu chí và thang đánh giá: Phụ lục 1

3.3.4.2. Phiếu đánh giá: Phụ lục 2

3.3.4.3. Bài tập đánh giá kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học của sinh viên ngành Giáo dục mầm non

Đề tài đánh giá kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH của sinh viên ngành GDMN qua các loại tiết:

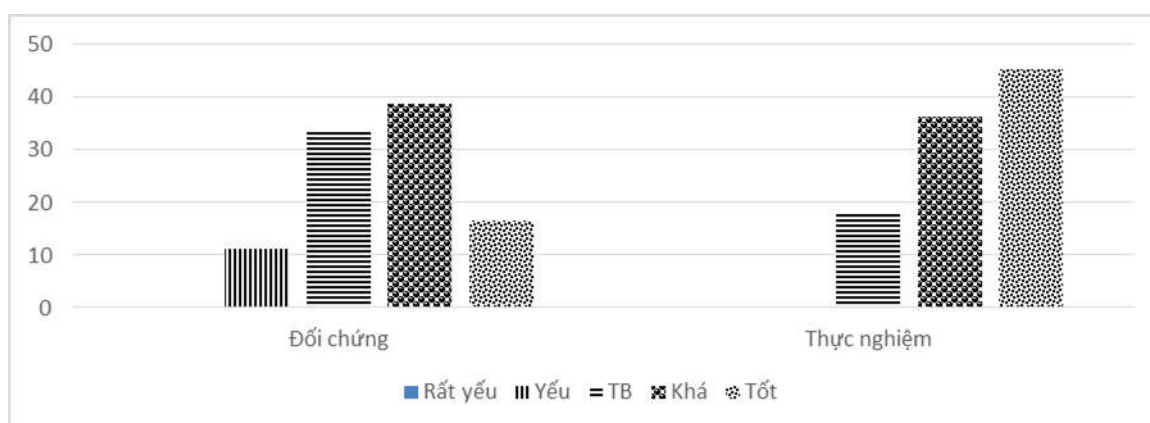
Loại tiết	Độ tuổi	Đề tài / Dự án
Khám phá một đối tượng	MGN	Bé lọc sạch nước
Khám phá 1 số đối tượng	MGB	Đuôi để làm gì
Phân nhóm đối tượng	MGL	Phân loại món ăn của bé

3.3.5. Kết quả thực nghiệm

3.3.5.1. Kỹ năng lập kế hoạch hoạt động KPKH sau thực nghiệm

Bảng 3.1: Kỹ năng lập kế hoạch hoạt động KPKH sau thực nghiệm

Mức Nhóm	Rất yếu		Yếu		TB		Khá		Tốt		$\bar{X}$	δ
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
Đối chứng	0	0	2	11.11	6	33.33	7	38.89	3	16.67	3.75	0.63
Thực nghiệm	0	0	0	0	4	18.18	8	36.36	10	45.45	4.29	0.55



Biểu 3.1: Kỹ năng lập kế hoạch hoạt động KPKH sau thực nghiệm

Kết quả khảo sát sau thực nghiệm về kỹ năng lập kế hoạch hoạt động KPKH được trình bày trong bảng 3.1 cho thấy sự chênh lệch rõ rệt giữa 2 nhóm so với trước thực nghiệm.

Về mức độ phát triển kỹ năng, cả hai nhóm không có sinh viên nào ở mức rất yếu; nhóm đối chứng còn 11.11% sinh viên mức yếu. Chủ yếu sinh

viên nhóm đối chứng có kỹ năng lập kế hoạch ở mức trung bình. Nhóm thực nghiệm có 45.45% sinh viên ở mức tốt, cao gần gấp 3 lần mức tốt của nhóm đối chứng và cao hơn các mức khác của nhóm thực nghiệm. Những sinh viên mức trung bình, mức yếu còn hạn chế hơn ở kỹ năng dự đoán tình huống sự phạm và dự kiến cách giải quyết ngay trong kế hoạch, chưa hoặc ít thể hiện cách đánh giá trong kế hoạch. Như vậy, sau thực nghiệm, nhóm thực nghiệm đã tiến bộ vượt trội về kỹ năng lập kế hoạch so với nhóm đối chứng.

Về điểm trung bình, nhóm thực nghiệm đạt mức 4.29, ở mức tốt, cao hơn nhóm đối chứng (mức khá) là 0.54 điểm trong khi trước thực nghiệm, nhóm thực nghiệm đạt mức trung bình theo thang đánh giá. Điều này phản ánh hiệu quả tích cực của biện pháp rèn luyện kỹ năng được áp dụng trong quá trình thực nghiệm.

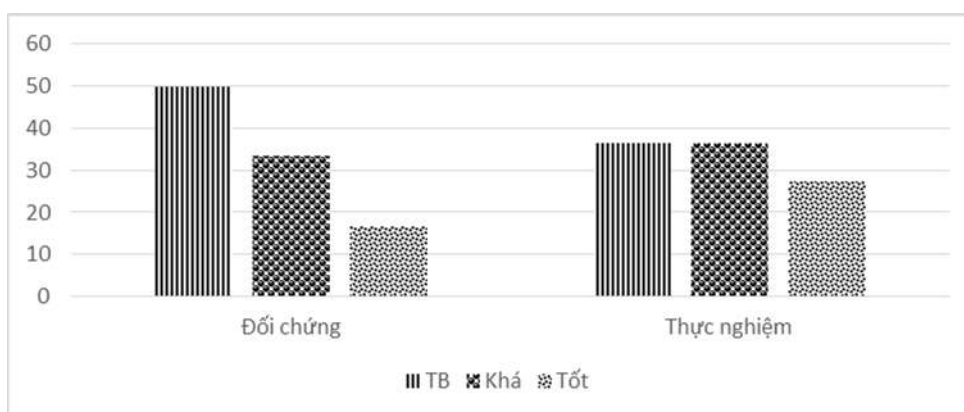
Xét về độ lệch chuẩn, nhóm thực nghiệm có δ là 0.55, thấp hơn so với nhóm đối chứng. Như vậy, mức độ phát triển kỹ năng của sinh viên nhóm thực nghiệm đồng đều, ít phân tán hơn so với nhóm đối chứng. Các biện pháp tác động không chỉ nâng cao kỹ năng trung bình mà còn làm giảm sự chênh lệch giữa các cá nhân sinh viên trong lớp.

Kết quả khảo sát cho thấy biện pháp rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH đã tác động tích cực và rõ rệt đến kỹ năng lập kế hoạch hoạt động của sinh viên. Sau thực nghiệm, kỹ năng này không chỉ được nâng cao về mặt chất lượng (thể hiện qua điểm trung bình cao hơn) mà còn đạt tính ổn định cao hơn (thể hiện qua độ lệch chuẩn thấp hơn). Do đó, có thể khẳng định biện pháp thực nghiệm phù hợp và có hiệu quả trong việc nâng cao năng lực lập kế hoạch cho sinh viên trong quá trình đào tạo nghề nghiệp.

3.3.5.2. Kỹ năng tạo môi trường giáo dục sau thực nghiệm

Bảng 3.2: Kỹ năng tạo môi trường giáo dục sau thực nghiệm

Mức Nhóm	Rất yếu		Yếu		TB		Khá		Tốt		$\bar{X}$	δ
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
Đối chứng	0	0	0	0	9	50.0	6	33.33	3	16.67	3.53	0.60
Thực nghiệm	0	0	0	0	8	36.36	8	36.36	6	27.27	3.67	0.71



Biểu 3.2: Kỹ năng tạo môi trường giáo dục sau thực nghiệm

Kết quả khảo sát sau thực nghiệm về kỹ năng tạo môi trường giáo dục của sinh viên được thể hiện trong bảng 3.2 cho thấy:

Về mức độ phát triển kỹ năng, cả hai nhóm đều không có sinh viên nào ở mức Rất yếu hoặc Yếu. Mức trung bình của nhóm đối chứng cao hơn nhóm thực nghiệm nhưng mức khá và tốt của nhóm thực nghiệm cao hơn hẳn nhóm đối chứng. Hầu hết sinh viên nhóm thực nghiệm sắp xếp học liệu kích thích hoạt động tư duy, ví dụ cho trẻ sắp xếp các nguyên vật liệu như cát, sỏi, than hoa, vải chần vào một nhóm; vải và bông vào một nhóm; cây bèo cái, bèo tấm, bèo tây... một nhóm... Khuyến khích trẻ phán đoán cách làm sạch nước với mỗi nhóm nguyên liệu; dự đoán kết quả trước khi tiến hành thí nghiệm... Từ đó, sinh viên khuyến khích trẻ trải nghiệm khám phá đa giác quan. Cũng qua hoạt động khám phá, sinh viên bao quát để điều chỉnh, bổ sung làm mới môi trường giáo dục giúp trẻ vận dụng kinh nghiệm làm sạch nước ở tình huống mới. Ví dụ: cho trẻ quan sát bể non bộ trong sân trường, đề xuất cách làm sạch nước trong bể non bộ...

Về điểm trung bình, cả hai nhóm đều đạt mức khá trong đó nhóm thực nghiệm có điểm trung bình cao hơn nhóm đối chứng là 0.14. Sự chênh lệch giữa hai nhóm không cao nhưng nhóm thực nghiệm đã tiến bộ vượt bậc so với trước thực nghiệm (loại trung bình với 2.96 điểm).

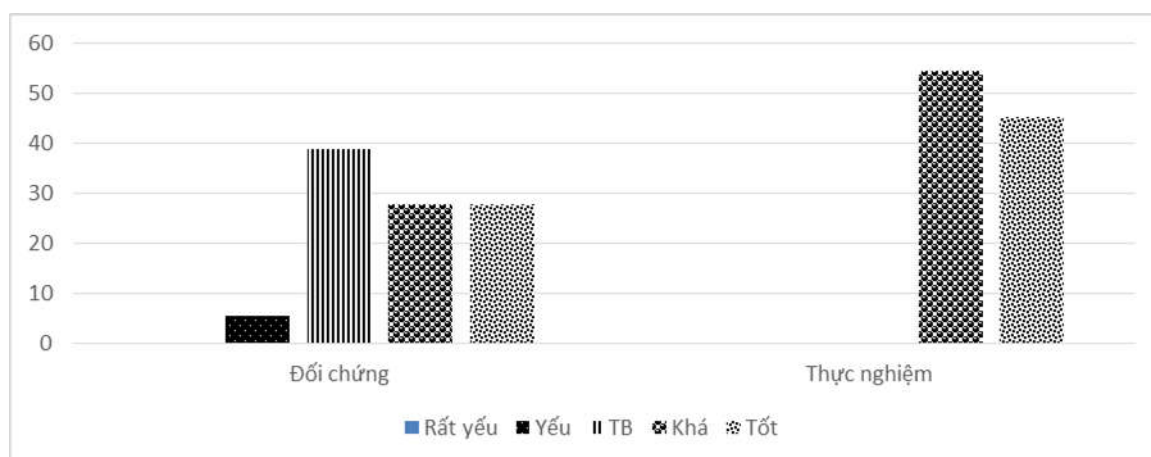
Xét về độ lệch chuẩn, nhóm thực nghiệm có $\delta = 0.71$, cao hơn nhóm đối chứng 0.11. Như vậy, sau thực nghiệm, có nhiều sinh viên nhóm thực nghiệm đã tiến bộ vượt mức so với trước thực nghiệm và với bạn cùng nhóm.

Kết luận, kết quả khảo sát cho thấy biện pháp thực nghiệm đã tạo ra sự khác biệt rõ rệt đối với kỹ năng tạo môi trường giáo dục của sinh viên nhóm thực nghiệm so với trước thực nghiệm, cao hơn nhóm đối chứng.

3.3.5.3. Kỹ năng triển khai hoạt động KPKH sau thực nghiệm

Bảng 3.3: Kỹ năng triển khai hoạt động KPKH sau thực nghiệm

Mức Nhóm	Rất yếu		Yếu		TB		Khá		Tốt		$\bar{X}$	δ
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
Đối chứng	0	0	1	5.56	7	38.89	5	27.78	5	27.78	3.80	0.77
Thực nghiệm	0	0	0	0	0	0	12	54.55	10	45.45	4.47	0.38

**Biểu 3.3: Kỹ năng triển khai hoạt động KPKH sau thực nghiệm**

Bảng 3.3 thể hiện kết quả khảo sát kỹ năng triển khai hoạt động KPKH của sinh viên sau thực nghiệm, có sự khác biệt giữa hai nhóm nghiên cứu.

Về mức độ phát triển các kỹ năng, cả hai nhóm không có sinh viên mức rất yếu. Nhóm đối chứng có 5.56% sinh viên mức yếu, 38.89% sinh viên mức trung bình nhưng nhóm thực nghiệm không còn sinh viên nào đạt các mức này. Tỷ lệ sinh viên nhóm thực nghiệm đạt mức khá chiếm đa số (54.55%), số còn lại đều là mức tốt, cao vượt trội so với nhóm đối chứng. Các em đã bước đầu thực hiện khá thành thực kỹ năng xử lý tình huống sư phạm, tôn trọng ý kiến cá nhân của trẻ; biết quan sát, đánh giá biểu hiện về nhu cầu hoặc khả năng nhận thức của trẻ để đặt ra yêu cầu hoặc gợi ý bổ sung. Đặc biệt, sinh viên biết tận dụng camera và phiếu ghi chép để lưu giữ thông tin, ý kiến hay hình ảnh hoạt động khám phá của trẻ để sử dụng trong phần giải thích (Explain) hoặc đánh giá (Evaluate)... giúp trẻ cảm thấy rất vui, tự hào với những nhận định hoặc hành động khám phá đối tượng của bản thân được thể hiện qua nhưng tư liệu đó.

Về điểm trung bình, nhóm thực nghiệm đạt mức tốt (4.47 điểm), cao hơn mức khá của nhóm đối chứng là 0.67. Sự chênh lệch đáng kể này cho

thấy hiệu quả tích cực của quá trình thực nghiệm trong việc nâng cao năng lực triển khai hoạt động cho sinh viên nhóm thực nghiệm.

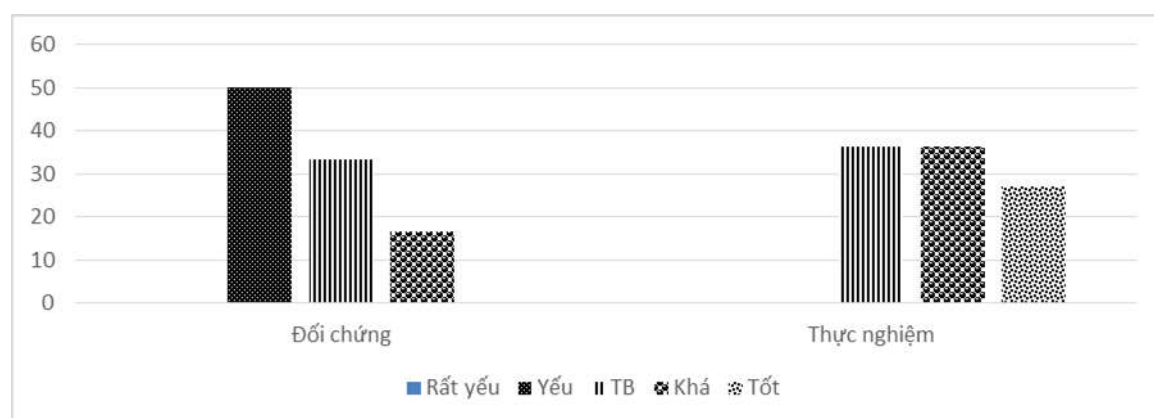
Xét về độ lệch chuẩn, nhóm thực nghiệm có độ lệch chuẩn thấp hơn hẳn so với nhóm đối chứng. Điều này cho thấy kỹ năng triển khai hoạt động của sinh viên nhóm thực nghiệm không chỉ đạt kết quả cao hơn mà còn phát triển đồng đều hơn giữa các cá nhân, phản ánh tính hiệu quả và ổn định của biện pháp tác động đã áp dụng.

Kết luận, kết quả khảo sát cho thấy kỹ năng triển khai hoạt động KPKH của sinh viên cả 2 nhóm được cải thiện rõ rệt sau khi áp dụng biện pháp rèn luyện. Các sinh viên không chỉ đạt kết quả cao về chất lượng kỹ năng (điểm trung bình cao hơn) mà còn có sự phát triển ổn định và đồng đều hơn trong nội bộ nhóm. Những kết quả này tiếp tục khẳng định tính khả thi và hiệu quả thực tiễn của biện pháp đã được xây dựng và áp dụng trong quá trình thực nghiệm đối với việc nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho SV ngành GDMN.

3.3.5.4. Kỹ năng phối hợp với trẻ và gia đình sau thực nghiệm

Bảng 3.4: Kỹ năng phối hợp với trẻ và gia đình sau thực nghiệm

<i>Mức</i> <i>Nhóm</i>	<i>Rất yếu</i>		<i>Yếu</i>		<i>TB</i>		<i>Khá</i>		<i>Tốt</i>		$\overline{X}$	δ
	<i>SL</i>	<i>%</i>	<i>SL</i>	<i>%</i>	<i>SL</i>	<i>%</i>	<i>SL</i>	<i>%</i>	<i>SL</i>	<i>%</i>		
Đối chứng	0	0	9	50.00	6	33.33	3	16.67	0	0	2.94	0.51
Thực nghiệm	0	0	0	0	8	36.36	8	36.36	6	27.27	3.52	0.83



Biểu 3.4: Kỹ năng phối hợp với trẻ và gia đình sau thực nghiệm

Kết quả khảo sát kỹ năng phối hợp với trẻ và gia đình của sinh viên sau thực nghiệm được trình bày ở bảng 3.4 cho thấy mức độ phát triển kỹ năng ở cả hai nhóm có sự khác biệt đáng kể.

Về mức độ phát triển kỹ năng, cả 2 nhóm đều không có sinh viên nào ở mức rất yếu. Nhóm đối chứng còn 50% sinh viên ở mức yếu do chưa thành thực các kỹ năng phối hợp với phụ huynh, mới làm tốt các hoạt động phối hợp với trẻ trong khi nhóm thực nghiệm không còn sinh viên nào ở mức yếu. Mức trung bình của nhóm thực nghiệm cao hơn nhóm đối chứng 3.03%. Mức tốt của nhóm thực nghiệm cao hơn gấp đôi nhóm đối chứng. Đặc biệt, nhóm đối chứng không có sinh viên nào đạt mức tốt, còn nhóm thực nghiệm có 27.27% sinh viên thành thực cả các kỹ năng phối hợp với phụ huynh của trẻ, mời một số phụ huynh tham gia hoạt động khám phá về các món ăn của bé. Phụ huynh cùng các con mình khám phá những món ăn nên ăn hết suất như cơm, canh cá, thịt...; những món ăn tốt nhưng nên ăn vừa phải như đồ chiên rán; những món có nhiều chất bảo quản gây hại không nên ăn, không được đòi bố mẹ mua như que cay, xúc xích, bim bim...; những món không được ăn như thức ăn có màu hoặc mùi lạ, nấm mốc, thức ăn có độc tố như khoai tây mọc mầm... Nhìn sự tự tin và vui vẻ học tập của các con, cha mẹ trẻ rất hài lòng. Họ cũng phối hợp cùng cô nói về tác hại của những đồ ăn nhiều chất phụ gia, chất bảo quản gây hại cho cơ thể để giáo dục trẻ tránh xa các đồ ăn đó. Buổi KPKH của các con trở thành buổi giao lưu giữa cha mẹ, giáo viên và trẻ, tạo thành một sự kiện nho nhỏ nhưng mang lại hiệu quả tích cực trong việc giáo dục trẻ một vài kỹ năng sống đơn giản như chọn lựa, sử dụng món ăn hàng ngày, khơi gợi thái độ tích cực với việc ăn uống của trẻ.

Về điểm trung bình, nhóm thực nghiệm đạt 3.52 điểm, ở mức khá theo thang đánh giá còn nhóm đối chứng ở mức trung bình.

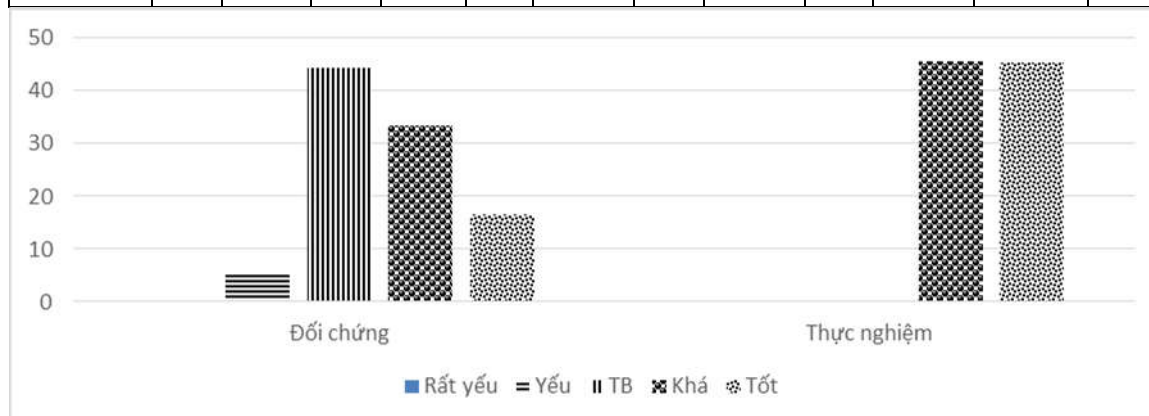
Về độ lệch chuẩn, nhóm thực nghiệm có độ lệch chuẩn cao hơn do bên cạnh phần lớn sinh viên đã thành thực các kỹ năng phối hợp với trẻ và phụ huynh song có sinh viên chưa tổ chức được hoạt động trải nghiệm có phụ huynh tham gia.

Tóm lại, kết quả khảo sát cho thấy biện pháp thực nghiệm ảnh hưởng rõ rệt đến kỹ năng phối hợp với trẻ và gia đình ở nhóm thực nghiệm. Đây là kỹ năng mang tính chất giao tiếp XH cao, đòi hỏi trải nghiệm thực tiễn lâu dài và đa dạng. Nhờ có quá trình bổ sung thêm các hoạt động thực hành phối hợp với phụ huynh, quan sát thực tế và mô phỏng tình huống nên SV đã phát triển kỹ năng này hiệu quả hơn so với nhóm đối chứng và so với trước thực nghiệm.

3.3.5.5. Kỹ năng đánh giá việc tổ chức hoạt động KPKH sau thực nghiệm

Bảng 3.5: Kỹ năng đánh giá việc tổ chức hoạt động KPKH sau thực nghiệm

Mức Nhóm	Rất yếu		Yếu		TB		Khá		Tốt		$\bar{X}$	δ
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
Đối chứng	0	0	1	5.56	8	44.44	6	33.33	3	16.67	3.53	0.71
Thực nghiệm	0	0	0	0	0	0	12	54.55	10	45.45	4,15	0.31

**Biểu 3.5: Kỹ năng đánh giá việc tổ chức hoạt động KPKH sau thực nghiệm**

Bảng và biểu 3.5. trình bày kết quả khảo sát về kỹ năng đánh giá hoạt động KPKH sau thực nghiệm cho thấy sự khác biệt giữa hai nhóm sinh viên.

Về mức độ thực hiện các kỹ năng: Cả hai nhóm cùng không có sinh viên ở mức rất yếu. Có 5.56% sinh viên nhóm đối chứng ở mức yếu và 44.44% sinh viên mức trung bình nhưng nhóm thực nghiệm không còn sinh viên ở các mức này. Phần lớn sinh viên nhóm thực nghiệm ở mức khá và số còn lại ở mức tốt khi thực hiện các kỹ năng đánh giá. Ngoài việc tự đánh giá bản thân và quan sát,, thu thập ghi nhận các hoạt động KPKH của trẻ để đánh giá trẻ, đánh giá hoạt động KPKH của người dạy theo những tiêu chí đã thống nhất, các sinh viên tích cực tham gia thảo luận, đề xuất phương án điều chỉnh chuỗi hoạt động trải nghiệm cho trẻ KPKH để có thể thực hiện tốt hơn ở những lần sau.

Về điểm trung bình, nhóm thực nghiệm đạt mức khá cận tốt với 4.15 điểm, cao hơn nhóm đối chứng là 0.62 điểm. Cả hai nhóm đều ở mức khá theo thang đánh giá.

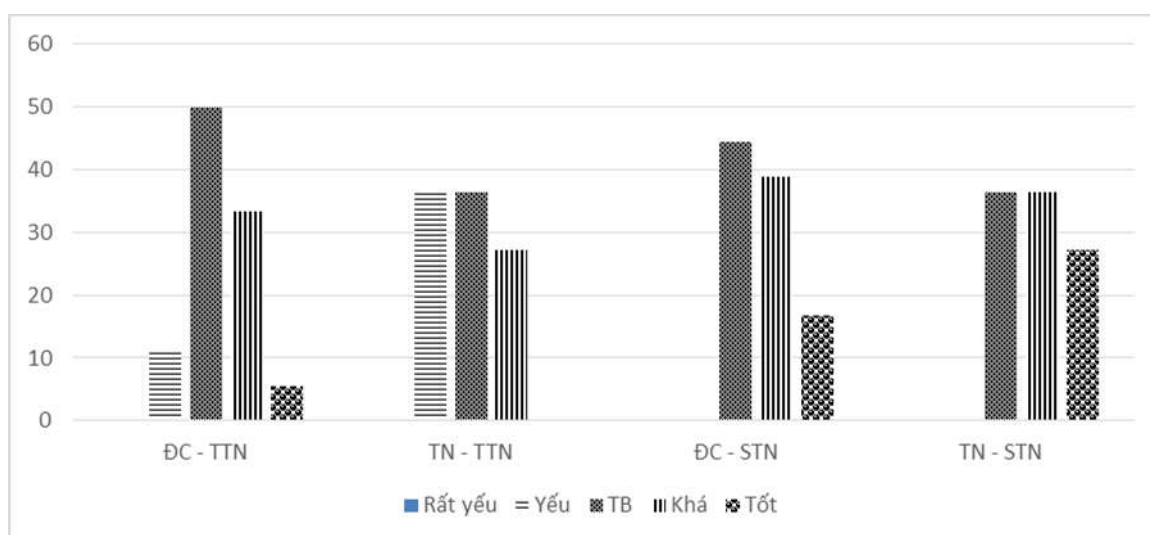
Về độ lệch chuẩn, nhóm thực nghiệm có độ lệch chuẩn là 0.31, thấp hơn đáng kể so với nhóm đối chứng. Điều này cho thấy sự phát triển kỹ năng của sinh viên nhóm thực nghiệm diễn ra ổn định, đồng đều hơn, trong khi ở nhóm đối chứng, mức độ kỹ năng giữa các sinh viên có sự phân hóa lớn hơn.

Kết luận, kết quả khảo sát cho thấy kỹ năng đánh giá hoạt động KPKH của sinh viên ở 2 nhóm đều có tiến bộ trong đó nhóm thực nghiệm đã được cải thiện rõ rệt cả về chất lượng lẫn tính ổn định sau khi áp dụng biện pháp rèn luyện. Điều này cho thấy hiệu quả của các hoạt động rèn luyện có định hướng và cấu trúc rõ ràng trong việc phát triển năng lực tự đánh giá và đánh giá người học – một kỹ năng quan trọng trong thực hành nghề giáo viên mầm non.

3.3.5.6. So sánh kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học trước và sau thực nghiệm

Bảng 3.6: Kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH trước và sau thực nghiệm

Mức Nhóm	Rất yếu		Yếu		TB		Khá		Tốt		$\bar{X}$	δ
	SL	%	SL	%	SL	%	S L	%	SL	%		
ĐC - TTN	0	0	2	11.11	9	50.00	6	33.33	1	5.56	15.85	3.27
TN - TTN	0	0	8	36.36	8	36.36	6	27.27	0	0	14.31	2.50
ĐC - STN	0	0	0	0	8	44.44	7	38.89	3	16.67	17.54	2.85
TN - STN	0	0	0	0	8	36.36	8	36.36	6	27.27	20.09	2.73



Biểu 3.6: Kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH trước và sau thực nghiệm

Bảng 3.6 thể hiện sự tiến bộ khi thực hiện các kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH của sinh viên 2 nhóm như sau:

**** So sánh nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng sau thực nghiệm***

Bảng 3 thể hiện sự tiến bộ khi thực hiện các kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH của sinh viên 2 nhóm như sau:

a. Theo các mức độ phát triển kỹ năng: Cả hai nhóm không có sinh viên ở mức rất yếu và mức yếu. Tỷ lệ sinh viên mức trung bình và mức khá của nhóm thực nghiệm thấp hơn nhóm đối chứng nhưng tỷ lệ mức tốt của nhóm thực nghiệm cao hơn nhóm đối chứng.

- Với các kỹ năng lập kế hoạch: nhóm thực nghiệm đạt 4.29 điểm, đạt mức tốt, còn nhóm đối chứng đạt mức khá. Từ sự hỗ trợ, định hướng của giảng viên phụ trách học phần và chuyên gia về giáo dục bảo vệ môi trường kết hợp với nguồn video hoạt động KPKH, sinh viên nhóm thực nghiệm đã thành thực hơn trong việc dự kiến tình huống sự phạm và cách giải quyết, dự kiến cách đánh giá trẻ trong kế hoạch. Sinh viên cũng biết phối hợp hoạt động khi thiết kế phiếu học tập cho trẻ quan sát, khám phá nước, các món ăn phổ biến của trẻ và một số cách phân nhóm quả theo hướng ứng dụng STEAM. Đặc biệt, nhóm thực nghiệm biết lập kế hoạch thực hiện dự án *Bé lọc sạch nước* trong đó phát huy năng lực giải quyết tình huống có vấn đề cho trẻ theo quy trình 5E.

- Với các kỹ năng tạo môi trường cho trẻ KPKH: Cả nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng đều đạt loại khá, trong đó nhóm thực nghiệm có điểm trung bình cao hơn nhóm đối chứng là 0.14. Sinh viên tiến bộ rõ rệt ở các kỹ năng sắp xếp học liệu kích thích tư duy cho trẻ sử dụng đa giác quan khi KPKH. Các em phối hợp nhịp nhàng hơn khi tạo môi trường giáo dục trẻ, nhất là khi có sự gợi mở của giảng viên về việc tận dụng các yếu tố tự nhiên có sẵn trong khu vực phòng thực hành.

- Với các kỹ năng triển khai hoạt động KPKH: Nhóm thực nghiệm đạt mức tốt với 4.47 điểm. Các em thành thạo kỹ năng khơi gợi hứng thú hoạt động KPKH bằng cách giúp trẻ nhận ra tình huống có vấn đề, nêu các phương án giải quyết, chọn phương án mà nhóm trẻ cho là hợp lý nhất để thảo luận quy trình giải quyết vấn đề, dự kiến kết quả đạt được. Nhóm đối chứng thường chỉ khơi gợi hứng thú cho trẻ bằng trò chơi, vận động theo nhạc hoặc thăm quan mô hình, ví dụ tham quan cửa hàng hoa quả... mà chưa phát huy năng lực giải quyết vấn đề cho trẻ. Nhóm thực nghiệm cho trẻ được trải nghiệm khám phá, rút kinh nghiệm rồi chia sẻ kinh nghiệm, ứng dụng kinh

nghiệm vào giải quyết tình huống mới. Đặc biệt, nhóm biết tư liệu hoá hoạt động sư phạm qua việc sử dụng biện pháp ghi chép thông tin khám phá của các nhóm trẻ, chụp ảnh hoặc quay video quá trình khám phá của trẻ và sử dụng để chính xác hoá thông tin trẻ chia sẻ; thể hiện ảnh, video ở góc tuyên truyền để phối hợp giáo dục trẻ với phụ huynh... Do vậy, kỹ năng phối hợp với trẻ và gia đình cũng tiến bộ hơn, đạt 3.52 điểm, cao hơn nhóm đối chứng 0.58 điểm.

- Với các kỹ năng đánh giá việc tổ chức hoạt động KPKH, nhóm thực nghiệm cao hơn nhóm đối chứng 0.62 điểm, hai nhóm đều ở mức khá. Sinh viên tiến bộ hẳn ở kỹ năng quan sát và ghi nhận hoạt động KPKH của trẻ do tích cực ghi chép nhanh và chụp ảnh, quay video. Bên cạnh đó, sinh viên cũng tích cực, tự tin hơn khi nhận xét, đánh giá hoạt động KPKH do giáo viên mầm non hoặc bạn học tổ chức; đề xuất các phương án điều chỉnh, phát huy ưu điểm hoặc khắc phục hạn chế của giờ dự.

b. Điểm trung bình của cả hai nhóm đều nằm trong mức khá theo thang đánh giá. Nhóm đối chứng thấp hơn nhóm thực nghiệm 2,55 điểm. Nhóm thực nghiệm có độ lệch chuẩn nhỏ hơn nhóm đối chứng là 0.12. Điều này cho thấy kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH của nhóm thực nghiệm đồng đều và cùng tốt hơn nhóm đối chứng.

Theo giá trị kiểm định, với $n_1 = 18$, $\overline{X}_1 = 17.54$, $n_2 = 22$, $\overline{X}_2 = 20.09$; $\delta_1 = 2.85$ và $\delta_2 = 2.73$ ta có $T = 2.870$. Đối chiếu với bảng tra giá trị kiểm định với độ tin cậy 95% ta có: với $n = 18$ thì $T_\alpha = 1.734$; với $n = 22$ thì $T_\alpha = 1.717$. Vậy $T > T_\alpha$, có nghĩa là sự chênh lệch giữa nhóm thực nghiệm so với nhóm đối chứng có ý nghĩa kiểm định, kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH của nhóm thực nghiệm tiến bộ tích cực hơn so với nhóm đối chứng.

*** So sánh các nhóm trước và sau thực nghiệm**

- Nhóm đối chứng trước và sau thực nghiệm: Với $n = 18$, $\overline{X}_1 = 15.85$, $\overline{X}_2 = 17.54$; $\delta_1 = 3.27$ và $\delta_2 = 2.85$ ta có $T = 1.653$. Đối chiếu với bảng tra giá trị kiểm định với độ tin cậy 95% ta có $T_\alpha = 1.734$. Vậy $T < T_\alpha$, có nghĩa là sự chênh lệch của nhóm đối chứng sau thực nghiệm so với trước thực nghiệm không có ý nghĩa kiểm định.

- Nhóm thực nghiệm trước và sau thực nghiệm: Với $n = 22$, $\overline{X}_1 = 14.31$, $\overline{X}_2 = 20.09$; $\delta_1 = 2.50$ và $\delta_2 = 2.73$ ta có $T = 7.337$. Đối chiếu với bảng tra giá

trị kiểm định với độ tin cậy 95% ta có $T_{\alpha} = 1.717$. Vậy $T > T_{\alpha}$, có nghĩa là sự chênh lệch kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH của nhóm thực nghiệm sau thực nghiệm so với trước thực nghiệm có ý nghĩa kiểm định.

Như vậy, kết quả khảo sát sau thực nghiệm bước đầu cho thấy biện pháp giáo dục kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH đã góp phần tích cực trong việc nâng cao năng lực nghề nghiệp cho sinh viên, đặc biệt đối với các kỹ năng cốt lõi trong quá trình tổ chức hoạt động giáo dục KPKH cho trẻ mầm non. Điều này là cơ sở quan trọng để tiếp tục hoàn thiện chương trình đào tạo và phát triển các biện pháp sư phạm hiệu quả hơn trong thực tiễn giáo dục đại học.

Kết luận chương 3

Đề tài đã xác định các nguyên tắc xây dựng biện pháp phát triển kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH cho sinh viên gồm: (1) đảm bảo tính khoa học và thực tiễn, (2) lấy người học làm trung tâm, (3) đảm bảo tính hệ thống và kế thừa, (4) đảm bảo tính sư phạm và đặc thù ngành, (5) đảm bảo tính khả thi và phù hợp với điều kiện đào tạo và (6) phát triển bền vững và lâu dài.

Từ các nguyên tắc trên, chúng tôi đã đề xuất 8 biện pháp rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH cho sinh viên gồm: (1) Sử dụng video tổ chức hoạt động KPKH, (2) Phối hợp hỗ trợ từ giảng viên và chuyên gia, (3) Xác định mạng nội dung KPKH, (4) Dự kiến tình huống sư phạm trong kế hoạch, (5) Ứng dụng STEAM khi tổ chức KPKH, (6) Tổ chức hoạt động KPKH theo dự án, (7) Thực hành KPKH cho trẻ tại trường MN, (8) Tự đánh giá và đánh giá việc tổ chức hoạt động KPKH.

Các biện pháp trên được chúng tôi thực nghiệm khi giảng dạy học phần *Môi trường và tổ chức hoạt động khám phá môi trường xung quanh cho trẻ mầm non* tại lớp LT6MN. Kết quả thực nghiệm cho thấy sinh viên đã có sự tiến bộ rõ rệt trong việc phát triển các kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH, trong đó kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng triển khai hoạt động, và kỹ năng đánh giá hoạt động tiến bộ vượt trội và đồng đều hơn các kỹ năng còn lại. Điều đó cho thấy các biện pháp rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH đã góp phần tích cực trong việc nâng cao năng lực nghề nghiệp cho sinh viên, đặc biệt đối với các kỹ năng cốt lõi trong quá trình tổ chức hoạt động giáo dục KPKH cho trẻ mầm non.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Đề tài đã làm rõ cơ sở lý luận về tổ chức hoạt động KPKH cho trẻ MN và các kỹ năng cần thiết mà sinh viên ngành phải hình thành gồm: lập kế hoạch hoạt động cho trẻ mầm non KPKH, tạo môi trường giáo dục cho trẻ KPKH, triển khai hoạt động cho trẻ KPKH, phối hợp với trẻ và gia đình, đánh giá việc tổ chức hoạt động KPKH. Việc rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH được tiến hành theo quá trình sư phạm với các phương pháp như học qua tình huống, mô phỏng – dự giờ – phân tích – rút kinh nghiệm, thực hành tại trường MN, nghiên cứu khoa học; các hình thức rèn luyện gồm: Rèn luyện trong các học phần lý thuyết kết hợp thực hành; Thực tập, thực hành sư phạm thường xuyên; Tham gia dự giờ, hội thi; Làm đề tài nghiên cứu, khóa luận tốt nghiệp. Quá trình rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH chịu sự chi phối của nhiều yếu tố: Từ phía giảng viên, môi trường đào tạo, sự phối hợp giữa nhà trường và cơ sở thực hành, CTĐT...

Thực trạng rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH cho thấy SV có nhận thức đúng, thái độ tích cực nhưng kỹ năng nghề nghiệp còn nhiều hạn chế, đặc biệt ở kỹ năng thực hành, xử lý tình huống, phối hợp với phụ huynh và đánh giá hoạt động KPKH. GV đã có nhiều đổi mới, nhưng cần đẩy mạnh hơn tính thực tế, cá nhân hóa và kết nối với cơ sở GDMN, tăng cường trải nghiệm, thực hành và gắn với yêu cầu nghề nghiệp thực tế.

Đề tài đã xác định các nguyên tắc xây dựng biện pháp phát triển kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH cho sinh viên và đề xuất 10 biện pháp rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH cho sinh viên. Các biện pháp trên được thực nghiệm tại lớp LT6MN. Sau thực nghiệm, kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH của sinh viên đã tiến bộ rõ rệt, trong đó kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng triển khai hoạt động, và kỹ năng đánh giá hoạt động tiến bộ vượt trội và đồng đều hơn các kỹ năng còn lại. Điều đó cho thấy các biện pháp rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH phù hợp thực tiễn và có tính khả thi.

2. Kiến nghị

2.1. Kiến nghị với giảng viên

- Tăng cường gắn lý thuyết với thực tiễn: Tổ chức cho sinh viên tham quan, kiến tập, thực tập nhiều hơn tại các cơ sở GDMN để quan sát, trải nghiệm và học hỏi việc tổ chức hoạt động KPKH từ giáo viên đang dạy trẻ.

- Đổi mới phương pháp giảng dạy: Tổ chức dạy học theo tình huống, dự án, hợp tác nhóm để sinh viên rèn luyện kỹ năng giải quyết vấn đề, sáng tạo và chủ động hơn. Tăng cường hoạt động mô phỏng lớp học mầm non, cho SV nhập vai cô – trẻ – người quan sát để rèn kỹ năng tổ chức và xử lý tình huống.

- Tăng cường thực hành và phản hồi: Tạo nhiều cơ hội cho SV thực hành tổ chức các hoạt động KPKH, đồng thời giảng viên cần nhận xét, góp ý cụ thể sau mỗi lần thực hành để sinh viên rút kinh nghiệm. Sử dụng video giờ học KPKH thực tế để SV phân tích, thảo luận, rút ra bài học.

- Hướng dẫn SV nghiên cứu khoa học: Khuyến khích SV tham gia đề tài nghiên cứu, hội thảo... để phát triển năng lực tổ chức hoạt động KPKH và tư duy nghiên cứu.

- Cá nhân hóa và cập nhật chương trình đào tạo: Coi trọng sự khác biệt của từng SV, tăng cường gắn kết đào tạo với yêu cầu thực tiễn nghề nghiệp.

2.2. Kiến nghị với sinh viên

- Chủ động rèn luyện và tìm tòi. Tích cực tham gia thảo luận nhóm, tự thiết kế và thử nghiệm các hoạt động khám phá khoa học. Chủ động tìm kiếm thêm tài liệu, video, hoạt động KPKH trên Internet để có thêm ý tưởng sáng tạo.

- Tích cực tham gia thực hành – mô phỏng – dự giờ: Không ngại khó, tích cực thực hành và quan sát giờ dạy thực tế để học hỏi cách xử lý tình huống. Tham gia vào nhóm nghiên cứu, hội thảo khoa học để mở rộng kinh nghiệm.

- Học hỏi từ nhiều nguồn: Lắng nghe phản hồi của giảng viên, học hỏi từ bạn bè và giáo viên mầm non thực tế để dần hoàn thiện kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH.

- Phát triển thái độ nghề nghiệp đúng đắn: Yêu nghề, mến trẻ, đặt lợi ích và sự phát triển của trẻ lên hàng đầu khi thiết kế và tổ chức hoạt động

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN

Vũ Thị Diệu Thuý, Giáo dục kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non, *Tạp chí khoa học Trường Đại học Hoa Lư*, số 6, tháng ... 2025.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Hoàng Anh (chủ biên), Đỗ Thị Châu, Nguyễn Thạc (2009), *Hoạt động - giao tiếp - nhân cách*, NXB Đại học Sư phạm
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), *Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non Ban hành theo Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT*
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình đào tạo giáo viên mầm non trình độ cao đẳng theo hướng tiếp cận năng lực*, NXB Giáo dục Việt Nam
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Chương trình giáo dục mầm non (Số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021 về Thông tư ban hành Chương trình giáo dục mầm non)*
5. Đỗ Chiêu Hạnh, Rèn luyện kỹ năng sư phạm cho sinh viên Khoa Giáo dục Mầm non trong quá trình giảng dạy học phần “Phương pháp làm quen môi trường xung quanh”, *Tạp chí khoa học Trường ĐHSP Thành phố Hồ Chí Minh*, số 22(2010), tr.97-102
6. Lê Thị Hòa, Đặng Lan Phương, Trần Thị Mẫn, Nguyễn Lê Thương, “Một số vấn đề lý luận về phát triển năng lực nghề nghiệp cho giáo viên mầm non đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục”, *Tạp chí Giáo dục: Tập 25, số đặc biệt 6 (tháng 7/2025)*, tr.8-14
7. Lê Thị Hoà, Biện pháp rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động thí nghiệm trong dạy học học phần “Phương pháp cho trẻ khám phá môi trường xung quanh” cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non, *Tạp chí Giáo dục, Tập 23, Số 5 (tháng 3/2023)*.
8. Lê Thị Hòa, Đặng Lan Phương, “Thiết kế chương trình bồi dưỡng phát triển năng lực dạy học dự án cho giáo viên mầm non trong bối cảnh hiện nay”, *Tạp chí Giáo dục, tập 25 số đặc biệt (tháng 8/2025)*, tr.49-55
9. Nguyễn Thị Hòa (2019), *Giáo dục học mầm non*, NXB Đại học Sư phạm
10. Trần Bá Hoàn (2005), *Giáo dục học đại cương*, NXB Đại học Sư phạm
11. Bùi Thị Giáng Hương, “Tổ chức hoạt động khám phá khoa học theo định hướng giáo dục STEM cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi tại Thành phố Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Giáo dục, Tập 24, số đặc biệt 1 (tháng 1/2024)*, tr. 1-8
12. Lý Thị Hương, Đề xuất biện pháp rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm giúp trẻ khám phá môi trường xung quanh cho sinh viên cao đẳng sư phạm ngành Giáo dục mầm non, *Tạp chí Giáo dục, Tập 24 (Số đặc biệt 7), Tháng 6/2024, tr.148-152*

13. Đặng Thành Hưng (2010), “Nhận diện và đánh giá kỹ năng”, *Tạp chí Khoa học giáo dục số 62*, tháng 11/2010, tr.25-28
14. Khoa GDMN Trường Đại học Hải Dương, *Đào tạo gắn với rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên Khoa Giáo dục Mầm non - Trường Đại học Hải Dương*, 13/01/2025, <https://uhd.edu.vn/tin-tuc/dao-tao-gan-voi-ren-luyen-ky-nang-nghe-nghiep-cho-sinh-vien-khoa-giao-duc-mam-non---truong-dai-hoc-hai-duong-postw>
15. Vũ Ngọc Khánh (2003), *Từ điển Văn hoá Giáo dục Việt Nam*, Nxb Văn hóa thông tin
16. Nguyễn Lâm (1997), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Khoa học xã hội
17. Nguyễn Thị Ánh Mai, Bùi Thị Tâm, Vũ Trọng Hào, Thực trạng rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động giáo dục cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non Trường đại học Tây Nguyên, *Tạp chí Khoa học Tây Nguyên*, Tập 18, Số 6-2024, tr.94-103
18. Nguyễn Thị Diễm My, Nguyễn Thị Bích Thảo, Trần Viết Nhi, “Các yếu tố ảnh hưởng đến thiết kế và tổ chức hoạt động khám phá khoa học nhằm phát triển khả năng sáng tạo cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi tại huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An”, *Tạp chí khoa học Trường ĐHSP Thành phố Hồ Chí Minh*, tập 21, số 6 (2024): 1091-1103, tr.1091-1103
19. Phạm Thị Nga (2021), Động lực học tập và nghề nghiệp của sinh viên ngành Sư phạm mầm non, *Nghiên cứu Khoa học Giáo dục Việt Nam*, số 7(2), tr.55–61
20. Hoàng Thị Oanh, Nguyễn Thị Xuân (2010), *Phương pháp cho trẻ MN khám phá khoa học về môi trường xung quanh*, Nxb Giáo dục, Hà Nội
21. Hoàng Phê (chủ biên) (1997), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng, Trung tâm Từ điển học, Hà Nội - Đà Nẵng
22. Hoàng Phê (chủ biên) (2012), *Từ điển Tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng & Trung tâm Từ điển học
23. Hoàng Thị Phương (2016), *Giáo trình Vệ sinh trẻ em*, Nxb Đại học Sư phạm
24. Chu Thanh Sơn (2023), *Rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động tạo hình cho sinh viên cao đẳng ngành Giáo dục mầm non*, Luận án tiến sĩ Giáo dục học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
25. Trần Quốc Thành (1992), *Kỹ năng tổ chức trò chơi của chi đội trưởng chi đội thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh*, Luận án Phó Tiến sĩ Khoa học Sư phạm - Tâm lý, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
26. Vũ Thị Diệu Thúy, Phạm Thị Thanh Vân, Nguyễn Thị Hương Lan, Trương Hải Yến, Lê Thị Tuyết Nhung (2018), *Cùng bé tập làm nhà khoa học*, Nxb Giáo dục Việt Nam

27. Lê Thị Thương Thương, Thực trạng rèn luyện kỹ năng tổ chức thí nghiệm cho sinh viên đại học ngành Giáo dục Mầm non, *Tạp chí khoa học Giáo dục Việt Nam*, số 19, tháng 7/2019, tr.80-85.
28. Lê Thị Thương Thương (2020), *Rèn luyện cho sinh viên đại học ngành Giáo dục mầm non kỹ năng tổ chức thí nghiệm khoa học đơn giản cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi*, Luận án tiến sĩ Lý luận và lịch sử giáo dục, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
29. Nguyễn Cảnh Toàn (2004), *Một số vấn đề về lý luận dạy học hiện đại*, NXB Giáo dục
30. Nguyễn Hoàng Tú & Trần Minh Lan (2020), Phân tích đặc điểm sinh viên ngành Giáo dục mầm non tại Việt Nam, *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, số 51(4), 22–28
31. Từ điển Oxford, Website: <http://www.oxforddictionaries.com/definition/english/skill> ngày 25/6/2016
32. SV. Nguyễn Thị Kim Tuyền, ThS. Lê Thị Kim Anh, Biện pháp nâng cao kỹ năng tổ chức “hoạt động khám phá khoa học về môi trường xung quanh cho trẻ mầm non” cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non trường Đại học Đồng Tháp, 2022, tr.151-155, <https://www.zun.vn/tai-lieu/bien-phap-nang-cao-ky-nang-to-chuc-hoat-dong-kham-pha-khoa-hoc-ve-moi-truong-xung-quanh-cho-tre-mam-non-cho-sinh-vien-59005/>
33. Nguyễn Ánh Tuyết (2011), *Giáo dục học mầm non*, NXB Đại học Sư phạm
34. Trường Đại học Hoa Lư, *Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non*, Ban hành theo Quyết định số 271/QĐ-ĐHHL ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hoa Lư
35. Trường Đại học Hoa Lư (2025), *Bản mô tả Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non*, ban hành kèm theo Quyết định số 107-QĐ/ĐHHL ngày 05 tháng 3 năm 2025, website hluv.edu.vn
36. Trường Đại học Hoa Lư, *Đề cương chi tiết chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non*, Ban hành theo Quyết định số 271/QĐ-ĐHHL ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hoa Lư
37. Nguyễn Quang Uẩn (2010), *Tuyển tập nghiên cứu về tâm lý - giáo dục*, Nxb Đại học Sư phạm
38. UNICEF (2022), Báo cáo giáo dục mầm non tại Việt Nam: Thực trạng và khuyến nghị chính sách, UNICEF Việt Nam

Tiếng nước ngoài

39. Ahmet Simsar, Ithel Jones, Durmuş Burak, “Preservice early childhood teachers’ science conceptual changes with STEM-based science activities”,

Journal for the Education of Gifted Young Scientists, 10(2), 291-312, June 2022

40. Alex Zurek, Marquette University, USA; Julia Torquati, Ibrahim Acar, University of Nebraska - Lincoln, USA, Scaffolding as a Tool for Environmental Education in Early Childhood, *International Journal of Early Childhood Environmental Education*, 2(1), p. 27, Submitted September 19, 2013; accepted April 30, 2014
41. Alex Kozulin, Boris Gindis, Vladimir S. Ageyev, Suzanne M. Miller (Editor) – (2023), *Vygotsky's Educational Theory in Cultural Context*, Cambridge University Press
42. Anders Hofverberg, Mikael Winberg & Bodil Sundberg, “Preschool science practices – exploring the role of science-oriented teacher education, teacher’s views, and preschool context”, *Education Inquiry* 2025, Routledge Taylor & Francis Group, ISSN: 2000-4508 (Online) Journal homepage: www.tandfonline.com/journals/zedu20
43. Brunton P. & Thornton L. (2010), *Science in the Early Years*, SAGE Publications
44. Charlesworth R. & Lind K. K. (2012), *Math and Science for Young Children* (7th ed.), Cengage Learning
45. Cristina García-Ruiz, Teresa Lupión-Cobos, Ángel Blanco-López, “Effects of an inquiry-based science education training program on pre-service teachers. A mixed-methods case study”, *Eurasia Journal of Mathematics, Science and Technology Education*, Volume 18, Issue 12, December 2022, Article No: em2186, <https://doi.org/10.29333/ejmste/12578>
46. Feiman Nemser S. (2001), *From Preparation to Practice: Designing a Continuum to Strengthen and Sustain Teaching*, Teachers College Record, 103(6), 1013–1055
47. İnanc Eti, Ayperi Sığirtmaç, “Developing Inquiry-Based Science Activities in Early Childhood Education: An Action Research”, *International Journal of Research in Education and Science*, 2021, Vol. 7, No. 3, 785-804]. Anders Hofverberg
48. Jerome S. Bruner (2006), *In Search of Pedagogy Volume I: The Selected Works of Jerome Bruner, 1957–1978*, Routledge
49. Pham Thi Thanh Hai , Doan Nguyet Linh, Tatsuya Kusakabe, “A Model for Successful Professional Learning Communities to Meet the Requirement of Vietnam Education Reform”, *VNU Journal of Science: Education Research*, Vol. 37, No. 4 (2021) 1-9

50. Колобова Е.А., Самохвалова А.Г., Сокова Г.Г., Тимонина Подготовка студентов – будущих педагогов к организации проектной деятельности школьников, Вестник Костромского государственного университета, 2020
51. Клушина Надежда Павловна, Салпагарова Мадина Бурхановна, подготовка будущих педагогов к проектной деятельности школьников, Вестник Северо-Кавказского федерального университета, 2022, № 5 (92), УДК 378
52. Leontiev A.N (1975), *Activity, Consciousness, and Personality*, Prentice-Hall
53. Lutts, et al, Developing Environmental Awareness in Early Childhood Education, *Early Childhood Education Journal*, 2021
54. María Marta Alarcón-Orozco, Antonio Joaquín Franco-Mariscal, José María Oliva, Ángel Blanco-López, “Emotions Experienced by Preservice Early Childhood Teachers During a Training Program in Inquiry-Based Science Education”, *Journal of Research in Science Teaching*, Pages 1879-1901
55. National Association for the Education of Young Children (NAEYC), (2009), *Standards for Early Childhood Professional Preparation Programs*
56. OECD (2005), *Teachers Matter: Attracting, Developing and Retaining Effective Teachers*, OECD Publishing
57. Ruben Fukkink, Lisanne Jilink, Rosanne Op den Kelder, Kirti Zeijlmans, Iris Bollen, Letty Koopman, “The development of interaction skills in preservice teacher education: A mixed-methods study of Dutch pre-service teachers”, *Early Childhood Education Journal*, Published online: 12 February 2019
58. Sofia Papavlasopoulou, Marianne Undheim, Tamsin Meaney, Sara Esmaeeli, “Early childhood pre-service teachers’ preparation for using technology with children: a systematic literature review” *European Journal of Teacher Education*, Received 03 Jul 2023, Accepted 05 Apr 2024, Published online: 16 Apr 2024
59. Teresa Zamalloa, María Salgado, Ainhoa Berciano, “How to Promote Scientific Practices in Early Childhood Education: The Teachers’ Role”, *International Journal of Science and Mathematics Education*, Published online: 01 March 2025, <https://doi.org/10.1007/s10763-025-10557-8>
60. Tim Waller & Angeliki Bitou (2011), Research with children: Three challenges for participatory research in early childhood, *European Early Childhood Education Research Journal*, 19(1), tr.5–20
61. Tonje Tomine Seland Strat, Ellen Karoline Henriksen, Kirsti Marie Jegstad, “Inquiry-based science education in science teacher education: a systematic

- review”, *Studies in Science Education Volume 60, 2024 - Issue 2*, Pages 191-249
62. Valarie L. Akerson, Indiana University; Naime Elcan Kaynak, Erciyes University; & Banu Avsar Erumit, Recep Tayyip Erdogan University, “Preparing Preservice Early Childhood Teachers to Teach Nature of Science: Writing Children’s Books”, *Innovations in Science Teacher Education, Issues Volume 1-10*, <https://innovations.theaste.org/preparing-preservice-early-childhood-teachers-to-teach-nature-of-science-writing-childrens-books>
63. Vygotsky L. S (1978), *Mind in Society: The Development of Higher Psychological Processes*, Harvard University Press

PHỤ LỤC
PHỤ LỤC 1. TIÊU CHÍ VÀ THANG ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ KHOA HỌC
CỦA SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON

<i>Tiêu chí</i>	<i>Tốt (5 điểm)</i>	<i>Khá (4 đ)</i>	<i>TB (3 đ)</i>	<i>Yếu (2 đ)</i>	<i>Rất yếu (1 đ)</i>
1. Có kỹ năng lập kế hoạch hoạt động cho trẻ mầm non KPKH - Lựa chọn nội dung khoa học gần gũi và phù hợp. - Xác định mục tiêu hoạt động rõ ràng, cụ thể, phù hợp với khả năng nhận thức của trẻ - Lập kế hoạch hoạt động theo chuỗi trải nghiệm - Dự đoán được tình huống sự phạm giả định và cách giải quyết, xử lý - Dự kiến được cách đánh giá trong kế hoạch	Lựa chọn nội dung khoa học rất phù hợp; mục tiêu rõ ràng; kế hoạch theo chuỗi trải nghiệm đầy đủ; dự đoán tốt các tình huống sự phạm; có phương án đánh giá chi tiết.	Nội dung và mục tiêu phù hợp; kế hoạch tương đối rõ; có dự đoán tình huống; đánh giá được nhưng chưa sâu.	Nội dung còn chung chung; mục tiêu chưa thật cụ thể; kế hoạch theo chuỗi trải nghiệm còn thiếu bước; dự đoán tình huống hạn chế; đánh giá chưa rõ.	Nội dung chưa phù hợp; mục tiêu mơ hồ; kế hoạch thiếu logic; ít hoặc không dự đoán tình huống; đánh giá sơ sài.	Không xây dựng được kế hoạch; nội dung và mục tiêu sai lệch; không nêu dự đoán và không có dự kiến đánh giá.
2. Có kỹ năng tạo môi trường giáo dục cho trẻ KPKH - Lựa chọn và bố trí không gian phù hợp - Lựa chọn và sắp xếp học liệu kích thích tư duy cho trẻ - Tạo cơ hội cho trẻ trải nghiệm đa giác quan - Biết thay đổi và làm mới môi trường giáo dục - Có thể quan sát – điều chỉnh không gian theo tương tác của trẻ	Bố trí không gian hợp lý, linh hoạt; học liệu phong phú và kích thích tư duy; tạo trải nghiệm đa giác quan tốt; điều chỉnh môi trường kịp thời theo trẻ.	Không gian phù hợp; học liệu đủ dùng; có yếu tố đa giác quan; biết điều chỉnh nhưng chưa chủ động.	Không gian bố trí chưa tối ưu; học liệu đơn giản; ít cơ hội đa giác quan; điều chỉnh còn chậm.	Môi trường nghèo nàn; học liệu không phù hợp; hạn chế trải nghiệm; ít quan sát điều chỉnh.	Không biết bố trí không gian; học liệu thiếu hoặc sai mục đích; môi trường tĩnh, không hỗ trợ trẻ khám phá.
3. Có kỹ năng triển khai hoạt động cho trẻ KPKH - Khởi động, khơi gợi được hứng thú cho trẻ - Hướng dẫn trẻ khám phá đối tượng có hệ thống và có mục đích; đặt câu hỏi và dẫn dắt tư duy của trẻ; tổ chức cho trẻ thao tác, thử nghiệm; sử dụng đồ dùng, học liệu hiệu quả - Xử lý tình huống sự phạm - Tư liệu hóa các hoạt động sự phạm	Khởi động hấp dẫn; hướng dẫn hệ thống – khoa học; câu hỏi dẫn dắt tốt; xử lý tình huống hiệu quả; tư liệu hóa đầy đủ; kết thúc và củng cố rõ ràng; đánh giá	Khởi động phù hợp; hướng dẫn tương đối rõ; xử lý tình huống tốt; có ghi chép hoạt động; kết thúc đạt yêu cầu.	Hướng dẫn còn rời rạc; câu hỏi chưa dẫn dắt tốt; xử lý tình huống còn lúng túng; kết thúc chưa chắc chắn; đánh giá hạn chế.	Triển khai thiếu logic; câu hỏi kém hiệu quả; xử lý tình huống sai; ít hoặc không tư liệu hóa; củng cố mờ	Không đảm bảo tiến trình; không hướng dẫn trẻ KPKH; không xử lý được tình huống; không đánh giá được

- Thực hiện được hoạt động kết thúc và củng cố kiến thức - Có thể đánh giá quá trình trẻ KPKH, điều chỉnh linh hoạt	linh hoạt.			nhặt.	quá trình của trẻ.
4. Có kỹ năng phối hợp với trẻ và gia đình - Lắng nghe và quan tâm đến trẻ - Khuyến khích trẻ tham gia tích cực - Chủ động trao đổi với phụ huynh về chủ đề khám phá - Tổ chức hoạt động trải nghiệm có sự tham gia của phụ huynh - Phản hồi và trao đổi thường xuyên với phụ huynh: - Hướng dẫn cha mẹ tiếp tục phát triển hoạt động tại nhà.	Giao tiếp tích cực; khuyến khích trẻ mạnh mẽ; trao đổi chủ động với phụ huynh; tổ chức hoạt động có phụ huynh tham gia; phản hồi đầy đủ và hướng dẫn cha mẹ chi tiết.	Tương tác tốt với trẻ; trao đổi cơ bản với phụ huynh; có phối hợp trong một số hoạt động.	Tương tác còn hạn chế; trao đổi với phụ huynh chưa thường xuyên; ít tổ chức hoạt động phối hợp.	Ít lắng nghe trẻ; không chủ động với phụ huynh; phối hợp không hiệu quả.	Không giao tiếp hoặc phối hợp; phụ huynh không nắm được thông tin; trẻ thiếu hỗ trợ trong hoạt động.
5. Có kỹ năng đánh giá việc tổ chức hoạt động khám phá khoa học - Xác định được tiêu chí đánh giá - Quan sát và ghi nhận hoạt động KPKH của trẻ - Thu thập phản hồi từ trẻ và giáo viên hướng dẫn. - Tự đánh giá hoạt động của bản thân. - Có thể đề xuất điều chỉnh, cải tiến cho lần sau	Xác định tiêu chí rõ; quan sát và ghi nhận chính xác; thu thập phản hồi đầy đủ; tự đánh giá sâu; đề xuất cải tiến thuyết phục.	Xác định tiêu chí phù hợp; quan sát cơ bản; có phản hồi và tự đánh giá; cải tiến ở mức khá.	Tiêu chí chưa đầy đủ; quan sát còn thiếu; phản hồi ít; tự đánh giá chung chung.	Tiêu chí mơ hồ; quan sát sai lệch; ít thu thập phản hồi; không đề xuất cải tiến.	Không đánh giá được; không thu thập thông tin; không tự nhận xét và không có điều chỉnh.

PHỤ LỤC 2
PHIẾU ĐÁNH GIÁ
KỸ NĂNG TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ KHOA HỌC
CỦA SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON

<i>Tiêu chí</i>	<i>Điểm</i>	
	<i>Tối đa</i>	<i>Thực đạt</i>
1. Có kỹ năng lập kế hoạch hoạt động cho trẻ mầm non KPKH - Lựa chọn nội dung khoa học gần gũi và phù hợp. - Xác định mục tiêu hoạt động rõ ràng, cụ thể, phù hợp với khả năng nhận thức của trẻ - Lập kế hoạch hoạt động theo chuỗi trải nghiệm - Dự đoán được tình huống sự phạm giả định và cách xử lý - Dự kiến được cách đánh giá trong kế hoạch	5	
2. Có kỹ năng tạo môi trường giáo dục cho trẻ KPKH - Lựa chọn và bố trí không gian phù hợp - Lựa chọn và sắp xếp học liệu kích thích tư duy cho trẻ - Tạo cơ hội cho trẻ trải nghiệm đa giác quan - Biết thay đổi và làm mới môi trường giáo dục - Có thể quan sát – điều chỉnh không gian theo tương tác của trẻ	5	
3. Có kỹ năng triển khai hoạt động cho trẻ KPKH - Khởi động, khơi gợi được hứng thú cho trẻ - Hướng dẫn trẻ khám phá đối tượng có hệ thống và có mục đích; đặt câu hỏi và dẫn dắt tư duy của trẻ; tổ chức cho trẻ thao tác, thử nghiệm; sử dụng đồ dùng, học liệu hiệu quả - Xử lý tình huống sự phạm - Tư liệu hóa các hoạt động sự phạm - Thực hiện được hoạt động kết thúc và củng cố kiến thức - Có thể đánh giá quá trình trẻ KPKH và điều chỉnh linh hoạt	5	
4. Có kỹ năng phối hợp với trẻ và gia đình - Lắng nghe và quan tâm đến trẻ - Khuyến khích trẻ tham gia tích cực - Chủ động trao đổi với phụ huynh về chủ đề khám phá - Tổ chức hoạt động trải nghiệm có sự tham gia của phụ huynh - Phản hồi và trao đổi thường xuyên với phụ huynh: - Hướng dẫn cha mẹ tiếp tục phát triển hoạt động tại nhà.	5	
5. Có kỹ năng đánh giá việc tổ chức hoạt động KPKH - Xác định được tiêu chí đánh giá - Quan sát và ghi nhận hoạt động KPKH của trẻ - Thu thập phản hồi từ trẻ và giáo viên hướng dẫn. - Tự đánh giá hoạt động của bản thân. - Có thể đề xuất điều chỉnh, cải tiến cho lần sau	5	

PHỤ LỤC 3 PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN

(Dành cho sinh viên Ngành GDMN, Trường Đại học Hoa Lư)

Để góp phần nâng cao hiệu quả học tập, rèn luyện nghiệp vụ nghề nghiệp, anh (chị) vui lòng trả lời các câu hỏi sau (đánh dấu vào phương án phù hợp). Chúng tôi xin cam đoan chỉ sử dụng kết quả trưng cầu ý kiến vào mục đích khoa học.

A. THÔNG TIN SINH VIÊN

Mã sinh viên:..... Sinh viên năm thứ:

B. PHẦN TRẢ LỜI CÂU HỎI

Câu 1: Theo anh (chị) kĩ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học có vai trò như thế nào đối với việc rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp của SV ngành GDMN?

<i>Mức độ quan trọng</i>	<i>Lựa chọn</i>
Quan trọng	
Bình thường	
Không quan trọng	

Câu 2: Anh (chị) tự đánh giá kĩ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học cho trẻ mầm non theo mức độ nào?

	<i>Mức độ</i>	<i>Cao</i>	<i>TB</i>	<i>Thấp</i>
		<i>3</i>	<i>2</i>	<i>1</i>
Kỹ năng tổ chức hoạt động KPKH				
Nhóm KN lập kế hoạch tổ chức hoạt động KPKH				
1. Xác định nội dung KP phù hợp độ tuổi				
2. Xác định mục tiêu hoạt động				
3. Thiết kế các hoạt động theo chuỗi trải nghiệm				
4. Dự kiến tình huống sự phạm và cách giải quyết				
Nhóm KN tạo môi trường cho trẻ KPKH				
1. Lựa chọn và bố trí không gian				
2. Lựa chọn, sắp xếp học liệu				
3. Tạo cơ hội cho trẻ trải nghiệm đa giác quan				
4. Thay đổi và làm mới môi trường giáo dục				
5. Quan sát – điều chỉnh theo tương tác của trẻ				
Nhóm KN triển khai hoạt động cho trẻ mầm non KPKH				
1. Khơi gợi hứng thú cho trẻ				
2. Hướng dẫn trẻ quan sát, Đặt câu hỏi và dẫn dắt tư duy, Tổ chức cho trẻ thao tác, thử nghiệm, Sử dụng đồ dùng, học liệu hiệu quả				
3. Xử lý tình huống sự phạm				
4. Tư liệu hóa các hoạt động sự phạm				
5. Kết thúc và củng cố kiến thức				
6. Đánh giá quá trình và điều chỉnh linh hoạt				
Nhóm các KN phối hợp với trẻ và gia đình				
1. Lắng nghe và quan tâm đến trẻ				
2. Khuyến khích trẻ tham gia tích cực				
3. Chủ động trao đổi với PH về chủ đề khám phá				
4. Tổ chức hoạt động có phụ huynh tham gia				

5. Phản hồi và trao đổi th.xuyên với PH			
6. Hướng dẫn PH phát triển hoạt động tại nhà			
Nhóm kỹ năng đánh giá việc tổ chức hoạt động cho trẻ KPKH			
1. Xác định được tiêu chí đánh giá			
2. Quan sát và ghi nhận hoạt động KPKH của trẻ			
3. Thu thập phản hồi từ trẻ và giáo viên h.đẫn			
4. Tự đánh giá hoạt động của bản thân			
5. Đề xuất điều chỉnh, cải tiến			

Câu 3: Anh (chị) đánh giá mức độ thực hiện và mức độ hiệu quả rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học tại Trường Đại học Hoa Lư như thế nào?

TT	Nội dung	Mức độ thực hiện			Mức độ hiệu quả		
		TX	TT	KBG	C	TB	Th
		3	2	1	3	2	1
1.	Tìm hiểu đặc điểm tâm sinh lí lứa tuổi trẻ MN						
2.	Tìm hiểu kinh nghiệm hiện tại của trẻ về đề tài, đối tượng KPKH						
3.	Tìm hiểu và đánh giá mức độ quan tâm của trẻ về đề tài, đối tượng KPKH						
4.	Tìm hiểu cơ sở vật chất, thiết bị, môi trường liên quan đến tổ chức hoạt động KPKH						
5.	Dự giờ tổ chức các hoạt động KPKH cho trẻ của GVMN						
6.	Xác định nội dung, hoạt động có thể tổ chức cho trẻ KPKH						
7.	Xác định mục đích, yêu cầu của hoạt động KPKH						
8.	Thiết kế các hoạt động để đạt mục tiêu KPKH						
9.	Xác định trình tự tổ chức hoạt động KPKH						
10.	Chuẩn bị điều kiện cần thiết để tổ chức các hoạt động KPKH						
11.	Tổ chức thực hiện các hoạt động KPKH tại Trường ĐHHL						
12.	Trao đổi, góp ý, đánh giá việc tổ chức hoạt động KPKH						

Câu 4: Đánh giá của anh (chị) về mức độ thuận lợi trong quá trình rèn luyện kỹ năng tổ chức các hoạt động KPKH tại Trường Đại học Hoa Lư?

TT	Nội dung	Mức độ	Thuận lợi	Bình thường	Khó khăn
			3	2	1
1	Thời lượng thực hành thực tế				
2	Tài liệu học tập chuẩn và phong phú				
3	Chương trình đào tạo				
4	Kiến thức cơ bản về tự nhiên, xã hội				

5	Chương trình học tập học phần <i>Phương pháp cho trẻ LQVMTXQ/Môi trường và tổ chức hoạt động khám phá MTXQ cho trẻ mầm non</i>			
6	Môi trường học tập			
7	Kỹ năng sáng tạo của SV trong thiết kế hoạt động			
8	Sự hướng dẫn của giảng viên			
9	Sự hỗ trợ của cố vấn học tập			
10	Sự phối hợp làm việc nhóm của SV cùng lớp			
11	Kỹ năng giao tiếp sư phạm của SV			
12	Kỹ năng quản lý trẻ của SV			
13	Động lực học tập của sinh viên			
14	Vấn đề tài chính liên quan đến chuẩn bị môi trường tổ chức hoạt động			
15	Kinh nghiệm thực tiễn của SV			
16	Sự trao đổi, thảo luận với SV các lớp, khóa khác			
17	Trường MN thực hành sư phạm thường xuyên			

Câu 5: Đánh giá của anh (chị) về phương pháp/biện pháp giúp Anh (chị) rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học hiệu quả nhất? (Anh (chị) có thể chọn nhiều đáp án)

<i>TT</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Lựa chọn</i>
1	Thực hành thực tế tại các trường mầm non	
2	Thảo luận nhóm và xây dựng kế hoạch hoạt động	
3	Quan sát video hoặc hình ảnh về các giờ học khám phá khoa học	
4	Học lý thuyết kết hợp mô phỏng thực tế trong lớp học	
5	Các phương pháp khác (nêu cụ thể)	

Câu 6: Anh (chị) vui lòng chia sẻ kinh nghiệm của bản thân trong việc rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học tại Trường Đại học Hoa Lư!

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 7: Anh/Chị có đề xuất gì để giảng viên cải tiến cách hướng dẫn rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học?

.....

.....

.....

.....

.....

Xin trân trọng cảm ơn anh/chị!

PHỤ LỤC 4

MỘT SỐ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ KHOA HỌC

PHẦN THỰC NGHIỆM

1. DỰ ÁN: BÉ LỌC SẠCH NƯỚC

Mục tiêu chung:

- Trẻ nhận biết được nước có vai trò quan trọng trong đời sống.
- Biết phân biệt nước sạch – nước bẩn và bước đầu hiểu một số cách đơn giản để làm nước trở nên trong sạch hơn.
- Hình thành kỹ năng quan sát, phán đoán, hợp tác nhóm và bảo vệ môi trường.

GIẢI ĐOẠN 1: KHỞI ĐỘNG DỰ ÁN – GỢI MỞ VẤN ĐỀ

1. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU

Khơi gợi hứng thú, kích thích tò mò và định hướng vấn đề nghiên cứu cho trẻ trong dự án “Bé lọc sạch nước”.

a. Kiến thức

- Trẻ nhận biết được vai trò của nước trong đời sống con người, cây cối và động vật.
- Biết phân biệt được nước sạch và nước bẩn qua quan sát trực quan.
- Bắt đầu đặt câu hỏi hoặc nêu ý tưởng về việc làm sao để có nước sạch.

b. Kỹ năng:

- Phát triển kỹ năng quan sát, so sánh, suy luận đơn giản.
- Biết lắng nghe, trả lời, chia sẻ ý kiến trong nhóm.
- Hình thành kỹ năng đặt câu hỏi (Cái gì, tại sao, bao nhiêu...).

c. Thái độ:

- Hứng thú tham gia hoạt động khám phá.
- Hình thành ý thức giữ gìn, tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước sạch.

*** Định hướng giáo dục STEAM**

- Science: Quan sát, nhận biết sự khác nhau giữa nước sạch và nước bẩn
- Technology: Sử dụng dụng cụ như chai nước, ly, khay nhựa, kính lúp mini để quan sát
- Engineering: Gợi ý trẻ suy nghĩ cách “làm sao để nước bẩn trở nên trong hơn”.
- Art: Vẽ, diễn tả hình ảnh nước sạch – nước bẩn
- Math: So sánh màu sắc, mức nước, số lượng chai nước, đếm số vật chứa

2. CHUẨN BỊ

a. Chuẩn bị của cô

- 2 chai nước: 1 chai nước sạch, 1 chai nước bẩn (có đất, lá, rác nhỏ).
- Hình ảnh hoặc video ngắn: “Nước trong cuộc sống hằng ngày”.
- Tranh minh họa nước dùng trong ăn uống, tắm rửa, tưới cây, giặt giũ...

- Bảng hoặc giấy khổ lớn để vẽ sơ đồ tư duy ý tưởng của trẻ (“Điều con muốn biết về nước”).

- Nhạc bài hát: “*Giọt nước tí tách*” hoặc “*Mưa rơi*”.

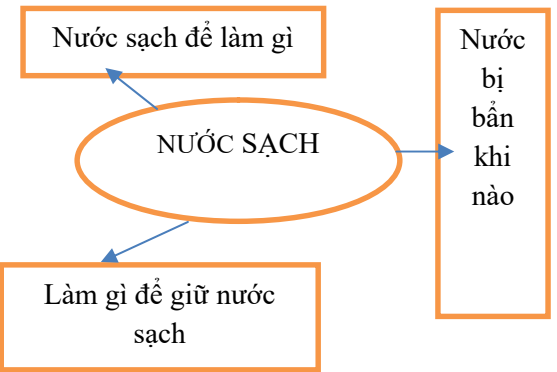
b. Chuẩn bị của trẻ:

- Ly nhựa, muỗng nhựa nhỏ để quan sát, khuấy nước.

- Giấy vẽ, bút màu (để vẽ nước sạch – nước bẩn)

3. TIẾN HÀNH

Hoạt động của cô	Dự kiến hoạt động của trẻ
1. Engage (Khởi động, gợi hứng thú) Cô bật bài hát “ <i>Giọt nước tí tách</i> ” ? Con thấy giọt nước dùng để làm gì? ? Trong cuộc sống, nước có ở đâu? ? Nếu không có nước thì điều gì sẽ xảy ra? Cô có 2 chai nước này, con thử xem chúng có giống nhau không nhé!	Tập trung đến bên cô Vừa nghe vừa vận động theo nhịp (vỗ tay, nhún người, bắt chước giọt nước rơi). Trả lời theo ý hiểu - Nước ở ao, hồ, biển, sông... - Con người chết khát, bản, không tắm giặt được; con vật chết khát, cây cối héo úa... Quan sát 2 chai nước
2. Explore (Khám phá) Cô chia nhóm nhỏ, cho trẻ rót thử một ít nước ra ly để so sánh ? Nước này có màu gì? ? Nước có mùi không? ? Có vật gì trong nước? ? Con thích nước nào hơn? Vì sao?	Chia 3 nhóm, nhìn, ngửi thử, mô tả: -Nước cốc 1 trong suốt, không màu, không mùi -Nước ở cốc 2 màu nâu nhạt, có đất cát, vụn lá, hôi hôi Trả lời theo ý hiểu
3. Explain (Giải thích – Đặt vấn đề nghiên cứu) Nước sạch giúp chúng ta uống, tắm, tưới cây... còn nước bẩn thì không dùng được trong sinh hoạt. ? Vậy làm sao để nước bẩn trở thành nước sạch? ? Con có ý tưởng gì để nước bẩn này sạch hơn? Ghi lại các câu trả lời lên bảng hoặc giấy (ví dụ: Dùng vải lọc, Dùng bông, dùng cát sỏi than ...). Chúng mình sẽ cùng tìm hiểu và thử lọc nước để có nước sạch hơn nhé! 4. Elaborate (Mở rộng – Liên hệ) Cô chiếu hình ảnh/video “Các nguồn nước trong cuộc sống” (ao, sông,	Lắng nghe, thể hiện cảm xúc Trẻ phán đoán các cách làm sạch nước Nêu các ý tưởng theo cách trẻ chọn. Lắng nghe, hưởng ứng lời cô. Xem video, thảo luận về tình trạng nước ở mỗi hình ảnh: nước biển có rác nylon, nước sông và nước ao đen

giếng, vòi nước máy). ? Nước ở nơi nào sạch, nơi nào bẩn? Chúng ta cùng nhau vẽ sơ đồ tư duy về nước nhé: Trung tâm NƯỚC SẠCH Nhánh 1: “Nước sạch để làm gì?” Nhánh 2: “Nước bị bẩn khi nào?” Nhánh 3: “Bé có thể làm gì để giữ nước sạch?”	và có cá chết, nước máy trong sạch -Nước ở ao, sông, biển có rác, có cá chết là nước bẩn; nước máy trong suốt là nước sạch Vẽ sơ đồ tư duy  Trẻ kể theo ý thích Trẻ nêu thí nghiệm dự kiến sẽ làm: làm máy lọc nước từ cát sỏi than, từ vải và bông, dùng cây sống trong nước làm sạch nước... 1 nhóm vẽ tranh nước sạch, 1 nhóm vẽ tranh nước bẩn Vận động theo nhạc										
5. Evaluate (Đánh giá – Cùng cô) ? Con thích nhất điều gì hôm nay? ? Con muốn làm thí nghiệm nào để lọc sạch nước? Cho biết gì về “Nước sạch – Nước bẩn”, con hãy thể hiện lại trong tranh vẽ nước nào. Cô nhận xét, tuyên dương nhóm tích cực. Chụp ảnh sản phẩm của trẻ. Kết thúc bằng trò chơi vận động “Giọt nước vui nhộn”											
Đánh giá <table border="1"> <thead> <tr> <th><i>Nội dung quan sát</i></th><th><i>Mức độ đạt</i></th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Trẻ hứng thú tham gia và chủ động quan sát</td><td>☐ Tốt ☐ Đạt ☐ Cần hỗ trợ</td></tr> <tr> <td>Biết phân biệt nước sạch – nước bẩn</td><td>☐ Tốt ☐ Đạt ☐ Cần hỗ trợ</td></tr> <tr> <td>Biết đặt câu hỏi, nêu ý tưởng</td><td>☐ Tốt ☐ Đạt ☐ Cần hỗ trợ</td></tr> <tr> <td>Nội dung quan sát</td><td>Mức độ đạt</td></tr> </tbody> </table>		<i>Nội dung quan sát</i>	<i>Mức độ đạt</i>	Trẻ hứng thú tham gia và chủ động quan sát	☐ Tốt ☐ Đạt ☐ Cần hỗ trợ	Biết phân biệt nước sạch – nước bẩn	☐ Tốt ☐ Đạt ☐ Cần hỗ trợ	Biết đặt câu hỏi, nêu ý tưởng	☐ Tốt ☐ Đạt ☐ Cần hỗ trợ	Nội dung quan sát	Mức độ đạt
<i>Nội dung quan sát</i>	<i>Mức độ đạt</i>										
Trẻ hứng thú tham gia và chủ động quan sát	☐ Tốt ☐ Đạt ☐ Cần hỗ trợ										
Biết phân biệt nước sạch – nước bẩn	☐ Tốt ☐ Đạt ☐ Cần hỗ trợ										
Biết đặt câu hỏi, nêu ý tưởng	☐ Tốt ☐ Đạt ☐ Cần hỗ trợ										
Nội dung quan sát	Mức độ đạt										

GIAI ĐOẠN 2: KHÁM PHÁ – TRẢI NGHIỆM

Hoạt động 1: Quan sát nguồn nước xung quanh

Tổ chức cho trẻ đi dạo quanh trường, xem video “Các nguồn nước trong tự nhiên” (ao, sông, giếng, vòi nước) trong giờ hoạt động chiều.

Trẻ so sánh và nói xem nguồn nước nào có vẻ sạch, nguồn nước nào bẩn.

Hoạt động 2: Thí nghiệm “Nước qua lớp lọc”

1. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU

a. Kiến thức

- Biết rằng nước bẩn chứa nhiều tạp chất (đất, lá cây, rác nhỏ...).

- Biết một số vật liệu có thể dùng để lọc nước: cát, sỏi, than, bông gòn, vải...

- Nhận ra nước sau khi lọc có thể trong hơn nhưng chưa uống được (an toàn).

b. Kỹ năng:

- Quan sát, dự đoán và thực hành thí nghiệm theo nhóm.
- Hợp tác, chia sẻ nhiệm vụ trong nhóm.
- Diễn đạt kết quả bằng lời nói hoặc hình ảnh.

c. Thái độ:

- Hứng thú tìm hiểu, yêu thích khám phá khoa học.
- Có ý thức tiết kiệm nước và bảo vệ môi trường sạch.

*** Định hướng giáo dục STEAM**

- Science: Trẻ tìm hiểu hiện tượng lọc nước, quan sát sự thay đổi của nước bản khi đi qua các lớp vật liệu

- Technology: Biết sử dụng dụng cụ lọc (chai nhựa, phễu, cốc đựng) đúng cách, an toàn

- Engineering: Trẻ thiết kế mô hình lọc nước mini bằng cách sắp xếp các lớp vật liệu theo thứ tự hợp lý.

- Art: Trang trí chai lọc nước, vẽ minh họa quá trình lọc.

- Math: Đếm số lớp vật liệu, so sánh mức nước trước và sau khi lọc

2. CHUẨN BỊ

a. Chuẩn bị của cô

Video hoặc hình ảnh mô phỏng quá trình lọc nước trong thực tế.

Vật liệu lọc: cát sạch, sỏi nhỏ, than hoạt tính, bông gòn, vải lọc.

Dụng cụ: chai nhựa cắt đôi (thân trên úp ngược làm phễu), cốc hoặc chai hứng nước, khay đựng.

Mẫu nước bẩn (pha đất, lá cây, giấy vụn nhỏ).

Bảng ghi kết quả (biểu tượng giọt nước trước và sau khi lọc).

Khăn lau, khay nhựa chống tràn.

b. Chuẩn bị của trẻ: Táp dề nhỏ, cốc nhựa, muỗng, giấy vẽ, bút sáp.

3. TIẾN HÀNH

Hoạt động của cô	Dự kiến hoạt động của trẻ
1. Engage (Khởi động, gợi hứng thú) Cho trẻ xem lại hai chai nước (một sạch, một bẩn) đã dùng ở buổi trước. ? Hôm trước, chúng mình đã nói nước nào không dùng được? ? Chúng mình làm gì để nước bẩn trở nên trong hơn? Chúng mình sẽ làm thí nghiệm lọc nước đơn giản để xem điều kỳ diệu gì xảy ra nhé!	Quan sát, nhận xét hai chai nước -Nước bẩn Nêu phương án lọc nước của trẻ Lắng nghe, hưởng ứng

2. Explore (Khám phá) a. Trước khi làm thí nghiệm ? Chúng ta đã chuẩn bị các vật liệu nào đây? ? Theo con, vật nào sẽ giúp lọc nước tốt nhất? ? Con định làm thí nghiệm này thế nào? Con cần những dụng cụ gì? ? Con đoán xem nước sẽ thế nào sau khi lọc? b. Làm thí nghiệm lọc nước Các con hãy chọn dụng cụ và vật liệu lọc nước để làm thí nghiệm nào. Cô bao quát hoạt động của trẻ, gọi mở khi cần, chụp ảnh hoạt động của trẻ. -Điều gì xảy ra khi đổ nước vào cốc lọc? -Nước ở cốc đựng có gì khác nước bẩn trong chai? 3. Explain (Giải thích) -Nước đã lọc có giống như con dự đoán không? Vì sao? - Cái gì giúp cho nước sạch hơn, vì sao? Các lớp vật liệu như sỏi, cát, than và bông gòn giúp giữ lại những cặn bẩn, hạt đất, lá cây, bụi bẩn... nên nước chảy ra trong hơn. -Vì sao nước lọc này chưa uống được? Để uống được nước ta phải đun sôi hoặc dùng máy lọc sạch hơn nữa. Cùng cố bằng video máy lọc nước.	- Cát, sỏi, than...; bông gòn, vải... Trẻ quan sát, sờ thử, dự đoán vật liệu lọc nước sạch nhất Trẻ nêu tên thí nghiệm định làm: lọc nước với cát, sỏi, than; lọc nước với bông và vải... Trẻ nêu phương án làm thí nghiệm. Dùng dụng cụ: chai nước, cốc lọc (có thùng đáy, cốc đựng... Trẻ phán đoán Trẻ lấy dụng cụ, vật liệu, tiến hành làm thí nghiệm theo nhóm. -Nước bẩn thấm qua các vật lọc, chảy xuống cốc đựng Trẻ nhận xét Trẻ nêu kết quả và giải thích: -Giống dự đoán, nước sạch hơn vì... -Nước chưa trong hơn, vì... Trẻ trả lời Lắng nghe, thể hiện cảm xúc -Vì nước chưa sạch mầm bệnh, mới chỉ lọc bớt cặn bẩn. Lắng nghe, hưởng ứng. Quan sát hoạt động của máy lọc nước
4. Elaborate ? Ở nhà con thường dùng nước từ đâu? ? Để nước tự lọc được sạch hơn, con sẽ làm thế nào? ? Làm gì để giữ nước luôn sạch? ? Chúng mình không nên làm gì để góp phần bảo vệ nước?	- Nước máy Nêu phương án khắc phục để lọc nước sạch hơn. -Kể những việc nên làm -Kể những việc không nên làm

Chúng mình cùng vẽ sơ đồ lọc nước mà hôm nay các con đã thực hiện nhé.	Vẽ sơ đồ đơn giản: “Nước bẩn → qua lớp lọc → nước trong hơn”.
Đánh giá	
Trẻ hứng thú, tích cực	☐ Tốt ☐ Đạt ☐ Cần hỗ trợ
Biết lựa chọn và sắp xếp vật liệu lọc nước	☐ Tốt ☐ Đạt ☐ Cần hỗ trợ
Biết diễn đạt hiện tượng, nêu kết quả	☐ Tốt ☐ Đạt ☐ Cần hỗ trợ
Biết liên hệ giữ gìn nguồn nước sạch	☐ Tốt ☐ Đạt ☐ Cần hỗ trợ

Hoạt động 3: Trò chơi “Ai nhanh tay lọc nước sạch”

Trẻ thực hiện chơi tại góc khám phá khoa học trong hoạt động góc.

Chia nhóm nhỏ thi đua lọc nước bằng các vật liệu có sẵn (vải, giấy lọc, bông, cát...).

Trẻ lựa chọn vật liệu và thử nghiệm – cô khuyến khích sự sáng tạo, không phán xét đúng/sai ngay.

Hoạt động 4: Tham quan/Trò chuyện với bác lao công

Trẻ thực hiện trong giờ hoạt động ngoài trời.

Mời bác lao công chia sẻ với trẻ về việc giữ nguồn nước sạch.

Trẻ đặt câu hỏi, vẽ lại những điều học được.

GIẢI ĐOẠN 3: ỨNG DỤNG – SÁNG TẠO

Chế tạo máy lọc nước mini

1. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU

a. Kiến thức

- Biết vai trò và nguyên lý đơn giản của máy lọc nước.
- Trẻ vận dụng kiến thức từ thí nghiệm lọc nước để sáng tạo mô hình “máy lọc nước mini”, thể hiện sự hiểu biết, kỹ năng hợp tác và ý thức bảo vệ nước sạch từ vật liệu quen thuộc (chai nhựa, sỏi, cát, than, bông gòn...)

b. Kỹ năng:

- Rèn kỹ năng thiết kế, chế tạo mô hình theo nhóm.
- Biết phân công công việc, hợp tác, thử nghiệm và điều chỉnh.
- Phát triển tư duy sáng tạo và năng lực trình bày ý tưởng.

c. Thái độ:

- Tích cực, chủ động trong hoạt động nhóm.
- Có ý thức giữ gìn, tiết kiệm nước và bảo vệ môi trường sạch.
- Tự hào, tự tin khi giới thiệu sản phẩm của mình.

*** Định hướng giáo dục STEAM**

- Science: Hiểu hiện tượng lọc nước, nhận biết tác dụng của từng lớp vật liệu.
- Technology: Sử dụng đúng cách các dụng cụ, vật liệu, và quan sát kết quả.
- Engineering: Thiết kế, lắp ráp mô hình “máy lọc nước mini” có cấu trúc hợp lý.

- Art: Trang trí, tạo hình sáng tạo cho máy lọc nước (vẽ, dán, phối màu).

- Math: Đếm số lớp vật liệu, so sánh kích thước chai, đo mức nước, ước lượng lượng nước lọc được.

2. CHUẨN BỊ

a. Chuẩn bị của cô

- Mẫu minh họa “máy lọc nước mini” đơn giản (làm từ chai nhựa).

- Tranh ảnh hoặc video ngắn về các loại máy lọc nước thật.

- Vật liệu:

Chai nhựa cắt đôi, phễu nhựa, ống hút.

Sỏi nhỏ, cát sạch, bông gòn, than hoạt tính, vải lọc.

Keo dán, băng dính, kéo (an toàn).

Mẫu nước bẩn để thử nghiệm.

- Nhạc nền nhẹ nhàng khi trẻ làm việc nhóm.

b. Chuẩn bị của trẻ:

- Tạp dề, khay đựng vật liệu, cốc nhựa, muống.

- Giấy vẽ, bút màu, nhãn dán trang trí.

3. TIẾN HÀNH

Hoạt động của cô	Dự kiến hoạt động của trẻ
1. Engage (Khởi động, gợi hứng thú) Cô chiếu video máy lọc nước thật. ? Hôm trước, chúng mình đã lọc nước qua vật cản. Theo con, nếu mình muốn làm “máy lọc nước” thật đẹp và gọn, ta cần làm gì? Hôm nay, mỗi nhóm sẽ chế tạo một máy lọc nước mini – mô hình đặc biệt của riêng nhóm mình nhé!	Xem video máy lọc nước Nêu phương án dự kiến
2. Explore (Khám phá) ? Chúng ta có những vật liệu gì đây? ? Cái nào nên đặt ở dưới cùng? Vì sao con chọn như vậy? ? Con đoán xem nước lọc hôm nay sẽ khác hôm trước như thế nào? Các nhóm thảo luận bản vẽ ý tưởng. Bây giờ các con hãy làm máy lọc nước mini theo bản thiết kế của nhóm mình nhé. Để giữ bản quyền máy lọc nước của nhóm mình, các con hãy dán nhãn trên máy theo tổ nhé. Cô quan sát, hỗ trợ khi cần (đảm bảo	Trẻ tự lên ý tưởng, chọn vật liệu, lắp ráp mô hình -Bông gòn, vải; cát, sỏi, than, ... Trả lời theo kinh nghiệm đã có từ buổi trước Trẻ phán đoán. Vẽ sơ lược máy lọc nước của mình. Trẻ thực hiện lắp ráp máy lọc nước, cho các lớp vật liệu vào máy, tiến hành lọc Dán nhãn: Máy lọc nước tổ 1 Máy lọc nước tổ 2 Máy lọc nước tổ 3

an toàn, không làm đổ nước).	
3. Explain (Giải thích) Mời các nhóm đặt mô hình của mình lên bàn trưng bày. Nhóm trưởng giới thiệu sản phẩm của nhóm mình nhé. ? Máy lọc nước của nhóm con làm từ vật liệu gì? ? Lớp nào giúp giữ cặn bẩn, lớp nào làm nước trong? ? Nước sau khi lọc có trong như dự đoán không? Vì sao Cô khích lệ ý tưởng, sự hợp tác, sáng tạo trong bố trí vật liệu của trẻ Các lớp vật liệu giúp ngăn bụi bẩn, rác, làm nước trong hơn — giống như máy lọc thật đó!	Trẻ trưng bày sản phẩm, chụp ảnh để lưu giữ thông tin Đại diện nhóm giới thiệu Lớp theo dõi các nhóm thuyết trình, thảo luận. Trẻ thể hiện niềm vui, tự hào với thành quả của nhóm... Lắng nghe, thể hiện cảm xúc
4. Elaborate (Mở rộng – Liên hệ thực tế, sáng tạo nghệ thuật) ? Con thấy máy lọc nước có ở đâu? ? Những máy lọc nước được sản xuất ở đâu? Con biết tên hãng máy nào? ? Ai có mơ ước thành kỹ sư thiết kế máy lọc nước hiện đại? Bây giờ, chúng mình hãy trang trí mô hình bằng giấy màu, nhãn dán, vẽ giọt nước vui vẻ để làm cho máy lọc nước của nhóm mình đẹp hơn nhé! Ngoài dán nhãn máy theo tổ, chúng mình hãy đặt tên máy lọc nước sao cho thật hấp dẫn người dùng nào! Cô hỗ trợ điền tên máy cho các nhóm ?Hôm nay, các con cảm thấy điều gì khi thiết kế máy lọc nước? Chúng mình sẽ mang sản phẩm này trưng bày trong Triển lãm nước sạch của bé nhé!	-Ở nhà, ở trường... -Sản xuất ở các nhà máy. Trẻ kể tên 1 số hãng: Máy lọc nước Hoà Phát, Kangaroo, Karofi, Toshiba, Sunhouse, Panasonic... Trẻ thể hiện ước mơ Trang trí máy lọc nước Trẻ chọn đặt tên: Giọt nước trong, Giọt nước tinh khiết, Siêu máy nước sạch... Hào hứng theo dõi cô điền tên máy, cùng đọc lại Chia sẻ cảm xúc Lắng nghe, hưởng ứng lời cô
5. Evaluate (Đánh giá – củng cố) ?Con học được điều gì sau khi làm máy lọc nước mini? ?Con thích nhất phần nào?	-Cách làm máy lọc nước sạch, tiết kiệm nước... Trẻ kể

?Con làm gì để giữ nước luôn sạch? Các con hãy vẽ lại máy lọc nước của con hoặc vẽ dòng nước trước và sau khi lọc để khuyến cáo với mọi người về việc sử dụng nước hợp lý nhé. Nhận xét – khen ngợi tinh thần sáng tạo, hợp tác của trẻ. Chụp ảnh sản phẩm vẽ của trẻ Kết thúc hoạt động bằng bài hát vui: <i>“Giọt nước tí tách”</i>	Nêu cách việc nên làm để giữ sạch nước Trẻ vẽ tranh Thể hiện cảm xúc								
Đánh giá <table border="1"> <tr> <td>Trẻ hứng thú, chủ động tham gia</td><td>☐ Tốt ☐ Đạt ☐ Cần hỗ trợ</td></tr> <tr> <td>Biết chọn và sắp xếp vật liệu hợp lý</td><td>☐ Tốt ☐ Đạt ☐ Cần hỗ trợ</td></tr> <tr> <td>Sản phẩm có tính sáng tạo, thẩm mỹ</td><td>☐ Tốt ☐ Đạt ☐ Cần hỗ trợ</td></tr> <tr> <td>Trẻ hiểu ý nghĩa giữ nước sạch</td><td>☐ Tốt ☐ Đạt ☐ Cần hỗ trợ</td></tr> </table>		Trẻ hứng thú, chủ động tham gia	☐ Tốt ☐ Đạt ☐ Cần hỗ trợ	Biết chọn và sắp xếp vật liệu hợp lý	☐ Tốt ☐ Đạt ☐ Cần hỗ trợ	Sản phẩm có tính sáng tạo, thẩm mỹ	☐ Tốt ☐ Đạt ☐ Cần hỗ trợ	Trẻ hiểu ý nghĩa giữ nước sạch	☐ Tốt ☐ Đạt ☐ Cần hỗ trợ
Trẻ hứng thú, chủ động tham gia	☐ Tốt ☐ Đạt ☐ Cần hỗ trợ								
Biết chọn và sắp xếp vật liệu hợp lý	☐ Tốt ☐ Đạt ☐ Cần hỗ trợ								
Sản phẩm có tính sáng tạo, thẩm mỹ	☐ Tốt ☐ Đạt ☐ Cần hỗ trợ								
Trẻ hiểu ý nghĩa giữ nước sạch	☐ Tốt ☐ Đạt ☐ Cần hỗ trợ								

Hoạt động tạo hình “Giọt nước vui vẻ”

Trẻ chơi trong góc Nghệ thuật của giờ Hoạt động góc
 Trẻ vẽ, nặn, hoặc cắt dán giọt nước sạch và giọt nước bẩn.
 Gắn sản phẩm thành tranh cổ động: “Bé cùng giữ nước sạch!”

Hoạt động âm nhạc – vận động “Giọt nước tí tách”

Trẻ chơi trong góc Nghệ thuật của giờ Hoạt động góc
 Trẻ hát múa, sáng tạo động tác mô phỏng dòng nước, mưa, vòi nước...
 Lòng ghép thông điệp “Yêu nước sạch – bảo vệ môi trường”.

GIẢI ĐOẠN 4: TRÌNH BÀY – CHIA SẺ KẾT QUẢ DỰ ÁN

Mục tiêu: Trẻ thể hiện kết quả học tập, phát triển kỹ năng giao tiếp, hợp tác.

Hoạt động: Tổ chức “Triển lãm Nước sạch của bé”

Trưng bày mô hình lọc nước, tranh ảnh, video ghi lại quá trình học.
 Trẻ giới thiệu sản phẩm, kể lại điều mình học được.
 Mời phụ huynh, các lớp khác tham quan.

GIẢI ĐOẠN 5: MỞ RỘNG – PHÁT TRIỂN

Mục tiêu: củng cố và mở rộng ý thức bảo vệ môi trường.

Hoạt động:

Cùng trẻ xây “Góc tuyên truyền nước sạch” trong lớp.
 Thực hiện tưới cây tiết kiệm nước.
 Xem video truyện “Giọt nước tí xíu đi du lịch”.

2. GIÁO ÁN HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ KHOA HỌC

LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC

Hoạt động: Khám phá khoa học

Chủ đề: Động vật

Đề tài: Cái đuôi giúp gì cho con vật?

Độ tuổi: 3-4 tuổi

Thời gian: 20 – 25 phút

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Trẻ nhận biết được một số con vật có đuôi (mèo, chó, cá, ngựa, khỉ, thằn lằn...).
- Biết lợi ích của cái đuôi đối với con vật: để giữ thăng bằng, thể hiện cảm xúc, để định hướng, để đuổi côn trùng, để tự vệ...

2. Kỹ năng

- Phát triển kỹ năng quan sát, so sánh và phân loại con vật.
- Biết diễn đạt suy nghĩ, nêu ý kiến cá nhân.
- Rèn kỹ năng hợp tác trong nhóm và sáng tạo trong hoạt động tạo hình.

3. Thái độ

- Hứng thú, tích cực tham gia các hoạt động.
- Yêu quý, quan tâm và biết bảo vệ động vật.

*** Định hướng STEAM:**

- Science: Quan sát, tìm hiểu chức năng của đuôi các con vật
- Technology: Sử dụng video, hình ảnh minh họa, kính lúp đồ chơi.
- Engineering: Thử thiết kế, gắn “đuôi” cho mô hình con vật bằng các vật liệu khác nhau.
- Art: Trang trí, tô màu, làm đuôi cho con vật bằng len, giấy, dây ruy băng...
- Mathematics: Đếm số con vật có đuôi, so sánh độ dài – ngắn của các loại đuôi

II. CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của cô

- Video hoặc hình ảnh động vật (mèo, chó, cá, khỉ, ngựa, bò, thằn lằn...).
- Tranh minh họa: con vật có đuôi – không có đuôi.
- Mô hình hoặc thú nhồi bông có thể tháo/gắn đuôi.
- Nguyên vật liệu tạo hình: len, dây ruy băng, ống hút, giấy màu, hồ dán, kéo an toàn.
- Nhạc nền bài hát “Đuôi em đâu rồi?” hoặc “Chú mèo con”.

2. Chuẩn bị của trẻ

- Mỗi nhóm 1 bộ mô hình con vật (thiếu phần đuôi).
- Dụng cụ tạo đuôi từ vật liệu cô chuẩn bị.

III. TIẾN TRÌNH

Hoạt động của cô	Dự kiến hoạt động của trẻ
1. Engage – Gây hứng thú Cô bật bài hát “Con mèo con”, cho trẻ vừa nghe vừa vận động bắt chước các con vật có đuôi. Cô đưa ra một số hình ảnh con vật (mèo, chó, cá, khỉ, ngựa, thằn lằn): ?Các con vật này có gì giống nhau? ?Con thấy đuôi của chúng như thế nào? Cô chỉ vào đuôi từng con vật và hỏi: “Theo con, cái đuôi giúp gì cho con vật nhĩ?” → Ghi lại các ý kiến của trẻ lên bảng (ví dụ: “đuôi ruồi”, “đi cho đẹp”, “bơi nhanh hơn”...).	Vận động theo nhạc -Đều có đuôi Trẻ mô tả Trẻ trả lời theo ý hiểu
2. Explore (Khám phá) Cô chia nhóm nhỏ, cho trẻ quan sát video “Cái đuôi của các con vật hoạt động như thế nào?”. Cô chụp ảnh trẻ tham gia khám phá theo nhóm Trẻ giới thiệu kết quả quan sát, cô ghi chép thông tin. ? Con vật nào dùng đuôi để đuổi ruồi? ? Con vật nào có đuôi để giữ thăng bằng? ?Con vật nào dùng đuôi để bơi? ?Con vật nào dùng đuôi thể hiện cảm xúc? ?Con vật nào tự ngắt đuôi để thoát nạn? Vận động chuyển tiếp: cô giơ hình con vật, trẻ mô phỏng hành động tương ứng: mèo, chó, cá, khỉ, bò...	Chia nhóm nhỏ, quan sát video cái đuôi con vật theo nhóm: - Nhóm 1: đuôi mèo giữ thăng bằng khi rơi từ cao xuống, đập đuôi khi tức giận; đuôi chó vẫy khi vui mừng, cúp khi sợ, rủ xuống khi buồn... - Nhóm 2: đuôi cá rẽ nước khi bơi đổi hướng; đuôi khỉ quăn vào cành cây khi leo trèo - Nhóm 3: đuôi ngựa và bò đuôi côn trùng cắn chân, cắn mình nó - Nhóm 4: đuôi thằn lằn, thạch sùng tự rụng khi gặp nạn, vẫn ngoe nguẩy sau khi rụng -Bò, ngựa -Mèo, khỉ -Cá -Chó, mèo -Thằn lằn, thạch sùng Trẻ đứng dậy mô phỏng vận động đuôi của con vật

3. Explain (Giải thích) ?Cái đuôi giúp con vật làm gì? ?Nếu con vật không có đuôi thì chuyện gì xảy ra? Cái đuôi rất quan trọng, nó giúp con vật giữ thăng bằng, xua đuổi côn trùng, thể hiện cảm xúc, bơi và leo trèo dễ dàng hơn...	Kể các tác dụng của đuôi với con vật Trẻ dự đoán tác hại nếu con vật không có đuôi Lắng nghe, thể hiện cảm xúc
4. Elaborate (Mở rộng) Các con hãy cùng nhau chế tạo và gắn đuôi cho các con vật trong hộp của nhóm mình nhé! ?Con làm đuôi này như thế nào? Chúng mình nên làm gì, không được làm gì để bảo vệ cái đuôi của con vật?	Trẻ chọn vật liệu (len, giấy, dây ruy băng...) để tạo và gắn “đuôi”. Trang trí, đặt tên cho chiếc đuôi (đuôi dài, đuôi cong, lấp lánh...). Trẻ được dùng camera chụp ảnh các sản phẩm Trả lời theo ý trẻ Kể việc nên làm, không nên làm
5. Evaluate – đánh giá, củng cố ? Cái đuôi giúp con vật làm gì? ? Con vật nào có đuôi dài nhất? ? Con thích cái đuôi của con vật nào nhất? Vì sao? Cho trẻ trưng bày sản phẩm “Chiếc đuôi sáng tạo” và cùng nhận xét. Cô tuyên dương, khuyến khích trẻ yêu quý và chăm sóc động vật. Chụp ảnh sản phẩm trưng bày của trẻ gửi cho phụ huynh. Kết thúc bằng trò chơi “Con vật nào mất đuôi”.	Trẻ trả lời theo kinh nghiệm Bò có đuôi dài nhất Trẻ trả lời và dài thích lý do thích Trưng bày sản phẩm ở góc tuyên truyền

LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC

Hoạt động: Khám phá khoa học

Chủ đề: Bản thân

Đề tài: Phân loại món ăn của bé

Độ tuổi: 5-6 tuổi

Thời gian: 30 – 35 phút

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Trẻ biết tên gọi, đặc điểm và lợi ích của một số món ăn hàng ngày.
- Trẻ xác định được:
 - + Món ăn đủ: cơm, rau, thịt, cá, trứng, sữa, hoa quả...
 - + Món ăn ít: bánh kẹo, sữa chua, đồ chiên rán...
 - + Món không nên ăn: xúc xích, bim bim, thịt viên xiên ...
 - + Món không được ăn: đồ hỏng, hết hạn, nấm độc, đồ chưa nấu chín...

2. Kỹ năng

- Phát triển kỹ năng quan sát, so sánh, phân loại món ăn theo tác dụng, tác hại; bước đầu có suy luận đơn giản.
- Hoạt động nhóm, lựa chọn thức ăn theo ích lợi, tác hại. Hình thành tư duy thiết kế, sáng tạo món ăn và thực đơn.
- Giao tiếp: Mô tả, trình bày về các nhóm đối tượng...

3. Thái độ

- Hình thành thói quen ăn uống lành mạnh, biết quý trọng bữa ăn.
- Biết chia sẻ và hợp tác trong hoạt động nhóm.
- Tích cực tham gia hoạt động khám phá các nhóm món ăn

* Định hướng STEAM:

- **Science:** Khám phá nhóm thực phẩm có lợi và không có lợi cho sức khỏe. Tìm hiểu lí do phân nhóm món ăn.
- **Technology:** Làm quen với sử dụng điện thoại chụp ảnh sản phẩm hoạt động (tháp dinh dưỡng, thực đơn 3 bữa)
- **Engineering:** Sử dụng thành thực các đồ dùng học tập; thiết kế tháp dinh dưỡng, thực đơn 3 bữa bằng các loto.
- **Art:** Hát và vận động theo nhạc, trình bày tháp dinh dưỡng, thực đơn 3 bữa trên giấy, trang trí phù hợp.
- **Mathematics:** Đếm số món ăn trong từng nhóm, số tầng tháp dinh dưỡng, số bữa... So sánh lượng ăn: “Cái nào ăn nhiều hơn / ít hơn?”, kích thước các tầng tháp tương ứng các nhóm món ăn...

II. CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của cô

- Loto món ăn theo nhóm: (1) Nên ăn hết suất, (2) Ăn ít thôi, (3) Không nên ăn, (4) Không được ăn
- Nhạc bài hát “Thật đáng chê”, “Chiếc bụng đói”

2. Chuẩn bị của trẻ

- Loto các món ăn theo các nhóm, keo dán
- Mỗi nhóm 1 bàn tròn, giấy A3 để trẻ dán loto món ăn theo nhóm.

- Mỗi nhóm có 1 phiếu học tập có hình khung tháp dinh dưỡng.
- Mỗi nhóm có 1 sơ đồ thực đơn 3 bữa:

 – Bữa sáng	 – Bữa trưa	 - Bữa tối
1.	1.	1.
2.	2.	2.
3.	3.	3.

- Trẻ thuộc bài hát và vận động theo nhạc bài *Thật đáng chê, Chiếc bụng đói* hiểu nội dung bài hát.

III. TIẾN TRÌNH

Hoạt động của cô	Dự kiến hoạt động của trẻ
1. Engage – Gây hứng thú Mở nhạc bài Thật đáng chê ? Vì sao bạn Cò lại thật đáng chê? ? Điều gì đã xảy ra với bạn Cò? ? Chúng mình cần ăn uống như thế nào cho mạnh khỏe, mau lớn và không bị ốm? Hôm nay chúng mình cùng khám phá ‘Các món ăn của bé’ để phân loại món nào theo lợi ích của chúng nhé!	Trẻ tập trung đến bên cô Vận động theo nhạc - Giữa trưa nắng Cò đi lội nước, uống nước lã rồi lại ăn quả xanh - Cò đau bụng Trẻ trả lời theo ý hiểu Trẻ hưởng ứng, thể hiện cảm xúc
2. Explore – Khám phá -Cô có 4 hộp quà, cô mời chúng mình chia thành 4 đội, mỗi đội sẽ được tặng 1 hộp quà. - Nhiệm vụ của chúng ta: 1 là kiểm tra xem trong hộp có những món ăn gì, 2 là tìm ra điểm chung nhất giữa những món ăn này, 3 là đặt tên nhóm món ăn đó. Các con hãy dán các món ăn đó lên phiếu học tập nhé. Cô bao quát hoạt động của trẻ, kịp thời hỗ trợ khi trẻ cần, nhắc trẻ thực hiện đủ 3 nhiệm vụ khám phá. Chụp ảnh hoạt động phân nhóm của trẻ. - Cô mời lần lượt các đội lên giới thiệu nhóm món ăn của đội mình.	Trẻ chia thành 4 nhóm. Đại diện mỗi nhóm lên nhận hộp quà mang về bàn của nhóm mình Các nhóm mở hộp quà, khám phá tên các món ăn, tìm ra điểm chung, đặt tên nhóm. Dán vào phiếu. Trẻ giới thiệu: Đội 1: Chúng tôi có các món cơm, canh, cá, thịt, trứng, sữa, quả... Bố mẹ và cô giáo nhắc ăn hàng ngày. Là <i>những món nên ăn hết suất</i>. Đội 2: Bánh, kẹo, khoai tây chiên, gà rán... Rất ngon, rất thích nhưng bố mẹ không cho ăn nhiều... Tên là <i>những món ăn vừa phải</i>. Đội 3: Bim bim, xúc xích, que cay, thịt viên xiên... Bố mẹ thường khuyên không ăn. Là <i>những món không nên ăn</i> Đội 4: Bánh mứt, gỏi cá, tiết canh, nấm độc, sữa chua quá hạn... Bố mẹ thường không cho ăn. Là <i>món không được ăn</i>
3. Explain – Giải thích -Vì sao các món của đội 1 là món	-Các món ăn này giúp cơ thể có đủ chất

nên ăn hết suất? Con còn biết những món nào nên ăn hết suất? - Vì sao món của đội 2 chỉ nên ăn vừa phải? Còn món nào khác nữa? - Tại sao món của đội 3 lại không nên ăn? -Mời các con giải thích tên món ăn của đội 4. Con còn biết món nào có hại như vậy nữa? Cô ghi chép các câu giải thích của trẻ.	dinh dưỡng để lớn lên và mạnh khỏe. Các món rau, cháo, xôi, bánh mì pate... -Các món này ngon nhưng nhiều đường, nhiều chất béo, nếu ăn nhiều dễ béo phì, sâu răng... Bánh piza, kem, bánh rán... -Các món này nhiều muối, nhiều đường, có chất bảo quản, chất tạo màu... gây bệnh cho cơ thể, hại gan, hại dạ dày... Món khác như thạch nhiều màu, bỏng ngô, mì tôm, kẹo dẻo... - Các món này có mầm bệnh như vi khuẩn, nấm mốc... nếu ăn vào sẽ đau bụng, gây bệnh, gây ngộ độc. Món khác như thức ăn thiu, thức ăn có mùi chua, mùi hôi khó chịu...
Vận động chuyển tiếp Có một bài hát rất vui về bạn nhỏ đói bụng, muốn ăn thật nhiều món ngon. Chúng mình cùng vận động theo bài hát đó nào! Dù bụng đói nhưng chúng mình nên nhớ ăn uống như thế nào cho khỏe? (Bao quát, sửa sai nếu có)	Vận động theo nhạc Chiếc bụng đói Trẻ trả lời theo ý hiểu.
4. Elaborate – Mở rộng - Ngoài cách phân loại món ăn theo lợi ích và lượng thức ăn, các con còn phân chia thức ăn theo các cánh nào khác? - Cô có 4 khung tháp dinh dưỡng, cô mời 4 đội hãy thảo luận và sắp xếp thức ăn theo các tầng tháp sau đó giới thiệu cho cô và các bạn cùng nghe cách sắp xếp của mình nhé Cô ghi tên nhóm trẻ lên sản phẩm. Mời đại diện nhóm chụp sản phẩm tháp dinh dưỡng của mỗi nhóm.	- Chia theo chất dinh dưỡng: chất bột đường, chất béo, chất đạm, xơ và vitamin... - Chia theo cách chế biến: Ăn chín, ăn sống... Trẻ thảo luận (tháp hình tam giác, tầng dưới cùng to nhất, tầng trên cùng bé nhất), xếp tháp dinh dưỡng, giới thiệu: * Tầng 1 - món ăn hết suất (to nhất), tầng 2 - ăn vừa phải (bé hơn), tầng 3 - không nên ăn (bé hơn nữa), tầng 4 - không được ăn (bé nhất). * Tầng 1 – cơm, cháo, xôi... (bột đường), tầng 2 - rau quả (xơ, vitamin) , tầng 3 – cá thịt trứng (chất đạm) , tầng 4 khoai tây chiên, gà rán... (chất béo) ...

5. Evaluate – Đánh giá, củng cố, giáo dục. - Hôm nay con biết thêm điều gì về các món ăn? - Con sẽ ăn như thế nào để luôn khỏe mạnh? - Chúng mình cùng nhau chọn thực đơn cho 3 bữa ăn lành mạnh trong một ngày nào! Cùng trẻ loại món ăn không phù hợp ở mỗi thực đơn. Ghi tên nhóm trẻ lên thực đơn. Mời đại diện nhóm chụp thực đơn của mỗi nhóm đã lập. Khen ngợi trẻ. Kết thúc: Cô sẽ gửi cho bố mẹ các con các bức ảnh về phiếu học tập, tháp dinh dưỡng, phiếu thực đơn của các con. Chúng mình nhớ nhắc bố mẹ cho chúng mình ăn hết suất những món ăn có lợi, ăn ít những món dễ gây béo phì và sâu răng, không ăn những món có hại nhé!	Trẻ trả lời theo ý hiểu Ăn hết suất những thức ăn có lợi cho cơ thể.... Trẻ sắp xếp các món ăn theo thực đơn 3 bữa Cùng cô thảo luận Thể hiện cảm xúc Hưởng ứng lời cô
---	--

PHỤ LỤC 5

THỰC TRẠNG KỸ NĂNG TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KPKH - NHÓM ĐỐI CHỨNG (D14MN1)

Mã sinh viên	Lập kế hoạch							Tạo môi trường giáo dục							Triển khai hoạt động KPKH							Phối hợp với trẻ và gia đình							KN đánh giá							Σ	Xếp loại		
	CS1	CS2	CS3	CS4	CS5	$\overline{X}$	XL	CS1	CS2	CS3	CS4	CS5	$\overline{X}$	XL	CS1	CS2	CS3	CS4	CS5	CS6	$\overline{X}$	XL	CS1	CS2	CS3	CS4	CS5	CS6	$\overline{X}$	XL	CS1	CS2	CS3	CS4	CS5			$\overline{X}$	XL
D14MN01	5	5	4	4	4	4.4	T	5	5	4	4	3	4.2	T	5	4	5	4	5	5	4.7	T	5	5	3	0	3	3	3.17	TB	5	4	4	5	5	4.6	T	21.0	T
D14MN02	5	5	4	4	2	4.0	K	5	4	4	4	3	4	K	5	4	4	3	4	4	4	K	5	4	3	0	3	3	3	TB	4	3	3	4	4	3.6	K	18.6	K
D14MN03	5	5	4	4	2	4.0	K	4	4	4	3	2	3.4	K	4	4	5	3	4	4	4	K	5	4	3	0	3	2	2.83	TB	3	3	3	4	4	3.4	K	17.6	K
D14MN04	4	4	3	2	2	3.0	TB	4	4	3	3	2	3.2	TB	4	4	3	3	4	3	3.5	K	4	4	1	0	2	2	2.17	Y	3	2	3	2	3	2.6	TB	14.5	TB
D14MN05	4	4	4	4	2	3.6	K	4	4	3	3	2	3.2	TB	4	4	3	3	4	3	3.5	K	4	4	1	0	2	2	2.17	Y	3	2	3	4	4	3.2	TB	15.7	TB
D14MN06	3	3	3	2	2	2.6	TB	4	3	3	3	2	3	TB	3	3	3	3	4	3	3.2	TB	3	3	3	0	2	2	2.17	Y	3	3	1	2	3	2.4	Y	13.3	TB
D14MN07	5	4	4	4	2	3.8	K	4	4	4	3	2	3.4	K	5	4	5	3	5	4	4.3	T	5	4	3	1	3	2	3	TB	3	3	3	3	4	3.2	TB	17.7	K
D14MN08	4	4	3	3	2	3.2	TB	3	3	3	2	2	2.6	TB	4	3	3	0	2	1	2.2	Y	3	3	1	0	1	1	1.5	RY	3	1	1	2	2	1.8	Y	11.3	Y
D14MN09	3	3	3	3	2	2.8	TB	3	3	3	2	2	2.6	TB	3	3	3	0	2	1	2	Y	2	2	1	0	1	1	1.17	RY	2	1	1	2	2	1.6	RY	10.2	Y
D14MN10	5	4	4	4	2	3.8	K	4	4	4	3	2	3.4	K	4	4	4	3	5	4	4	K	4	4	3	0	3	2	2.67	TB	4	3	3	4	4	3.6	K	17.5	K
D14MN11	4	4	4	4	3	3.8	K	4	4	4	3	3	3.6	K	4	4	4	3	4	3	3.7	K	4	3	1	0	3	3	2.33	Y	4	3	3	4	4	3.6	K	17.0	K
D14MN12	5	4	4	4	2	3.8	K	5	4	4	3	3	3.8	K	5	4	5	3	5	4	4.3	T	4	4	2	0	2	2	2.33	Y	4	3	3	3	4	3.4	K	17.7	K
D14MN13	4	4	4	2	2	3.2	TB	4	4	3	1	2	2.8	TB	4	4	5	2	3	1	3.2	TB	3	3	3	0	1	1	1.83	Y	3	2	2	2	3	2.4	Y	13.4	TB
D14MN14	4	3	3	2	1	2.6	TB	3	3	3	1	3	2.6	TB	4	4	3	3	2	3	3.2	TB	3	4	1	0	2	2	2	Y	3	3	3	2	3	2.8	TB	13.2	TB
D14MN15	3	3	3	2	1	2.4	Y	3	3	3	2	2	2.6	TB	3	3	3	2	4	3	3	TB	4	3	1	0	3	1	2	Y	3	3	2	3	4	3	TB	13.0	TB
D14MN16	3	3	3	2	1	2.4	Y	3	3	3	2	2	2.6	TB	3	3	3	2	4	3	3	TB	4	3	1	0	3	1	2	Y	3	3	2	3	4	3	TB	13.0	TB
D14MN17	4	3	3	2	2	2.8	TB	4	3	3	2	2	2.8	TB	3	3	3	2	4	3	3	TB	3	4	2	0	1	1	1.83	Y	3	3	2	2	4	2.8	TB	13.2	TB
D14MN18	4	3	3	2	1	2.6	TB	3	3	3	1	3	2.6	TB	4	4	3	3	2	3	3.2	TB	3	4	1	0	1	2	1.83	Y	3	3	2	3	4	3	TB	13.2	TB
$\overline{X}$						3.55	K						3.33	TB							3.55	K						2.38	Y						3.05	TB	15.85	TB	
δ						0.57							0.50								0.83							0.64						0.88	3.27				

THỰC TRẠNG KỸ NĂNG TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KPKH - NHÓM THỰC NGHIỆM (D6LTMN)

Mã sinh viên	Lập kế hoạch							Tạo môi trường giáo dục							Triển khai hoạt động KPKH							Phối hợp với trẻ và gia đình							KN đánh giá							Σ	Xếp loại		
	CS1	CS2	CS3	CS4	CS5	$\overline{X}$	XL	CS1	CS2	CS3	CS4	CS5	$\overline{X}$	XL	CS1	CS2	CS3	CS4	CS5	CS6	$\overline{X}$	XL	CS1	CS2	CS3	CS4	CS5	CS6	$\overline{X}$	XL	CS1	CS2	CS3	CS4	CS5			$\overline{X}$	XL
LT6MN1	4	4	3	4	2	3.4	K	4	4	3	3	2	3.2	TB	4	4	4	4	3	1	3.3	TB	3	4	1	1	2	2	2.17	Y	2	3	1	4	4	2.8	TB	14.9	TB
LT6MN2	4	4	3	4	2	3.4	K	4	4	3	3	2	3.2	TB	4	4	4	4	3	1	3.3	TB	3	4	1	1	2	2	2.17	Y	2	3	1	4	4	2.8	TB	14.9	TB
LT6MN3	3	3	3	2	2	2.6	TB	3	3	3	1	2	2.4	Y	3	3	3	3	3	1	2.7	TB	3	3	1	1	1	1	1.67	RY	3	1	1	3	3	2.2	Y	11.5	Y
LT6MN4	4	4	3	4	2	3.4	K	4	4	3	3	2	3.2	TB	4	4	4	4	3	1	3.3	TB	3	4	1	1	2	2	2.17	Y	3	3	1	4	4	3	TB	15.1	TB
LT6MN5	4	4	3	4	2	3.4	K	4	4	3	3	2	3.2	TB	4	4	4	4	3	1	3.3	TB	3	4	1	1	2	2	2.17	Y	3	3	3	3	4	3.2	TB	15.3	TB
LT6MN6	3	3	3	2	2	2.6	TB	3	3	3	1	2	2.4	Y	3	3	3	3	3	1	2.7	TB	3	3	1	1	1	1	1.67	RY	3	3	1	2	2	2.2	Y	11.5	Y
LT6MN7	4	4	4	3	2	3.4	K	4	4	4	3	2	3.4	K	5	4	4	4	4	2	3.8	K	4	4	3	1	3	3	3	TB	3	3	3	4	5	3.6	K	17.2	K
LT6MN8	4	4	4	3	2	3.4	K	4	4	4	3	2	3.4	K	5	4	4	4	4	2	3.8	K	4	4	3	1	3	3	3	TB	3	3	3	4	5	3.6	K	17.2	K
LT6MN9	3	2	2	2	1	2.0	Y	3	3	3	1	2	2.4	Y	3	3	3	3	3	1	2.7	TB	3	3	1	1	1	1	1.67	RY	3	2	2	2	3	2.4	Y	11.1	Y
LT6MN10	3	3	2	2	1	2.2	Y	3	3	3	1	2	2.4	Y	3	3	3	3	3	1	2.7	TB	3	3	1	1	1	1	1.67	RY	3	2	2	2	3	2.4	Y	11.3	Y
LT6MN11	4	4	4	3	2	3.4	K	4	4	4	3	2	3.4	K	5	4	4	4	4	2	3.8	K	4	4	3	1	3	3	3	TB	3	3	3	4	5	3.6	K	17.2	K
LT6MN12	3	2	2	2	1	2.0	Y	3	2	3	1	2	2.2	Y	3	3	3	2	2	1	2.3	Y	3	3	1	1	1	1	1.67	RY	2	1	1	2	3	1.8	Y	10.0	Y
LT6MN13	3	2	2	1	1	1.8	Y	3	2	3	1	2	2.2	Y	3	3	3	2	2	1	2.3	Y	3	3	1	1	1	1	1.67	RY	2	1	1	2	3	1.8	Y	9.8	Y
LT6MN14	3	2	3	2	3	2.6	TB	4	4	4	2	3	3.4	K	4	4	3	3	3	1	3	TB	3	4	1	1	2	2	2.17	Y	4	4	3	2	3	3.2	TB	14.4	TB
LT6MN15	4	3	2	2	2	2.6	TB	3	2	3	1	2	2.2	Y	3	3	3	2	2	1	2.3	Y	3	3	1	1	1	1	1.67	RY	2	1	1	2	3	1.8	Y	10.6	Y
LT6MN16	4	3	2	2	2	2.6	TB	3	2	3	1	2	2.2	Y	3	3	3	2	2	1	2.3	Y	3	3	1	1	1	1	1.67	RY	2	1	1	2	3	1.8	Y	10.6	Y
LT6MN17	4	4	4	3	2	3.4	K	4	3	4	3	2	3.2	TB	4	4	4	4	4	1	3.5	K	4	4	3	1	3	3	3	TB	4	4	3	4	5	4	K	17.1	K
LT6MN18	4	3	2	2	2	2.6	TB	4	4	3	2	3	3.2	TB	4	4	3	3	3	1	3	TB	4	4	1	1	2	2	2.33	Y	4	3	3	3	3	3.2	TB	14.3	TB
LT6MN19	3	3	3	2	2	2.6	TB	4	4	3	2	3	3.2	TB	4	4	3	3	3	1	3	TB	4	4	1	1	2	2	2.33	Y	4	3	3	3	3	3.2	TB	14.3	TB
LT6MN20	3	3	3	2	2	2.6	TB	4	4	3	2	3	3.2	TB	4	4	3	3	3	1	3	TB	4	4	1	1	2	2	2.33	Y	4	3	3	3	3	3.2	TB	14.3	TB
LT6MN21	4	4	4	3	2	3.4	K	4	4	4	3	3	3.6	K	4	4	4	4	4	1	3.5	K	4	4	3	1	3	3	3	TB	4	3	3	4	4	3.6	K	17.1	K
LT6MN22	4	4	4	3	2	3.4	K	4	4	4	3	3	3.6	K	4	4	4	4	4	1	3.5	K	4	4	3	1	3	3	3	TB	4	3	3	4	4	3.6	K	17.1	K
$\overline{X}$						3.02	TB						2.96	TB							3.23	TB						2.21	Y						2.89	TB	14.31	TB	
δ						0.55							0.45								0.49							0.55						0.55		2.50			

THỰC NGHIỆM KỸ NĂNG TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KPKH - NHÓM ĐỐI CHỨNG (D14MN1)

THỰC NGHIỆM KỸ NĂNG TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KPKH - NHÓM THỰC NGHIỆM (D6LTMN)22